

# Thánh Edith Stein, cuộc đời và các trước tác về phụ nữ

Vũ Văn An  
18/Sep/2021

## 1. Cuộc đời

Rất nhiều bài viết đã trình bày rộng rãi về Thánh nữ Edith Stein. Trang mạng của Tòa Thánh cũng đã có một tiểu sử khá chi tiết về ngài. Theo đó, ngài có tên chính thức là Teresa Benedicta Thánh giá, tên ngài lấy lúc nhập dòng Cátminh. Trang mạng dành cho ngài ba tước hiệu: nữ tu, Nữ Cátminh không mang giày, tử đạo.



Ngày 1 tháng 5, 1987, khi phong chân phúc cho ngài tại Cologne, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói rằng:

"Chúng ta cúi đầu trước chứng từ cuộc đời và cái chết của Edith Stein, người con gái xuất chúng của Israel và đồng thời là người con gái của Dòng Cátminh, Nữ tu Teresa Benedicta Thánh giá, một nhân cách từng kết hợp trong cuộc sống phong phú của mình một tổng hợp đầy bi hùng của thế kỷ ta. Đó là một tổng hợp lịch sử đầy các vết thương sâu hoắm vẫn còn đang làm chúng ta đau đớn... và cũng là một tổng hợp của sự thật trọn vẹn về con người. Tất cả những điều này kết hợp với nhau trong trái tim đơn nhất mãi tồn tại và không thoả mãn cho tới khi tìm được nghỉ ngơi trong Thiên Chúa".

Câu phát biểu trên khiến ta nhớ tới Thánh Augustinô. Nhưng Edith Stein là ai?

Ngài sinh tại Breslau, Prussia (nay là Wrocław, Ba Lan), ngày 12 tháng 10, 1891, con gái út trong gia đình có 11 người con, đúng ngày gia đình mừng lễ Yom Kippur, ngày lễ Xá tội, vốn là ngày lễ quan trọng nhất của người Do Thái. Điều này càng làm bà mẹ quý yêu người con gái út, và đối với chúng ta, quả đã phủ một cái bóng đầy ý nghĩa lên cuộc đời của người Nữ Cátminh tương lai.

Cha Edith, có hãng kinh doanh ngành gỗ, qua đời khi Edith vừa mới lên hai. Mẹ ngài, một phụ nữ sùng đạo, chăm chỉ làm ăn, đầy ý chí và thực sự tuyệt diệu, nay phải tự đấu tranh cho chính bản thân và trông coi gia đình cùng quản lý thương nghiệp to lớn chồng để lại. Tuy

nhiên, bà đã không thành công trong việc duy trì đức tin sống động trong lòng con cái. Edith mất đức tin vào Thiên Chúa. Ngài viết: “Tôi quyết định một cách đầy ý thức, do chính ý chí của tôi, sẽ không cầu nguyện nữa”.

Edith học tại trường địa phương và sau đó học tại Victoria Gymnasium ở Breslau để chuẩn bị vào Đại Học. Sau khi tốt nghiệp hạng nhất năm 1911, Edith ghi danh tại Đại Học Breslau để học tiếng Đức và lịch sử, mặc dù đây chỉ là chuyên com áo. Ý thích thực sự của Edith là triết học và các vấn đề phụ nữ. Ngài trở thành hội viên của Hội Đòi Quyền Bỏ Phiếu Cho Phụ Nữ Phổ. Sau này, ngài viết “Khi tôi còn học trung học và trong các năm đầu tại Đại Học, tôi là một người tranh đấu triệt để cho quyền bỏ phiếu. Sau đó, tôi mất hết ý thích trong vấn đề này. Giờ đây, tôi chỉ lo tìm các giải đáp hoàn toàn thực tiễn”.

Tại Đại Học Breslau, Edith có những giáo sư như William Stern và Richard Höningwald. Một giáo sư khác, Georg Moskiewicz, giới thiệu Edith đọc cuốn *Logical Investigations* của Husserl và nhận xét rằng ở Göttingen, các sinh viên ngày đêm nói chuyện triết học và chỉ nói về hiện tượng luận. Bị lôi cuốn, Edith chuyển về học tại Göttingen năm 1913 và trở thành học trò và phụ tá giảng dạy của Husserl. Lúc đó, bất cứ ai lưu ý tới triết học đều phấn khởi trước quan điểm mới của Husserl về thực tại qua đó, thế giới, như chúng ta tri nhận, không nhất thiết hiện hữu theo lối của Kant, tức là chỉ có trong tri nhận chủ quan của chúng ta. Các môn sinh của ông coi triết học của ông như việc quay về với đối tượng: “trở về với sự vật”. Hiện tượng luận của Husserl vô tình đã đưa khá nhiều môn sinh của ông tới đức tin Kitô giáo. Cùng một lúc, tại Göttingen, Edith cũng gặp triết gia Max Scheler, người sẽ khiến Edith lưu ý tới Đạo Công Giáo Rôma. Tuy nhiên, Edith không quên chuyện “com áo” và đã tốt nghiệp bậc cử nhân với hạng ưu vào tháng giêng năm 1915, mặc dù không tiếp tục học ngành dạy học nữa.

Khi Thế chiến I bùng nổ, ngài theo một khóa huấn luyện làm y tá và đi phục vụ tại một bệnh viện dã chiến của Áo. Đây là thời kỳ khó khăn đối với ngài: ngài trông coi người bệnh ở khu bệnh sốt phát ban (typhus), làm việc tại phòng mổ, và được chứng kiến nhiều người trẻ lia đời. Khi bệnh viện bị giải tán vào năm 1916, ngài theo Husserl tới thành phố Freiburg của Đức, tại đây, ngài xin Husserl bảo trợ để viết luận án tiến sĩ về hiện tượng luận, nhưng phản ứng nguyên khởi của vị này là ngài nên dự kỳ thi dạy học của nhà nước. Tuy vậy, được bạn là Reinach khuyến khích, Edith đã hoàn tất luận án vào mùa hè 1916 và tốt nghiệp hạng tối ưu (summa cum laude) với luận văn tựa là *Das Einfühlungsproblem in seiner historischen Entwicklung und in phänomenologischer Betrachtung* (Vấn đề Tương cảm [empathy] như Đã được Khai triển trong Lịch sử và Được Xem xét về Phương diện Hiện tượng luận), mà một phần được xuất bản thành cuốn *Zum Problem der Einfühlung* (Về Vấn đề Tương Cảm; Stein 1917).

Từ tháng 10 năm 1916, ngài là phụ tá đầu tiên có ăn lương của Husserl cho đến tháng hai năm 1918, khi ngài từ chức vì thất vọng. Ngài chép lại và hiệu đính, với nhiều đóng góp lớn, các bản nghiên cứu viết tay của Husserl, trong đó có cuốn *Ideas II* (cuối cùng đã xuất bản năm 1952), và cuốn *Lectures on the Consciousness on Internal Time* (1905–1917), mà cuối cùng đã được Heidegger mang in vào năm 1928 (chỉ thừa nhận rất ít phần đóng góp của ngài). Trong lá thư gửi cho bạn là Ingarden, ngài tiết lộ rằng ngài không thể nào làm Husserl lưu ý đến các duyệt xét của ngài.

Trong thời gian trên, ngài đi ngang qua Nhà thờ Chính tòa Frankfurt và thấy một người đàn bà với chiếc giỏ đi chợ rẽ vào nhà thờ quỳ gối cầu nguyện trong chốc lát. “Đó là một điều hoàn toàn mới đối với tôi. Ở các hội đường và nhà thờ Thệ Phán tôi thấy người ta chỉ đi tham

dự các buổi lễ. Còn ở đây, tôi thấy có người từ chỗ chợ búa ồn ào đi thẳng vào ngôi nhà thờ trống rỗng này, như thể sắp dự một cuộc chuyện văn thân mật. Đó là điều tôi không bao giờ quên”. Và về cuối luận văn của mình, ngài viết: “Có những người tin rằng một thay đổi bất ngờ đã diễn ra trong họ và điều này là kết quả của ơn sung Thiên Chúa”. Làm thế nào ngài có được một kết luận như thế?

Cái duyên của Edith là bằng hữu Kitô giáo. Từ lâu ngài vốn là bạn thân của người phụ tá Husserl, Adolf Reinach và vợ ông. Khi Reinach hy sinh ở chiến trường Flanders tháng 11 năm 1917, Edith tới Göttingen để viếng thăm quả phụ của ông. Vợ chồng Reinach vốn đã trở lại Thệ Phán. Thoạt đầu, Edith e ngại gặp người góa phụ trẻ, nhưng hết sức ngạc nhiên khi được gặp một người đàn bà của đức tin. “Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với Thập giá và sức mạnh thần linh được nó ban bố cho những ai mang nó... Đó là khoảnh khắc khi lòng bất tín của tôi sụp đổ và Chúa Kitô bắt đầu chiếu ánh sáng của Người trên tôi – Chúa Kitô trong mẫu nhiệm Thập giá”.

Sau này, ngài viết “Sự việc nằm trong kế hoạch Thiên Chúa mà chính tôi không hề dự kiến chi cả. Tôi tiến tới một đức tin và một xác tín sống động rằng, theo quan điểm của Thiên Chúa, không hề có sự may rủi và trọn cuộc sống tôi, cho đến từng chi tiết, đều đã được lên bản đồ trong sự quan phòng thần linh của Thiên Chúa và có đầy đủ ý nghĩa hoàn hảo trong đôi mắt nhìn thấy mọi sự của Thiên Chúa”.

Như trên đã nói, mùa Thu năm 1918, Edith rời bỏ chức phụ tá cho Husserl. Ngài muốn làm việc độc lập. Cho tới mãi năm 1930, ngài mới gặp lại Husserl sau khi đã trở lại, và ngài chia sẻ đức tin của ngài với ông, vì ngài muốn ông cũng trở thành một Kitô hữu. Chính lúc đó, ngài viết: “Mỗi lần tôi cảm thấy sự bất lực và thiếu khả năng ảnh hưởng đến ai một cách trực tiếp, tôi đều ý thức sắc nét hơn đến việc cần thiết tôi phải hiến tế”.

Cũng như trên đã nói, trong thời gian này, ngài muốn có được chức giáo sư Đại Học, một mục tiêu lúc ấy bất khả đối với phụ nữ. Husserl không thiết tha lắm khi viết lời giới thiệu ngài như sau: “Nếu nghề nghiệp khoa bảng được mở cho các quý bà, thì tôi giới thiệu cô hết lòng và như chọn lựa thứ nhất của tôi để được nhận làm giáo sư Đại Học”. Sau đó, ngài bị bác chức giáo sư là vì ngài là người Do Thái.

Rời bỏ Husserl, ngài trở lại Breslau. Ở đây, ngài viết một nghiên cứu lớn dự tính làm luận án thạc sĩ, *Beiträge zur philosophischen Begründung der Psychologie und der Geisteswissenschaften* [Các Đóng góp vào Nền tảng Triết học của Tâm lý học và các khoa nhân văn] (1922), đăng trong *Jahrbuch* [niên giám] của Husserl. Ngoài ra, ngài cũng đọc Tân Ước, Kierkegaard và Linh Thao của Thánh Inhaxiô thành Loyola. Ngài cảm thấy người ta không thể chỉ đọc một cuốn sách như thế này mà phải đem nó ra thực hành.

Mùa hè năm 1921, ngài sống vài tuần ở Bergzabern, tại trang trại của Hedwig Conrad-Martius, một học trò khác của của Husserl. Hedwig cùng với chồng đã trở lại Thệ Phán. Một tối kia, tại trang trại này, ngài lượm cuốn tự truyện của Thánh Teresa thành Avila và đọc nó thâu đêm suốt sáng. “Khi đọc hết cuốn sách, tôi bảo mình: Đây quả là sự thật”. Sau này, nhìn cuộc đời trở lui, ngài viết: “lòng khao khát sự thật của tôi chỉ là một lời cầu nguyện đơn nhất”.

Ngày 1 tháng 1 năm 1922, Edith Stein chịu phép rửa. Đúng ngày Lễ Cắt Bì của Chúa Giêsu, khi Chúa Giêsu gia nhập giao ước Ápraham. Edith đứng bên giếng rửa tội, mặc chiếc áo cưới trắng của Hedwig Conrad-Martius. Hedwig là mẹ đỡ đầu của ngài. “Tôi bỏ thực hành tôn

giáo Do Thái khi tôi là đứa con gái 14 tuổi và không bắt đầu cảm thấy là người Do Thái một lần nữa cho tới khi trở về với Thiên Chúa”. Từ lúc đó trở đi, ngài luôn ý thức mình thuộc đức Kitô không những một cách thiêng liêng, mà còn qua máu huyết nữa. Vào ngày lễ Thanh Tẩy Đức Maria, một ngày nữa được Cựu Ước nói đến, ngài lãnh nhận phép Thêm sức từ tay Đức Giám Mục Speyer tại nhà nguyện riêng của ngài.

Sau khi trở lại, ngài về thẳng Breslau: ngài thưa “Thưa mẹ, con là người Công Giáo”. Cả hai người đàn bà cùng òa lên khóc. Hedwig Conrad Martius viết: "Hãy coi, quả là hai người Do Thái, nơi họ, không hề có gian dối!" (xem *Ga* 1:47).

Ngay sau khi trở lại, ngài muốn vào đan viện Cát Minh. Nhưng các vị linh hướng của ngài là Cha Tổng đại diện Schwind của Speyer, và cha Erich Przywara Dòng Tên, đã cản ngài làm thế. Cho tới mùa Phục sinh năm 1931, ngài dạy tiếng Đức và lịch sử tại trường của các nữ tu Đa Minh và cao đẳng sư phạm của Đan viện St. Magdalen ở Speyer.

Cùng một lúc, ngài được Đan viện trưởng Raphael Walzer của Đan viện Beuron khuyến khích đi thuyết giảng đặc biệt về các vấn đề phụ nữ. "Trong thời gian ngay trước và một thời gian lâu sau khi trở lại, tôi... nghĩ sống cuộc sống tu trì có nghĩa phải từ bỏ hết chuyện trần gian và để hết tâm trí lo những chuyện thần linh mà thôi. Tuy nhiên, dần dà, tôi học được là những chuyện khác cũng được mong đợi từ chúng ta ở ngay cõi đời này... Thậm chí hiện tôi tin rằng càng được thu hút vào Thiên Chúa sâu xa, người ta càng ‘vượt quá mình’ theo nghĩa này là đi vào thế giới và đem sự sống thần linh vào đó”.

Ngài làm việc hết sức chăm chỉ, phiên dịch các thư từ và nhật ký của Đức Hồng Y Newman trước thời ngài trở lại Công Giáo cũng như cuốn *Quaestiones Disputatae de Veritate* (Các Vấn đề Tranh cãi về Chân lý) của Thánh Tôma Aquinô. Cuốn vừa kể là một bản dịch rất thoáng, nhằm mục đích đối thoại với triết học hiện đại. Cha Erich Przywara cũng khuyến khích ngài soạn thảo các công trình triết học của chính ngài. Ngài được cho hay có thể “theo đuổi việc nghiên cứu bác học như một việc phụng sự Thiên Chúa... Chỉ đến khi tôi hiểu điều đó, tôi mới nghiêm túc bắt đầu tiếp cận với công trình học thuật một lần nữa”. Để có được sức mạnh cho đời mình và công việc của mình, ngài thường tới Đan viện Biển Đức ở Beuron, để cử hành các ngày lễ lớn theo lịch Giáo Hội.

Năm 1931, Edith rời trường đan viện ở Speyer và dành trọn thời gian dọn thi tư cách giáo sư Đại Học một lần nữa, lần này tại Breslau và Freiburg, dù các cố gắng của ngài không đi đến đâu. Sau đó, ngài viết cuốn *Potency and Act* (Tiềm năng và Hành động), một cuốn nghiên cứu về các ý niệm trung tâm được Thánh Tôma Aquinô khai triển. Sau này, tại Đan viện Cát Minh ở Cologne, ngài viết lại cuốn nghiên cứu này để cho ra đời công trình triết học và thần học chính của ngài, đó là cuốn *Finite and Eternal Being* (Hữu thể Hữu hạn và Vĩnh cửu). Tuy nhiên, đến lúc này, việc in sách đã trở thành bất khả.

Năm 1932, ngài chấp nhận chức vụ giảng viên tại phân khoa Công Giáo Rôma của Viện Nghiên cứu Giáo dục Đức trực thuộc Đại Học Munster, nơi ngài khai triển nền nhân học của ngài. Ngài thành công trong việc phối hợp nghiên cứu bác học và đức tin trong cả việc làm lẫn việc giảng dạy, cố gắng trở thành “dụng cụ của Chúa” trong mọi điều ngài giảng dạy. “Nếu bất cứ ai đến với tôi, tôi đều muốn dẫn họ tới Chúa”.

Năm 1933, bóng tối bao trùm nước Đức. "Tôi đã nghe nói về những biện pháp nghiêm khắc chống lại người Do Thái trước đây. Nhưng bây giờ tôi mới nhận ra rằng Thiên Chúa đã đặt bàn tay nặng nề của Người lên dân Người, và số phận của những người này cũng sẽ là của

tôi". Luật Aryan của Đức Quốc xã khiến Edith không thể tiếp tục giảng dạy. Ngài viết, "Nếu tôi không thể tiếp tục ở đây, thì không còn cơ hội nào cho tôi ở Đức nữa. Tôi đã trở thành một người lạ trên thế giới này".

Đan viện trưởng của Beuron, Walzer, giờ đây, không còn ngăn cản ngài vào đan viện Cát Minh nữa. Khi còn ở Speyer, ngài đã khấn sống khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời rồi. Năm 1933, ngài đã gặp nữ đan viện trưởng Dòng Cát Minh ở Cologne. "Các hoạt động của con người không thể giúp chúng ta, nhưng chỉ có sự đau khổ của Chúa Kitô mới có thể. Tôi muốn chia sẻ điều đó".

Edith trở lại Breslau lần cuối để tạm biệt mẹ và gia đình ngài. Ngày cuối cùng ở nhà là sinh nhật của ngài, ngày 12 tháng 10, và cũng là ngày cuối cùng của Lễ Nhà Tạm. Edith đến nhà hội với mẹ. Đó là một ngày nặng nề đối với cả hai người phụ nữ. Mẹ ngài hỏi, "Tại sao con lại phải biết nó [Kitô giáo]? Mẹ không muốn nói bất cứ điều gì chống lại ông ta. Ông ta có thể là một người rất tốt. Nhưng tại sao ông ta lại tự cho mình là Thiên Chúa?" Mẹ của Edith bật khóc. Ngày hôm sau Edith lên chuyến tàu hỏa đến Cologne. "Tôi không cảm thấy bất cứ niềm vui say sưa nào. Những gì tôi vừa trải qua thật quá khủng khiếp. Nhưng tôi cảm thấy một sự bình an sâu sắc - nơi trú ẩn an toàn của thánh ý Thiên Chúa". Từ giờ trở đi, tuần nào ngài cũng viết thư cho mẹ, dù chưa bao giờ nhận được hồi âm. Thay vào đó, chị gái Rosa đã gửi tin tức về bà từ Breslau. Sau này, chính chị Rosa cũng sẽ trở lại Công Giáo và phục vụ như một giáo dân tại Đan Viện nơi ngài tu trì.

Edith gia nhập Đan viện Cát Minh ở Cologne vào ngày 14 tháng 10, và lễ mặc áo Dòng của ngài diễn ra vào ngày 15 tháng 4 năm 1934. Thánh lễ được cử hành bởi Đan viện trưởng của Beuron. Edith lúc này có tên là Sơ Teresia Benedicta a Cruce – (Teresa Benedicta Thánh giá). Năm 1938, ngài viết: "Tôi hiểu Thập giá là số phận của dân Thiên Chúa, điều này đã bắt đầu rõ ràng vào thời điểm đó (năm 1933). Tôi cảm thấy những ai hiểu Thập giá của Chúa Kitô nên gánh lấy thập giá ấy thay mặt mọi người. Tất nhiên, bây giờ tôi biết rõ hơn ý nghĩa của việc được kết hôn với Chúa trong dấu thập giá. Tuy nhiên, người ta không bao giờ hiểu được điều đó, bởi vì nó là một màu nhiệm". Vào ngày 21 tháng 4 năm 1935, ngài khấn tạm. Vào ngày 14 tháng 9 năm 1936, việc lặp lại lời khấn của ngài trùng với cái chết của mẹ ngài ở Breslau. "Mẹ tôi đã giữ vững đức tin của người cho đến giây phút cuối cùng. Nhưng vì đức tin của và niềm tin thác vững chắc vào Thiên Chúa của người... là điều cuối cùng vẫn còn sống trong lúc cái chết của người xông tới, tôi tin rằng người sẽ gặp được một thẩm phán rất nhân từ và giờ đây người là người trợ giúp trung tín nhất của tôi, để tôi cũng có thể đạt được mục tiêu".

Khi khấn vĩnh viễn vào ngày 21 tháng 4 năm 1938, ngài đã trích lời lẽ của Thánh Gioan Thánh Giá trong tấm hình kỷ niệm của mình: "Từ nay, ơn gọi duy nhất của tôi là yêu thương". Tác phẩm cuối cùng của ngài dành cho vị thánh này.

Việc gia nhập Dòng Cát Minh của Edith không phải là một cuộc thoát ly. "Những ai gia nhập Dòng Cát Minh không phải là những mất mát đối với những người thân cận và thân yêu, nhưng là những người chiếm được cho họ, vì ơn gọi của chúng tôi là cầu bầu cùng Thiên Chúa cho mọi người". Cách riêng, ngài cầu xin Thiên Chúa cho dân tộc của ngài: "Tôi luôn nghĩ đến Nữ hoàng Étte, người đã bị lấy đi khỏi dân tộc của ngài, chính vì Thiên Chúa muốn ngài khấn khỏa xin cùng đức vua thay cho dân tộc mình. Tôi là một Étte bé nhỏ rất khốn cùng và bất lực, nhưng Đức Vua đã chọn tôi là người vĩ đại và nhân từ vô cùng. Đó là niềm an ủi lớn lao" (31 tháng 10 năm 1938).

Vào ngày 9 tháng 11 năm 1938, chủ nghĩa bài Do Thái của Đức Quốc xã đã trở nên rõ ràng với toàn thế giới. Các hội đường Do Thái bị đốt cháy, và người Do Thái phải chịu sự khủng bố. Nữ đan viện trưởng của Đan viện Cát Minh ở Cologne đã làm hết sức mình để đưa Sơ Teresia Benedicta a Cruce và chị Rosa của ngài ra nước ngoài. Vào đêm giao thừa năm 1938, ngài được đưa lậu qua biên giới vào Hòa Lan, vào Đan viện Cát Minh ở Echt thuộc tỉnh Limburg. Đây là nơi ngài đã viết di chúc của mình vào ngày 9 tháng 6 năm 1939: "Ngay lúc này tôi chấp nhận cái chết mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho tôi trong sự phục tùng hoàn toàn và với niềm vui như là thánh ý thánh thiện nhất của Người dành cho tôi. Tôi cầu xin Chúa chấp nhận đời tôi và sự chết của tôi... để Chúa được dân Người chấp nhận và Nước Người đến trong vinh quang, vì sự cứu rỗi của nước Đức và hòa bình của thế giới".

Khi ở trong đan viện Cologne, Edith đã được phép bắt đầu lại việc nghiên cứu học thuật của ngài. Trong số nhiều trước tác khác, ngài đã viết về "Cuộc sống của một gia đình Do Thái" (tức là gia đình của chính ngài): "Tôi chỉ muốn tường trình những gì tôi đã trải qua với tư cách là một phần của nhân tính Do Thái" ngài viết và nhấn mạnh rằng "chúng tôi, những người lớn lên trong đạo Do Thái có nhiệm vụ làm chứng... cho thế hệ trẻ, những người đã được dưỡng dục trong lòng hận thù chủng tộc từ thuở ấu thơ".

Tại Echt, Edith vội vã hoàn tất cuộc nghiên cứu của mình về "Vị Thầy Huyền nhiệm của Giáo Hội và là Cha của Các Đan sĩ Cát Minh, Gioan Thánh giá, nhân dịp Kỷ niệm 400 năm ngày sinh của ngài, 1542-1942". Năm 1941, ngài viết cho một người bạn, cũng là một thành viên trong Dòng của ngài : "Người ta chỉ có thể đạt được *scientia crucis* (khoa học thập giá) nếu họ đã trải nghiệm thập giá hoàn toàn. Tôi xác tín điều này ngay từ giây phút đầu tiên trở đi và đã nói bằng cả trái tim mình: 'Ave, Crux, Spes unica' (Hỡi cây thập giá, tôi xin chào đón bạn, Niềm Hy vọng duy nhất của chúng tôi)". Cuốn nghiên cứu của ngài về Thánh Gioan Thánh giá có tựa đề: *Kreuzeswissenschaft* (Khoa học Thập giá).

Edith bị Gestapo bắt vào ngày 2 tháng 8 năm 1942, khi ngài đang ở trong nhà nguyện với các chị em khác. Ngài phải trình diện trong vòng năm phút, cùng với chị gái Rosa, người cũng đã trở lại đạo và đang phục vụ tại Đan viện Echt. Những lời cuối cùng của ngài được nghe thấy ở Echt được ngỏ cùng chị Rosa: "Hãy đến, chúng ta ra đi vì dân tộc của chúng ta".

Cùng với nhiều Kitô hữu gốc Do Thái khác, hai phụ nữ được đưa đến một trại chuyển tiếp ở Amersfoort và sau đó đến Westerbork. Đây là một hành động trả đũa đối với lá thư phản đối do các Giám mục Công Giáo Rôma Hòa Lan viết nhằm chống lại các cuộc tấn công và trục xuất người Do Thái. Edith nhận xét: "Tôi không bao giờ biết rằng người ta lại có thể như thế này, tôi cũng không biết rằng anh chị em của tôi sẽ phải đau khổ như thế này.... Tôi cầu nguyện cho họ mỗi giờ. Thiên Chúa có nghe lời cầu nguyện của tôi không? Chắc chắn Người sẽ nghe họ trong cơn túng quẫn của họ". Giáo sư Jan Nota, người rất gần bó với ngài, sau này viết rằng: "Ngài là nhân chứng cho sự hiện diện của Thiên Chúa trong một thế giới vắng bóng Thiên Chúa".

Vào sáng sớm ngày 7 tháng 8, 987 người Do Thái bị đưa đến trại Auschwitz. Có lẽ là vào ngày 9 tháng 8, Sơ Teresia Benedicta a Cruce, chị gái của ngài và nhiều người khác của ngài đã bị giết bằng hơi ngạt.

Khi Edith được phong chân phước tại Cologne vào ngày 1 tháng 5 năm 1987, Giáo hội tôn vinh "một người con gái của Israel", như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II phát biểu, "người, trong tư cách Công Giáo thời Đức Quốc xã đàn áp, luôn trung thành với Chúa Giêsu Kitô bị đóng đinh và, trong tư cách một người Do Thái, luôn trung thành với dân tộc của ngài trong

một lòng trung thành đầy yêu thương”.

*Nguồn: Teresa Benedict of the Cross Edith Stein (1891-1942) – biography [vatican.va]*

## 2. Edith Stein và cuộc tranh cãi quanh phúc tử đạo của ngài

Theo Từ điển mở Wikipedia, Edith Stein gia nhập Đan viện Cátminh Không đi giày St. Maria vom Frieden (Đức Bà Hòa Bình) ở Cologne-Lindenthal tháng 10 năm 1933 và lấy tên dòng là Teresia Benedicta a Cruce (Teresa Benedicta Thánh Giá). Tại đây, ngài viết cuốn siêu hình học *Endliches und ewiges Sein* (Hữu thể Hữu hạn và Vô hạn) nhằm phối hợp các nền triết học của Thánh Tôma Aquinô, của Duns Scotus và của Husserl.

Và trong thời gian ở Echt, Hòa Lan, bà viết cuốn *Studie über Joannes a Cruce: Kreuzeswissenschaft* (Nghiên cứu về Thánh Gioan Thánh Giá: Khoa học Thập giá). Trong di chúc của bà ngày 9 tháng 6 năm 1939, bà viết:

“Tôi nài xin Chúa chấp nhận đời tôi và cái chết của tôi... vì mọi âu lo của trái tim rất thánh Chúa Giêsu và Đức Maria và Hội thánh, nhất là vì sự duy trì dòng tu thánh thiện của chúng tôi, nhất là các đan viện Cátminh của Cologne và Echt, như việc xá tội cho tội bất tín của Dân Do Thái và để Chúa được chính dân riêng của Người chấp nhận và Nước Người đến trong vinh quang, vì sự cứu rỗi nước Đức và hòa bình thế giới, sau cùng vì các người thân yêu của tôi, còn sống hay đã qua đời, và vì mọi người Thiên Chúa đã ban cho tôi: xin đừng ai trong số họ bị xa lạc”.

Việc Edith chuyển tới Echt càng làm cho ngài đạo đức hơn và giữ luật dòng nhiều hơn. Sau khi bị rút giấy phép dạy học do việc thực thi Luật Phục hồi Công vụ Chuyên nghiệp, Edith quay trở lại với việc giảng dạy Latinh và triết học ngay trong đan viện cho các nữ tu và sinh viên khác trong cộng đồng.

Ngay trước cuộc chiếm đóng Hòa Lan của Quốc xã, Edith vẫn đã tin rằng ngài sẽ không sống thoát chiến tranh, đến nỗi đã viết cho Mẹ Bề Trên để yêu cầu được Mẹ cho phép ngài “hiến mình cho trái tim Chúa Giêsu như của lễ xá tội cho nên hòa bình đích thực” và ngài đã viết di chúc. Các chị em trong Đan viện sau này thuật lại Edith, sau khi Quốc Xã xâm chiếm Hòa Lan tháng 5 năm 1940, đã bắt đầu “âm thầm tự huấn luyện mình sống đời sống trong trại tập trung, bằng cách chịu lạnh và đói ra sao”.

Quả tình, ngài không được yên ổn trên đất Hòa Lan. Ngày 20 tháng 7 năm 1942, Hội đồng Giám mục Hòa Lan cho đọc tại các nhà thờ toàn quốc thư luân lưu lên án chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc của Quốc Xã. Để trả đũa, ngày 26 tháng 7 năm 1942, Reichskommissar của Hòa Lan, Arthur Seyss-Inquart, ra lệnh bắt giam mọi tân tòng gốc Do Thái, trước đây vốn được dung thứ. Cùng với 243 người Do Thái đã chịu phép rửa đang sinh sống tại Hòa Lan, Edith bị SS bắt vào ngày 2 tháng 8 năm 1942. Edith cùng chị Rosa bị giam ở các trại tập trung Amersfoort và Westerbork trước khi được chở tới Auschwitz. Một viên chức Hòa Lan tại trại Westerbork xúc động trước đức tin và sự thanh thản của ngài, đã hiến kế để ngài đào thoát, nhưng ngài bác bỏ, nói rằng “Nếu ai đó can thiệp vào thời điểm này và lấy mất của ngài cơ may chia sẻ số phận với anh chị em của ngài, thì đó là một cuộc hủy diệt hoàn toàn”.

Ngày 7 tháng 8, 1942, vào sáng sớm, 987 người Do Thái bị chở tới trại tập trung Auschwitz. Ngày 9 tháng 8, Edith và chị Rosa cùng nhiều người Do Thái khác đã bị giết tập thể bằng hơi ngạt.

Giáo Hội Công Giáo coi ngài chết vì Đạo và đã phong thánh cho ngài dưới chính nghĩa này. Nhưng việc này bị nhiều giới Do Thái phản đối. Họ lập luận rằng ngài bị giết vì đã sinh ra là người Do Thái, chứ không phải vì đức tin Công Giáo. Đáng khác, như giáo sĩ Daniel Polish phát biểu, việc phong thánh cho ngài xem ra “mang theo sứ điệp ngầm nhằm khuyến khích các hoạt động cải đạo” vì “cuộc thảo luận chính thức của án phong thánh xem ra đã phối hợp đức tin Công Giáo của Stein với cái chết cùng với ‘đồng bào Do Thái’ ở Auschwitz”. Lập trường của Giáo Hội Công Giáo là Thánh Teresa Benedicta cũng chết do việc các Giám mục Hòa lan kết án chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc của Quốc Xã năm 1942.



Lập trường đó được Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II long trọng tuyên bố trong nghi thức Phong Chân phúc cho bà. Thực vậy, như phần trên đã nói, ngày 1 tháng 5, 1987, dịp đó, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói rằng:

“Chúng ta cúi đầu trước chứng từ cuộc đời và cái chết của Edith Stein, người con gái xuất chúng của Israel và đồng thời là người con gái của Dòng Cátminh, Nữ tu Teresa Benedicta Thánh giá, một nhân cách từng kết hợp trong cuộc sống phong phú của mình một tổng hợp đầy bi hùng của thế kỷ ta. Đó là một tổng hợp lịch sử đầy các vết thương sâu hoắm vẫn còn đang làm chúng ta đau đớn... và cũng là một tổng hợp của sự thật trọn vẹn về con người. Tất cả những điều này kết hợp với nhau trong trái tim đơn nhất mãi tồn thức và không thoả mãn cho tới khi tìm được nghỉ ngơi trong Thiên Chúa”.

Và ngày 11 tháng 10 năm 1998, trong nghi thức phong hiển thánh cho ngài tại Vatican, Thánh Gioan Phaolô II cũng nói lại lập trường ấy một lần nữa. Ngài nói: “Ngày 1 tháng 5 năm 1987, khi viếng thăm mục vụ Nước Đức, tôi đã được niềm vui phong chân phúc cho chứng tá đức tin đầy quảng đại này ở thành phố Cologne. Hôm nay, 11 năm sau, tại Rôma, tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, tôi lại có thể long trọng trình diện người con gái ưu tú của Israel và người con gái tín trung của Giáo hội như một vị thánh với toàn thể thế giới”.

Xa hơn chút nữa, ngài nói “Từ nay trở đi, khi chúng ta cử hành việc tưởng niệm vị thánh mới này từ năm này qua năm nọ, chúng ta cũng phải nhớ biến cố Diệt chủng (the Shoah), cái kế hoạch tàn ác nhằm tận diệt một dân tộc, một kế hoạch theo đó hàng triệu anh chị em Do Thái của chúng ta trở thành nạn nhân. Xin Chúa cho nhan thánh Người chiếu soi họ và ban cho họ bình an”. Nhân dịp này, ngài kêu gọi chấm dứt các việc làm tàn ác như thế đối với bất cứ nhóm sắc tộc hay chủng tộc nào.

Nói thế rồi, đức Gioan Phaolô II ngầm cho thấy kể từ lúc tìm ra sự thật và sự thật ấy có tên là Giêsu Kitô, thì Ngôi Lời Nhập Thể là Đấng Duy Nhất và Là Tất Cả đối với Edith Stein. Nguyên khía cạnh này, ngài đã xứng đáng được phong thánh trong Giáo Hội Công Giáo rồi.



Tưởng cũng nên nhắc lại rằng, người cháu ruột của ngài là Suzanne Batzdorff, người đã trốn thoát Quốc Xã và di cư qua Hoa Kỳ năm 1939, đã tham dự cả hai buổi lễ phong chân phúc và phong thánh cho ngài, mặc dù, theo New York Times, (<https://archive.nytimes.com/www.nytimes.com/library/world/europe/101198canonization.html>), bà này từng đặt câu hỏi: “nếu Quốc Xã bách hại Giáo Hội Công Giáo, tại sao chúng không bắt giam hàng giáo sĩ đã viết lá thư ấy. Thay vào đó, chúng lại lùng bắt các tân tông Do Thái?”.

Theo Los Angeles Times (<https://www.latimes.com/archives/la-xpm-1987-05-01-mn-1922-story.html>), sau khi tham dự nghi thức phong chân phúc ở Cologne, Suzanne nói rằng cô của bà bị giết vì là người Do Thái: “Bà chết vì bà là một người Do Thái và bà chết vì bà tin vào đức tin Công Giáo của bà, nhưng nếu bà không có hậu cảnh Do Thái, có thể bà không bị giết. Đó vẫn là niềm tin của tôi. Tôi tin bà là một vị tử đạo của Do Thái, một trong 6 triệu người”.

Mười một năm sau, được mời tham dự nghi thức phong thánh cho người cô tại Rôma, cũng do Đức Gioan Phaolô II chủ tế, Suzanne tự hỏi có nên tham dự không và bà đã tham dự cùng với 96 thành viên khác trong đại gia đình Stein, nhiều hơn số 21 người tham dự nghi lễ phong chân phúc, chắc hẳn có cả người em trai của bà, người mà theo bà đã từ khước không tham dự nghi lễ phong chân phúc.

Suzanne không giải thích lý do của sự tham dự đông đảo ấy và trong bài viết cho Tạp chí America hồi năm 1999 (<https://www.americamagazine.org/faith/1999/02/13/edith-steins-niece-what-her-canonization-means-catholic-jewish-dialogue>), bà cũng không trả lời rõ rệt các câu hỏi người ta đặt ra cho bà trong dịp này như: “Bà có thay đổi tâm trí gì không?”; “Bà có cảm thấy Giáo hội có tiến bộ gì không từ hồi ấy?”; “Bà cảm thấy vinh dự, hân hoan, giận dữ?”

Riêng câu hỏi cuối cùng, Suzanne cho rằng “được mời tham dự lễ phong thánh cho Edith Stein trong tư cách một trong những người thân thiết nhất của bà hiển nhiên là một vinh dự, nhưng nó cũng gợi lên nhiều hoài niệm đau lòng của quá khứ”.

Một trong những hoài niệm ấy là lúc còn học tiểu học tại một trường Kitô giáo: mặc dù được miễn làm dấu thánh giá và đọc kinh và cả học giáo lý như các học sinh khác, nhưng bà vẫn được nghe các học sinh khác cho bà hay: người Do Thái giết Chúa Giêsu. Hoài niệm đau lòng thứ hai là việc Đức Piô XI từ chối cho cô của bà yết kiến và dường như đã không thèm đọc lá thư cô của bà viết cho ngài, khẩn khoản xin ngài lên tiếng kết án Quốc Xã. Suzanne bác bỏ ý kiến cho rằng Thông điệp *Mit Brennender Sorge*, công bố 1937, kết án chủ nghĩa Bài Do Thái, là câu trả lời của Đức Piô XI cho lá thư của Edith Stein. Vì thông điệp này chỉ được ban hành 4 năm sau lá thư và không hề nhắc đến người Do Thái.

Theo bà, Đức Piô XI có trao cho linh mục John LaFarge, Dòng Tên và 2 linh mục Dòng Tên khác soạn một thông điệp về chủ đề được Edith Stein đề cập tới năm 1933, nhưng thông điệp này không bao giờ được ban hành cả và việc soạn thảo nó chỉ được biết đến năm 1997. Và lại, bản dự thảo vẫn không vứt bỏ các thiên kiến của quá khứ đến nỗi Jan H. Nota, một linh mục Dòng Tên, người Hòa Lan, từng nghiên cứu bản văn của dự thảo thông điệp dưới tên *Humani Generis Unitas* (“Tính Đơn nhất của Nhân loại”), thấy một nền thần học lỗi thời đến độ “tạ ơn Chúa khi dự thảo này vẫn chỉ là một dự thảo”.

Suzanne cho rằng chính những khiếp đảm của biến cố Diệt Chủng đã đem lại các thay đổi sâu

rộng bắt đầu với quyết định triệu tập Vatican II của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII. Vatican II đã mở ra mối liên hệ mới với người Do Thái qua “Tuyên Ngôn về Mối Liên hệ của Giáo Hội với Các Tôn giáo không phải Kitô giáo”.

Vị giáo hoàng được Suzanne ca ngợi chính là Đức Giáo Hoàng Phaolô II, người “đã cố gắng bắc các cây cầu nơi mà từ trước đến nay có những hố phân cách xem ra không thể nào bắc cầu qua được”. Bà kể lại các hành động của vị giáo hoàng này: năm 1986 viếng thăm đại hội đường Do Thái tại Rôma, nơi ngài ngỏ lời với người Do Thái là “các anh trưởng của chúng tôi”; lắng nghe quan tâm của người Do Thái; du hành nơi nào cũng tìm gặp đại diện cộng đồng Do Thái địa phương; năm 1993, thiết lập liên hệ ngoại giao với Israel; năm 1994, bảo trợ buổi hòa nhạc tưởng niệm Biếm Cố Diệt Chủng.

Riêng văn kiện “Chúng ta Tưởng niệm: Một Suy tư về Nạn Diệt Chủng” của Tòa Thánh công bố ngày 16 tháng 3 năm 1998, 1 văn kiện cần đến 11 năm để soạn thảo, dù cho rằng phản ứng khởi đầu của phía Do Thái là lẫn lộn, vì vẫn chỉ nhận lỗi về phía cá nhân người Công Giáo, chưa đụng tới Giáo hội như một định chế, nhưng Suzanne xem ra có cảm tình và cho rằng những ai nghiêm túc nghiên cứu mối liên hệ Do Thái và Công Giáo sẽ thấy văn kiện này “dù bất toàn, vẫn đại diện cho một bước quan trọng trên con đường dẫn tới cởi mở lớn lao hơn”.

Và đó cũng là mục tiêu của Suzanne vì bà cho rằng “trong 11 năm từ ngày phong chân phước, tôi đã phiên dịch các bản văn của và nói về Edith Stein, và chính tôi cũng đã viết và nói chuyện về đời sống và việc làm của bà. Tôi cũng cố gắng tạo ra việc hiểu biết lẫn nhau tốt hơn giữa các cộng đồng Do Thái và Công Giáo”.

Nhận định sau cùng của Suzanne là “Một cách nhỏ bé, gia đình của Edith Stein phản chiếu toàn bộ gia đình nhân loại. Giống như các thành viên của gia đình Stein có thể cùng nhau đến dự lễ phong thánh bất chấp các hậu cảnh và niềm tin khác nhau của họ thế nào, thì người Do Thái và các Kitô hữu cũng có thể đến với nhau trong một bầu không khí hòa bình và thiện chí như vậy...”

“Các Kitô hữu và người Do Thái đã đi được một bước thật dài để gần gũi nhau và hiểu nhau hơn, nhưng công việc của chúng ta chưa kết thúc. Chúng ta cần học hỏi về các niềm tin và cả ý thức hệ của nhau bằng một tâm trí cởi mở và tôn trọng lẫn nhau, nhìn nhận nơi người khác quyền được khác nhau, được thờ phượng khác nhau”.

Thực ra, ý nguyện của Edith Stein vẫn là dân tộc bà nhìn nhận Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa. Nhưng đường dẫn đến đó chắc chắn không phải là cố gắng cải đạo (proselytizing) mà là tựa vào lòng nhân hậu và ơn thánh của Thiên Chúa và “sự hy sinh” của ta. Suzanne không hẳn không nghĩ như thế khi bà quả quyết rằng “Dân tộc Do Thái không thể tha thứ cho những kẻ phạm tội Diệt Chủng hay những người im lặng đứng nhìn... Tuy nhiên, chúng tôi có thể lắng nghe các *mea culpa* [lỗi tại tôi] của những người thực sự thống hối và để sự tha thứ lại cho Thiên Chúa. Nếu chúng ta xét quá khứ và trung thực nhìn nhận lỗi lầm của mình, chúng ta có thể vững tin tiến về phía trước và cùng nhau đạt các mục tiêu chung. Và với phúc lành của Thiên Chúa, chúng ta có thể lo chu toàn trách vụ *tikkun olam*— hàn gắn thế giới”.

Trên đây, Wikipedia có trích dẫn lời giáo sĩ Daniel Polish phát biểu về việc ông lo âu trước viễn ảnh Công Giáo dùng việc phong thánh cho Edith Stein như một mưu toan cải đạo. Nhưng theo Suzanne, Đức Hồng Y William Keeler của Baltimore, năm 1987, quả quyết rằng không phải thế, “Trái lại, nó thúc giục chúng tôi cân nhắc ý nghĩa tôn giáo liên tục của các truyền thống Do Thái mà với chúng, chúng tôi có nhiều điều chung, và tiếp cận người Do

Thái không như các ‘đối tượng’ tiềm ẩn để cải đạo mà đúng hơn như những người làm chứng cách độc đáo cho Danh Thiên Chúa Duy Nhất, Thiên Chúa của Israel”.

Suzanne cũng cho rằng Đức Hồng Y Keeler còn trích dẫn nhận định của Giáo sĩ Daniel Polish trong tuyển tập *Never Forget: Christian and Jewish Perspectives on Edith Stein*: “Dù chúng ta không thể ủng hộ ý niệm coi Edith Stein như cầu nối [giữa người Do Thái và người Công Giáo], nhưng chúng ta có thể coi dịp phong thánh cho bà như mở cửa cho một cuộc đối thoại có ý nghĩa”. Phần còn lại dĩ nhiên là của Thiên Chúa.

Theo New York Times, đơn chính thức xin phong thánh cho Edith Stein đã có từ năm 1962 khi án phong thánh cho bà được mở tại tòa án giáo hội ở Cologne. Thoạt đầu, các giáo sĩ dựa án phong thánh trên cơ sở “nhân đức anh hùng”, một điều đòi không những cuộc sống gương mẫu mà còn cần phép lạ nữa.

Cũng theo tờ New York Times, án phong thánh của bà là một trong những án đầu tiên được hưởng lợi ích từ cuộc cải tổ năm 1983 về việc phong thánh. Trong số những cải tổ này, có điều khoản không đòi một phép lạ cho trường hợp tử đạo để được phong chân phúc. Chính vì thế, cũng năm 1983, hàng giám mục Đức và Ba Lan thỉnh cầu Tòa Thánh coi Edith Stein như một vị tử đạo. Thế là chỉ trong vòng 4 năm sau đó, tức năm 1987, bà được phong chân phúc.

Còn phép lạ, vẫn cần để được phong hiển thánh cho bà, diễn ra cũng trong năm 1987. Người được hưởng phép lạ là Benedicta McCarthy. Em bé này, vốn được đặt tên theo Nữ Tu Teresia Benedicta, lúc lên hai tuổi rưỡi, vô tình nuốt một lượng lớn *paracetamol* (acetaminophen), gây ra chứng hoại tử gan (hepatic necrosis). Người cha em bé, Emmanuel Charles McCarthy, một linh mục theo nghi lễ Melkite Công Giáo Hy Lạp, lập tức kêu gọi thân nhân cùng nhau xin Nữ Tu Teresia cầu bầu. Chỉ ít lâu sau đó, các y tá ở khu chăm sóc tận tình (icu) thấy cô bé ngồi dậy và khỏe mạnh, như người bình thường. Ronald Kleinman, bác sĩ chuyên nhi khoa của Bệnh Viện Tổng Quát Massachusetts ở Boston, người chữa trị cho em bé, làm chứng trước tòa án Giáo Hội rằng “Tôi sẵn lòng nói rằng đây là một phép lạ”.

### 3. Triết học, linh đạo và thần học của Edith Stein

Theo bách khoa mở Wikipedia, Edith Stein khai triển các công trình triết học của ngài theo ba thời kỳ: thời kỳ hiện tượng luận (1916-1925), thời kỳ so sánh (1925-33) và thời kỳ Kitô giáo (1935-42). Trên thực tế, cùng các nhân tố đã tự thành hình xuyên suốt công trình của ngài và thúc đẩy nó tiến bước: 1. Một cái hiểu sâu sắc về và một dẫn thân đối với phương pháp hiện tượng luận như đã được Husserl và Reinach giảng dạy; 2. Một cảm thức trách nhiệm sâu sắc đối với người khác về điều chúng ta tin và 3. Một việc chấp nhận tôi không có khả năng hình thành một thế giới quan đầy đủ và có ý nghĩa mà không có sự trợ giúp của Thiên Chúa. Ba thời kỳ trên được hiểu tốt nhất như các giai đoạn tích hợp 3 nhân tố này, với việc Edith Stein chịu Phép Rửa vào ngày đầu năm 1922 như đánh dấu một bước quyết định và việc ngài vào dòng Cát Minh ngày 14 tháng 10 năm 1933 như một dấu mốc khác.



### Thời kỳ hiện tượng luận (1916-25)

Theo giải thích của Edith Stein, luận án của ngài về tương cảm [empathy] là một nỗ lực lấp đầy khoảng trống trong công trình của Husserl. Trong cuốn tự truyện *Cuộc sống trong Một Gia đình Do Thái* của ngài, ngài nhắc lại rằng Husserl coi tương cảm là hành động chủ yếu trong đó tính liên chủ thể [intersubjectivity] được thiết lập, nhưng không có chi tiết chính xác nào nói nó có nghĩa gì. Do đó, ngài muốn thực hiện nhiệm vụ này và qua đó làm sáng tỏ ý tưởng chủ yếu này để phát triển phong trào hiện tượng luận. Trong khi làm phụ tá cho Husserl (1916-18), ngài đã hiệu đính các bản thảo của Husserl về những gì sau này được xuất bản với tên gọi *Các Ý Niệm II* và *Các Ý Niệm III*, và trong diễn trình này, ngài hiểu được tầm quan trọng đặc biệt của hành động này đối với kết cấu của chúng ta về thế giới liên chủ thể và cách riêng đối với các đối tượng nghiên cứu của tâm lý học và các khoa học nhân văn. Khi ngài từ chức phụ tá cho Husserl, kết cấu hiện tượng học của những đối tượng này: tức tâm hồn [psyche] và tinh thần, là công việc đầu tiên ngài đảm nhận. Kết quả là hai khảo luận về *Triết học của Tâm lý học* và *Các Khoa Nhân văn*, được xuất bản trên tạp chí *Jahrbuch* 1922 của Husserl; và cuốn *Nguyên nhân tính Tâm hồn và Cá nhân cùng Cộng đồng* (Psychic Causality, Individual and Community). Trong thời kỳ này cũng có cuốn *Nhập môn Triết học, Một Cuộc Điều tra Liên quan tới Nhà nước*, và rất quan trọng là cuốn *Tự do và Ân sủng*.

### Thời kỳ so sánh (1925-33)

Được khuyến khích nghiên cứu và so sánh triết học của Thánh Tôma Aquinô với triết học của phong trào hiện tượng luận, Edith Stein bắt tay vào dự án dịch cuốn *De Veritate* (Về Chân Lý) của Thánh Tôma, sẽ được xuất bản thành hai tập vào năm 1932. Tác phẩm này, vốn phiên dịch cách suy nghĩ của Thánh Tôma thành một thành ngữ Đức hiện đại và viết lại nó như một khảo luận học thuật đương thời, vì thế được Stein viết trong tư cách một nhà hiện tượng luận, tức như một người quan tâm đến các vấn đề được Thánh Tôma thảo luận, chứ không phải cung cấp một giải thích về tư tưởng và trước tác của thánh nhân trong tư cách một người theo phái Tôma. Các tác phẩm quan trọng nhất trong thời kỳ này là *Husserl và Aquinas: Một So sánh*, trong đó bà thảo luận về các phương pháp luận khác nhau của Husserl và Thánh Tôma và giải thích sự khác biệt giữa hai vị, *Tiềm năng và Hành động* (Potency and Act), trong đó bà cố gắng điều tra hiện tượng luận về 'tiềm năng' và 'hành động' và công trình song sinh về nhân học: *Cấu trúc Con người Nhân bản. Triết lý Nhân học và Con người Nhân bản là Gì? Nhân học Thần học* (tập thứ hai vẫn là một bản thảo đã khai triển phần lớn hơn là một tác phẩm đã hoàn thành, vì các giảng khóa của Stein bị hủy bỏ vào năm 1933). Trong thời kỳ này, bà cũng thuyết giảng về giáo dục và ơn gọi của phụ nữ và giáo dục nói chung cho rất đông khán giả và được hoan nghênh nhiệt liệt. Trong các bài giảng thuyết này, được xuất bản trong *Edith Stein Gesamtausgabe* (ESGA 13) và *Edith Stein Gesamtausgabe*

(ESGA 16), bà tự tìm ra những vấn đề quan trọng liên quan đến loại hình và yếu tính xã hội, và được bà khai triển đầy đủ hơn trong *Cấu trúc của Con người Nhân bản*.

### **Thời kỳ Kitô giáo (1934-42)**

Nhiệm vụ đầu tiên Edith Stein được giao phó trong đan viện là viết cuốn tự truyện không hoàn tất của bà, *Cuộc sống trong một gia đình Do Thái*, một cuốn tự thú về cuộc đời bà phần lớn như một lời biện hộ theo nghĩa đen cho việc bà thuộc dòng dõi Do Thái. Nhiệm vụ tiếp theo của bà là chuẩn bị xuất bản cuốn *Tiềm năng và Hành động*, một nhiệm vụ mà bà hoàn thành bằng cách viết một cuốn sách mới: *Hữu thể Hữu hạn và Vô hạn – Một cuộc Đi lên tới Ý nghĩa của Hữu thể* (Finite and Eternal Being – An Ascent to the Meaning of Being). Công trình này đã đề ra một lý thuyết hiện tượng luận về hữu thể (Seinslehre), đầy chất Kitô giáo, vì bà lấy Mạc Khải Kitô giáo để góp phần hướng tới thế giới quan trong đó nó đi tìm và tìm ra ý nghĩa của hữu thể trong diễn biến của nó. Stein cũng nghiên cứu Dionysius thành Areopagite, bằng cách dịch các tác phẩm của ông sang tiếng Đức và viết (cho ông) một tác phẩm về thần học biểu tượng. Tác phẩm cuối cùng của Stein, *Khoa học Thập giá*, là một cuốn bình luận về Thánh Gioan Thánh Giá, nhằm khai triển cái hiểu đặc trưng có tính Cát Minh về các chiều sâu thẳm của linh hồn, vốn làm Stein quan tâm trong các trước tác ban đầu của ngài.

## **4. Các Trước tác Linh đạo và thần học của Edith Stein**

Theo Bách khoa Triết học Standford (Standford Encyclopedia of Philosophy), quan tâm sâu sắc của Edith Stein đối với linh đạo được khởi xướng bằng việc đọc cuốn tự truyện của Thánh Teresa thành Avila, nhưng được thâm hậu hóa nhờ đọc Thánh Tôma Aquinô, Thánh Gioan Thánh Giá, Thánh John Henry Newman và Dionysius thành Areopagite.

Nghiên cứu Thánh Tôma Aquinô khiến ngài xác tín rằng người ta có thể phụng sự Thiên Chúa trong khi thực hiện các công trình tri thức. Bởi thế, ngài phối hợp nên linh đạo của ngài với các cố gắng trí thức. Ngài viết một số nghiên cứu huyền nhiệm học, nổi tiếng hơn cả là *Khoa học Thập giá*. Cuốn này nghiên cứu nền huyền nhiệm của Thánh Gioan Thánh Giá, việc vị thánh này tìm việc kết hợp thiêng liêng, và lòng tận hiến của ngài cho tình yêu. Bà dấn thân vào việc suy niệm tính biểu tượng của Thập giá và đêm đen, vốn là một biểu tượng nổi bật của Thánh Gioan Thánh Giá. Đêm đen là một điều tự nhiên, vô hình và vô hình thức, nhưng không phải là hư vô; nó như tiền vị của sự chết. Với Stein, “đêm đen chỉ tính tối tăm sâu thẳm của đức tin”. Đêm đen huyền nhiệm không phát xuất từ bên ngoài mà phát xuất từ bên trong. Chỉ bằng cách cảm nhận sức nặng của thập giá, người ta mới học được “khoa học thập giá”, một khoa học “được chôn vùi trong linh hồn như một hạt giống”. Linh hồn phải được giáo dục để nhận biết Thiên Chúa và khía cạnh thiêng liêng của hữu thể con người phải tự tách mình ra khỏi các giác quan. Phó mình cho Thiên Chúa trong đức tin làm ta trở nên các thuần thần, thoát khỏi mọi hình ảnh và do đó bước vào bóng tối. “Chiêm niệm tối tăm” là chiếc thang bí mật dẫn đến Thiên Chúa.

Một trong các ấn phẩm xuất bản sau khi bà qua đời là tiểu luận bác học, tựa là “Những Cách Biết Thiên Chúa” viết về nhà huyền nhiệm Kitô giáo, Pseudo-Dionysius thành Areopagite. Đối với Stein, thần học huyền nhiệm của Dionysius không phải là một môn khoa học mà là một cách nói về Thiên Chúa. Tri nhận [perception] luôn chỉ quá nó thế nào, thì kinh nghiệm của chúng ta về thế giới cũng quá nó chỉ cho thấy nguồn cội thần linh của nó. Thế giới này là nền tảng của nền thần học tự nhiên. Thiên Chúa là “nhà thần học đệ nhất đẳng” (Ur-Theologe; 1993: 27]) và toàn bộ sáng thế là nền thần học biểu tượng của Người. Thần học

khẳng định [affirmative theology] đặt căn bản trên loại suy hữu thể [analogia entis]; thần học phủ định đặt căn bản trên sự bất tương đồng giữa tạo vật và Thiên Chúa. Đối với Stein, thần học phủ định “leo thang tạo vật” để khám phá ra rằng ở từng bình diện, không tìm thấy Thiên Chúa ở đây: “chúng ta tiến lại gần Thiên Chúa hơn bằng cách bác bỏ điều Người không là”.

Nhưng Stein bênh vực tự do của con người: “linh hồn có quyền đưa ra các quyết định cho chính nó”. Bà ý thức rõ điều này: rất ít người sống trong những tầng sâu thẳm nhất của họ và càng ít người hơn nữa sống nhờ các tầng sâu thẳm nhất của họ”. Trong bài *Các Con đường dẫn tới Thinh Lặng*, bà viết: “Mỗi chúng ta đều mãi mãi sống trên lưỡi dao cạo: một đằng, là hư vô tuyệt đối; đằng khác, là đời sống thần linh viên mãn”.

## 5. Có chăng một linh đạo phụ nữ của Edith Stein

Kathleen Sweeney chuyên biệt hơn, tự hỏi có chăng một linh đạo phụ nữ nơi Edith Stein (<https://www.catholiceducation.org/en/controversy/feminism/is-there-a-specifically-feminine-spirituality-an-exploration-of-edith-steins-thesis.html>). Tác giả cho rằng trong những năm đại học của mình, Edith Stein có quan điểm duy nữ mạnh mẽ về nữ tính và trong tư cách một phụ nữ chuyên nghiệp, ngài đánh giá cao các thành tựu của những phụ nữ muốn bước vào các lĩnh vực do nam giới thống trị.



Khi bà trở lại Công Giáo vào năm 1922 sau khi nghiên cứu về Thánh Teresa thành Avila, quan điểm của ngài về phụ nữ càng sâu sắc hơn, trở thành một viễn kiến tâm linh về con đường đặc thù của người phụ nữ Kitô giáo.

Là một nhà triết học, Edith Stein đã tiếp cận câu hỏi có chăng một phương thức chuyên biệt nữ tính để phát biểu bản chất con người, như một “tâm hồn” [psyche] nữ tính chẳng hạn. ngài đặt vấn đề về việc liệu hữu thể phụ nữ có được quyết định chủ yếu bởi sinh học của họ hay không. Theo ý niệm của Aristot và Thánh Tôma trong đó linh hồn là mô thức của thân xác, ngài kết luận rằng phải có một nguyên tắc nữ tính trong linh hồn để xác định một cơ thể là nữ tính. “Chất thể phục vụ mô thức, không phải ngược lại. Điều đó gợi ý rõ ràng rằng sự khác biệt trong tâm hồn là điều chính yếu”.

Đây là một nhận thức thông suốt cực kỳ quan trọng dưới ánh sáng lập trường duy nữ cực đoan cho rằng đối với Giáo hội, “sinh học là định mệnh”. Việc không hiểu được vai trò ưu việt của tinh thần trong cuộc sống của người phụ nữ, và tính thống nhất giữa thể xác và tinh thần trong con người nhân bản, là nguyên nhân dẫn đến nhiều điều sai lầm trong xã hội đương thời. Cái hiểu của Stein rằng nữ tính bắt nguồn từ linh hồn ngụ ý rằng có những khía cạnh nội tại và vĩnh viễn đối với phái tính [gender] không được xây dựng hoặc thay đổi đáng kể bởi các nhân tố môi trường, văn hóa hoặc kinh tế.

Trong phân tích triết học của Stein, phụ nữ tham gia vào bản chất chung của con người. Thứ hai, bản chất này được dị biệt hóa là nam hay nữ. Và thứ ba, mỗi con người nhân bản hiện hữu như một cá nhân độc đáo. Việc nói về ba phân biệt này rất hữu ích trong việc hiểu được tính phức tạp của nam tính và nữ tính, vì mỗi người phát biểu các dị biệt này trong tính độc đáo của hữu thể bản vị cá nhân của họ. Đàn ông và đàn bà chia sẻ bình đẳng mọi khả năng của bản chất con người, và đàn bà phát biểu cả nhân tính lẫn nữ tính của họ một cách cá thể. Tuy nhiên, Stein cho rằng cá tính của mỗi người, cũng như sự khác biệt giới tính, đều bắt nguồn từ linh hồn, ngược với Thánh Tôma, người coi cả cá tính lẫn sự khác biệt giới tính đều phát xuất từ chất thể.

Stein không đơn độc khi nói về một linh hồn nữ tính. Thí dụ, theo nghiên cứu của So Prudence Allen, *Khái niệm về Người Phụ nữ*, Thánh Mechtild thành Hackeborn thời Trung cổ "tri nhận mình như linh hồn nữ tính".

Stein rút ra được nhiều chìa khóa quan trọng khác về vấn đề này từ Sách *Sáng thế*. Ở đó, ngài nhận thấy Thiên Chúa đã tạo ra hai cách khác nhau để trở thành nhân bản, nam và nữ, và mỗi cách được kêu gọi trở thành hình ảnh của Thiên Chúa, sinh hoa kết quả và thống trị trái đất. Khi người phụ nữ được tạo ra từ xương sườn của Adam, câu nói hờ hững của ông rằng nàng là "xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi" truyền đạt tới chúng ta điều này: người phụ nữ có cùng bản chất với người đàn ông. Việc mô tả người phụ nữ như một "người trợ thủ tương xứng với họ" (*eser kenegdo*) chỉ ra rằng bên trong sự tương đồng cũng có một điều gì đó bổ sung cho người đàn ông mà chính ông không có trong bản thân mình. Sự khác biệt này trong cùng một bản chất mang lại niềm vui khoái và sự giúp đỡ cho người đàn ông. Thiên Chúa đã nói với Adam rằng việc ông ở một mình là điều không tốt, ông được kêu gọi sống trong một cộng đồng yêu thương với một người khác, người sẽ mang đến cho ông một điều gì đó ông rất cần.

"Điều này có nghĩa chúng ta phải coi cuộc sống của cặp đôi con người nguyên thủy là cộng đồng tình yêu thân mật nhất, các cơ năng của họ hòa hợp hoàn hảo như trong một hữu thể đơn nhất; cũng thế, trước cuộc Sa Ngã, mọi cơ năng trong mỗi cá nhân đều hài hòa hoàn hảo, các giác quan và tinh thần hiện hữu trong mối quan hệ đúng đắn không hề có khả thể xảy ra xung đột" (*Essays on Woman*, 62)

Sau này, Đức Gioan-Phaolô II đã khai triển phân tích này một cách chi tiết hơn (trong các buổi yết kiến thứ Tư hàng tuần của các năm 1979-1981). Ngài nói tới ba bình diện của nhận thức: 1) con người biết mình như một hữu thể nhân bản khác biệt với các loài động vật; 2) người nam biết người nữ như một hữu thể nhân bản giống như mình nhưng khác với mình, một cách nào đó khiến lôi kéo họ vào một hiệp thông tình yêu để bộc lộ hình ảnh của Thiên Chúa một cách trọn vẹn hơn; và 3) người đàn ông tiến tới chỗ biết người đàn bà trong "màu nhiệm nữ tính... được biểu lộ và tiết lộ hoàn toàn qua tư cách làm mẹ" và nhờ cách này "màu nhiệm nam tính của đàn ông, nghĩa là, ý nghĩa sinh sản và làm cha của thân xác họ, cũng được tiết lộ một cách triệt để". Điều đáng lưu ý là Đức Cố Giáo Hoàng không những nhấn mạnh đến tính hợp nhất của thể xác và linh hồn, mà còn định vị sự phân biệt phái tính trong bối cảnh nhận thức; nghĩa là, trong tinh thần, chứ không trong chất thể. Điều này không có nghĩa là cho rằng nguồn gốc của sự khác biệt giới tính nằm ở linh hồn, nhưng nó chỉ theo hướng đó.

Stein được đào tạo về phân tích hiện tượng luận. Trường phái triết học này tập chú vào kinh nghiệm sống như nguồn để hiểu thực tại. Trong suốt mười năm dạy học cho phụ nữ trẻ ở

trường trung học, ngài đã tích lũy được nhiều kiến thức đầu tay về thói quen, suy nghĩ và mong muốn của những học sinh nữ được giao phó cho ngài. Những quan sát và suy gẫm cẩn trọng của ngài về phụ nữ và kinh nghiệm của họ đã khiến ngài mô tả một số đặc điểm mà ngài nghĩ là đặc biệt hiển nhiên nơi phụ nữ (mặc dù không hoàn toàn như vậy). "Khi tiếp xúc với mọi người nói chung và với học sinh của mình nói riêng, Edith Stein sở hữu một khả năng trực giác khác thường giúp ngài có thể tìm thấy đường đi vào những tầng sâu thẳm của một linh hồn chưa biết" (*Essays on Woman*, 4).

Dưới đây là một số phẩm chất tích cực mà ngài nhận thấy đặc biệt mạnh mẽ nơi phụ nữ:

- "Người phụ nữ tự nhiên tìm cách nắm lấy những gì sống động, có bản vị và toàn bộ" (*Essays on Woman*, 45). Họ có một sự hiểu biết trực giác về toàn bộ hữu thể và sự phát triển hữu cơ, và sức mạnh trong tri nhận đời sống xúc cảm và bản thân. Stein cũng tin rằng "Linh hồn người phụ nữ hiện diện mãnh liệt hơn và sống trong mọi bộ phận của cơ thể..." (*Essays on Woman*, 95). Vì vậy, người phụ nữ có một tri nhận toàn diện hơn về những điều tốt đẹp.
- "Nâng niu, canh giữ, bảo vệ, nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển là niềm khao khát tự nhiên, có tính mẫu thân của họ" (*Essays on Woman*, 95). Xu hướng mẫu thân không những được điều hướng về các mối quan hệ gia đình, mà còn hướng về việc chăm sóc những người trẻ bị bệnh, bị bỏ rơi, những người nghèo trong giáo xứ, việc giáo dục trẻ em, v.v. Sự tương cảm hay thiện cảm đối với người khác đặc biệt mạnh mẽ nơi phụ nữ. Họ có thiên phú làm bạn đồng hành. Vai trò chi phối hoặc lãnh đạo của họ được bao gồm trong ơn gọi làm mẹ của họ.
- Dù phụ nữ rất có khả năng xem xét lý thuyết và trừu tượng, họ có xu hướng điều hướng những xem xét này vào các ứng dụng thực tế.
- Tính dễ tiếp thu của người phụ nữ khiến họ dễ vâng lời, phục tùng, sẵn sàng được Chúa hướng dẫn. Họ cũng có năng khiếu chịu đựng nỗi đau, thu thập lực lượng của mình trong im lặng, tự thích nghi và quên mình.
- Niềm vui trong sáng tạo, mong muốn tạo ra một môi trường tươi đẹp, có trật tự và hòa bình là đặc trưng của người phụ nữ.
- Sự nhạy cảm đối với các giá trị đạo đức - ghét những gì thấp kém và hèn hạ - đã bảo vệ người phụ nữ chống lại sự quyến rũ và đầu hàng nhục dục. Lời tiên tri của Sáng thế cho thấy người phụ nữ đặc biệt dẫn thân vào cuộc chiến chống lại cái ác.

Stein tin rằng tội nguyên tổ đã làm vấy bẩn sự thuần khiết của bản chất người phụ nữ do Thiên Chúa tạo ra, và ngài mô tả một cách khá chi tiết các cơn cám dỗ và làm lỗi đặc thù mà phụ nữ dễ mắc phải.

Stein không coi những đặc điểm trên là tuyệt đối hay độc hữu. Tuy nhiên, chúng cho thấy, phụ nữ có ơn gọi đặc biệt, khác với nam giới; họ có thể có một đóng góp tích cực và bổ sung cho gia đình nhân loại, cho việc phát triển xã hội, văn hóa và tâm linh. Niềm khao khát sâu sắc nhất của phụ nữ là đạt được một sự kết hợp yêu thương. Đây không những là mong muốn của con người mà là một phần trong số phận và tính cách muôn đời của phụ nữ. Người phụ nữ cũng mong muốn có sự hoàn thiện nơi người khác. Họ tự thách thức và thách thức người khác tập chú nhiều hơn vào việc hoàn thiện con người bản vị bên trong hơn là đạt được các mục tiêu bên ngoài - trái ngược với mong muốn thiết yếu của đàn ông là tự bộc lộ trong hành



động và trong việc làm. Stein tin rằng tội nguyên tổ đã làm vấy bẩn sự thuần khiết của bản chất người phụ nữ do Thiên Chúa tạo ra, và ngài mô tả một cách khá chi tiết các cơn cám dỗ và làm lỗi đặc thù mà phụ nữ dễ mắc phải. Đây là những gì phụ nữ cần giải quyết để phát triển một đời sống thiêng liêng chân chính phù hợp với ơn gọi mà Thiên Chúa đã ban cho. "Thông thường, cái nhìn về bản thân xem ra bị phóng đại một cách không lành mạnh; trước nhất, xu hướng tập chú cả các hoạt động của mình lẫn của người khác vào con người của chính họ được phát biểu qua trang điểm phù phiếm, muốn được khen ngợi và tặng bốc, và nhu cầu chuyện trò không hạn chế; mặt khác, người ta thấy nó trong việc họ lưu ý quá mức đến người khác qua tính tò mò, ngòi lê đôi mách và nhu cầu vô ý tọc mạch pha mình vào cuộc sống riêng tư của người khác. Quan điểm muốn đạt tới nét toàn bộ của họ dễ dàng dẫn tới việc phung phí các năng lực của họ: sự ác cảm của họ đối với việc ra kỷ luật khách quan cần thiết cho các khả năng cá nhân dẫn đến việc họ bắt bẻ cách phiến diện trong mọi lĩnh vực. Và trong các mối liên hệ của họ với những người khác, người ta thấy nó được phát biểu qua việc hoàn toàn hoà đồng với họ quá mức yêu cầu của chức năng người mẹ: người bạn đầy thiện cảm trở thành kẻ gây phiền phức ngăn cản người khác, không chịu đựng một sự phát triển thầm lặng, kín đáo; và vì điều này, họ không thúc đẩy sự phát triển mà đúng hơn cản trở và làm tê liệt nó. Việc thống trị đã thay thế việc phục vụ vui tươi. Biết bao nhiêu cuộc hôn nhân bất hạnh đã được quy cho sự bất thường này! Biết bao sự ra xa cách giữa người mẹ và những đứa con đang lớn lên và ngay cả những đứa con đã trưởng thành!" (*Essays on Woman*, 47.)

Nhiều phụ nữ chúng ta có thể nhận ra một điều gì đó của bản thân mình phản ánh trong bức chân dung trên. Tôi nghĩ quả thật hữu ích khi Edith Stein đã có can đảm chỉ ra những xu hướng trên cho các chị em Kitô hữu của ngài, cho chính họ và cho những phụ nữ trẻ được họ dạy dỗ và hướng dẫn. Không phải chỉ là tinh thần nữ tính thuần túy không phát triển trong chúng ta, do ảnh hưởng của tội nguyên tổ. Mà còn có vấn đề sa đọa trong tính cách nam tính đích thực nữa, cách nó đang thống trị nền văn hóa của chúng ta – quá nhấn mạnh đến tính hung hăng, vụ lợi và kiêu hãnh. Điều này cũng dẫn đến việc mô hình Đức Maria dành cho phụ nữ bị coi thường hoặc bị phản đối một cách công khai.

Trong các ngài phát biểu về giáo dục, Stein cũng chỉ ra những điểm yếu khác mà phụ nữ có thể mắc phải. Niềm vui của một người phụ nữ trước vẻ đẹp của trái đất có thể biến thái thành lòng tham, tích trữ đồ vật hoặc vô tâm mê nhục dục. Một cám dỗ đặc biệt mạnh mẽ ngày nay, nhưng cũng hiển nhiên trong thời đại của Stein, là việc tập chú vào sự nghiệp có thể dẫn đến việc không chung thủy với ơn gọi nữ tính là hôn nhân và làm mẹ, gây nguy hiểm cho cuộc sống gia đình và cộng đồng (*Essays on Woman*, 74).

Ngoài ra, tinh thần vô trách nhiệm có thể phát xuất từ sự phụ thuộc và lười biếng. Trong đó, có thể có cơn cám dỗ muốn trở thành một đối vật xinh đẹp cho người khác hơn là một người sở hữu bản thân có khả năng đưa ra các quyết định của riêng mình. Chủ nghĩa duy cảm có thể làm suy yếu tính khách quan. Một người phụ nữ cũng có thể rơi vào tình trạng cay đắng, nhằn tâm hoặc trầm cảm nếu ơn gọi của họ bị phá ngang.

Để chống lại những xu hướng trên và xây dựng dựa trên các phẩm tính tích cực của vai trò phụ nữ, Stein đặt câu hỏi: đâu là sự hoàn thiện được một phụ nữ Kitô giáo tìm kiếm? ngài đầy tri nhận cho rằng: "Đầu tiên hãy trở thành một con người!"

Ngài minh họa nguyên tắc trên qua việc phân tích các nhân vật nữ anh thư trong ba cuốn tiểu thuyết, (*Ngôi nhà búp bê* của Ibsen, *Iphigenie* của Goethe, *Olaf Audunssohn* của Undset), những cuốn tiểu thuyết đã tiết lộ một điều gì đó về các cuộc đấu tranh nội tâm của phụ nữ.

Stein nhận định rằng trước khi một người phụ nữ có thể trở thành vợ và mẹ một cách tích cực, trước tiên họ phải trưởng thành trong việc tự chiếm hữu mình (*Essays on Woman*, 89-94). Dù người phụ nữ khao khát yêu thương và nhận được yêu thương, họ vẫn phải trở nên mạnh mẽ đủ để trở thành một hồng phúc thực sự cho người khác.

Để có một hình ảnh về lý tưởng thuần túy của tư cách phụ nữ trước tội nguyên tổ, Stein trưng dẫn Đức Nữ trinh Maria, nơi ngài, các phẩm tính tích cực của người phụ nữ được thể hiện một cách hoàn hảo nhất. Mẹ Thiên Chúa thể hiện thái độ tâm linh căn bản tương ứng với ơn gọi tự nhiên của người phụ nữ; mối liên hệ của nàng với chồng là một mối liên hệ vâng lời, tín thác và tham dự vào cuộc sống của chàng khi nàng đẩy mạnh các nhiệm vụ khách quan và nhân cách của chàng; đối với đứa con, nàng chăm sóc, khuyến khích và đào tạo các tài năng do Thiên Chúa ban cho đứa con; nàng vị tha hiến mình và im lìm rút lui khi không còn cần đến nữa. Tất cả đều dựa trên quan niệm coi hôn nhân và chức làm mẹ như một ơn gọi từ Thiên Chúa; nó được thực thi vì Thiên Chúa và dưới sự hướng dẫn của Người (*Essays on Woman*, 48).

Mọi phụ nữ đều được làm cho cao quý nhờ Đức Maria. "Người phụ nữ vốn là cửa ngõ qua đó Thiên Chúa tìm được lối vào với loài người" (*Essays on Woman*, 70). Lời "xin vâng" của ngài đã làm khả hữu sự thuận ý tín trung của mọi Kitô hữu. Trong tư cách ấy, và theo yêu cầu của Chúa Kitô, ngài là Mẹ của Giáo hội và là biểu tượng của việc Kitô hữu đáp ứng đôi với sáng kiến của Thiên Chúa. Stein hình dung người phụ nữ Kitô giáo, mô phỏng theo Đức Maria, được gọi bước vào ơn gọi thi hành bốn vai trò: làm con Thiên Chúa, làm cơ quan của Giáo hội, làm biểu tượng của Giáo hội và làm con Đức Maria (*Essays on Woman*, 241). Một linh đạo nữ tính đích thực được thành hình nhờ việc nghiên cứu và chiêm niệm cẩn thận về Đức Maria. Để chống lại ý niệm coi người phụ nữ giống Đức Maria là thụ động hoặc trống rỗng, Stein đề xuất một phương thuốc tự nhiên, mặc dù là một phương thuốc cần đến sự trợ giúp của ân sủng để đổi mới chúng ta từ bên trong.

"Một phương thuốc tốt tự nhiên chống lại mọi khiếm khuyết điển hình của nữ tính là việc làm khách quan vững chắc. Điều này tự nó đòi hỏi sự kìm nén thái độ có tính bản vị thái quá. Nó đòi phải chấm dứt tính hời hợt không những trong việc làm của chính họ nhưng nói chung. Vì nó đòi hỏi sự phục tùng các luật lệ khách quan, đây là một lối học về sự vâng lời. Nhưng nó không được dẫn đến việc từ bỏ thái độ tốt đẹp và thuần bản vị cũng như không chuyên môn hóa một chiều và nô lệ cho một kỷ luật vốn tiêu biểu cho sự sa đọa của bản chất nam tính. Việc phương thuốc tự nhiên này tức việc làm khách quan cực kỳ đầy đủ ra sao có thể được nhìn thấy trong sự trưởng thành và hài hòa của nhiều phụ nữ từng biểu lộ một sự đào tạo tri thức cao hoặc những người đã được tôi luyện bởi cuộc sống khó khăn trong kỷ luật của việc làm chuyên nghiệp rất căng thẳng" (*Essays on Woman*, 48). Trong các giảng khóa của mình, Stein nói một cách cụ thể và thiết thực về cuộc sống và các thách thức đối với những phụ nữ đã lập gia đình, độc thân và thánh hiến, cũng như về ơn gọi thiêng liêng đặc thù đối với phụ nữ ở mỗi bậc sống. ngài nói rõ ràng rằng ơn gọi chính của người phụ nữ là sinh sản và nuôi dạy con cái. Đồng thời, ngài nhạy cảm nói về hoàn cảnh của người phụ nữ độc thân, nhấn mạnh đến những nhu cầu và những cảm dỗ thiêng liêng của họ; đối với những nhu cầu và cơn cám dỗ này, ngài khuyến khích ở gần bên Chúa trong Bí tích Thánh Thể và với cộng đoàn Giáo Hội; và tìm một vị linh hướng. Người độc thân không cần phải ở một mình. ngài cũng mô tả một cách tuyệt vời lý tưởng khiết trinh của Tân Ước, và coi đời sống thánh hiến của "người phối ngẫu của Chúa Kitô" như là sự thành toàn cao nhất của bản chất nữ giới. Sự khôn ngoan thực tế của ngài trong những lĩnh vực này rất đáng để đọc chi tiết. Cuối cùng, với tư cách một nhà giáo dục, Stein xem xét cẩn thận vấn đề đào tạo các phụ nữ trẻ. Điều này bao gồm việc đào tạo cả về một bậc sống đặc thù, chẳng hạn như vợ và mẹ, lẫn như thành viên của vương

quốc Thiên Chúa.

Là một người mẹ, “nàng sẽ đứng vững trước linh hồn của con cái nàng, bảo vệ đời sống ân sủng đã bắt đầu trong chúng qua phép rửa thánh thiêng” (*Essays on Woman*, 122).

Nói chung, phụ nữ được kêu gọi có thái độ phục vụ quên mình, coi người khác như những hồng phúc được trao phó cho mình và việc phát triển các bản tính do Thiên Chúa ban cho họ như một nhiệm vụ thánh thiêng. Ngài cũng nỗ lực khơi dậy nơi người khác tia sáng của tình yêu đối với Thiên Chúa. Trong mọi ơn gọi, người phụ nữ được mời gọi chăm sóc đầy tình mẹ cho những người khác, phát huy sức mạnh của mình để hiến tặng tình yêu và giúp đỡ họ trong việc trưởng thành của chính họ. Điều này chỉ có thể được duy trì nhờ quyền năng và tình yêu của Chúa Kitô, lời cầu nguyện và sự trông cậy vào tất cả các nguồn lực của Giáo Hội Công Giáo trong Thánh lễ, Bí tích Thánh Thể, Bí tích Sám hối, các ân sủng của bí tích hôn phối và việc thánh hiến khiết trinh. Người phụ nữ là "biểu tượng hữu hình của Giáo Hội" (*Essays on Woman*, 120), với ơn gọi làm tăng trù thực sự ởng con cái Thiên Chúa, sinh hoa kết trái, bất kể về thể xác hay thiêng liêng. Là một người mẹ, “nàng sẽ đứng vững trước linh hồn của con cái nàng, bảo vệ đời sống ân sủng đã bắt đầu trong chúng qua phép rửa thánh thiêng” (*Essays on Woman*, 122).

Giá trị khảo luận linh đạo của Stein hệ ở tính thực tế cụ thể và cách tiếp cận toàn diện của nó. Đối với ngài, linh đạo không phải là một phần riêng biệt trong cuộc sống của mỗi người, nhưng đúng hơn chính là điều làm nền tảng cho mọi sự. Linh đạo nữ được phát biểu xuyên suốt mọi khía cạnh trong cuộc sống của người phụ nữ. Nhưng mặc dù Stein tin rằng phụ nữ có một linh hồn nữ tính, và mọi phụ nữ đều được gọi để làm mẹ, cũng như tất cả đàn ông đều được gọi là làm cha, nàng vẫn cho phép những khác biệt cá nhân tác động lên cách sống cụ thể. Phản ứng của người phụ nữ trước ơn gọi của Thiên Chúa phải linh động và sáng tạo. Điều này cũng không được làm ta sao lãng Chúa Giêsu Kitô như hình mẫu lý tưởng cho cả đàn bà lẫn đàn ông:

"Được thuộc về và phụng sự Thiên Chúa trong tình yêu phó thác tự do là ơn gọi của mỗi Kitô hữu, không phải của một số ít người được tuyển chọn. Dù được thánh hiến hay không, dù là đàn ông hay đàn bà - mỗi người đều được kêu gọi noi gương Chúa Kitô. Càng tiếp tục tiến xa trên con đường này, họ càng trở nên giống Chúa Kitô hơn. Chúa Kitô hiện thân lý tưởng hoàn thiện của con người: Nơi Người, các thiên kiến và khiếm khuyết đều bị gỡ bỏ, các nhân đức thuộc nam tính cũng như nữ tính đều được thống nhất và các yếu đuối của họ đều được cứu chuộc; cho nên, các kẻ theo Người sẽ từ từ vượt thắng các giới hạn tự nhiên của họ. Đó là lý do tại sao chúng ta thấy nơi những người đàn ông thánh thiện sự dịu dàng và nhân lành của một người phụ nữ và một sự quan tâm có tính mẫu tử thực sự đối với những linh hồn được giao phó cho họ, trong khi nơi những người phụ nữ thánh thiện có sự mạnh dạn, thành thạo và cương quyết của đàn ông" (*Essays on Woman*, 84).

Tuy nhiên, ngài cảnh cáo rằng kết quả trên không đạt được nhờ "một cuộc chiến đấu võ đoán chống lại tự nhiên và bằng cách phủ nhận các giới hạn tự nhiên, mà chỉ nhờ lòng khiêm tốn phục tùng mệnh lệnh của Thiên Chúa" (*Essays on Woman*, 85).

Stein coi đàn ông và đàn bà như những đóng góp bổ sung tạo nên tình hòa hợp của cả cộng đồng Kitô giáo. Đức Gioan Phaolô II đã khai triển khái niệm về sự hợp nhất kép: chính sự hiện hữu của những khác biệt thực sự làm cho sự hợp nhất khả hữu. Các phân biệt nam nữ làm cho sự hợp nhất khả hữu. Khi nam tính và nữ tính được sống trong sự thuần khiết nguyên thủy của chúng, chúng trở thành một hồng phúc cho nhau, tạo thành một nền văn minh của

tình yêu không dựa trên sự giống nhau mà dựa trên sự tôn trọng khác biệt.

Sự kiện những người trưởng thành về mặt tâm linh có thể kết hợp cả các phẩm tính nam tính và nữ tính, thiên nhiên, không phủ nhận luận điểm của Edith Stein về một linh hồn nữ tính và nền linh đạo. Theo phân tích của Nữ tu Prudence Allen, phụ nữ sẽ phát biểu các phẩm tính được coi là của đàn ông theo lối đàn bà, và đàn ông sẽ phát biểu các phẩm tính được coi là của đàn bà theo lối đàn ông. Điều này không làm thay đổi thực tại linh hồn của họ vốn là nam hay nữ trong cơ cấu. Tuy nhiên, luận điểm này cần phải được nghiên cứu và suy tư nhiều hơn.

## 6. Thử tìm hiểu quan điểm của Edith Stein về phụ nữ

Cuộc trở lại mâu nhiệm của Thánh Nữ Edith Stein, xét về một khía cạnh nào đó, có thể so sánh với cuộc trở lại đầy huyền nhiệm của Thánh Phaolô. Từ một tín đồ ngoan đạo của Do Thái Giáo, kinh qua một tuổi trẻ vô tín ngưỡng, trên đường miệt mài nghiên cứu triết lý hiện tượng luận của Husserl, bỗng tìm ra sự thật Kitô vào đúng mùa hè 1921, cách nay đúng 100 năm. Cũng như Thánh Augustinô, với lệnh truyền huyền nhiệm *Tolle et lege* (hãy cầm lên mà đọc), ngài đã cầm cuốn tự truyện của Thánh nữ Teresa Avila tại thư viện nhà người bạn và đã đọc liên hồi thâu đêm suốt sáng. Và khi đặt cuốn sách xuống, ngài thốt lên, “đây đúng là sự thật”.

Thế là ngài sẵn sàng bỏ hết để bước chân theo Đức Kitô, sẵn sàng dâng phần còn lại của cuộc đời, phần còn rất dài vì lúc ấy ngài vẫn chỉ là một người đàn bà còn rất trẻ, rất tươi trẻ và sáng chói trên bầu trời học thuật, cho Chúa Kitô. Ngay sau khi chịu phép rửa gia nhập Giáo Hội Công Giáo, ngài muốn gia nhập Dòng Cát Minh của Thánh Nữ Teresa không chần chừ.

Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội đầy mẫn cảm đã ngăn cản việc ấy vì không muốn gây đau lòng cho người mẹ rất thân yêu của Thánh Nữ, người từng một mình vừa nuôi dạy 7 người con nên người vừa quán xuyến công việc kinh doanh buôn gỗ của chồng để lại và là người hết lòng yêu thương đưa con gái út đầy thông minh linh lợi này, những mong con sẽ theo bước chân mình thờ phượng đấng Giavê của Ápraham, của Isaac và của Giacóp, chứ không phản bội đi tôn thờ "cái con người tự xưng mình là Thiên Chúa kia".



Trong khi chờ đợi ngày được thỏa mãn ý nguyện, các vị linh hướng của ngài khuyên ngài nên dùng khả năng thiên phú để truyền giảng đức tin. Ngài đã vâng theo và chọn nói chuyện với các phụ nữ. Vì ngài vốn là nạn nhân của nền văn hóa trọng nam khinh nữ hồi ấy: dù được Husserl và sau này cả Heidegger đề cử, luận án thạc sĩ (habilitation), tức bằng cấp hậu tiến sĩ để có thể dạy Đại Học của ngài hai lần bị bác bỏ, chỉ vì ngài là đàn bà. Và lại, Edith Stein vốn

là người tranh đấu cho phụ nữ có quyền bỏ phiếu.

Trong bài “Edith Stein Convert, Nun, Martyr” trên trang mạng <https://www.catholiceducation.org/en/culture/catholic-contributions/edith-stein-convert-nun-martyr.html>), Laura Garcia cho rằng các trước tác của Edith Stein trong giai đoạn này về phụ nữ khó mà đánh giá quá cao được cả về tính độc đáo và mức nhìn thông sáng lẫn ảnh hưởng sâu rộng của bà.

Đức Hồng Y Lustiger của Paris, bản thân là một người Do Thái cải đạo sang Công Giáo, đã gọi Edith Stein là một trong những nhà triết học vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. Đức Hồng Y cho rằng người học trò hạng nhất của ngài là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II. Bất cứ ai đã đọc thông điệp của vị Giáo hoàng này về *Phẩm giá và Ôn gọi của Phụ nữ*, hoặc *Bức thư gửi Phụ nữ* sau đó của ngài, sẽ thấy ngay chúng nợ công trình tiên phong của Edith Steins về chủ đề này nhiều như thế nào.

Theo quan điểm của Stein, động lực thúc đẩy những tìm hiểu này về bản chất và ơn gọi của phụ nữ là nhu cầu giáo dục phụ nữ theo cách hoàn thiện hóa họ, không những chỉ như những con người nói chung, mà phải như các phụ nữ. Stein bác bỏ chủ trương của phái nữ quyền cấp tiến vốn cho rằng không có sự khác biệt quan trọng giữa nam giới và nữ giới. Là một nhà triết học đi tìm cơ sở cho nữ tính đích thực, ngài bắt đầu với điều có thể gọi là hữu thể học [ontology] về người đàn bà.

Sau khi trở lại Đạo Công Giáo, Stein đã chuyển sang nghiên cứu mạnh mẽ về triết gia Công Giáo vĩ đại và Tiên sĩ của Giáo hội, tức Thánh Tôma Aquinô. ngài bị cuốn hút bởi quan điểm của Thánh Tôma về con người. Không giống như thuyết nhị nguyên triệt để của Descartes, vốn trình bày linh hồn và thể xác như hai thực thể khác nhau và khác biệt, Thánh Tôma nhấn mạnh vào sự thống nhất tồn hữu của con người, thể xác và linh hồn, vì mỗi bản thể tự nhiên là tổng hợp của mô thức và chất thể. Hơn nữa, vì chất thể là điều phân biệt con người này với con người khác, nên thể xác là thiết yếu đối với con người, chứ không chỉ đơn giản là một cỗ máy hay một lớp vỏ cho linh hồn mà ta có thể vứt bỏ mà không gây tổn hại nghiêm trọng nào đến bản ngã thực sự.

### **Linh hồn khác biệt của người đàn bà**

Cùng với Thánh Tôma và Aristốt, Stein thừa nhận rằng có những đặc điểm độc đáo đối với linh hồn con người, những khả năng (hoặc ít nhất là những đặc điểm thuộc thiên hướng) có chung với mọi thành viên của chủng loại. Tính hợp lý, và cùng với nó là sự lựa chọn tự do, thuộc về mọi hữu thể nhân bản và mọi phụ nữ trong tư cách một nhân vị. Nhưng nếu linh hồn là mô thức của thân xác, và mô thức của nhân tính được cá biệt hóa nhờ được hợp nhất với thân xác này hay thân xác nọ, Stein lý luận rằng linh hồn phụ nữ có một phẩm chất tinh thần khác biệt với linh hồn của nam giới. Ngài không cho rằng sinh học là định mệnh, nhưng các khác biệt về thể chất giữa nam và nữ đánh dấu sâu sắc nhân cách của họ. Thân xác phụ nữ đóng dấu linh hồn họ bằng những phẩm chất đặc thù chung cho mọi phụ nữ nhưng khác với những đặc điểm nam tính khác biệt. Stein coi những khác biệt này có tính bổ sung chứ không có tính phẩm trật về giá trị, và vì vậy chúng nên được công nhận và tôn vinh hơn là giảm thiểu và phàn nàn. Có hai cách để trở thành con người, là đàn ông hoặc đàn bà.

Stein chống đỡ quan điểm của mình bằng cả việc dùng triết học nại tới tính thân thiết trong mối liên hệ thể xác / linh hồn lẫn các lý thuyết tâm lý tập chú vào các kiểu nhân cách, hơn là chỉ tập chú vào hành vi mà thôi. Ngài coi các khác biệt giữa nam và nữ là điều hiển nhiên

ngay cả với lương tri, và vì vậy cần một chút lập luận. Luận đề của ngài ngày nay hẳn bị nhiều nhà duy nữ phủ nhận, nhưng có lẽ không phải bất cứ ai có con thuộc cả hai phái tính. Sự khác biệt giữa trẻ gái và trẻ trai là điều hiển nhiên và xem ra hoàn toàn cưỡng lại việc thao túng. Thiên nhiên khá ngoan cố trong việc tự khẳng định mình hoàn toàn không quan tâm đến các lý thuyết của chúng ta.

### Các thiên hướng sâu sắc

Stein dựa vào các trình thuật tạo của dụng của Sách Sáng thế để rút tĩa điều được ngài coi là ơn gọi tự nhiên của người phụ nữ. Vì có mối liên hệ chặt chẽ với sự hạ sinh và phát triển của con người, người phụ nữ tìm kiếm và đón nhận bất cứ điều gì sống động, bản vị và toàn bộ. Được nâng niu, canh giữ, bảo vệ, nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển là niềm khao khát mẫu thân rất tự nhiên của nàng. Người đàn bà tự nhiên tập trung vào những gì là nhân bản và có xu hướng dành cho các mối liên hệ tầm quan trọng cao hơn công việc, thành công, danh tiếng, v.v. Ở đây, đường hướng suy nghĩ của Stein phù hợp với các tác giả tân duy nữ gần đây như Carol Gilligan, người cho rằng phụ nữ tiếp cận các vấn đề luân lý một cách chú ý nhiều hơn tới những người bị ảnh hưởng bởi các hành động và quyết định của họ hơn là những xem xét trừu tượng và phi bản vị về nghĩa vụ, quyền lợi và công lý.

Người phụ nữ tự nhiên đồng điệu với cá nhân hơn, và do đó với một con người cụ thể, đặc thù với mọi nhu cầu và tiềm năng riêng của họ. Hơn nữa, sự quan tâm của người mẹ này nhằm sự phát triển toàn diện của người kia như một thể thống nhất gồm thể xác, linh hồn và tinh thần. Không có một khía cạnh nào của nhân cách phải hy sinh cho bất cứ khía cạnh nào khác. Đặc biệt, không có chuyện phân ly giữa tinh thần và thể xác, đối xử với người ta (đặc biệt là các sinh viên) như thể họ là những trí tuệ không có thân xác.

Khía cạnh làm mẹ của ơn gọi phụ nữ liên quan đến việc giúp đỡ người khác phát triển hết tiềm năng của họ, và đối với những người đã kết hôn, điều này bao gồm cả chồng cũng như con của họ. Chức làm mẹ là ơn gọi phổ quát của phụ nữ, và vì vậy không phải là một nhiệm vụ chỉ được thực hiện đối với những đứa con sinh học mà thôi. Mối quan tâm của phụ nữ đối với lợi ích của con người phải mở rộng đến tất cả những ai mà cuộc sống của họ có liên hệ cách nào đó với nàng.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nâng ơn gọi của phụ nữ này lên tầm cỡ thực sự vũ trụ, trông mong phụ nữ sẽ tái nhân bản hóa một thế giới bị thống trị bởi chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa duy vật. Trong *Tin Mừng Sự Sống*, ngài kêu gọi phụ nữ dạy người khác rằng mối liên hệ giữa con người với nhau sẽ chân chính nếu họ cởi mở đối với việc chấp nhận người khác: một người được nhìn nhận và yêu thương vì phẩm giá vốn phát xuất từ việc là một con người chứ không phải từ những suy xét khác, chẳng hạn như tính hữu dụng, sức mạnh, trí thông minh, sắc đẹp hoặc sức khỏe. Đức Thánh Cha tuyên bố rằng sự đóng góp này của phụ nữ là điều tiên quyết không thể thiếu cho một sự thay đổi văn hóa chân chính, để thay thế nền văn hóa sự chết bằng nền văn minh tình yêu.

Ngoài chức phận làm mẹ về văn hóa hoặc thiêng liêng này ra, Stein coi ơn gọi của phụ nữ bao gồm cả chiều kích vợ chồng, tức vai trò đồng hành [companionship]. Điều này liên quan đến việc chia sẻ cuộc sống của người khác, đi vào cuộc sống đó và biến các quan tâm của người đó thành của chính mình. Người ta có thể lập luận rằng đây là một ơn gọi cho cả nam lẫn nữ, và có lẽ Stein không phủ nhận điều này. Nhưng điều cũng có thể đúng là phụ nữ có một thiên tài đặc biệt về tình bạn, có lẽ vì họ vốn hướng chiều về khía cạnh nhân bản và bản vị, và họ có khả năng thể hiện lòng tương cảm [empathy] nhiều hơn. Luận văn của Steins về

chủ đề tương cảm đã được hoàn thành vài năm trước khi bà diễn giảng về vai trò của phụ nữ, nhưng người ta có thể thấy ảnh hưởng của nó đối với công việc sau này. Bà mô tả sự tương cảm như là nhận thức rõ ràng về một người khác, không chỉ đơn giản về nội dung trải nghiệm của họ, mà còn về trải nghiệm của họ đối với nội dung đó. Trong sự tương cảm, một người thay thế người kia mà không trở nên đồng nhất với họ. Nó không chỉ là hiểu kinh nghiệm của người kia, mà theo một nghĩa nào đó, coi chúng như là của riêng mình.

Rõ ràng khả năng bước vào cuộc sống của một người khác này đặc biệt hữu ích trong hôn nhân, nhưng nó cũng có thể và nên được thực hiện trong các mối liên hệ khác. Đối với những phụ nữ độc thân, hoặc những người đã dâng mình hoàn toàn cho Thiên Chúa, khía cạnh này trong ơn gọi của họ nên mang lấy một phạm vi phổ quát hơn, và kêu gọi một loại tình yêu bất vụ lợi hơn {tức là một điều thần thiêng hơn}. Tất cả những ai biết Edith Stein đều nói với chúng ta rằng ngài là một điển hình sống động về khả năng tương cảm này. Vị linh hướng của ngài vào cuối thập niên 1920, Đan viện trưởng Raphael Walzer, đã viết rằng ngài sở hữu một sự lắng lo dịu dàng, thậm chí mẫu thân, đối với người khác. Ngài thẳng thắn và trực tiếp với những người bình thường, có học với các học giả, một người cùng tìm kiếm với những người đang đi tìm sự thật. Người ta dám nói ngài là một người tội lỗi với những người tội lỗi.

### **Các phụ nữ trong các chuyên nghiệp**

Vai trò của các phụ nữ trong xã hội được Stein quan tâm rất sâu sắc. Bản thân ngài là một phụ nữ chuyên nghiệp, và ngài đã dạy những phụ nữ trẻ hơn ở cấp trung học và sau đó ở cấp đại học, đúng vào thời điểm họ đang quyết định cuộc đời mình nên đi theo con đường nào. Có nên giới hạn phụ nữ trong lãnh vực nội trợ ở trong nhà và bên lò sưởi không? Stein trả lời: không thể nào. Ngài coi các thành tựu mà phong trào phụ nữ đạt được về mặt này là tích cực, mở ra những nghề nghiệp và sinh hoạt chính trị cho phụ nữ và mang lại cơ hội bình đẳng trong những lĩnh vực này.

Stein đã dịch *cuốn Ý niệm về một Trường Đại học* của Newman sang tiếng Đức, và ngài cho rằng một nền giáo dục khai phóng có thể cũng hữu ích cho việc đào tạo phụ nữ y như cho việc đào tạo nam giới. Nếu một số đề tài hấp dẫn hoặc thú vị hơn một cách tự nhiên đối với phụ nữ, có lẽ vì mối liên hệ rõ ràng với những gì sinh động và có bản vị, thì các chủ đề khác có thể là những điều hữu ích để điều chỉnh các quan điểm quá ư bản vị. Vì các kỹ năng nội trợ có thể học ở nhà, Stein đề nghị một chương trình giảng dạy cho phụ nữ đại học sẽ không khác biệt đáng kể so với những gì được cung cấp cho nam giới. Tuy nhiên, ngài cảm thấy điều quan trọng hơn cả là các bậc thầy dạy phụ nữ phải biết cách kết nối chủ đề giảng dạy của họ với những mối quan tâm và nhạy cảm đặc thù của phụ nữ. Ngài nghĩ rằng điều rất quan trọng là các trẻ gái và phụ nữ phải được dạy trước nhất bởi phụ nữ.

Khi được hỏi liệu ơn gọi tự nhiên của phụ nữ có loại trừ một số nghề không phù hợp với họ hay không, Stein trả lời: Người ta có thể nói rằng trong trường hợp cần thiết, mọi phụ nữ bình thường và khỏe mạnh đều có thể giữ một chức vụ. Và không có nghề nào mà người phụ nữ không thể làm được. Có lẽ một số ngành nghề sẽ tiếp tục thu hút nhiều phụ nữ hơn nam giới, một phần do thành tố nhân bản mạnh mẽ của chúng. Chúng ta có thể mong đợi tìm được một bách phân lớn các phụ nữ được thu hút vào các lĩnh vực như giảng dạy, y khoa, luật, công tác xã hội, tâm lý học, v.v. Rõ ràng, không phải ai cũng được lựa chọn khi bước vào thị trường lao động như loại công việc nào họ thấy hấp dẫn nhất, và nhiều phụ nữ (cũng như nhiều nam giới) sẽ làm những công việc không đặc biệt thích hợp với họ. Nhưng mọi nghề đều có thể được thực hành một cách theo nữ tính; nghĩa là, mọi nghề đều có thể được nhân bản hóa, trở nên thân thiện hơn với con người và tiếp xúc nhiều hơn với các mối quan tâm của con người.

Vì vậy, việc phụ nữ nên có mặt trong mọi ngành nghề là một điều rất tốt cho xã hội. Nói về vai trò của phụ nữ trong đời sống quốc gia, Stein thúc giục, Quốc gia... không đơn giản chỉ cần điều chúng ta có. Nó cần điều chúng ta đang có. Điều tương tự cũng có thể nói về nhà máy, văn phòng, các ngành nghề, lĩnh vực chính trị, cũng như trường học và gia hộ.

Stein đặc biệt khuyến khích phụ nữ tham gia vào đời sống chính trị. Bà cảm thấy sự quan tâm mầu thân của phụ nữ nên dẫn họ tới một quan tâm sâu sắc đối với đời sống cộng đồng, từ Hội Phụ Huynh đến chức chủ tịch. Vì các quyết định được đưa ra tại quảng trường công cộng có tác động sâu sắc đến gia đình và các nhân vị nói chung, nên phụ nữ tự động có quyền lợi lớn trong đó. Trong những thời kỳ đen tối, như trong thể hệ của những Edith Stein, nhưng cả trong chính thể hệ của chúng ta, phụ nữ được đặc biệt kêu gọi can đảm lên tiếng và tạo tác động ở bên ngoài gia đình và cộng đồng của họ. Đối với Stein, việc tham gia vào cuộc sống công cộng này không hẳn hệ ở việc chiếm giữ quyền lực. Thay vào đó, bà dường như nghĩ đến một loại nhân chứng công cộng mà phụ nữ có thể cung hiến.

Stein thường thúc giục phụ nữ nhìn vào các bà mẹ của chính họ để hiểu sâu sắc về ý nghĩa của việc trở thành một người phụ nữ. Những bài tiểu luận về phụ nữ của ngài phần lớn nhờ tấm gương của mẹ ngài, và rõ ràng là ngài đã cảm nhận được tình yêu và tình bạn sâu sắc dành cho cụ trong suốt cuộc đời ngài. Stein khuyến khích mọi phụ nữ tìm cách sống thực lý tưởng làm phụ nữ đích thực trong cuộc sống và hoàn cảnh của mình. Điều này có nghĩa là đặc biệt thực thi ơn gọi làm mẹ, một ơn gọi chủ yếu dành cho phụ nữ, và là điều ít chói sáng hay quyến rũ đối với nhiều phụ nữ ngày nay.

Phần lớn công việc của một bà mẹ bị che khuất, và các tưởng thưởng của nó cũng vô hình. Đây chính là lý do tại sao Edith Stein trông mong các phụ nữ duy trì trong xã hội loài người các giá trị tinh thần không thể đo lường được. Tất nhiên, các thành tựu công khai của phụ nữ không phải là không quan trọng, nhưng phụ nữ không nên quên các mục đích mà tất cả những thứ khác chỉ là phương tiện. Trong một lá thư của mình, Stein viết: Về vấn đề liên quan đến các đồng phụ nữ chúng ta, các người lân cận của chúng ta, nhu cầu tinh thần vượt lên trên mọi điều răn. Mọi thứ khác chúng ta làm chỉ là một phương tiện dẫn đến một mục đích. Nhưng tình yêu đã là một mục đích rồi, vì Thiên Chúa là tình yêu.

Trong một bài diễn văn ngay trước khi Hitler lên nắm quyền, Edith Stein đã thúc giục một nhóm phụ nữ Công Giáo đấu tranh cho những sự thật này: Có lẽ đã đến lúc người phụ nữ Công Giáo sát cánh với Đức Maria và với Giáo hội dưới chân thập giá. Sẽ là điều xấu hổ nếu để ngài đáp trả ơn gọi một mình.

## **7. Edith Stein đã giúp tôi trở thành một người đàn bà**

*Tâm sự của Carly Andrews - Life Institute - đăng ngày 20/09/2013  
(<https://aleteia.org/2013/09/20/how-edith-stein-made-me-a-woman/>)*

*Tôi đang ẩn núp trong bóng tối thì bà đến, tát tôi một cú tát thật đau và đẩy tôi tinh táo bước vào cuộc sống.*

Tôi nhận thấy có điều gì đó không ổn khi tôi bước vào cuộc tranh cãi với một số bạn bè về ngôn ngữ hoàn toàn mang phái tính.

Tôi không hiểu sao họ không hiểu điều này - đặc biệt trong lĩnh vực học thuật - khi đụng đến



việc sử dụng ngôn ngữ, đàn bà là công dân hạng hai. Điều này đã làm dấy lên một cuộc thảo luận khá sôi nổi (giữa họ và tôi) về sự áp bức đàn bà nói chung.

Một người bạn của tôi đã lặng lẽ đề nghị tôi đọc Edith Stein. Tôi khinh thường hát cô ấy ra. “Tôi không phải là người có vấn đề” tôi tự nhủ.



Cuối cùng tôi bỏ đi, nóng bừng cả người đến tận cổ và có nhiều khả năng họ nghĩ tôi là người theo chủ nghĩa duy nữ cứng rắn. Tôi đâu phải thế, nhưng điều này khiến tôi nhận ra rằng tôi rất giận đàn ông.

Hơn nữa, việc trải nghiệm nhiều người đàn ông thực sự tốt lành trong cuộc hành trình của tôi với Cộng đồng Emmanuel năm đó - các linh mục, các người cha, các anh em và con trai – càng khiến tôi lưu ý đến sự bất nam tính đơn thuần của những người đàn ông mà tôi đã trải qua trong cuộc sống riêng của mình và những tổn hại đau đớn do nó gây ra. Nhắc lại điều này chỉ càng làm tôi tức giận hơn.

“Được rồi, Houston” Cuối cùng tôi nói sau khi bớt nóng, “Tôi nghĩ chúng ta có vấn đề”

Sự tương tác khó chịu với bạn bè khiến tôi hiểu rằng tôi đã bị thương nhiều hơn những gì tôi có thể nhận ra. Tất cả những nỗ lực và thử thách tôi đã trải qua khi cố gắng tìm cách chữa lành trong những năm gần đây và tôi đột nhiên rơi vào tuyệt vọng và đau đớn. Cảm thấy như mình phải bắt đầu lại từ đầu.

**Tôi không biết phải làm gì với bản thân.** Tôi bắt đầu cuộn mình trở lại với bóng tối.

Trong lúc tuyệt vọng, tôi lấy cuốn sách mà người bạn đã giới thiệu có tên là 'Woman' (Đàn bà), đây là tuyển tập các trước tác về bản chất tư cách đàn bà của Edith Stein (Tân tông gốc Do Thái, Nữ tu Cát minh, nhà triết học ngoại hạng, nạn nhân phòng hơi ngạt của Đức Quốc xã, Thánh nữ và NGÔI SAO NHẠC ROCK toàn diện).

Tôi bỗng quỳ gối xuống. “Vâng, lạy Chúa” Tôi nói “Con đây. Con xa lạc, con suy sụp và con xin dâng những gì bản ngã khôn cùng nhỏ nhoi của con có cho Chúa”. Sau đó, không phải là không có chút bối rối, tôi bắt đầu cầu nguyện với cuốn sách.

Tôi bắt đầu đọc; càng đọc, máu của tôi càng sôi lên... những từ ngữ, những từ xuyên thấu đó - chúng bắt đầu chạy như sấm chớp xuyên thấu tâm trí tôi, khiến tôi quay cuồng.

“Đàn bà tự nhiên tìm cách nắm lấy những gì *sống động, có tính bản vị và toàn bộ*. Nâng niu, canh giữ, bảo vệ, nuôi dưỡng, thúc đẩy sự trưởng thành là niềm khao khát mẫu thân đầy tự nhiên của nàng.

“Hong phúc làm mẹ cho phép người đàn bà quan tâm và tương cảm trong những lĩnh vực khác xa với mối quan tâm đến mình của nàng.

“Tất cả đàn bà đều có ơn gọi tự nhiên là làm vợ và làm mẹ...”

Càng đọc, tôi càng nhận ra rằng tôi không hề giống với người đàn bà mà Edith đang mô tả và tất cả những đặc điểm điển hình của nam giới được bà mô tả, tôi đều sở đắc, và sở đắc một cách dư thừa không kém. Tôi có khuynh hướng suy nghĩ trừu tượng, tôi có một sự độc lập ngang ngạnh đến mức tôi không dựa dẫm và tin tưởng vào ai khác ngoài bản thân mình...

... Và rồi CÚ TÁT! Một tia chớp Sự thật làm tôi choáng váng hoàn toàn và xé toạc trái tim tôi như một trái banh vỡ nát...

### **Trước đây, tôi không phải là một người đàn bà.**

Tôi chết đứng trên đường đi trước đây của mình. Đó là một tiết lộ tàn khốc và tan nát, dẫn đến việc tôi hoàn toàn tự hủy hoại bản thân. *Tôi đã không phải là một người đàn bà*. Tôi đã không phải là người mà Chúa Kitô muốn tôi trở thành, tôi đã không sống theo ơn gọi tự nhiên của mình, do đó tôi đã không sống trong sự thật của Người, tôi đã không sống trong thân thể của Chúa Kitô - và bên ngoài Chúa Kitô, không có gì cả, không có sự sống. Tôi rơi vào cõi không hiện hữu.

Tôi đã luôn chắc chắn về bản thân và nghĩ tôi hiểu rõ bản thân mình, nhưng hóa ra tôi đã không hề là người mà tôi nghĩ. Cả cuộc đời tôi đã là một sự bóp méo bản ngã thật của mình và bây giờ tôi phải học cách trở thành một người đàn bà lại từ đầu.

Tôi ngồi tê liệt trước tiết lộ này; rồi khóc sục sùi, rất lâu.

Tôi tiếp tục đọc.

Edith đã giúp tôi nhận ra rằng điều này là do cả tội lỗi của chính tôi cũng như các hoàn cảnh của cuộc sống tôi: cả thời thơ ấu và khi trưởng thành của tôi - mặc dù mẹ tôi rất tuyệt vời - tôi đã không nhận được tự do, trong việc tương tác với những người đàn ông không hành động như những người đàn ông đích thực, để học biết ý nghĩa của việc trở thành một người đàn bà đích thực, con gái của Đức Maria.

Trong những hoàn cảnh trên, tôi đã khai triển các thuộc tính của đàn ông cũng như đàn bà, khi cố gắng lấp đầy khoảng trống đó trong đời mình, nơi không có người đàn ông đích thực nào để hướng dẫn và bảo vệ. Tôi đã cố gắng sống hoàn toàn độc lập và không nhìn nơi ai ngoài bản thân mình để được nuôi dưỡng chỉ vì mình không muốn bị tổn thương.

Điều này cùng với thái độ khinh bỉ và giận dữ của tôi đối với đàn ông nói chung, đã dẫn đến tư cách đàn bà tiêu cực của tôi. Cố gắng sống cuộc sống hài hòa của một người đàn ông đích thực cùng kết hợp với một người đàn bà đích thực – *bởi một mình tôi* – chính là điều cuối cùng đã biến thái và bóp méo con người đích thực của tôi, và dựng lên một bức tường ngăn cách giữa tôi và Chúa.

**Bây giờ mặc dù sự tiết lộ này vô cùng đau đớn**, nó đồng thời cũng đẹp đẽ vô cùng, vì lần đầu tiên, tôi nhận thức được ý nghĩa của việc làm một người đàn bà; Đó là một điều tuyệt vời, tôn kính và cao quý (ngay cả khi tôi chưa phải là một người như thế). Lần đầu tiên tôi thấy mình có thể trở thành một con người đẹp đẽ như thế nào nếu tôi nỗ lực bước vào cuộc hành trình.

Tôi đã nhìn Chúa Kitô một cách mới mẻ, với đôi mắt mới mẻ; đôi mắt buổi đầu của một người đàn bà. Nó đã tạo nên sự kết hợp thân mật và dịu dàng nhất với Người. Nó giống như một bức màn được vén lên trước mặt tôi và Người, và tôi tiên gần trái tim thần thiêng và thánh thiêng nhất của Người hơn một bước. Tôi cảm thấy lòng thương xót của Người trong nỗi thống khổ của tôi. Tình yêu của Người đã ôm lấy tôi như một đứa con nhỏ mọn và gói trọn trái tim nhỏ bé tan nát của tôi trong trái tim Người.

\*\*\*

Đúng, thưa Thánh Edith, chắc chắn ngài có cách của ngài đối với con!

Nhưng mặc dù ngài đã giúp tôi suy sụp, Thánh Edith cũng chỉ cho tôi con đường tiến lên phía trước: làm thế nào xây dựng mình trở lại với cuộc sống đích thực trong Chúa Kitô:

“Trong Giao Ước Mới, con người chu toàn phần của mình vào công cuộc cứu chuộc qua sự kết hợp bản thân gần gũi nhất với Chúa Kitô: nhờ *đức tin... đức cậy... đức mến... chiêm niệm... Thánh Thể... phụng vụ*”.

Và thế là cuộc hành trình dài đi vào tư cách đàn bà bắt đầu. Nhưng bắt đầu từ đâu?

*Có điều gì đó về Đức Maria*

Thánh Edith đã giúp tôi hiểu rằng Đức Maria, siêu sao riêng của thiên đàng, là hình mẫu tối hậu của tôi ở trong đời:

“Nếu chúng ta muốn trình bày một cách tương phản hình ảnh một cá tính đã phát triển đến mức tinh ròng về người phối ngẫu và người mẹ như lẽ ra nó phải là theo ơn gọi tự nhiên của nàng, chúng ta phải nhìn lên Đức Trinh Nữ Maria. Ở tâm điểm đời ngài là con trai của ngài. Ngài chờ đợi sự ra đời của Người trong niềm mong đợi hạnh phúc; ngài săn sóc chăm lo thời thơ ấu của Người; thật vậy, gần hay xa, bất cứ nơi nào Người muốn, ngài đi theo Người trên con đường của Người; ngài ôm thi thể bị đóng đinh trong vòng tay của mình; ngài thực thi thánh ý của người đã ra đi. Nhưng ngài làm tất cả những điều này không phải như hành động của ngài: trong tất cả những điều này, ngài là người hầu gái của Chúa; ngài chu toàn điều Thiên Chúa đã kêu gọi ngài thực hiện. Và đó là lý do tại sao ngài không coi đứa con như tài sản của riêng mình: ngài chào đón Người từ bàn tay Thiên Chúa; ngài đặt Người trở lại trong bàn tay Thiên Chúa...”

“Nếu chúng ta phải coi Mẹ Thiên Chúa như người phối ngẫu, chúng ta sẽ tìm thấy một sự tín thác âm thầm, vô giới hạn, một sự tín thác, ngược lại, phụ thuộc vào sự tín thác vô giới hạn, sự vâng phục thâm lặng, và sự hiệp thông rõ ràng là trung thành trong đau khổ. Ngài làm tất cả những điều này trong phục tùng thánh ý Thiên Chúa, Đấng đã ban chồng ngài trên ngài như một người bảo vệ nhân bản và người hướng dẫn hữu hình”.

Vì vậy, bất kể sau cùng tôi đã làm gì với cuộc sống của mình, có một điều chắc chắn - tôi nên coi Đức Maria như hình mẫu của mình để khôi phục bản chất nữ tính hư hỏng, sa đọa của tôi trở lại với các đỉnh cao của nó trong nguyên lý ơn gọi, và luôn luôn là “một người hầu gái của Chúa ở khắp mọi nơi... Nếu mỗi người đàn bà đều là hình ảnh của Thiên Chúa, là người phối ngẫu của Chúa Kitô, một tông đồ của trái tim thần linh, thì mỗi người sẽ hoàn thành ơn gọi nữ tính của mình bất kể họ sống trong những điều kiện nào và đời họ chìm đắm trong hoạt động trần tục nào”.

**Nhưng vẫn còn một vấn đề.** Tôi còn thực tại đời mình phải đối diện với. Nói một cách thực tiễn, chưa có gì thay đổi cả; tôi vẫn chưa có bất cứ người đàn ông nào trong đời để bảo vệ hoặc hướng dẫn tôi. Tôi tự hỏi bản thân: "Làm thế nào tôi có thể tìm được sự cân bằng trong việc duy trì nữ tính của mình trong cuộc sống hàng ngày?"

Thánh Edith lại đã có câu trả lời một lần nữa!

“Bất cứ ai tìm cách tham khảo ý kiến với Thiên Chúa Thánh Thể trong mọi mối quan tâm của mình, bất cứ ai để mình được thanh tẩy bởi quyền năng thánh hóa phát xuất từ lễ hy sinh trên bàn thờ, dâng mình cho Chúa trong hy lễ này, bất cứ ai tiếp nhận Chúa trong sâu thẳm linh hồn mình trong Sự hiệp thông thánh thiện, thì chỉ có thể được lôi cuốn sâu xa và mạnh mẽ hơn bao giờ hết vào dòng chảy của sự sống Thần linh, được tháp nhập vào Nhiệm thể Chúa Kitô, trái tim nàng được hoán cải trở nên giống như trái tim thần linh.

"Vì vậy, linh hồn nàng được tự do tham gia vào sự sống thần linh khi chúng ta giao phó mọi phiền muộn của mình cho trái tim thần linh."

Nghĩa là tham dự vào hồng phúc tối thượng của Người. Trong hy lễ trên bàn thờ, tôi dâng đời tôi trong nét viên mãn của nó với mọi buồn phiền và khó khăn của nó và để đáp lại tôi được tiếp nhận thân thể của Chúa Kitô, nguồn hỗ trợ, chữa lành và sự sống cụ thể của tôi.

Và còn nhiều hơn thế nữa! Thánh Edith nói rằng:

“Việc tham dự vào sự sống thần linh tự nó có một sức mạnh giải phóng; nó làm giảm bớt sức nặng của những mối quan tâm trần thế của chúng ta và ban cho chúng ta một chút vĩnh cửu ngay trong sự hữu hạn này, một phản chiếu của phước hạnh, một sự biến đổi thành ánh sáng. Nhưng lời mời bước vào sự biến đổi này trong lãnh thổ Thiên Chúa là do chính Thiên Chúa ban cho chúng ta trong phụng vụ của Giáo Hội. Do đó cuộc sống của một người đàn bà Công Giáo chân chính cũng là một cuộc sống phụng vụ. Bất cứ ai cầu nguyện cùng với Giáo Hội trong tinh thần và sự thật đều biết rằng toàn bộ cuộc sống của mình phải được đào tạo bằng đời sống cầu nguyện này.

“Nguyên tắc đào tạo sâu thẳm nhất của linh hồn người đàn bà là tình yêu tuôn trào từ trái tim thần linh trong đời sống Thánh Thể và phụng vụ”.

**Vì vậy, câu trả lời cuối cùng của Thánh Edith cho mọi vấn đề của tôi là: kết hợp mật thiết với Chúa Kitô bằng cách sống một đời sống Thánh Thể và phụng vụ, với Đức Maria như mẫu gương hoàn hảo của tôi.**

Bất kể tôi có một người đàn ông nào trong đời mình hay không, tôi vẫn phải lấy Chúa Giêsu làm người phối ngẫu yêu dấu của tôi; tìm kiếm sự hướng dẫn của Người, sự an ủi của Người, sự bảo vệ của Người; qua lời cầu nguyện, kinh thánh, chiêm niệm và hơn hết bằng cách tiếp

nhận Người nơi bàn thờ, hiến dâng bản thân tôi để đáp lại.

Đó là cách cụ thể để sống nữ tính đích thực trong cảnh hỗn loạn của thế giới, trong tính thực tế của cuộc sống hàng ngày. Đó là cách tôi trở thành một người đàn bà trong Chúa Kitô.

Cuộc hành trình cho đến nay là một chặng đường gian nan nhưng đẹp đẽ, mỗi ngày vượt qua ngày tiếp theo, bởi vì mỗi ngày tôi đến gần Người hơn một chút. Tôi cũng đã để mắt đến những người đàn ông thực sự tốt lành xung quanh tôi, bất kể là những người cha, những người con trai, những ông chồng hay các linh mục, và giữ họ trong tâm mắt của tôi, như những hình mẫu của nam tính.

Một điều được tôi nhận ra trong cuộc hành trình nhỏ bé của đời mình là con đường hoàn thiện bản thân trong tư cách đàn bà của tôi không phải là con đường sẽ kết thúc ở đời này. Tôi sẽ không bao giờ đạt được sự hoàn hảo trọn vẹn vì tôi không phải là Đức Maria. Tôi là một hữu thể tội lỗi và có giới hạn. Nhưng điều này tự nó có một vẻ đẹp nào đó, vì mỗi ngày tôi đều có cơ hội *chọn* việc thăng hoa hơn một chút trong tư cách đàn bà của mình và do đó bước vào sự hiệp thông ngày càng chặt chẽ hơn với Chúa Kitô.

Như tôi thấy (nhờ Thánh Edith), cuộc hành trình trở thành một người đàn bà đích thực là một chuyến tàu lửa vừa dài vừa lớn, Chúa Kitô là đích đến và Đức Maria mẹ Thiên Chúa là người dẫn đường.

Tôi xin thưa, tất cả hãy lên tàu!

Xin đặc biệt cảm ơn Thánh Edith, nếu không có ngài, tôi vẫn là người lạc lối.

## 8. Các Tiểu luận về Phụ nữ của Edith Stein

*Vũ Văn An*  
05/Oct/2021

Như trên đã nói, trong thời gian chờ để được gia nhập Dòng Cát Minh, Edith Stein được các vị hướng dẫn tâm linh khuyến khích đi giảng thuyết và ngài đã mượn dịp này, nói và viết nhiều về phụ nữ. Sau này, Tiến sĩ Lucy Gelber và Romaeus Leuven, cùng Dòng với ngài, đã hiệu đính các bài nói và viết này và cho xuất bản thành cuốn “Các Tiểu luận về Phụ nữ”, được Freda Oben, Ph.D., dịch sang tiếng Anh, do nhà xuất bản của Viện Nghiên cứu Cátminh, ở Washington D.C. phát hành năm 1996.



Nội dung bao gồm 8 chương phản ánh 8 bài nói chuyện hay bài viết của Edith Stein về phụ nữ.

Chương I: Các Nét Đặc trưng (ethos) về Nghề nghiệp Phụ nữ

Chương II: Các Ôn gọi Riêng biệt của Đàn ông và Đàn bà theo Bản nhiên và Ôn thánh

Chương III: Linh đạo Phụ nữ Kitô giáo

Chương IV: Các Nguyên tắc Căn bản của Nền Giáo dục Phụ nữ

Chương V: Các Vấn đề Giáo dục Phụ nữ

Chương VI: Giáo hội, Phụ nữ, và Tuổi trẻ

Chương VII: Ý nghĩa Giá trị Nội tại của Phụ nữ trong Đời sống Quốc gia

Chương VIII: Sứ mệnh của Người Phụ nữ Học thuật Công Giáo.

Theo các nhà hiệu đính, Các Tiểu luận về Phụ nữ là cuốn thứ năm trong việc xuất bản có thẩm quyền Các Công trình của Edith Stein. Cuốn này phần lớn đề cập tới việc giáo dục phụ nữ. Do đó, cần phải hiểu vai trò nhà giáo dục của Edith Stein, một vai trò, ngài đã bắt đầu đảm nhiệm lúc mới 17 tuổi. Tuy nhiên, chỉ tới năm 1916 lúc sắp kết thúc chương trình tiến sĩ, ngài mới thực sự bước vào nghề dạy học.

Dĩ nhiên ngài được thúc đẩy bởi các lý do vật chất, nhưng như chính ngài giải thích, niềm vui và ý thích dạy học còn thúc đẩy ngài nhiều hơn thế. Nhân cách ngài cộng với thiên phú dạy học bẩm sinh còn thủ đắc được nhiều nét đặc biệt khác như khả năng trực quan ngoại thường, một khả năng giúp ngài thấu hiểu một linh hồn chưa hề quen biết.

Ngài chuyên tâm vào các hoài bão bản thân của ngài nhưng cũng rất tận tụy đối với những người được trao phó cho ngài hướng dẫn. Sức mạnh ý chí của ngài bác bỏ mọi thứ nguy hiểm. Điều này tạo uy thế cho ngài và che chở ngài khỏi các hành vi tâm thường. Cùng với tất cả những điều này, Edith Stein không biết mệt mỏi, có khả năng liên tục thực hiện các công trình tri thức. Được như thế, ngài cho là nhờ khả năng tập trung nội tâm và đời sống cầu nguyện. Đúng như Thánh Newman từng chủ trương, bản nhiên và ơn thánh đã kết hợp tạo nên nhà giáo dục sáng giá Edith Stein.

Theo Edith Stein, nhà giáo dục tác động trên học trò của họ 3 cách: bằng lời giảng dạy; bằng hành vi sư phạm; và bằng gương sáng bản thân. Nhưng cả ba cách này chỉ là để khuyến khích sự tham dự bên trong của người học. Các tiềm năng của thầy có giới hạn, chỉ gây ảnh hưởng ở bên ngoài. Thầy phải cố gắng rút ra được đáp ứng từ trạng thái tinh thần khác nhau và sâu xa của trò; thầy chỉ cung ứng hướng dẫn và giúp đỡ trò. Vai trò của thầy là vai trò gián tiếp vì mọi phát triển đều là tự phát triển. Mọi huấn luyện đều là tự huấn luyện.

Edith Stein cho rằng có ba ý niệm nền tảng trong bất cứ sinh hoạt sư phạm nào: phải có một nền giáo dục hài hòa; phải có nền tảng tôn giáo cho hành động giáo dục; và phải hiểu bản chất đích thực của việc giáo dục phụ nữ.

Ý niệm hài hòa hàm nghĩa một phát triển toàn diện và cân bằng bao trùm mọi khả năng thể lý và tinh thần. Ý niệm này vốn phát xuất từ nền giáo dục Hy Lạp cổ xưa nhấn mạnh đến tỷ lệ hài hòa về thể lý và tri thức. Kitô giáo thêm vào chiều kích tâm linh khi coi con người là hình ảnh Thiên Chúa. Hình ảnh này, trong học lý *analogia entis* (loại suy hữu thể) của Thánh Tôma được Edith Stein đưa vào giáo dục, coi nó như hạt giống được gieo vào linh hồn con người. Muốn cho hạt giống này phát triển, con người cần hai trợ cụ: ơn thánh và diễn trình

giáo dục nhân bản.

Edith Stein coi nghề dạy học như một ơn gọi tôn giáo. Thầy cô là người trung gian giữa Thiên Chúa và người học trò. Người ta mong đợi thầy cô dẫn nhập học trò vào giáo huấn của Thiên Chúa, luật tự nhiên và sau cùng là Nước Thiên Chúa.

Tuy nhiên, lý tưởng giáo dục hài hòa phải dựa vào bản chất học trò, hay nhân cách của họ. Chính vì thế, trong lãnh vực giáo dục phụ nữ, Edith lưu tâm đến việc, trước nhất, phân tích bản chất và ơn gọi của phụ nữ.

Ngài cho rằng ơn gọi tự nhiên của phụ nữ là làm vợ và làm mẹ. Nhưng không phải chỉ là vợ và mẹ. Nói cho cùng làm vợ là làm người đồng hành và làm mẹ dưỡng nuôi, trông nom, và phát triển nhân tính đích thực. Như thế, vẫn có tình đồng hành và tình mẹ thiêng liêng, những thứ tình không giới hạn vào vợ hay mẹ thể lý, nhưng mở rộng tới mọi người được người đàn bà tiếp xúc với.

Thành thử, người đàn bà có thể chu toàn sứ mệnh của mình bằng 3 cách được ban cho họ do bản chất và ơn thánh và thích hợp với thiên hướng cá thể của nàng: trong hôn nhân; trong việc thực hành một chuyên nghiệp biết trân quý việc phát triển nhân bản như sinh hoạt chuyên nghiệp cao quý nhất của họ; và như Nàng Dâu của Chúa Kitô.

Nói về các công trình của Edith Stein về phụ nữ, các nhà hiệu đính cho rằng chúng bắt nguồn từ sinh hoạt nhà giáo của tác giả: tại trường nội trú Dòng Đaminh ở Speyer; tại Học Viện Đức về Sư Phạm Khoa Học ở Münster; trong khuôn khổ các hiệp hội Giáo viên và nhà học thuật Công Giáo.

Các trước tác này là thành quả của một kinh nghiệm lâu năm trong nghề dạy học, của một quan tâm suốt đời về thân phận phụ nữ. Hậu cảnh của chúng được tạo lập bởi các giảng khóa của Stein về hữu thể hữu hạn và vô hạn, về cơ cấu nhân vị, và về các nguyên tắc căn bản của công trình văn hóa và giáo dục.

Chúng tạo thành một nhóm gắn bó các giảng khóa và tiểu luận mà việc chuẩn bị đã giúp Stein cơ hội áp dụng các thiên phú hiếm hoi và linh hoạt cùng một lúc với tài chuyên môn của ngài. Trong các trước tác này, Edith Stein lên tiếng như một triết gia, tâm lý gia, nhà giáo dục và như người đàn bà tìm kiếm Thiên Chúa và mãn nguyện trong Người.

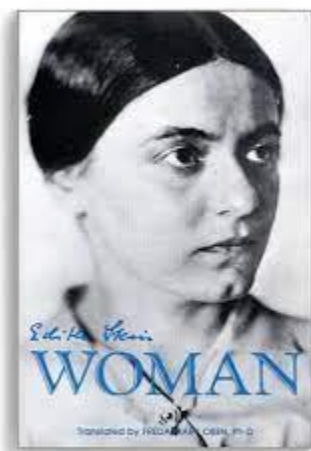
Các trước tác được xếp theo chủ đề, chứ không theo thứ tự thời gian; và cùng với nhau, trình bày một tổng hợp các giảng dạy của Edith Stein về phụ nữ, quan điểm của ngài về vấn đề phụ nữ, và cả lý tưởng nữ mà chính Edith Stein mong đạt được.

Các bản chép tay được làm bởi những tờ rời thu lại được từ các đồ nát của Đan viện Cátminh ở Herkenbosch, Hoàlan. Tất cả đều không được lên mục lục. Sau một cuộc nghiên cứu các trang này theo đề mục và nhờ cuộc khảo sát có tính so sánh bài viết và chữ viết tay, thứ tự nguyên thủy của các bản chép tay đã được bảo đảm.

Chúng tôi sẽ dựa vào bản dịch tiếng Anh của Freda Oben, Ph.D. để chuyển sang Việt ngữ 4 chương đầu của tuyển tập này.

## **Tiểu luận I: Triết lý thực hành của Nghề nghiệp Phụ nữ**

Tiểu luận này gồm bản văn bài diễn giảng của Edith Stein dưới cùng tên tại hội nghị mùa thu của Hiệp Hội Các Nhà Học Thuật Công Giáo, tại Salzburg [Áo], ngày 30 tháng Chín năm 1930, chủ đề là “Chúa Kitô và Đời sống Nghề nghiệp của Con người Hiện đại”.



Nghĩa đen của hạn từ “ethos” theo nghĩa lâu đời của nó phải được hiểu trong mối liên hệ của nó với hành động của con người. Tôi không có ý nói đến một sắc lệnh được áp đặt lên con người từ bên ngoài mà đúng hơn là một điều gì đó hành động trong chính bản thân họ, một mô thức bên trong, một thái độ tâm linh thường hằng mà các nhà kinh viện gọi là *thói quen* [habitus]. Những thái độ tâm linh thường hằng như vậy mang lại một đặc tính đồng dạng nhất định cho việc thay đổi các mẫu tác phong, và các thái độ tự phát biểu qua đặc tính này trong hành động bên ngoài. Tính khí là một thói quen bẩm sinh, một thiên hướng tự nhiên và căn bản của linh hồn như vui vẻ hoặc u sầu. Có những thái độ thủ đắc được dựa trên các khuynh hướng tự nhiên; ở đây mọi năng khiếu và nhân đức tự nhiên đều quan trọng. Cuối cùng, có một thói quen đã thành cố định: trước hết, chính là những nhân đức thần linh tạo nên sự thánh thiện của một con người. Và các nhân đức này có thể thủ đắc được thế nào, thì chúng cũng có thể bị mất đi thế ấy; chúng không vĩnh viễn thuộc về linh hồn vì chúng dễ dàng bị sửa đổi.

Cùng với “ethos”, khái niệm tổng quát về thói quen này trở thành chuyên biệt nhờ tập chú vào các giá trị. Nói đến “ethos” là nói đến thói quen, một hoặc một số, có giá trị tích cực và đáp ứng các yêu cầu hoặc quy định khách quan nào đó.

Tôi hiểu triết lý thực hành nghề nghiệp [professionel ethos] là thái độ tinh thần lâu dài hoặc tính tổng thể của thói quen xuất hiện từ bên trong như là nguyên tắc đào tạo cuộc sống nghề nghiệp của một người. Chúng ta chỉ có thể nói về triết lý thực hành này khi cuộc sống nghề nghiệp chúng ta được một tính cách đồng dạng [uniform] nào đó một cách khách quan. Thật vậy, tính cách này xuất hiện như một lực lượng đạo đức từ bên trong; nó không bị áp đặt lên cuộc sống nghề nghiệp từ bên ngoài hoặc bởi tính chân chính của bản thân công việc hoặc bởi các quy định khác.

Lòng trung thành và sự ngay thẳng lương tâm là một trong những thái độ lâu dài có thể có tính quyết định đối với cuộc sống nghề nghiệp. Thái độ của một người đối với nghề nghiệp của họ rõ ràng giúp xác định kết quả đạt được trong nghề đó. Bất cứ ai coi công việc của mình như một nguồn thu nhập đơn thuần hoặc một trò tiêu khiển sẽ thực hiện nó khác với những người cảm thấy nghề nghiệp của mình như một ơn gọi đích thực. Nói một cách chính



xác, chúng ta chỉ có thể chấp nhận thuật ngữ “triết lý thực hành nghề nghiệp” (professional ethos) trong trường hợp cuối cùng vừa kể mà thôi.

Cuối cùng, chúng ta phải nhìn nhận rằng mỗi ngành nghề đều có một triết lý thực hành đặc thù cho mục đích của nó. (Điều này phần nào giống như tính hay giúp đỡ của y tá, sự cẩn thận và quyết tâm của nhân viên nhà quản v.v.) Triết lý thực hành có thể được biểu lộ qua bản chất của một người (nghĩa là họ có thiên hướng tự nhiên đối với nghề nghiệp của mình); hoặc, nó có thể phát triển trong họ qua việc thực hành liên tục các hoạt động nó đòi hỏi; và sau đó nó có thể trở thành một tiêu chuẩn cho hành vi độc lập đối với sự kiểm soát bên ngoài.

Khi chủ đề của buổi tối này được gợi ý cho tôi, nó khơi dậy hai giả thuyết: thứ nhất, một số thái độ lâu dài nào đó có tính độc đáo đối với linh hồn nữ giới và tạo thành cuộc sống chuyên nghiệp của người phụ nữ từ bên trong; thứ hai, chính bản chất của người phụ nữ đã lôi kéo họ vào một số ngành nghề nào đó. Bây giờ chúng ta hãy thảo luận về hai điểm này.

## **I. Ôn gọi tự nhiên của phụ nữ và Triết lý thực hành tương ứng của nó**

Chúng ta có thể nói tới các ơn gọi có tính đặc biệt nữ giới hay không? Lúc khởi thủy của phong trào duy nữ, các nhà lãnh đạo cấp tiến đã phủ nhận điều này, cho rằng tất cả các ngành nghề đều phù hợp với phụ nữ. Các đối thủ của họ không chịu thừa nhận khái niệm này, họ chỉ công nhận một ơn gọi nữ giới mà thôi, ơn gọi tự nhiên của phụ nữ. Đề tài của chúng ta đòi thảo luận cả hai quan điểm. Để bắt đầu, chúng ta phải đặt câu hỏi: Có một ơn gọi nữ giới tự nhiên của người phụ nữ hay không? Nó đòi hỏi thái độ tâm linh nào?

Chỉ người mù quáng bởi đam mê tranh cãi mới có thể phủ nhận người phụ nữ trong linh hồn và thân xác được tạo thành cho một mục đích đặc thù. Lời Kinh thánh rõ ràng và không thể thu hồi đã tuyên bố điều mà kinh nghiệm hàng ngày vốn dạy từ thuở sơ khai của thế giới: người phụ nữ được định làm vợ và làm mẹ. Cả về thể chất lẫn tinh thần, họ đều được phú bẩm cho mục đích này, như thấy rõ ràng từ kinh nghiệm thực tế. Tuy nhiên, đặc điểm tâm linh ấy cũng phát xuất từ nguyên tắc của học thuyết Tôma, *anima forma corporis* [linh hồn là mô thức của thân xác]. Tất nhiên, phụ nữ có chung một bản chất căn bản của con người, nhưng xét về căn bản, các khả năng của họ khác với nam giới; do đó, một loại linh hồn khác hẳn cũng phải hiện hữu. Vì những điều căn bản của thái độ tâm linh đặc trưng nữ tính thường đã khá quen thuộc đối với chúng ta, nên chúng ta sẽ chỉ tìm hiểu sơ qua về nó mà thôi.

Người phụ nữ tự nhiên tìm cách nắm lấy những gì sống động, có bản vị và toàn bộ. Nâng niu, canh giữ, bảo vệ, nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển là hoài mong tự nhiên, có tính mẫu thân của họ. Vật thể vô sinh, tức sự kiện chỉ có thể làm họ lưu ý khi nó phục vụ điều sống động và có bản vị, chứ thông thường không phải vì nó. Liên quan đến vấn đề này là một vấn đề khác: trừu tượng hóa theo mọi nghĩa đều xa lạ đối với bản chất nữ giới. Điều sống động và có bản vị được họ lưu ý là một toàn bộ cụ thể và được bảo vệ và khuyến khích như một tổng thể; điều này không có nghĩa một bộ phận bị hy sinh cho một bộ phận khác, không phải tâm trí bị hy sinh cho thân xác hoặc một cơ năng tâm linh bị hy sinh cho một cơ năng khác. Họ khao khát sự toàn diện này trong bản thân mình và nơi những người khác. Các quan điểm lý thuyết và thực tế của họ tương ứng với nhau; dòng suy nghĩ tự nhiên của họ không quá có tính ý niệm và phân tích vì nó được điều hướng một cách trực giác và cảm xúc vào điều cụ thể. Thiên bẩm này cho phép người phụ nữ bảo vệ và dạy dỗ những đứa con của mình. Nhưng thái độ căn bản này không chỉ dành cho họ; họ cũng nên cư xử theo cách này với chồng mình và với tất cả những ai tiếp xúc với họ.

Hồng phúc làm mẹ này được kết hợp với hồng phúc làm bạn đồng hành. Hồng phúc và hạnh phúc của họ là được chia sẻ cuộc sống của một hữu thể nhân bản khác và thực sự, được tham gia vào mọi điều xảy ra với chàng, vào những điều lớn nhất và nhỏ nhất, vào niềm vui cũng như đau khổ, vào việc làm và vào các nan đề. Người đàn ông ngập lặn trong “doanh nghiệp của họ”, và họ mong được những người khác quan tâm và giúp đỡ; nói chung, họ khó có thể can dự vào các hữu thể khác và các mối quan tâm của họ. Ngược lại, điều đó rất tự nhiên đối với phụ nữ, và họ có khả năng quan tâm một cách tương cảm đến các lĩnh vực nhận thức khác xa với mối quan tâm của bản thân và là các lĩnh vực họ sẽ không lưu ý tới nếu không phải do sở thích bản thân đã lôi kéo họ tiếp xúc với chúng. Thiên bẩm này gắn liền với hồng phúc làm mẹ. Một môi thiện cảm tích cực dành cho những người rơi vào tầm mắt của họ đánh thức sức mạnh của những người này và nâng cao thành tích của họ. Đó là một chức năng liên hệ, có tính đào tạo và thực sự mẫu thân, là một chức năng chính người trưởng thành cũng cần đến. Chức năng này cũng được áp dụng vào chính con cái của họ, đặc biệt là khi chúng đã trưởng thành và người mẹ không còn phải chăm sóc thể lý cho chúng nữa.

Việc tham gia vào cuộc sống của chồng họ đòi hỏi sự phục tùng và vâng lời theo chỉ dẫn của lời Thiên Chúa. Đúng theo bản chất của họ, người đàn ông phục vụ mối quan tâm của họ một cách trực tiếp. Người vợ phục vụ chính nghĩa của chồng vì ông ta; và như thế, điều hợp lý là việc này diễn ra dưới sự hướng dẫn của ông. Việc nghĩa vụ vâng lời cũng mở rộng tới lãnh vực trực tiếp của người vợ - gia hộ và việc nuôi dạy con cái - có lẽ ít phát xuất từ cá tính nữ giới cho bằng từ ơn gọi tự nhiên của đàn ông như người hướng dẫn và bảo vệ vợ mình. Ông gọi tự nhiên cũng tương ứng với xu hướng tự nhiên của người phụ nữ đối với sự vâng lời và phục vụ: “khi vâng lời, tôi cảm thấy linh hồn mình luôn tự do một cách đẹp đẽ nhất”.



Ngay từ đầu, bài trình bày về cá tính nữ giới tự nhiên này không bao gồm bất cứ đánh giá nào về giá trị. Điều hiển nhiên không cần giải thích chi tiết thêm rằng bản chất nữ tính được phát triển tinh ròng quả có bao gồm một giá trị cao cả có tính sinh tử. Điều chủ yếu đối với giá trị sinh tử này cũng như đối với giá trị đạo đức, mà chúng ta sẽ sớm xem xét, là bản chất nữ giới phải được phát triển cho tinh ròng, và điều này không xảy ra như một lẽ tất nhiên. Người ta thậm chí còn đi xa đến mức nói rằng nó chỉ như thế trong những trường hợp đặc thù. Vì thiên hướng nữ tính mắc phải khuyết điểm chung mà bản chất con người thừa hưởng từ tội nguyên tổ, một điều cản trở sự phát triển tinh ròng của họ, và là điều nếu không chống đối, sẽ dẫn đến sự đòi bại rất đặc trưng. Thông thường, cái nhìn về bản thân xem ra bị phóng đại một cách không lành mạnh; trước nhất, xu hướng tập chú cả các hoạt động của mình lẫn của người khác vào con người của chính họ được phát biểu qua trang điểm phù phiếm, muốn được khen ngợi và tặng bích, và nhu cầu chuyện trò không hạn chế; mặt khác, người ta thấy

nó trong việc họ lưu ý quá mức đến người khác qua tính tò mò, ngòi lê đôi mách và nhu cầu vô ý tọc mạch pha mình vào cuộc sống riêng tư của người khác. Quan điểm muốn đạt tới nét toàn bộ của họ dễ dàng dẫn tới việc phung phí các năng lực của họ: sự ác cảm của họ đối với việc ra kỷ luật khách quan cần thiết đối với các khả năng cá nhân dẫn đến việc họ bắt bẻ cách phiến diện trong mọi lĩnh vực. Và trong các mối liên hệ của họ với những người khác, người ta thấy nó được phát biểu qua việc hoàn toàn đồng hóa [absorption] với họ quá mức yêu cầu của chức năng người mẹ: người bạn đầy thiện cảm trở thành kẻ gây phiền phức ngăn cản người khác, không chịu đựng một sự phát triển thầm lặng, kín đáo; và vì điều này, họ không thúc đẩy sự phát triển mà đúng hơn cản trở và làm nó ra tê liệt. Việc thống trị đã thay thế việc phục vụ vui tươi. Biết bao nhiêu cuộc hôn nhân bất hạnh đã được quy cho sự bất thường này! Biết bao sự ra xa cách giữa người mẹ và những đứa con đang lớn lên và ngay cả những đứa con đã trưởng thành!

Đề tương phản, nếu phải trình bày hình ảnh nhân cách phát triển tinh ròng của người phối ngẫu và người mẹ như lẽ ra họ phải là đúng theo ơn gọi tự nhiên của họ, chúng ta phải nhìn vào Đức Trinh Nữ Maria. Ở tâm điểm đời sống ngài là con trai của ngài. Ngài chờ mong sự ra đời của Người trong một niềm mong chờ hạnh phúc; ngài chăm chút thời thơ ấu của Người; dù gần hay xa, đúng thế, bất cứ nơi nào Người muốn, ngài cũng đi theo Người trên con đường của Người; ngài ôm thi thể bị đóng đinh trong vòng tay của mình; ngài thực hiện ý muốn của người đã ra đi. Nhưng ngài làm tất cả những điều này không phải như hành động của ngài: trong mọi sự, ngài là người tớ gái của Chúa; ngài chu toàn điều Thiên Chúa kêu gọi ngài làm. Và đó là lý do tại sao ngài không coi đứa con như tài sản của riêng mình: ngài đã chào đón Người từ bàn tay Thiên Chúa; ngài đặt Người trở lại bàn tay Thiên Chúa bằng cách dâng Người trong Đền thờ và ở với Người khi bị đóng đinh. Nếu phải coi Mẹ Thiên Chúa như người phối ngẫu, chúng ta sẽ tìm thấy một sự tín thác thầm lặng, vô hạn, một sự tín thác, ngược lại, lại phụ thuộc một sự tín thác vô hạn, một sự vâng phục âm thầm, và một sự hiệp thông hiển nhiên trung thành trong đau khổ. Ngài làm tất cả những điều này để phục tùng ý muốn của Thiên Chúa, Đấng đã ban cho ngài một người chồng như một người phàm bảo vệ và là người hướng dẫn hữu hình.

Hình ảnh Mẹ Thiên Chúa chứng tỏ thái độ tâm linh căn bản tương ứng với ơn gọi tự nhiên của người phụ nữ; mối liên hệ của ngài với chồng là mối liên hệ vâng lời, tín thác và tham gia vào cuộc sống của chồng khi ngài thúc đẩy các nhiệm vụ khách quan và sự phát triển nhân cách của ông; đối với đứa con, ngài dành sự quan tâm thực sự, khuyến khích và đào tạo các tài năng do Thiên Chúa ban tặng cho đứa con; ngài cung ứng cả hiến mình đầy vị tha lẫn sự rút lui trong yên lặng khi không còn được cần đến. Tất cả đều dựa trên quan niệm coi hôn nhân và việc làm mẹ như một ơn gọi từ Thiên Chúa; nó được thực hiện vì Thiên Chúa và dưới sự hướng dẫn của Người.

Làm thế nào người phụ nữ có thể đạt được triết lý thực hành cao cả này trong suy nghĩ và trong việc làm khi những động lực mạnh mẽ như vậy trong bản chất sa ngã của họ chống lại nó và thúc giục họ theo những cách khác? Một phương thuốc tốt tự nhiên chống lại tất cả các khuyết tật đặc trưng nữ giới là việc làm khách quan vững chắc. Điều này tự nó đòi hỏi phải kìm hãm một thái độ quá có tính bản thân. Nó kêu gọi chấm dứt sự hời hợt không những trong việc làm riêng của họ mà còn nói chung nữa. Vì nó đòi phải tuân theo các quy luật khách quan, nó là một trường dạy sự vâng lời. Nhưng nó không được dẫn đến việc từ bỏ thái độ bản thân tốt đẹp và tinh trong cũng như việc chuyên môn hóa một chiều và làm nô lệ cho một kỷ luật chỉ tiêu biểu cho sự đòi bại của bản chất nam giới. Có thể thấy phương thuốc tự nhiên của việc làm khách quan này cực kỳ hữu hiệu như thế nào ở việc trưởng thành và hài hòa của nhiều phụ nữ chứng tỏ có sự đào tạo trí thức cao hoặc được đào luyện bằng cuộc

sống gian khổ trong kỷ luật lao động chuyên nghiệp vất vả. Ở đây chúng ta có sự song hành đối với hình ảnh chính nhân quân tử (gentleman) mà Newman từng phác họa trong *The Idea of a University* (Ý tưởng về một Trường Đại học): sự trau dồi nhân cách phần nào giống với sự thánh thiện thực sự. Nhưng trong cả hai trường hợp, đây chỉ là một vấn đề tương tự. Bản nhiên chỉ bị hạn chế bởi ảnh hưởng của giáo dục duy trì bề ngoài được trau dồi của nó chỉ đến một điểm nào đó; sau đó nó vượt qua mọi giới hạn. Chỉ sức mạnh của ân sủng mới có thể nhổ tận gốc và tái tạo ra bản chất đã sa ngã; nó diễn ra từ bên trong, không bao giờ từ bên ngoài. Điều này diễn ra như thế nào trong bản chất nữ giới, chúng ta sẽ xem xét ở phần sau.

## II. Các ơn gọi tự nhiên khác của phụ nữ

Chúng ta tiến sang câu hỏi căn bản thứ hai: Có những ơn gọi nữ giới nào khác với ơn gọi tự nhiên không? Chỉ có ai ảo tưởng chủ quan mới có thể phủ nhận rằng phụ nữ có khả năng thực hành các ơn gọi khác ngoài vai trò làm người phối ngẫu và làm mẹ. Kinh nghiệm của những thập niên qua và thực sự, kinh nghiệm của mọi thời đại, đã chứng minh điều này. Người ta có thể nói rằng trong trường hợp cần thiết, mọi phụ nữ bình thường và khỏe mạnh đều có thể giữ một chức vụ. Và không có nghề nào mà người phụ nữ không thể làm được. Một người phụ nữ tự hy sinh có thể đạt được những thành tựu đáng kinh ngạc khi đụng đến vấn đề phải thay thế vai trò tạo sinh kế cho những đứa con mồ côi cha, nâng đỡ những đứa trẻ bị bỏ rơi hoặc cha mẹ già yếu. Tuy nhiên, những thiên phú và xu hướng cá nhân cũng có thể dẫn đến những hoạt động đa dạng nhất. Thật vậy, không có phụ nữ nào chỉ là phụ nữ; giống như một người đàn ông, mỗi phụ nữ đều có chuyên môn và tài năng riêng, và tài năng này mang lại cho họ khả năng làm việc chuyên môn, bất kể là nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, v.v. Trong yếu tính, tài năng cá nhân có thể cho phép họ bắt tay vào bất cứ ngành nào, ngay cả những ngành xa vời với ơn gọi nữ giới thông thường. Trong những trường hợp như vậy, có lẽ người ta không nên nói tới một nghề nghiệp nữ giới. Khi sử dụng thuật ngữ “nghề nghiệp nữ giới” một cách có ý nghĩa, nó chỉ có thể biểu thị những nhiệm vụ khách quan được bản chất nữ giới phó. Điều này có nghĩa mọi nghề nghiệp phụ thuộc vào mối quan hệ thiện cảm như điều dưỡng, giáo dục, và công tác xã hội; do đó, cũng sẽ bao gồm ơn gọi làm bác sĩ và y tá, giáo viên và gia sư, người giúp việc nhà, và toàn bộ các dịch vụ xã hội hiện đại. Về mặt học thuật, đó sẽ là những ngành liên quan đến yếu tố cụ thể, sống động, bản vị tức là nghệ thuật và các chức vụ nhằm trợ giúp và phục vụ, chẳng hạn như dịch thuật, biên tập và có thể hướng dẫn công việc của một người lạ một cách trân trọng. Trong căn bản, cùng một thái độ tâm linh mà người vợ và người mẹ cần cũng cần ở đây, ngoại trừ việc nó được mở rộng ra một phạm vi làm việc rộng hơn và chủ yếu đối với một lãnh vực đang thay đổi của con người; vì lý do đó, viễn ảnh được tách khỏi mối liên hệ huyết thống có tính sinh tử và được nâng cao hơn tới bình diện tâm linh. Tất nhiên điều cũng đúng là có thể thiếu nhiều năng lực thúc đẩy tự nhiên, những sức mạnh hiện hữu trong sự hiệp thông sống động. Một sức mạnh lớn hơn để hy sinh bản thân là điều không thể thiếu cho thái độ tâm linh này.

Tuy nhiên, quá và trên điều này, người ta có thể nói rằng ngay cả những ngành nghề mà các yêu cầu khách quan không hài hòa với bản chất nữ giới, những ngành nghề được coi là đặc biệt của nam giới, vẫn có thể được thực hành một cách thực sự nếu được chấp nhận như một phần của điều kiện nhân bản cụ thể. Cần điều chỉnh tư duy vật chất hoặc suy nghĩ trừu tượng, như trong việc làm ở nhà máy, văn phòng kinh doanh, công vụ quốc gia hoặc thành phố, cơ quan lập pháp, phòng thí nghiệm hóa học hoặc viện toán học. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, công việc được tiến hành với những người khác, ít nhất là với những người khác trong cùng một phòng; thường thì đó là sự phân công lao động. Và với nó một cơ hội trực tiếp được dành cho việc phát triển mọi nhân đức nữ tính. Người ta thậm chí có thể nói rằng việc phát triển bản tính nữ có thể trở thành một đối trọng cân bằng tốt lành chính ở

đây, nơi mà mọi người đều có nguy cơ trở thành máy móc và đánh mất nhân tính của mình. Trong tinh thần của người đàn ông biết rằng sự giúp đỡ và thiện cảm đang chờ đợi họ ở nơi làm việc của họ, nhiều điều sẽ được đánh thức hoặc giữ được sức sống mà nếu không sẽ bị hao mòn đi. Đây là một cách để cuộc sống chuyên nghiệp được đào tạo bởi tính cách nữ tính; điều này thường khác với những gì người đàn ông làm. Có một khả thể khác. Mọi điều trừu tượng cuối cùng trở thành một phần của điều cụ thể. Mọi điều vô tri vô giác cuối cùng đều phục vụ cho điều sống động. Đó là lý do tại sao mọi hoạt động liên quan đến trừu tượng đều cuối cùng sẽ phục vụ cho một tổng thể sống động. Bất cứ ai nắm được tầm nhìn tổng thể này và làm cho nó hoạt động đều cảm thấy mình bị ràng buộc vào nó ngay cả trong việc làm trừu tượng buồn tẻ nhất. Và việc làm này sẽ trở thành có thể chịu đựng được nhờ tầm nhìn này và trong nhiều trường hợp, thậm chí trở nên tốt một cách hiển nhiên hơn là khi, vì một phần, mà đánh mất toàn bộ. Người đàn ông có lẽ sẽ nhắm vào hình thức pháp lý hoàn hảo nhất trong luật lệ hoặc lệnh lạc; và, khi làm như vậy, họ có thể cân nhắc rất ít các hoàn cảnh cụ thể rất tốt để giải quyết; trong khi phụ nữ, nếu họ mãi trung thành với bản chất của mình ngay cả trong Quốc hội hoặc dịch vụ hành chính, sẽ tìm kiếm mục tiêu cụ thể và điều chỉnh các phương tiện để đạt được mục đích.

Do đó, sự tham gia của phụ nữ vào các lĩnh vực chuyên môn đa dạng nhất có thể là một phúc lành cho toàn xã hội, bất kể là tư nhân hay công cộng, nếu triết lý thực hành có tính nữ một cách chuyên biệt được bảo tồn. Một cái nhìn về Mẹ Thiên Chúa lại trở thành dấu hiệu cho chúng ta một lần nữa. Chẳng hạn, tại đám cưới ở Cana, trong tầm nhìn yên lặng, đầy quan sát, Đức Maria đã tìm hiểu mọi sự và phát hiện ra những điều thiếu sót. Trước khi bất cứ điều gì được lưu ý, ngay cả trước khi sự bối rối bắt đầu, ngài đã cung cấp sẵn biện pháp khắc phục. Ngài tìm mọi cách và phương tiện, ngài đưa ra các chỉ thị cần thiết, làm mọi việc một cách âm thầm. Ngài không chú ý đến chính ngài. Hãy để ngài là nguyên mẫu của người phụ nữ trong đời sống chuyên nghiệp. Dù ở bất cứ nơi đâu, hãy để họ luôn thi hành công việc của họ một cách lặng lẽ và đúng bản phận, không đòi được chú ý và đánh giá cao. Và đồng thời, họ nên khảo sát các điều kiện với một con mắt cảnh giác. Hãy để họ ý thức được ở đâu có nhu cầu và ở đâu cần được giúp đỡ, can thiệp và qui định bao lâu trong khả năng của mình một cách kín đáo nhất có thể. Rồi họ sẽ như một tinh thần tốt lành tỏa lan phước lành ra khắp nơi.

### **III. Ôn gọi Siêu nhiên của Phụ nữ**

Chúng ta đã khảo sát hoạt động của người phụ nữ trong đời sống tư và công và nhận thấy hoạt động đó rất phong phú và sinh hoa trái. Nhưng không hoạt động nào làm cạn kiệt tiềm năng của họ.

Ngày nay, cũng như mọi thời kể từ khi Giáo Hội của Chúa Kitô lần đầu tiên hiện hữu, Chúa kêu gọi từ các gia đình và cuộc sống nghề nghiệp bất cứ ai được Người chọn để phục vụ Người. Ôn gọi tu trì có thể khẳng định là một ơn gọi nữ tính không? Chắc chắn ơn gọi này được ban cho nam giới và nữ giới. Và đó là một ơn gọi siêu nhiên, vì nó phát xuất từ bên trên, từ thế giới khác, mời gọi hữu thể nhân bản nâng mình lên trên bình diện tự nhiên của trần thế. Và vì vậy, có vẻ như các khác biệt tự nhiên giữa hai giới không còn liên quan gì ở đây. Tuy nhiên, mặt khác, nguyên tắc vẫn đúng là: "Ăn sùng hoàn thiện bản nhiên - nó không phá hủy bản nhiên". Vì vậy, có thể mong đợi rằng bản chất nam cũng như bản chất nữ không bị loại bỏ trong đời sống tu trì nhưng được lồng vào đó một cách đặc thù và nhờ đó đơm bông kết trái. Ngoài ra, còn có khả thể này là ơn gọi tu trì, tương tự như các nghề nghiệp thế gian, có những đòi hỏi độc đáo và phù hợp với cả bản chất nam lẫn bản chất nữ theo cách đặc thù của nó.

On gọi tu trì là sự phó thác hoàn toàn trọn con người và trọn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa. Người được gọi có nghĩa vụ sử dụng các phương thế thích hợp để hoàn thành ơn gọi của mình: từ bỏ mọi sở hữu, mọi ràng buộc và mối quan hệ thiết yếu của con người, và ngay cả ý chí của mình. Điều này có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau; nghĩa là, sự phục vụ mà Chúa yêu cầu từ các tạo vật của Người có thể thuộc nhiều loại khác nhau: chìm đắm trong sự thật thần linh, những lời ca ngợi Thiên Chúa cách long trọng, truyền bá đức tin, công việc thương xót, sự cầu bầu, và sự đền tội thay.

Do đó, tính thống nhất của dòng đơn tu được phát biểu bằng tính đa dạng của các thành viên cá thể của nó. Khi chúng ta xem xét các loại hoạt động tôn giáo khác nhau và sự tham gia vào đó theo giới tính, chúng ta thực sự thấy rằng mỗi loại hoạt động đều được thực hiện bởi cả nam lẫn nữ: tuy nhiên, mỗi liên hệ của hoạt động với bản chất của các giới có khác nhau. Trong yếu tính, chúng ta rất có thể tin rằng việc chiêm niệm và tham gia vào phụng vụ, một việc phục vụ đầy tính thần thánh thực sự, vượt quá sự khác biệt giới tính. Việc truyền bá đức tin, một sứ mệnh có tính tư tế, chủ yếu là quan tâm của nam giới, mặc dù nó cũng được thực hiện bởi phụ nữ, đặc biệt trong các Dòng giảng dạy. Mặt khác, các công việc bác ái và hy sinh được hiến dâng trong tinh thần đền tội thay chắc chắn là phù hợp với bản chất nữ.

Quy tắc của các Dòng xưa hơn, tức các dòng vốn có nhánh nam và nhánh nữ, công việc được phân chia đến nỗi các hoạt động hữu hiệu ở bên ngoài, chẳng hạn như rao giảng, làm các tuần đại phúc [giving missions], v.v., chủ yếu thuộc về nam giới. Phụ nữ thực hiện việc tông đồ thầm lặng hy sinh và cầu nguyện; tuy nhiên, ở giai đoạn tiên khởi, họ từng dần dần làm việc với giới trẻ như một bên phận tông đồ. Và tất cả cộng đoàn nữ đương thời, không trừ cộng đoàn nào, đều quan tâm đến các hoạt động giáo dục và từ thiện. Vì vậy, ngày nay, vì công việc của phần lớn các cộng đồng tu trì nữ hiện có tác dụng ở bên ngoài, nên hoạt động của Nữ tu hầu như không thể phân biệt được về mặt vật chất với công việc của phụ nữ “trong trần gian”. Ở đâu có sự khác biệt, đó chỉ có thể là sự khác biệt chính thức, nghĩa là trong đời sống tu trì, tất cả phải được thực hiện trong tinh thần vâng lời và yêu mến Thiên Chúa.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét cách các yếu tố thiết yếu của các Dòng tu liên hệ đến bản chất nữ giới. Động cơ, nguyên tắc và mục đích của đời sống tu trì là hiến dâng tuyệt đối bản thân cho Thiên Chúa trong một tình yêu quên mình, chấm dứt đời sống riêng của mình để dành chỗ cho đời sống của Thiên Chúa. Điều này càng được thực hiện một cách hoàn hảo, thì sự sống của Thiên Chúa sẽ càng tràn đầy tâm hồn một cách phong phú hơn. Như thế, tình yêu của Thiên Chúa là một tình yêu tràn đầy, không muốn gì cho riêng mình mà tự ban đi một cách tự do; Một cách đầy thương xót, tình yêu này cúi xuống mọi con người đang thiếu thốn, chữa lành người bệnh..., che chở, nâng niu, nuôi dưỡng, dạy dỗ, tạo dựng; đó là một tình yêu biết buồn với người buồn và hân hoan với người hân hoan; nó phục vụ mỗi con người nhân bản đạt được mục đích do Chúa Cha định cho họ. Nói tóm lại, đó là tình yêu của Trái tim thần linh. Niềm khao khát sâu sắc nhất trong trái tim người phụ nữ là được trao thân một cách yêu thương, được thuộc về người khác và sở hữu hoàn toàn hữu thể này. Niềm khao khát này được bộc lộ trong cách nhìn của họ, mang tính bản vị và bao trùm tất cả, mà đối với chúng ta dường như đặc biệt có tính nữ giới. Nhưng sự trao thân này trở thành một sự tự bỏ mình có tính thoái hóa và một hình thức nô lệ khi nó được trao cho người khác chứ không phải cho Thiên Chúa; đồng thời là một đòi hỏi không được biện minh, một điều không con người nào có thể chu toàn. Chỉ có Thiên Chúa mới có thể nghinh đón sự trao thân hoàn toàn của một con người mà người đó không đánh mất linh hồn họ trong diễn trình này nhưng chiếm được nó. Và chỉ có Thiên Chúa mới có thể ban tặng chính Người cho một người để Người đổ đầy hữu thể này một cách trọn vẹn và không mất gì của chính Người khi làm như vậy. Đó là lý do

tại sao việc trao thân hoàn toàn, vốn là nguyên tắc của đời sống tu trì, đồng thời là sự hoàn thành thỏa đáng duy nhất đối với hoài bão của người phụ nữ.

Như thế, sự sống thần linh nhập vào hữu thể phó mình cho Thiên Chúa là tình yêu, sẵn sàng phục vụ, cảm thương, thức tỉnh và phát huy sự sống; nó hoàn toàn tương ứng với điều chúng ta đã thấy là triết lý thực hành nghề nghiệp cần có của người phụ nữ.

Hậu quả thực tế của việc này là gì? Tất cả phụ nữ có phải trở thành tu sĩ để chu toàn ơn gọi làm phụ nữ của họ không? Chắc chắn không. Nhưng chắc chắn điều đó có nghĩa: bản chất nữ giới đã sa ngã trượt lạc có thể được khôi phục trở lại sự tinh ròng của nó và được dẫn tới các đỉnh cao của triết lý thực hành nghề nghiệp mà bản chất tinh ròng này chỉ ra chỉ khi nào nó hoàn toàn phó mình cho Thiên Chúa. Bất kể họ là một người mẹ trong nhà, hoặc chiếm một vị trí trong ánh đèn sân khấu của cuộc sống công cộng, hoặc sống sau những bức tường tu viện yên tĩnh, họ vẫn phải là một người tó gái của Chúa ở mọi nơi. Mẹ Thiên Chúa đã như thế trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời ngài, như một trinh nữ trong Đền thờ được bảo bọc trong khuôn viên linh thiêng ấy, bởi công việc thầm lặng của ngài ở Bêlem và Nadarét, như hướng dẫn viên cho các tông đồ và cộng đồng Kitô hữu sau cái chết của con trai ngài. Nếu mỗi người phụ nữ đều là hình ảnh của Mẹ Thiên Chúa, Người phối ngẫu của Chúa Kitô, tông đồ của Trái tim thần linh, thì mỗi người sẽ hoàn tất ơn gọi nữ giới của mình bất kể các hoàn cảnh trong đó họ sống ra sao và bất kể hoạt động trần thế nào thu hút hết đời sống họ.

Tôi không được giao cho việc giải thích cách triết lý thực hành như được mô tả đã được thành hình ra sao trong cuộc sống nghề nghiệp thực tế. Nhưng nếu tôi phải kết thúc ở đây, thì các yêu cầu do tôi trình bày dường như là một thứ lý tưởng lập dị, chúng quá khác biệt so với cuộc sống trung bình của người phụ nữ đương thời. Nên cần phải nói thêm ít lời về việc việc này để có thể thực sự được áp dụng nó vào thực tế.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách bình tĩnh so sánh cuộc sống thực tế của phụ nữ nói chung ngày nay với những yêu cầu của chúng ta. Nhiều phụ nữ giỏi nhất gần như bị choáng ngợp bởi gánh nặng kép của nhiệm vụ gia đình và cuộc sống nghề nghiệp - hoặc thường chỉ là để kiếm được việc làm có thu nhập. Luôn luôn phải chuyên dịch, họ bị xé rách nhiều, lo âu và cáu kỉnh. Họ kiếm ở đâu để có được sự bình yên và vui vẻ cần thiết bên trong để mang lại sự ổn định, hỗ trợ và hướng dẫn cho người khác? Ngay cả khi có được tình yêu thương lẫn nhau và công nhận thành quả, thì vẫn có những va chạm nhỏ nhặt hàng ngày giữa người phụ nữ với chồng con; điều này dẫn đến trạng thái bức bối trong toàn bộ hộ gia đình và việc tháo bỏ các mối liên hệ trong gia đình. Cùng với điều này, có nhiều phụ nữ hời hợt và không ổn định, chạy theo khoái cảm để lấp đầy khoảng trống nội tâm của họ, họ kết hôn rồi ly hôn; thường là nhà cửa và con cái bị bỏ rơi hoặc để mặc chúng hoặc phó chúng cho các gia nhân, những người xa lạ không có lương tâm hơn chính những người mẹ. Nếu cần thiết phải tìm kiếm công việc có lợi nhuận, họ chỉ làm như vậy như một phương tiện đạt cứu cánh, nghĩa là để kiếm sống và nắm được những khoái lạc của cuộc sống đến một mức độ nào đó; trong trường hợp của họ, người ta không thể nói gì về cả nghề nghiệp lẫn triết lý thực hành. Chúng giống như đồng cát lún đang lún. Sự đổ vỡ của cuộc sống gia đình và sự sa sút về đạo đức thực sự có liên hệ đến sự gia tăng con số phụ nữ như vậy và chỉ có thể được ngăn chặn bằng cách giảm số lượng của họ; điều này chỉ có thể được thực hiện nhờ sự trợ giúp của một hệ thống giáo dục đủ tiêu chuẩn dành cho các cô gái trẻ. Cuối cùng, chúng ta sẽ xem xét nhóm phụ nữ, không hề không đáng kể, những người chọn một nghề phù hợp với khả năng và xu hướng của họ. Trong số họ ta có thể tìm thấy một số ít người, sau những thỏa mãn ban đầu của họ, phát hiện ra rằng hoài vọng của họ không được thực hiện và họ mong muốn được ở nơi khác. Thông thường, điều này là do họ đã cất công chu toàn chức vụ của họ "giống như một người

đàn ông". Họ đã không tìm kiếm cũng như không tìm thấy những cách thức và phương tiện để làm cho bản chất nữ giới của họ sinh hoa kết quả trong cuộc sống nghề nghiệp; và bản chất bị phủ nhận, bị bóp nghẹt tự khẳng định chính nó.

Ngay cả khi chúng ta nhìn vào phía sau những bức tường tu kín, chúng ta cũng có thể phát hiện ra rằng một nữ tu trung bình không sống đúng lý tưởng của mình. Chắc chắn thời nào cũng thế, vẫn có những tu sĩ không chắc chắn về ý nghĩa đầy đủ của lời khấn của họ hoặc không thể duy trì sự hy sinh hoàn toàn cần thiết cho ơn gọi của họ sau khi nhiệt huyết tuổi trẻ ban đầu của họ đã suy giảm; đời họ thường chỉ là một hiện hữu hấp hối, và cộng đồng gặp rắc rối do sự có mặt của họ. Hơn nữa, có những khó khăn trước tiên do điều kiện sống hiện đại tạo ra: bận bịu hai chiều của những nữ tu vừa phải đáp ứng các yêu cầu đương thời như một y tá, giáo viên, và nhân viên phục vụ xã hội vừa phải chu toàn các nhiệm vụ của Dòng tu mình. Khả thường xuyên, thái độ tâm linh đúng đắn bị mất đi dưới sức đè thái quá, tương tự như thái độ của người vợ và người mẹ đi làm có lợi nhuận.

Trái ngược với hình ảnh đáng buồn này về người phụ nữ trung bình, người ta vẫn có thể tìm thấy những nữ anh thư đích thực ở mọi tầng lớp xã hội. Họ thực hiện nhiều kỳ công đối với việc làm trong gia đình, nghề nghiệp và khi ẩn dật trong tu viện kín. Tất cả chúng ta đều quen thuộc với họ từ các hồ sơ ghi chép của Giáo Hội và cả từ kinh nghiệm bản thân. Có những bà mẹ, những người tỏa rạng mọi âm áp và ánh sáng trong nhà, nuôi dạy đến chín người con và ban cho chúng những ân phước trọn vẹn suốt cuộc đời của chúng; và những người phụ nữ này cũng hào hiệp đối với tất cả những người xa lạ đang cần sự giúp đỡ. Có những cô giáo và viên chức cấp dưới nuôi sống cả một gia đình bằng đồng lương của họ và trông coi việc nhà trước và sau công việc chuyên môn; tuy nhiên, họ cũng có thể tìm được thời gian và tiền bạc cho các các nhà thờ và cơ quan bác ái khác nhau. Có những nữ tu đấu tranh cho những linh hồn đang gặp nguy hiểm bằng lời cầu nguyện ban đêm, tự nguyện làm việc đền tội cho họ. Đâu là nguồn sức mạnh của họ? Làm thế nào giải thích được mọi thành tựu của họ điều mà người ta thường tuyên bố là bất khả từ bản chất? Làm thế nào để giải thích cho sự bình an và vui vẻ không gợn sóng đó ngay trong khi có sự căng thẳng sâu xa nhất về thần kinh và cảm xúc?

Chỉ nhờ quyền năng của ân sủng, bản chất mới được giải phóng khỏi rác rưởi của nó, được phục hồi trở lại sự tinh ròng của nó, và được tự do đón nhận sự sống thần linh. Và sự sống thần linh này chính là động lực bên trong nhờ đó các hành động yêu thương được xuất hiện. Bất cứ ai muốn duy trì sự sống này một cách liên tục bên trong mình, phải nuôi dưỡng nó không ngừng từ cội nguồn khi nó tuôn chảy bất tận — từ các bí tích thánh thiêng, trước hết là từ bí tích tình yêu. Muốn có được tình yêu thương thần linh làm mô thức bên trong, cuộc sống của người phụ nữ phải là cuộc sống Thánh Thể. Chỉ trong mối liên hệ kín đáo hàng ngày với Chúa trong nhà tạm, người ta mới có thể quên bản thân mình, thoát khỏi mọi ước muốn và kỳ vọng của mình, và có được một trái tim rộng mở đón nhận mọi nhu cầu và mong muốn của người khác. Bất cứ ai tìm cách hỏi ý kiến Chúa Thánh Thể trong mọi mối bận tâm của mình, bất cứ ai để mình được thanh tẩy bởi quyền năng thánh hóa phát xuất từ lễ hy sinh trên bàn thờ, dâng mình cho Chúa trong hy lễ này, bất cứ ai đón nhận Chúa vào những tầng sâu thẳm nhất của linh hồn khi Rước Lễ chỉ có thể được lôi kéo ngày một sâu xa và mạnh mẽ hơn vào dòng sống thần linh, được tháp nhập vào Nhiệm Thể Chúa Kitô, trái tim của họ được hoá cải nên giống như trái tim thần linh.

Một điều khác có liên quan chặt chẽ với điều này. Khi chúng ta phó thác mọi rắc rối của cuộc đời trần thế cho trái tim thần linh, chúng ta cảm thấy nhẹ nhõm về chúng. Khi đó linh hồn chúng ta được tự do tham gia vào sự sống thần linh. Sau đó, chúng ta đi bên cạnh Đấng Cứu



Rồi trên con đường Người đã đi qua trên trái đất này trong suốt cuộc đời trần thế của Người và vẫn còn đi trong thế giới huyền nhiệm bên kia của Người. Thật vậy, với con mắt đức tin, chúng ta rời nhìn vào những tầng sâu bí mật của cuộc sống giấu ẩn của Người bên trong sự mờ nhạt của thần tính. Mặt khác, việc tham dự vào đời sống thần linh này tự nó có một sức mạnh giải phóng; nó làm giảm bớt sức nặng của những mối quan tâm trần thế của chúng ta và cho chúng ta một chút vĩnh cửu ngay cả trong sự hữu hạn này, một sự phản chiếu hạnh phúc, một sự biến đổi thành ánh sáng. Nhưng lời mời bước vào sự biến đổi này trong bàn tay Thiên Chúa là do chính Thiên Chúa ban cho chúng ta trong phụng vụ của Giáo Hội. Vì vậy, đời sống của một phụ nữ Công Giáo đích thực cũng là một đời sống phụng vụ. Bất cứ ai cầu nguyện cùng với Giáo Hội trong tinh thần và sự thật đều biết rằng toàn bộ cuộc sống của họ phải được hình thành bởi đời sống cầu nguyện này.

Hãy để chúng ta tóm tắt. Mỗi nghề trong đó linh hồn người phụ nữ trở nên chính nó và có thể hình thành bởi linh hồn người phụ nữ đều là nghề của người phụ nữ chân chính. Nguyên tắc đào tạo sâu xa nhất của linh hồn phụ nữ là tình yêu phát xuất từ trái tim thần linh. Linh hồn người phụ nữ chiếm được nguyên tắc đào tạo này nhờ sự kết hợp mật thiết nhất với trái tim thần linh trong đời sống Thánh Thể và phụng vụ.

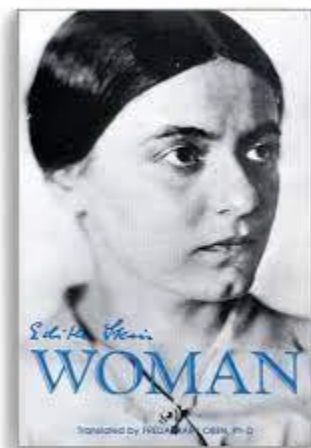
Để kết luận, tôi muốn nêu ra một câu hỏi vẫn xuất hiện đi xuất hiện lại trong tâm trí tôi: chương trình hội nghị chỉ định rõ ràng các loại nghề nghiệp khác nhau (bác sĩ, linh mục, v.v.). Cần gì phải có một loại đặc biệt cho nghề nghiệp phụ nữ? Ngoài ra, tại sao lại có những cuộc thảo luận thường xuyên về nghề nghiệp của phụ nữ mà hầu như không cuộc thảo luận nào về nghề nghiệp của nam giới? Há đàn ông cũng như đàn bà đều ý thức được sự đồng hiện hữu giữa các khuynh hướng cá nhân và nam giới và rồi thực sự có sự đối lập giữa chúng đó sao? Há cũng không đúng hay sao khi nói rằng bản chất người đàn ông là hay nên là một nhân tố cùng có tính quyết định đối với việc lựa chọn và đào tạo ơn gọi của họ?

Hơn nữa, há chúng ta đã không tìm thấy ở đây phản đề giữa bản chất bị biến thái bởi cuộc Sa Ngã và bản chất đã được khôi phục trong nét tinh ròng của nó đó sao?

Tôi tin rằng sẽ rất đáng giá nếu một lúc nào đó những câu hỏi này được xem xét một cách nghiêm túc và thấu đáo. Vì sự hợp tác lành mạnh của các giới trong cuộc sống nghề nghiệp sẽ chỉ khả hữu nếu cả hai đều đạt tới một ý thức bình đẳng và khách quan về bản chất của họ và rút ra những kết luận thiết thực từ đó. Thiên Chúa đã tạo ra loài người như đàn ông và đàn bà, và Người đã tạo dựng cả hai theo hình ảnh của chính Người. Chỉ có bản chất nam và nữ được phát triển tinh ròng mới có thể mang lại sự giống với Thiên Chúa cao nhất có thể. Chỉ bằng cách này, mới có thể mang lại sự hòa nhập mạnh mẽ nhất của mọi cuộc sống trần thế và thần linh.

## **Tiểu luận II: Các Ơn gọi Riêng biệt của Đàn ông và Đàn bà Theo Bản nhiên và Ơn thánh**

*Theo các nhà chú giải, năm 1931, Edith Stein tiến hành một vòng diễn thuyết tại khu kỹ nghệ Westphalian thuộc Rhineland. Vòng diễn thuyết này do Hiệp Hội Các Nhà Học Thuật tổ chức tại phòng họp lớn của trường dòng Ursuline ở Aachen ngày 30 tháng Mười, năm 1931; chủ đề của bà là “Các Ơn gọi Riêng biệt của Đàn ông và Đàn bà Theo Bản nhiên và Ơn thánh”.*



Trong cách sử dụng hàng ngày, hạn từ dùng hơi nhằm "on gọi [vocation]" giữ được rất ít ý nghĩa ban đầu của nó. Khi các bạn trẻ sắp tốt nghiệp Đại Học, người ta tự hỏi không biết họ nên theo đuổi nghề gì; câu hỏi liệu phụ nữ có nên bước vào cuộc sống chuyên nghiệp hay ở nhà đã gây tranh cãi trong một thời gian. Ở đây, thuật ngữ chỉ nghề nghiệp không có nghĩa nhiều hơn việc làm có lợi nhuận [gain]. Ý nghĩa ban đầu của hạn từ này chỉ tồn tại trong những ám chỉ cụ thể, tức là khi người ta nói rằng một người đã bỏ lỡ on gọi của mình hoặc khi người ta nói về on gọi tu trì. Những thành ngữ này biểu thị rằng on gọi là một điều mà một người phải được kêu gọi gia nhập.

Tuy nhiên, được kêu gọi có nghĩa gì? Lời kêu gọi phải được gửi từ ai đó, đến ai đó, vì *một điều gì đó một cách khác biệt*. Chúng ta nói rằng một học giả đã được bổ nhiệm vào một ghế giáo sư. Đề nghị bắt đầu tại một định chế qua một trường liên hệ; nó được gửi đến một người *xem ra được kêu gọi* vì khả năng và trình độ học thức mà họ đáng được gọi, tức là, để làm việc như một học giả và một giáo sư. Đề nghị được thực hiện cho họ bằng một lời mời trong các hình thức ngôn ngữ được quy định hoặc thông thường. Chắc chắn tôi đã sử dụng một cách diễn đạt đặc biệt ở đây: "họ được kêu gọi vào điều họ dường như được gọi vào". Theo đó, việc bổ nhiệm bởi một định chế nhân bản rõ ràng đã giả định một kêu gọi khác mà những người này tin rằng đã được công nhận và do đó tuyên bố "được mời gọi qua khả năng và trình độ học vấn". Bản thân họ và nhiều người khác đã làm việc hướng tới việc đào tạo của họ, một cách tự nguyện và không tự nguyện; nhưng nó phát triển trên cơ sở *khả năng* của họ theo nghĩa sâu nhất của hạn từ này - tất cả những thiên phú mà họ đã được thừa hưởng. Do đó, lời mời gọi của họ, cũng như on gọi của họ - nghĩa là, các công trình và sáng tạo của họ mà họ được định cho - đã được quy định *trong bản chất con người*; đường đời làm nó sinh hoa kết trái và làm nó có thể được thừa nhận đối với người khác để những người này có thể tuyên bố *việc mời gọi* trong đó họ có thể sung sướng tìm được vị thế của mình ở trên đời. Nhưng *bản chất của người này và đường đời của họ* không phải là hồng phúc hay trò may rủi mà —nhìn bằng con mắt đức tin— là công trình của Thiên Chúa. Và do đó, cuối cùng, chính Thiên Chúa là Đấng kêu gọi. Chính Người là người kêu gọi *mỗi* con người đến với điều mà toàn thể nhân loại được kêu gọi, chính Người kêu gọi *mỗi cá nhân* đến với điều họ được đích thân kêu gọi, và trên hết, Người kêu gọi người *đàn ông* và người *đàn bà* vào một điều chuyên biệt như tựa đề bài diễn từ này đã chỉ rõ. Điều mà người đàn ông và người đàn bà được kêu gọi tới dường như không dễ dàng nhận ra, vì nó vốn là một chủ đề gây tranh cãi trong một thời gian. Tuy nhiên, có nhiều cách qua đó, chúng ta nhận được lời kêu gọi này: Chính Thiên Chúa đã tuyên bố điều đó bằng lời lẽ của Cựu ước và Tân ước; nó được khắc ghi trong bản chất của

người nam và người nữ; lịch sử làm sáng tỏ vấn đề này cho chúng ta; cuối cùng, nhu cầu của thời đại chúng ta tuyên bố một thông điệp khẩn cấp. Một kết cấu đa dạng được trình bày, nhưng thiết kế không quá phức tạp đến nỗi chúng ta không thể tách biệt một vài đường hướng rõ ràng ngay bên trong nó bằng cách xem xét nó một cách rõ ràng và khách quan. Vì vậy, chúng ta có thể cố gắng trả lời câu hỏi: người nam và người nữ được kêu gọi tới điều gì?

### **I. Đoạn Kinh Thánh đầu tiên liên quan đến loài người gán một ơn gọi chung cho cả nam lẫn nữ.**

“ 'Chúng ta hãy tạo nên con người theo hình ảnh của chúng ta, theo họa ảnh của chúng ta, và để họ làm chủ cá biển, chim trời trên khắp mặt đất và tất cả các loài thú bò trên đất' [1] Và Thiên Chúa đã tạo ra Con người theo hình ảnh của chính Người, Người đã dựng nên họ giống như hình ảnh của Thiên Chúa, Người dựng nên họ có nam có nữ (2). Và Thiên Chúa đã chúc phúc cho họ và phán 'Hay sinh sôi và hóa ra nhiều, hãy tràn đầy mặt đất và chinh phục nó, và hãy làm chủ cá biển, chim trời và mọi tạo vật di chuyển trên mặt đất' ” (3).

Vì vậy, trong câu chuyện đầu tiên về sự sáng tạo ra con người, sự khác biệt giữa nam và nữ ngay lập tức được công bố. Nhưng một cách hồ tương, họ được ban cho ba ơn gọi: họ phải là hình ảnh của Thiên Chúa, phát sinh ra hậu thế và làm chủ trái đất. Ở đây không nói rằng ba ơn gọi này được thực hiện theo những cách khác nhau giữa người nam và người nữ; tốt nhất, điều này ngụ ý trong trích dẫn đã được trích về sự tách biệt giới tính.

Trình thuật thứ hai của Sách Sáng thế đề cập sâu rộng hơn đến việc tạo dựng con người, làm sáng tỏ vấn đề xa hơn một chút. Nó liên quan đến việc tạo ra Adam, vị trí của ông trong “thiên đường phúc lạc” để vun xới và bảo tồn nó, và cách trong đó các loài động vật được mang đến cho ông và nhận tên của chúng từ ông (4). “Nhưng không tìm thấy người bạn trợ giúp nào tương ứng với ông cho Adam” (5).

Cách phát biểu bằng tiếng Do Thái được sử dụng trong đoạn văn này hầu như không thể dịch được (6) — *Eser kenegdo* — nghĩa đen có nghĩa là “người trợ giúp như thể đối diện với anh ta”. Ở đây người ta có thể nghĩ tới một tấm gương trong đó người đàn ông có thể nhìn thấy bản chất của chính mình. Các dịch giả khi nói tới một “người trợ giúp xứng hợp với anh ta” tri nhận nó theo cách này. Nhưng người ta cũng có thể nghĩ tới một đối tác, một người đối xứng [pendant], đến nỗi, thực sự, họ giống nhau, nhưng không hoàn toàn, mà đúng hơn, chúng bổ túc cho nhau như bàn tay này bổ túc cho bàn tay kia. “Và Thiên Chúa phán ‘Thật không tốt khi con người ở một mình. Ta sẽ làm cho nó một người trợ giúp xứng hợp nó’. Và Chúa đã làm cho Adam đắm chìm vào giấc ngủ và lấy của anh ta một trong những xương sườn của anh ta và từ đó, tạo nên một người phụ nữ, và Người dẫn nàng đến với Adam. “Lúc ấy, Adam tuyên bố, ‘Đây là xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi. Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì nàng đã được lấy ra từ đàn ông’” (7). Đó là lý do tại sao người đàn ông sẽ bỏ cha mẹ mình mà theo vợ và cả hai trở nên *một* thân xác (8). Bây giờ cả hai đều trần trụi, Adam và vợ anh ta, nhưng họ không cảm thấy xấu hổ” (9) Một tính ưu việt nào đó được xác định nơi người đàn ông được tạo ra đầu tiên ấy. Một lần nữa, chính nhờ lời Thiên Chúa mà chúng ta hiểu tại sao người đàn ông ở một mình không tốt. Thiên Chúa đã tạo dựng con người theo hình ảnh của chính Người. Nhưng Thiên Chúa là *ba trong một*; và cũng như Chúa Con phát xuất từ Chúa Cha, và Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha và Chúa Con, thì người phụ nữ cũng phát xuất từ người đàn ông và hậu thế phát xuất từ cả hai người. Và hơn thế nữa, Thiên Chúa là tình yêu. Nhưng phải có ít nhất hai người để tình yêu hiện hữu (như chúng ta được Thánh Grêgôriô kể lại trong bài giảng của ngài về sứ mệnh của các môn đệ được phái đi từng hai người một).

Ở đây, vấn đề không phải là *quyền cao* [sovereignty] của đàn ông đối với phụ nữ. Nàng được mệnh danh là người *bạn đồng hành* và là người *bạn trợ giúp*, và có lời nói về người đàn ông là họ sẽ bám lấy nàng và cả hai sẽ trở thành *một* xương thịt. Điều này có nghĩa chúng ta phải coi cuộc sống của cặp đôi nhân bản ban đầu như một cộng đồng tình yêu mật thiết nhất, các khả năng của họ đã hòa hợp hoàn hảo như trong một hữu thể đơn nhất; tương tự như vậy, trước cuộc Sa Ngã, mọi cơ năng trong mỗi cá nhân đều hòa hợp hoàn hảo, các giác quan và tinh thần trong mỗi liên hệ đúng đắn và không có khả năng xảy ra xung đột. Vì lý do này, họ cũng không có khả năng khao khát nhau một cách vô trật tự. Điều này đã được mạc khải trong câu "Họ đã trần truồng nhưng không xấu hổ".

Kế hoạch của Thiên Chúa dường như đã thay đổi trong yếu tính sau cuộc Sa Ngã đối với loài người và ơn gọi của con người. Bà Evà đã để cho mình bị tên cám dỗ gài bẫy và cũng đã lôi kéo người đàn ông phạm tội. Adam đầu tiên được gọi để giải thích. Ông đổ lỗi cho người phụ nữ: "Người phụ nữ mà Chúa đã ban cho tôi làm bạn đồng hành - nàng đã cho tôi ăn từ cây và tôi đã ăn" (10). Đồng thời, nghe giống như một lời trách móc đối với Thiên Chúa. Adam đầu tiên bây giờ buộc phải chịu trách nhiệm: có lẽ cáo lỗi của ông không được chấp nhận. "Vì người đã nghe lời vợ và ăn trái cây mà Ta đã truyền cho người rằng: 'Người đừng ăn', nên đất đai bị nguyền rủa vì người; người sẽ phải cựa nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra (11). Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho người, người sẽ ăn cỏ ngoài đồng (12). Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra. Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất" (13). Sự bất tuân của Adam bị trừng phạt bởi việc mất chủ quyền không ai tranh cãi của mình đối với trái đất và việc sẵn sàng các sinh vật thấp hơn phục vụ, bởi cuộc đấu tranh gay gắt với chúng vì bánh cơm hàng ngày của mình, bởi khó khăn của việc lao động của mình và phần thưởng thảm hại của nó.

Một phán xét khác đã được đưa ra cho người phụ nữ: "... Ta sẽ nhân thừa các khó khăn trong các lần thai nghén của người; người sẽ sinh con trong đau đớn và ở dưới quyền hành của chồng người và nó sẽ cai trị người" (14). Chúng ta không biết phước lành sinh sản đã được chu toàn ra sao trong nhân loại trước cuộc Sa Ngã. Con đau đẻ của phụ nữ khi sinh con và cuộc đấu tranh giành sự sống của đàn ông là kết quả của cuộc Sa Ngã. Người phụ nữ bị trừng phạt thêm bằng cách phải phục tùng người đàn ông. Việc người đàn ông không phải là ông chủ tốt có thể thấy trong mưu toan chuyển trách nhiệm tội lỗi từ bản thân ông sang cho vợ mình. Cộng đồng của tình yêu thanh thần đã kết thúc. Nhưng một điều khác gì đó đã xuất hiện mà trước đây họ không biết; họ nhận ra họ trần truồng và họ xấu hổ. Họ đã cố gắng che giấu sự trần truồng của mình và Thiên Chúa đã cung cấp cho họ: "Và Chúa là Thiên Chúa đã làm áo choàng từ da cho vợ chồng Adam và mặc cho họ" (15) Tư dục đã thức tỉnh trong họ, và điều trở nên cần thiết là bảo vệ họ khỏi nó.

Do đó, đã có một sự thay đổi trong mối liên hệ của con người với trái đất, với con cháu của họ và với nhau. Nhưng tất cả những điều này là kết quả của một mối liên hệ đã thay đổi với Thiên Chúa. Câu chuyện về tạo dựng và cuộc Sa Ngã của con người chứa đầy những mâu nhiệm không thể giải quyết ở đây. Nhưng quả thực không phải là tự phụ khi thảo luận về một số câu hỏi đặt ra và cố gắng trả lời chúng. Tại sao lại cấm ăn cây nhận thức? Người đàn bà ăn loại trái cây nào và đưa cho chồng cùng ăn? Và tại sao kẻ cám dỗ lại tiếp cận người phụ nữ trước? Tất nhiên, người đàn ông hiển nhiên không phải là không có nhận thức trước cuộc Sa Ngã — vì ông là người được tạo ra theo hình ảnh Thiên Chúa, là người đặt tên cho tất cả các tạo vật sống động và là người được kêu gọi thống trị trái đất. Đúng hơn, một nhận thức hoàn hảo hơn nhiều có thể dành cho họ trước hơn là sau cuộc Sa Ngã. Vì vậy, một nhận thức chuyên biệt mới là điểm được đề cập. Ma quỷ thực sự nói tới việc điều thiện điều ác. Bây giờ,

cũng không nên giả định rằng người đàn ông thiếu nhận thức điều tốt trước cuộc Sa Ngã. Adam và Eva có nhận thức hoàn hảo hơn về Thiên Chúa, nghĩa là một nhận thức hoàn hảo hơn về điều tốt nhất và từ đó, về mọi điều tốt đặc thù. Nhưng không nghi ngờ gì là họ phải được giữ khỏi sự hiểu biết về điều ác mà người ta có được khi làm điều đó.

Hậu quả trực tiếp của tội nguyên tổ cho ta manh mối về những gì họ có thể phải chịu trách nhiệm: hậu quả là người nam và người nữ đã nhìn nhau bằng con mắt khác với họ trước đây; họ đã đánh mất sự vô tội trong việc trao đổi với nhau. Vì vậy, tội lỗi đầu tiên có thể không những chỉ được coi như một tội lỗi hoàn toàn có hình thức bất tuân Thiên Chúa. Mà đúng hơn, nó ngụ ý một hành động nhất định đã bị cấm và được con rắn trình bày một cách quyến rũ với người phụ nữ và rồi người phụ nữ trình bày với người đàn ông. Thật vậy, hành động vi phạm rất có thể là một cách kết hợp khác với trật tự ban đầu. Nhưng việc kẻ cám dỗ trước tiên cám dỗ người phụ nữ có thể cho thấy nó có đường dễ dàng hơn để tiếp cận họ, không hẳn vì người phụ nữ dễ bị lôi kéo vào điều ác hơn (quả thật, cả Adam và Eva, lúc ấy, vẫn không có khuynh hướng làm điều ác), mà là vì bản chất của chính việc cám dỗ có ý nghĩa lớn hơn đối với họ. Ngay từ đầu, đã có dự định để cuộc sống của người phụ nữ sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ nhiều hơn bởi việc sinh sản và giáo dục hậu duệ. Sự khác biệt của hình phạt đối với người nam và người nữ cũng cho thấy điều đó.

Theo bản văn Kinh thánh, sự mất sự sống của chính họ dường như gắn liền với việc bị trục xuất khỏi Địa đàng: Chúa tuyên bố một lời với Adam, lời mà với nó Người đe dọa ông ngay từ đầu như một hình phạt cho sự bất tuân: cái chết. Nhưng trước cuộc trục xuất, Thiên Chúa cũng đã thốt ra một lời hứa trong lời phán xét dành cho con rắn: “Ta sẽ gây thù hận giữa người và người đàn bà, con cái người và con cái nàng; con cháu nàng sẽ giẫm lên đầu người, và con cái người sẽ nằm dưới gót chân của họ” (16). Các thuật ngữ “người đàn bà” và “con cái” chỉ Mẹ Thiên Chúa và Đấng Cứu Chuộc. Tuy nhiên, điều này không loại bỏ ý nghĩa khác; người phụ nữ đầu tiên mà Adam đặt cho cái tên “mẹ của tất cả các tạo vật sống”, cũng như tất cả những người đến sau nàng đã được giao một nhiệm vụ đặc thù là đấu tranh chống sự ác và chuẩn bị cho cuộc phục hồi sự sống tâm linh. “Chúa đã cho tôi một đứa con trai,” Eva nói như thế khi nàng sinh đứa con đầu lòng. Điều đó nghe như thể nàng nhận thức được một phước lành được ban cho nàng trong con người của con trai. Và sau này, các phụ nữ Do Thái cũng nhìn nhận ơn gọi của họ theo cách này: sinh ra những người con mong thấy ngày cứu độ.

Như thế, một mối ràng buộc đặc biệt được thiết lập giữa cuộc Sa Ngã và việc Cứu chuộc, và đây đó các sự kiện tương ứng một cách đáng kể. Vì phụ nữ là người đầu tiên bị cám dỗ, nên thông điệp ân sủng của Thiên Chúa cũng đến với một người phụ nữ trước tiên và mỗi lần sự đồng ý của người phụ nữ sẽ quyết định số phận của nhân loại nói chung. Trong vương quốc mới của Thiên Chúa, vai trò của cặp đôi nhân bản đã thay đổi; nó đã trở thành mối liên hệ của người mẹ và con trai. Con Thiên Chúa là Con Người qua mẹ mình nhưng không qua cha phạm nhân. Con trai của Thiên Chúa không chọn cách truyền giống thông thường của con người để trở thành Con Người. Há chúng ta không thể thấy ở đây một dấu hiệu cho thấy có một thiếu sót cố hữu trong cách sinh sản này từ tội lỗi đầu tiên, mà chỉ có thể được cứu chuộc bởi vương quốc ơn thánh đó sao? Ngoài ra, há nó không cho thấy sự cao quý của tình mẫu tử như là sự kết hợp tinh khiết nhất và cao cả nhất của con người đó sao? Sự phân biệt về giới tính nữ là sự phân biệt này: phụ nữ là người được phép giúp thiết lập vương quốc mới của Thiên Chúa; Sự phân biệt giới tính nam là sự cứu chuộc đến qua Con Người, tức Adam mới. Và ở đó, thứ hạng ưu tiên của người đàn ông lại được thể hiện.

Chúa đã tuyên bố rõ ràng rằng vương quốc mới của Thiên Chúa sẽ mang lại một trật tự mới

trong mối liên hệ giữa hai giới, nghĩa là nó sẽ chấm dứt các mối liên hệ do cuộc Sa Ngã gây ra và sẽ khôi phục lại trật tự ban đầu (17). Đối với câu hỏi của người Biệt phái là người chồng có được phép ly dị vợ không, Chúa Giêsu trả lời: “Môsê cho phép các ông làm như vậy vì lòng dạ chai đá của các ông. Nhưng ngay từ đầu, không phải như vậy”. Và Người khiển trách họ bằng đoạn văn trình thuật việc tạo dựng: họ sẽ là hai trong một xác thịt. Và Người đặt ra điều răn của Giao Ước Mới: “Điều gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly”. Nhưng, hơn thế nữa, Người thiết lập lý tưởng đồng trinh như một điều hoàn toàn mới mẻ, vì nó được đặt trước chúng ta bởi mẫu gương sống động của Trinh Nữ-Mẹ và chính Chúa.

Các bức thư của Thánh Phaolô chứa đựng những nhận xét chi tiết nhất về mối liên hệ giữa người nam và người nữ. Đoạn Thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, được thảo luận nhiều, viết: “Tuy nhiên, điều tôi muốn anh em hiểu là: Chúa Kitô là đầu của mọi người, nhưng người nam là đầu của người nữ, và Thiên Chúa là đầu của Chúa Kitô. Bất cứ người đàn ông nào cầu nguyện hoặc nói tiên tri với cái đầu bị che của mình sẽ tỏ sự bất kính với cái đầu của mình (18). Nhưng bất cứ người đàn bà nào cầu nguyện hoặc nói tiên tri mà không che đầu là nhục mạ cái đầu của mình; lúc ấy như thể tóc của họ bị cạo sạch... (19). Người đàn ông không nên trùm đầu, vì đó là hình ảnh và vinh quang của Thiên Chúa, nhưng đàn bà là vinh quang của đàn ông (20). Vì đàn ông không phát xuất từ đàn bà, nhưng đàn bà phát xuất từ đàn ông” (21). Vì đàn ông không được tạo dựng vì đàn bà nhưng đàn bà được tạo dựng vì đàn ông (22). Nhưng trong Chúa, đàn ông không độc lập với đàn bà mà đàn bà cũng không độc lập với đàn ông” (23). Chúng ta không nên bị coi là thiếu tôn trọng đối với Thánh Tông đồ nếu chúng ta gợi ý ở đây rằng trong giáo huấn này dành cho người Côrintô, có sự lẫn lộn đối với các khía cạnh thần linh và nhân bản, tức thời và vĩnh cửu. Khăn trùm đầu và quần áo là những vấn đề thuộc thời trang, khi ngay cả Thánh Phaolô cũng đã nói ở phần cuối của đoạn văn: “Nhưng bất cứ ai vẫn còn xu hướng tranh luận đều biết rằng chúng ta không có phong tục như vậy và các Giáo Hội của Thiên Chúa cũng vậy” (24). Nếu phán quyết này liên quan đến quần áo được phụ nữ Côrintô mặc để thờ phượng nơi công cộng có giá trị ràng buộc đối với cộng đồng mà ngài đã thành lập, điều đó không có nghĩa là nó cũng có tính ràng buộc đối với mọi thời đại.

Những gì ngài nói về mối liên hệ chính giữa nam và nữ phải được lượng giá cách khác nhau, vì nó được đưa ra nhằm giải thích trật tự thần linh trong việc tạo dựng và cứu chuộc.

Đàn ông và đàn bà được định sẵn để sống một cuộc đời với nhau như một hữu thể đơn nhất. Nhưng vai trò lãnh đạo trong cộng đồng sự sống này là thích hợp với người đàn ông trong tư cách là người được tạo ra đầu tiên. Tuy nhiên, theo cách diễn giải của Thánh Phaolô, người ta có ấn tượng trật tự ban đầu và trật tự cứu chuộc không được giải thích một cách xác thực; ngược lại, khi nhấn mạnh đến cao quyền của người đàn ông trong mối liên hệ, và một cách tuyệt đối trong việc ngài thừa nhận vai trò của người đàn ông như người trung gian giữa Chúa Cứu Thế và phụ nữ, cách giải thích này vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi trật tự của bản chất sa ngã. Cả trình thuật về sự tạo dựng lần Tin Mừng đều không ám chỉ đến mối liên hệ gián tiếp như vậy với Thiên Chúa. Nhưng nó thực sự được tìm thấy trong luật Môsê và nền công lý Rôma. Tuy nhiên, chính Thánh Tông đồ cũng biết một trật tự khác được ngài nói đến trong cùng một Thư gửi tín hữu Côrintô khi ngài thảo luận về hôn nhân và đức khiết trinh: “Người chồng không tin được thánh hóa bởi người vợ tin...” và “này bà vợ, làm sao bà biết bà sẽ không mang chồng bà đến ơn cứu rỗi...?” (25). Điều này phù hợp với Tin Mừng, là tin vốn dạy rằng mọi linh hồn đều được Chúa Kitô giành cho sự sống, và mọi người được nên công chính nhờ sự kết hợp với Chúa Kitô, dù là nam hay nữ, đều được kêu gọi làm trung gian.

Mối liên hệ đàn ông đàn bà thậm chí còn được xử lý đầy đủ hơn trong Thư gửi tín hữu

Êphêsô (26) (5:22tt). “Các bà vợ nên phục tùng chồng như phục tùng Chúa, vì người đàn ông là đầu của vợ cũng như Chúa Kitô là đầu của Giáo Hội Người, là Đấng cứu rỗi của thân thể Người (27) (5:22-23). Nhưng cũng như Giáo Hội phục tùng Chúa Kitô thế nào thì phụ nữ cũng nên phục tùng chồng mình trong mọi sự như thế (28) (5:24). Hỡi những người làm chồng, hãy yêu thương vợ mình như Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mình Người cho Giáo Hội (29) (5:25) để làm cho Giáo Hội trở nên thánh thiện, thanh tẩy Giáo Hội bằng nước và lời ban sự sống (30) (5:26) để trước mặt Người có một Hội Thánh vinh hiển, không bị tí vết hay vết nhăn hay bất cứ điều gì tương tự, nhưng đúng hơn để Giáo Hội thánh thiện và tinh tuyền (31) (5:27). Nên đàn ông cũng nên yêu vợ như chính thân thể của mình. Ai yêu vợ thì yêu chính mình (32) (5:28) Vì chưa bao giờ có ai ghét chính thân xác mình nhưng giữ gìn và chăm sóc nó như Chúa Kitô làm cho Giáo Hội (33) (5:29). Vì chúng ta là chi thể của thân thể Người, là thịt xương Người (34) (5:30). Vì lý do này, người đàn ông sẽ rời bỏ cha mẹ mình và sẽ bám lấy vợ mình; và cả hai sẽ nên một xương một thịt (35) (5:31) Nhưng đây là một mâu nhiệm lớn lao. Tôi muốn nói về Chúa Kitô và Giáo hội (36) (5:32). Tuy nhiên, mỗi người trong anh em hãy yêu vợ mình như chính mình; nhưng đàn bà phải kính sợ chồng mình” (37). Đoạn này giải thích điều khái niệm Kitô giáo về hôn nhân phải nên như thế nào. Mặc dù chính Chúa từng nhấn mạnh tính bất khả phân ly của hôn nhân và sự hợp nhất của đôi vợ chồng trong một thân xác, sự hiệp nhất này được định nghĩa chặt chẽ hơn ở đây.

Cũng như trong một sinh vật đơn nhất, tất cả các chi đều do người đứng đầu cai trị, do đó duy trì sự hài hòa của toàn bộ hữu thể thế nào, thì cũng cần phải có một người đứng đầu trong cơ thể mở rộng hơn như vậy; và trong một cơ thể lành mạnh không thể có sự tranh cãi nào liên quan đến phần nào là đầu và phần nào là các chi thể và chức năng của cả hai là gì. Nhưng không được quên rằng đó là một vấn đề của một mối liên hệ tương trung. Cả hình ảnh của Chúa Kitô và Giáo hội đều nhắc nhở chúng ta về mối liên hệ này. Chúa Kitô là đầu của chúng ta và sự sống thần linh của Người tràn ngập qua chúng ta, các chi thể của Người, nếu chúng ta tuân theo Người trong yêu thương và chúng ta phục tùng Người trong vâng lời. Người đứng đầu là Thiên Chúa Nhập thể, Đấng có sự hiện hữu tự lập của Người bên ngoài Nhiệm thể của Người. Các chi thể có hữu thể cá nhân của họ như những tạo vật tự do và hữu lý, và Nhiệm thể phát xuất từ tình yêu của đầu và sự sẵn sàng phục tùng của các chi thể. Các chức năng, tiến hành từ mỗi chi thể của Nhiệm thể, được chỉ định cho chi thể dựa vào các ơn phúc của mỗi người, ơn phúc yêu thương và linh đạo; sự khôn ngoan của đầu là sử dụng các chi thể theo các năng khiếu của họ; nhưng sức mạnh thần linh của đầu là cung cấp cho mỗi chi thể cá nhân những năng khiếu có thể mang lại lợi ích cho toàn bộ cơ thể. Và mục đích của toàn bộ thân thể này, tức Nhiệm thể Chúa Kitô, là mỗi chi thể cá nhân — thực sự là toàn vẹn hữu thể nhân bản với thân xác và linh hồn — đạt được sự cứu rỗi viên mãn và chức phận con cái Thiên Chúa, và tôn vinh theo cách riêng của mình toàn bộ thân thể, tức hiệp thông các thánh.

Nếu người đàn ông phải là người lãnh đạo, (“là đầu”) của vợ mình - và chúng ta có thể nói thêm một cách thích đáng, tương tự như vậy, là đầu của cả gia đình - theo nghĩa Chúa Kitô là đầu Giáo hội, thì nghĩa vụ của người đàn ông là tiến hành mô hình thu nhỏ này của Nhiệm thể vĩ đại cách nào đó có thể giúp cho mỗi chi thể của nó có thể phát triển các năng khiếu của họ một cách hoàn hảo và góp phần vào ơn cứu rỗi của toàn bộ cơ thể, và mỗi chi thể đạt được sự cứu rỗi của chính họ. Người chồng không phải là Chúa Kitô và không có quyền ban bố tài năng. Nhưng họ có quyền mang các tài năng hiện có đến chỗ phát triển (hoặc triệt tiêu chúng), vì chắc chắn người ta có thể hữu ích trong việc phát triển các năng khiếu của người khác. Và phần họ, khôn ngoan là không để cho những năng khiếu này bị hao mòn đi, nhưng giúp chúng được phát triển vì lợi ích của mọi người. Và vì bản thân họ không hoàn hảo như

Chúa Kitô, mà là một tạo vật có nhiều ơn phúc và khiêm khuyết, sự khôn ngoan cao nhất của họ có thể là cho phép những ơn phúc của các chi thể khác bù đắp cho những khiêm khuyết của họ, cũng như có thể là sự khôn ngoan chính trị cao nhất của người có toàn quyền là cho phép một bộ trưởng sáng suốt cai trị. Tuy nhiên, điều cần thiết cho phúc lợi của cơ thể là việc này phải được thực hiện dưới sự hướng dẫn của đầu. Nếu thân xác chống lại đầu, cơ thể sẽ chịu nhiều tổn thương khi đầu phải để cơ thể hao mòn đi.

Mặc dù Thư gửi tín hữu Êphêsô đề cập đến sự kết hợp hôn nhân, nhưng Thánh Tông đồ nói còn tương cảm hơn về vị trí của người phụ nữ trong cộng đồng trong Thư thứ nhất gửi Timôtê. Họ nên ăn mặc giản dị và đoan trang, và thể hiện lòng đạo đức của mình qua những việc làm tốt (38). “Người phụ nữ phải học trong im lặng, trong sự khiêm nhường hoàn toàn” (39). Nhưng tôi không cho phép một người phụ nữ dạy dỗ, cũng không đề cao họ hơn người đàn ông; đúng hơn, họ nên giữ im lặng (40). Vì Adam được tạo dựng trước, rồi mới tới Eva (41), và Adam không bị cám dỗ mà là người đàn bà bị cám dỗ và sau đó khởi diễn việc vi phạm (42). Nhưng họ sẽ đạt được ơn cứu rỗi nhờ việc sinh con, miễn là họ kiên vững trong đức tin, tình yêu, dè dặt kín đáo thánh thiện” (43).

Ở đây, một cách thậm chí còn mạnh mẽ hơn trong Thư gửi tín hữu Côrintô, người ta có ấn tượng là trật tự nguyên thủy và trật tự cứu chuộc bị phụ thuộc vào trật tự của bản chất sa ngã, và Thánh Tông đồ vẫn nói về mình rõ ràng như một người Do Thái theo tinh thần lẽ luật. Khái niệm của Tin Mừng về đức đồng trình dường như bị lãng quên hoàn toàn. Những gì được nói ở đây và những gì khả thi liên quan đến một số sự việc không thích đáng trong cộng đồng Hy Lạp không được coi có tính ràng buộc đối với giáo huấn chính về mối liên hệ giới tính. Nó mâu thuẫn quá mạnh mẽ đối với những lời nói và toàn bộ phong tục của Chúa, Đáng có các phụ nữ trong số những người bạn đồng hành thân cận nhất của Người, và là những người chứng minh rằng trong công trình cứu chuộc của Người, Người quan tâm đến linh hồn của đàn bà cũng như đến linh hồn của đàn ông. Nó thậm chí còn mâu thuẫn cả với chính đoạn văn đó của Thánh Phaolô, một đoạn văn có thể phát biểu một cách tinh ròn nhất tinh thần của Tin Mừng. “Lẽ luật là quản giáo cho đến khi Chúa Giêsu Kitô đến dạy rằng chúng ta có thể được công chính hóa nhờ đức tin. Nhưng bây giờ đức tin đó đã đến, chúng ta không còn chịu sự giám hộ của Lẽ luật nữa... Không còn người Do Thái hay người Hy Lạp, nô lệ hay người tự do; không còn nam hay nữ. Vì anh em đều là một trong Chúa Giêsu Kitô” (44)

Trước khi chúng ta tiếp tục thảo luận về những gì Lời Chúa ngỏ với chúng ta về bản chất của người nam và người nữ, theo khả năng hiểu biết của chúng ta, chúng ta muốn tóm tắt những gì đã được nói cho đến nay.

Ơn gọi của người nam và người nữ không hoàn toàn giống nhau trong trật tự ban đầu, trật tự của bản chất sa ngã, và trật tự cứu chuộc. Ban đầu, đàn ông và đàn bà đều phải chịu trách nhiệm duy trì sự giống như Thiên Chúa của họ, quyền chúa tể của họ trên trái đất, và việc sinh sản của loài người. Vị trí ưu việt của người đàn ông, điều dường như được ngụ ý bởi sự kiện họ được tạo ra trước, không được giải thích sâu sắc nhiều hơn. Sau cuộc Sa ngã của họ, mối liên hệ giữa họ bị biến đổi từ mối liên hệ tình yêu tinh ròn trở thành mối liên hệ tối quyền và từng phục và bị bóp méo bởi tư dục. Cuộc đấu tranh khó khăn để hiện hữu được phân bổ chủ yếu cho đàn ông và khó khăn khi sinh con được phân bổ chủ yếu cho phụ nữ. Nhưng lời hứa cứu chuộc vẫn hiện diện bao lâu người phụ nữ được giao cho trọng trách chiến đấu chống lại cái ác; giới tính nam sẽ được đề cao bởi việc xuất hiện của Con Thiên Chúa. Việc cứu chuộc sẽ khôi phục lại trật tự lúc ban đầu. Tính ưu việt của người đàn ông được tiết lộ qua việc Đáng Cứu Rỗi đến thế gian dưới hình thức người đàn ông. Giới tính nữ được đánh giá cao nhờ sự kiện Đáng Cứu Rỗi được sinh ra từ một người mẹ phạm nhân; người phụ



nữ là cửa ngõ qua đó Thiên Chúa tìm được lối vào với loài người. Adam như một nguyên mẫu nhân bản cho thấy vị vua thần-nhân trong tương lai của sáng thế; chỉ như thế, mọi người đàn ông trong vương quốc Thiên Chúa nên noi gương Chúa Kitô, và trong kết liên (partnership) hôn nhân, họ phải noi gương sự chăm sóc yêu thương của Chúa Kitô đối với Giáo Hội của Người. Người phụ nữ nên tôn vinh hình ảnh của Chúa Kitô noi chồng mình bằng cách phục tùng tự do và yêu thương; chính họ là hình ảnh của mẹ Thiên Chúa; nhưng điều đó cũng có nghĩa là họ phải là hình ảnh của Chúa Kitô.

## II.

Nếu chúng ta cố gắng mô tả bản chất của đàn ông và đàn bà như cách chúng ta hiểu thông thường, một mặt, chúng ta sẽ thấy lời giải thích rõ ràng về những gì lời Thiên Chúa nói với chúng ta; mặt khác, lời của Thiên Chúa chỉ là một hướng dẫn cho cuộc sống. Trong đó, chúng ta lại tìm thấy dấu vết của trật tự ban đầu của tạo dựng, của sa ngã và cứu chuộc.



Nhờ ơn gọi nguyên thủy từ Thiên Chúa, người đàn ông được kêu gọi làm chủ thể giới tạo dựng. Do đó, thân xác và linh hồn họ được trang bị để chiến đấu và chinh phục nó, để hiểu nó và nhờ kiến thức biến nó thành của riêng mình, sở hữu và tận hưởng nó, và cuối cùng, theo một nghĩa nào đó, biến nó thành sự tạo dựng của chính mình qua hoạt động có mục đích. Nhưng, tất nhiên, bản chất của người đàn ông có giới hạn, cũng như tất cả mọi thứ được tạo dựng; những giới hạn của họ có nguồn gốc từ tình trạng ban sơ do tội nguyên tổ gây ra; kết quả là hữu thể nhân bản không có quyền lãnh chúa trên trái đất như dự định đầu tiên. Nếu tham vọng muốn có kiến thức còn mạnh mẽ trong họ và nếu họ dùng hết sức lực của họ để thỏa mãn tham vọng này, thì càng ngày họ càng buộc phải từ bỏ việc sở hữu và hưởng thụ những điều tốt đẹp trong cuộc sống; và, ngoài ra, khả năng sáng tạo của họ sẽ bị suy giảm. Nếu mục tiêu cuộc đời họ là sở hữu và thỏa mãn, họ sẽ ít có khả năng đạt được sự hiểu biết thuần túy không vụ lợi và ít có khả năng hoạt động sáng tạo. Nhưng nếu họ hoàn toàn bằng lòng với việc biến đổi một phạm vi nhỏ bằng hoạt động sáng tạo của chính mình (như một nông dân, nghệ sĩ, viên chức chính phủ, v.v.), thì kiến thức trừu tượng và sự hưởng thụ của cải vật chất của cuộc sống sẽ ít quan trọng hơn.

Và chúng ta liên tục được nhắc nhở rằng thành tựu đơn nhất càng hoàn hảo thì phạm vi của nó càng bị hạn chế. Sự hoàn hảo chỉ có thể đạt được qua tính phiến diện (onesidedness) và sự suy giảm của các phẩm tính kia.

Nhưng ngoài ra, với bản chất sa ngã của con người, nỗ lực một chiều để đạt được sự hoàn hảo dễ dàng trở thành một khát vọng đòi trụ ngay trong chính nó; tham vọng của chúng ta muốn có kiến thức không tôn trọng những giới hạn được đặt trên nó mà đúng hơn, tìm cách, bằng sức mạnh, vượt qua những giới hạn này; sự hiểu biết của con người thậm chí không nắm được điều mà về bản chất không bị che giấu đối với nó, vì nó không chịu phục tùng quy luật của sự vật; thay vào đó, nó tìm cách làm chủ chúng một cách võ đoán hoặc cho phép sự rõ ràng của viễn kiến tâm linh của nó bị che lấp bởi những ham muốn và dục vọng. Tương tự như vậy, sự suy tàn quyền thống trị của con người được thấy rõ khi chúng ta xem xét mối liên hệ của họ với sự phong phú tự nhiên của trái đất: thay vì tôn kính hân hoan trong thế giới tạo dựng, thay vì mong muốn bảo tồn và phát triển nó, con người tìm cách khai thác nó một cách tham lam, đến mức tiêu hủy hoặc chiếm hữu một cách vô cảm, không hiểu làm thế nào để tận dụng hoặc tận hưởng nó. Liên quan đến vấn đề này là việc hạ giá của nghệ thuật sáng tạo qua việc bóp méo và biếm họa đầy bạo lực các hình ảnh tự nhiên.

Sự suy thoái của vương quyền thành quyền lực tàn bạo cũng đúng trong mối liên hệ của người nam với người nữ. Theo trật tự ban đầu, nàng được giao cho chàng như một người bạn đồng hành và trợ giúp. Do đó, nếu nàng đứng về phía chàng trong quyền lãnh chúa trên trái đất, nàng hẳn được phú bẩm những ơn phúc tương tự — hiểu biết, tận hưởng và sáng tạo. Tuy nhiên, thông thường, nàng ít được phú bẩm những ơn phúc này và do đó, ít có nguy cơ đánh mất bản thân chỉ vì tính phiến diện. Nhờ thế, nàng sẽ có thể phục vụ người đàn ông trong bốn phận hồ tương của họ; nàng bảo vệ người đàn ông khỏi tính phiến diện tự nhiên của chàng bằng sự phát triển hài hòa của chính nàng. Nhưng mối liên hệ của hai giới kể từ khi Sa ngã đã trở thành mối liên hệ tàn bạo chủ nhân và nô lệ. Thành thử, những ơn phúc tự nhiên của phụ nữ và sự phát triển tốt nhất có thể của chúng không còn được xem xét nữa; đúng hơn, người đàn ông sử dụng nàng như một phương tiện để đạt được các mục đích của riêng họ trong việc thực hiện công việc của họ hoặc để làm dịu sự thèm muốn của họ. Tuy nhiên, có thể dễ dàng xảy ra việc này: kẻ chuyên quyền trở thành nô lệ cho dục vọng của mình và do đó trở thành một nô lệ của kẻ nô lệ phải thỏa mãn họ.

Liên hệ thoái hóa giữa nam và nữ được truyền qua liên hệ thoái hóa của họ với con cái. Khởi nguyên, việc chăm sóc liên quan đến sinh sản được chỉ định chung cho họ. Giống như cả hai đều được định hướng để khôi phục các thiên bẩm [predispositions] khác nhau của họ, cũng theo cách đó, và theo cách mạnh mẽ nhất, mỗi người phải bù đắp cho người kia các thiếu sót cố hữu của họ trong tư cách cha mẹ. Một mặt, bản chất chưa huấn thực của đứa trẻ cần được chăm sóc, che chở và hướng dẫn trong việc phát triển các khả năng của nó. Vì mỗi dây rốn buộc chặt chẽ về thể xác giữa đứa trẻ và người mẹ, vì xu hướng chuyên biệt của người phụ nữ là thông cảm và phục vụ cuộc sống khác, cũng như ý thức sâu sắc hơn của họ về cách phát triển các khả năng của đứa trẻ, nên phần chính của việc giáo dục đứa trẻ được giao cho người phụ nữ. Mặt khác, họ cần sự bảo vệ của đàn ông để thực hiện các bốn phận của họ; tuy nhiên, động lực mạnh mẽ hơn và tiềm năng thành tựu của người đàn ông khiến chàng có trách nhiệm hướng dẫn đứa trẻ phát huy hết những tiềm năng đặc thù của nó, “làm điều tốt”. Và, cuối cùng, do bốn phận làm chủ mọi tạo vật, chàng chịu trách nhiệm chăm sóc tạo vật cao quý nhất của tất cả các tạo vật. Hơn nữa, cũng như đàn ông và đàn bà được tạo dựng để bổ túc cho nhau thế nào, thì các thế hệ kế tiếp cũng được kêu gọi để chu toàn cùng một chức năng như thế. Mỗi thế hệ, do đó, được kêu gọi đạt được một điều gì đó mới mẻ và có tính cách cá nhân; nền giáo dục cần nghiêm túc xem xét sự cần thiết phải phát triển các yếu tố mới mẻ và độc đáo trong từng thế hệ mới. Do đó, chức phận làm cha xuất hiện như một lời kêu gọi nguyên thủy của con người được qui cho họ cùng với ơn gọi đặc biệt của họ. Một mặt, khuynh hướng trốn tránh nghĩa vụ làm cha của họ là một dấu hiệu của sự suy đồi; ở bình diện thấp nhất, điều này tự bộc lộ trong liên hệ tình dục chỉ để thỏa mãn ham muốn tình dục

mà thôi chứ không quan tâm đến con cái; ở bình diện cao hơn, họ có thể đảm nhận tốt các nghĩa vụ vật chất của mình nhưng có lẽ họ hoàn toàn không quan tâm đến bổn phận chia sẻ việc đào tạo đứa trẻ. Mặt khác, có nguy cơ xảy ra việc thực hiện tàn bạo các đặc quyền của tư cách làm cha, vốn giới hạn tư cách làm mẹ vào việc chăm sóc thể chất mà thôi và tước đi các chức năng cao hơn của nó và hơn thế nữa, có thể đàn áp một cách có thẩm quyền các khát vọng độc đáo của đàn hậu duệ mới.

Tất cả những khiếm khuyết trong bản chất người đàn ông khiến họ thất bại trong thiên chức nguyên thủy của họ đều bắt nguồn từ mối liên hệ lệch lạc với Thiên Chúa. Con người có thể hoàn thành ơn gọi cao quý nhất của họ, là trở thành hình ảnh của Thiên Chúa chỉ khi họ tìm cách phát triển các khả năng của họ bằng cách khiêm tốn từng phục sự hướng dẫn của Thiên Chúa. Là hình ảnh hữu hạn của đức khôn ngoan, sự tốt lành và quyền năng của Thiên Chúa có nghĩa là con người phải tìm cách biết từ bên trong mô thức và các giới hạn do Thiên Chúa quy định, vui hưởng một cách biết ơn sự vinh hiển của Thiên Chúa như được biểu lộ trong các tạo vật của Thiên Chúa, giúp hoàn thiện tạo thể trong một hành vi nhân bản tự do như ý định của Thiên Chúa. Câu *non serviam* [tôi không phục vụ] của con người ngạo với Thiên Chúa, đến lượt nó, tạo ra mối liên hệ biên thái của họ với tất cả các tạo vật.

Chúng ta có sự song hành chính xác trong bản chất của phụ nữ. Theo trật tự dự kiến từ khởi đầu, vị trí của họ là ở bên cạnh người đàn ông để làm chủ trái đất và chăm sóc con cái. Nhưng thân xác và linh hồn họ được tạo ra ít để chiến đấu và chinh phục hơn là để nâng niu, bảo vệ và gìn giữ. Trong thái độ cặp ba đối với thế giới - biết nó, tận hưởng nó, để hình thành nó một cách sáng tạo - thái độ thứ hai làm họ quan tâm trực tiếp nhiều nhất: có vẻ họ có khả năng hơn người đàn ông trong việc cảm thấy niềm vui tôn kính hơn nơi các tạo vật; hơn nữa, niềm vui đó đòi hỏi một kiểu tri nhận đặc thù về điều tốt, khác với kiểu tri nhận thuần lý ở chỗ là một chức năng tâm linh cố hữu và là một chức năng đặc biệt của nữ giới. Hiển nhiên, phẩm tính này có liên quan đến sứ mệnh làm mẹ của người phụ nữ, bao gồm sự hiểu biết về toàn bộ hữu thể và các giá trị chuyên biệt. Nó giúp họ hiểu và cổ vũ sự phát triển hữu cơ, số phận đặc biệt, cá thể của mỗi hữu thể sống động. Ý thức được nhu cầu của hữu thể sống động không những mang lại lợi ích cho hậu thế của họ mà còn cho mọi tạo vật nữa. Nó đặc biệt có lợi cho người đàn ông trong việc khiến nàng trở thành người bạn đồng hành và trợ giúp biết đánh giá cao các khát vọng của chàng. Mối liên hệ bổ túc cho nhau của người nam và người nữ xuất hiện rõ ràng trong trật tự nguyên thủy của tự nhiên: ơn gọi đệ nhất đẳng của người đàn ông dường như là ơn gọi của người cai trị và ơn gọi làm cha là ơn gọi đệ nhị đẳng (không phụ thuộc vào ơn gọi làm người cai trị của họ nhưng là một phần không thể thiếu của nó); ơn gọi đệ nhất đẳng của người phụ nữ là làm mẹ: vai trò người cai trị của nàng chỉ là ơn gọi đệ nhị đẳng và được bao gồm cách nào đó trong ơn gọi làm mẹ của nàng.

Người phụ nữ chia sẻ với người đàn ông những khả năng hiểu, tận hưởng và hành động; nhưng nàng cũng chia sẻ cùng một thèm khát suy đồi muốn sở hữu mọi sự bằng bạo lực, một mong muốn làm sai lệch, bóp méo và hủy hoại. Tuy nhiên, cuộc Sa ngã ảnh hưởng đến đàn ông và đàn bà cách khác nhau; điều này trở nên rõ ràng khi khảo sát ý nghĩa và định hướng khác nhau của ba chức năng (hiểu biết, tận hưởng và sáng tạo) trong toàn bộ nhân cách và toàn bộ cuộc sống của người nam và người nữ. Ta đã đề cập đến việc, vì thiên bẩm của họ, phụ nữ được bảo vệ tốt hơn nam giới khỏi tính phiến diện và khỏi việc mất nhân tính. Mặt khác, tính một chiều mà họ gặp mặt là một tính một chiều đặc biệt nguy hiểm. Suy nghĩ trừu tượng và hành động sáng tạo ít được họ quan tâm hơn là việc sở hữu và tận hưởng cuộc sống tốt đẹp. Vì vậy, mỗi nguy hiểm là ở chỗ nàng sẽ chỉ dấn thân vào điều đó và chỉ điều đó mà thôi. Và giờ đây, thêm vào đó, niềm vui tôn kính của nàng đối với những sự vật của thế giới này có thể biến chất thành lòng tham, một mặt dẫn họ đến việc lo lắng nhặt nhạnh tham lam

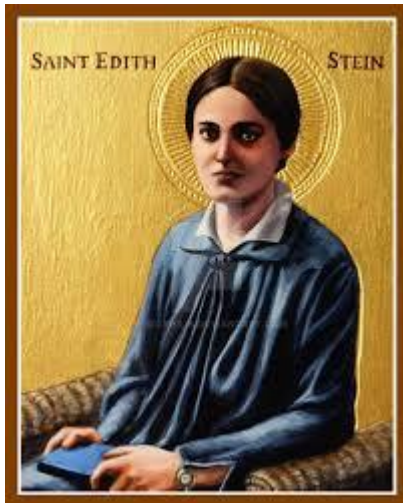
và tích trữ những thứ mà nàng không dùng đến; và mặt khác, rơi vào một cuộc sống vô tâm, nhàn rỗi đầy nhọc dục.

Điều này dẫn đến một mối liên hệ thoái hóa với người đàn ông: vốn bị đe dọa bởi nhu cầu thống trị của người đàn ông, sự đồng hành tự do của nàng ở bên cạnh chàng sẽ càng bị nàng làm cho suy yếu hơn nữa trong việc chiều theo các ham muốn của chính nàng. Mặt khác, sự lo lắng của nàng để bảo vệ tài sản của mình có thể khiến nàng cố gắng thống trị đàn ông. Và các trường hợp tương tự có thể được nhìn thấy trong mối liên hệ với con cái. Người phụ nữ sống cuộc sống chỉ dựa trên sự buông thả bản thân sẽ cố gắng trốn tránh nghĩa vụ làm mẹ giống như một người đàn ông có định hướng tương tự sẽ trốn tránh nghĩa vụ làm cha của mình. Tất nhiên, nàng có thể bị ngăn ngừa khỏi điều này nhờ động lực có tính bản năng muốn có con. Người phụ nữ lãng vãng lo lắng về con cái như thể chúng là tài sản của riêng mình sẽ cố gắng bằng mọi cách ràng buộc chúng với mình, thậm chí bằng cách hết sức loại bỏ quyền của người cha. Nàng sẽ cố gắng hạn chế quyền tự do phát triển của con cái; nàng sẽ kiểm tra sự phát triển của chúng và phá hủy hạnh phúc của họ thay vì phục vụ người đàn ông, con cái và mọi tạo vật theo cách yêu thương tôn kính nhằm cổ vũ việc đào tạo tự nhiên của họ vì vinh quang Thiên Chúa và qua đó phát huy hạnh phúc tự nhiên của họ.

Căn nguyên của điều ác, một lần nữa, hệ ở mối liên hệ đòi trụ của nàng với Thiên Chúa. Vì người phụ nữ nổi loạn chống lại Thiên Chúa vào lúc có cuộc Sa Ngã và đồng thời chiếm ưu thế trên người đàn ông bằng cách quyến rũ chàng, nên hình phạt của nàng là tước phục quyền thống trị của người đàn ông. Vì tội lỗi mà nàng đã khuyến khích chàng phạm rất có thể là tội nhọc dục, nên người phụ nữ càng phải đối diện với nguy cơ trở thành xác thịt hoàn toàn. Và khi điều này xảy ra, nàng luôn một lần nữa trở thành kẻ quyến rũ xấu xa, trong khi nghịch lý thay, Chúa đã ra lệnh một cách đặc biệt cho nàng chống lại cái ác.

### III

Chúng ta đã nhấn mạnh rằng bản chất và ơn gọi nguyên thủy của người nam và người nữ có thể được tìm kiếm và phục hồi ra sao; chỉ với tư cách là con cái của Thiên Chúa, điều này mới có thể đạt được. Nếu, ngoài ra, chúng ta góp phần của mình vào, thì việc chúng ta được tái chấp nhận làm con cái Thiên Chúa sẽ được bảo đảm nhờ hành động cứu chuộc của Chúa Kitô. Dân Do Thái trong Cựu ước đã góp phần vào việc cứu chuộc khi họ chờ đợi Đấng Mêxia bằng sự tuân thủ Lễ luật thực sự. Đối với phụ nữ, điều này có nghĩa là khiêm tốn phục tùng chủ quyền của người đàn ông, cảnh giác thận trọng để duy trì sự trong sạch của họ, ra kỷ luật cho giác quan khắc khổ hơn so với những gì được thực hiện bởi người đàn ông, khao khát hậu thế mà trong chúng họ có thể mừng tượng ơn cứu rỗi của chính họ, và thực sự cố gắng nuôi dạy con cái của họ trong sự kính sợ Thiên Chúa. Đối với mỗi người đàn ông, điều này có nghĩa là trung thành với những lời cầu nguyện đã định và thờ phượng bằng tế lễ, tuân theo các giới luật luân lý và xã hội, chịu trách nhiệm trong tư cách chủ gia đình đối với vợ và con cái, quý mến người đàn bà như mẹ của con cái mình.



Trong Tân Ước, con người chu toàn phần của mình trong ơn cứu chuộc qua sự kết hợp bản thân gần gũi nhất với Chúa Kitô: qua đức tin bám lấy Người như con đường cứu rỗi, như sự thật được Người mạc khải, và như con đường dẫn đến hạnh phúc mà Người cung ứng; qua đức cậy chờ đợi với lòng tin tưởng tuyệt đối sự sống được Người hứa ban; qua đức mến vốn tìm mọi cách có thể để đến gần Người. Hữu thể nhân bản luôn tìm cách để biết Người một cách mật thiết hơn qua việc chiêm niệm về cuộc đời của Người và suy gẫm về lời của Người; Họ nỗ lực đạt tới việc kết hợp gần gũi nhất với Người trong Bí tích Thánh Thể; họ chia sẻ cuộc sống huyền nhiệm, phục sinh của Người qua việc tham gia vào Năm Giáo Hội và trong phụng vụ của Giáo Hội. Ơn cứu rỗi không thừa nhận bất cứ sự khác biệt nào giữa hai giới tính; đúng hơn, ơn cứu rỗi của mỗi người và mối liên hệ của họ với nhau đều phụ thuộc vào cùng một sự kết hợp bản thân chặt chẽ với Chúa Kitô.

Hành động cứu chuộc không khôi phục bản chất bị hư hỏng cái rụp. Chúa Kitô đã gieo hạt giống cứu rỗi trong nhân loại để hạt giống ấy có thể phát triển không chỉ trong đời sống bên trong và bên ngoài của Giáo hội, nhưng còn có thể phát triển đặc biệt trong linh hồn mỗi cá nhân. Chúng ta, những người đang “trên đường” trong cuộc hành hương về Giêrusalem trên trời, tự trải nghiệm trong mình cuộc xung đột giữa thiên nhiên băng hoại và ân sủng, một điều giống như một cây đang phát triển, có thể phát triển và nở hoa, chiến thắng mọi dịch bệnh.

Ở khắp nơi quanh chúng ta, chúng ta thấy, trong sự tương tác giữa các giới tính, những hậu quả trực tiếp của tội nguyên tổ dưới những hình thức đáng sợ nhất: một đời sống tình dục buông thả, trong đó mọi dấu vết của ơn gọi cao cả của họ dường như đã mất đi; một cuộc đấu tranh giữa hai giới tính, một bên đọ sức với bên kia, khi họ đấu tranh cho quyền lợi của mình và khi làm như vậy, dường như họ không còn nghe thấy tiếng nói của thiên nhiên và của Thiên Chúa nữa. Nhưng chúng ta cũng có thể thấy nó có thể khác ra sao bất cứ khi nào có sự hoạt động của sức mạnh ân sủng.

Trong hôn nhân Kitô giáo, người chồng, trong tư cách là đầu của gia đình, quan tâm đến sự lành mạnh của nó: không những họ phải nỗ lực theo khả năng của mình để kiếm sinh kế và “thành công” trần thế cho nó, mà còn phải đóng góp phần mình vào hạnh phúc thiêng liêng của nó nữa.

Điều này có nghĩa có lúc họ phải hướng dẫn và giúp đỡ, có lúc thấy cần phải nhín nhường một cách thận trọng, và thậm chí thỉnh thoảng còn phải có hành động ngăn ngừa hoặc chống

đôi. Họ phải hỗ trợ sự phát triển các tài năng và nghị lực của vợ con mình bất cứ khi nào có thể và bất cứ khi nào cần. Nếu họ phải xử lý với những bản chất yếu hơn và khả năng hạn chế, nếu họ quan sát thấy có sự thiếu can đảm và tự tin, họ phải cố gắng rút ra được các tài năng giấu ẩn. Một trong các nhiệm vụ của họ là củng cố đời sống tâm linh của vợ mình, không để nàng sa vào một cuộc sống chỉ biết nhục dục; điều này có thể được thực hiện bằng cách để nàng tham gia vào công việc sáng tạo của riêng chàng hoặc trong hoạt động độc lập của riêng nàng. Nếu nàng bị tước đoạt cả hai lựa chọn này, nếu chàng cố gắng giới hạn nàng vào một phạm vi quá hẹp so với các tài năng của nàng, hoặc chàng phó mặc nàng hoàn toàn cho cuộc sống nhục dục đơn thuần, chàng sẽ gánh một phần trách nhiệm lớn về hậu quả do đó mà ra: trách nhiệm đối với sự hao mòn cuộc sống cao hơn của nàng, đối với sự xáo trộn bệnh lý, đối với việc quá phụ thuộc vào chồng con, một sự phụ thuộc trở thành gánh nặng cho họ, và đối với cảnh hiu quạnh của cuộc đời nàng nếu một ngày nào đó nàng bị bỏ lại một mình xoay xở. Một điều tương tự cũng có thể xảy ra trong mối liên hệ với con cái. Mặt khác, nghĩa vụ của chàng trong tư cách chủ gia đình là bảo đảm trật tự và sự hòa hợp của cuộc sống gia đình, lo sao cho mọi thành viên không chỉ quan tâm đến sự phát triển của cá nhân mình mà còn phải quan tâm đến những người khác và thực hành tính quên mình rất cần thiết để thi hành các nhiệm vụ gia hộ của mình. Và cuối cùng, nhờ sự quan tâm đến cuộc sống tự nhiên có trật tự của mỗi cá nhân và của toàn bộ gia hộ, chàng không được bỏ bê đời sống tâm linh của gia đình. Trong cộng đồng nhỏ bé của mình, người chồng nên noi gương Chúa Kitô làm người đứng đầu Giáo Hội; họ nên coi sứ mệnh lớn nhất của mình là dẫn dắt cả gia đình noi gương Chúa Kitô và, theo khả năng của mình, thúc đẩy mọi hạt giống ân sủng đang phát triển nơi các thành viên gia đình. Sự kết hợp của chính họ với Chúa càng mật thiết, thì họ càng thành công nhiều hơn.

Gánh nặng gia đình mà người chồng gánh chịu ngoài các nhiệm vụ chuyên môn sẽ có vẻ quá nặng nếu người bạn trợ giúp họ không đứng bên cạnh họ; nàng được kêu gọi theo bản chất của nàng để mang hơn một nửa gánh nặng này. Nàng khao khát một sự phát triển nhân cách không bị cản trở của mình cũng nhiều như nàng muốn giúp đỡ những người khác hướng tới cùng một mục tiêu đó. Và như vậy, người chồng sẽ thấy nàng có thể cho chàng những lời khuyên vô giá trong việc hướng dẫn cuộc sống của con cái cũng như của chính họ; thật vậy, thường thì chàng sẽ chu toàn tốt nhất các nhiệm vụ của mình trong tư cách người lãnh đạo nếu chàng chịu nhường nhịn nàng và để mình được nàng dẫn dắt. Một phần trong mối quan tâm nữ tính tự nhiên của nàng đối với sự phát triển đúng đắn của những con người xung quanh nàng bao gồm việc tạo ra một môi trường, trật tự và đẹp đẽ, giúp cho sự phát triển của họ.

Một phẩm tính độc đáo ở phụ nữ là sự nhạy cảm khác thường của nàng đối với các giá trị đạo đức và sự ghê tởm đối với tất cả những gì thấp kém và hèn hạ; phẩm tính này bảo vệ nàng chống lại những nguy cơ rù quén và hoàn toàn đầu hàng trước nhục dục. Điều này được phát biểu qua lời tiên tri đầy màu nhiệm, đã trở thành huyền thoại, rằng người phụ nữ sẽ dẫn thân vào trận chiến chống lại con rắn; và lời tiên tri này được ứng nghiệm qua việc thắng điều ác đã giành được cho toàn thể nhân loại qua Đức Maria, nữ hoàng của mọi phụ nữ. Liên minh gần gũi với sự nhạy cảm này trước các giá trị đạo đức là sự khao khát thể thần linh của nàng và sự kết hợp bản thân nàng với Chúa, sự sẵn sàng và ước muốn của nàng được tràn đầy và được hướng dẫn hoàn toàn bởi tình yêu của Người. Đó là lý do tại sao, trong một cuộc sống gia đình có nề nếp, sứ mệnh giáo dục đạo đức và tôn giáo chủ yếu được trao cho người vợ. Nếu đời sống của nàng được hoàn toàn dựa vào Chúa Giêsu, thì nàng cũng sẽ được bảo vệ tốt nhất chống lại việc mất điều độ một cách nguy hiểm. Điều này có thể xảy ra khi nàng quá được bảo bọc bởi những người xung quanh nàng; hoặc ngược lại, điều đó có thể xảy ra khi nàng chỉ quan tâm tới chính nàng và cắt hết đất ở dưới chân nàng, đất mà nàng phải đứng nếu

muốn có khả năng hỗ trợ và giúp đỡ người khác. Hoạt động nghề nghiệp của nàng làm cân bằng nguy cơ muốn pha mình quá gần gũi vào cuộc sống của người khác và do đó hy sinh chính cuộc sống bản thân; tuy nhiên, mỗi bận tâm chuyên nhất với hoạt động nghề nghiệp của nàng sẽ mang đến nguy cơ ngược lại là không chung thủy đối với ơn gọi nữ tính của nàng. Chỉ những ai phó mình hoàn toàn trong tay Chúa mới có thể tin tưởng rằng họ sẽ tránh được thảm họa giữa Scylla và Charybdis. Bất cứ điều gì được phó cho Người đều sẽ không bị mất đi nhưng được cứu vớt, thanh tẩy, nâng cao và được làm cho cân đối theo đúng kích thước của chúng.

Chúng ta được những lời bình luận vừa kể trên dẫn đến câu hỏi về ơn gọi được thực hành bên ngoài gia đình và về mối liên hệ giữa người nam và người nữ trong cuộc sống nghề nghiệp. Nay, vì sự phát triển của những thập niên vừa qua và những năm gần đây, hiển nhiên chúng ta phải coi như đã đóng lại kỷ nguyên lịch sử từng đưa ra sự dị biệt hóa tuyệt đối giữa các nhiệm vụ của hai giới, tức là phụ nữ phải đảm đương các nhiệm vụ nội trợ còn đàn ông phải đấu tranh cho một kế sinh nhai. Ngày nay, không quá khó để chúng ta hiểu được quá trình tiến hóa này đã diễn ra như thế nào. Những thành tựu của khoa học tự nhiên và kỹ thuật từng thay thế dần sức lao động của con người bằng các phương tiện máy móc đã mang lại cho phụ nữ một sự giải phóng lớn lao và mong muốn sử dụng các năng lực mới phát sinh của họ một cách khác. Trong giai đoạn chuyển tiếp, nhiều năng lực không được sử dụng đã bị lãng phí một cách vô nghĩa trong la cà trống rỗng; và vì điều này, năng lực quý giá của con người đã bị lãng phí. Những thay đổi cần thiết chỉ được đưa ra sau một loạt các cuộc khủng hoảng khó khăn. Những cuộc khủng hoảng này một phần được gây ra bởi niềm đam mê quá mức, cả về phía những người tiên phong của phong trào duy nữ lẫn đối thủ của họ, mặc dù cả hai thường đấu tranh với những lý lẽ nhân đạo. Một phần, những cuộc khủng hoảng này là do sự chống đối thụ động của quần chúng trì trệ vốn có xu hướng bám vào những cách thức quen thuộc của quá khứ mà không xem xét chúng một cách khách quan. Cuối cùng, các điều kiện sau chiến tranh ở Đức đã mang lại những thay đổi cách mạng ngay cả trong lĩnh vực này; và sự suy thoái kinh tế kèm theo đã buộc ngay cả những người cho đến lúc đó vẫn chưa có ý nghĩ nào về việc đào tạo chuyên môn để làm việc kiếm sống. Do đó, điều kiện trong đó chúng ta tự thấy mình hiện diện ngày nay là một điều bất thường và không tạo cơ sở thích hợp để phân tích từ nền tảng.

Trên hết, đối với lời giải thích trước đây, chúng ta phải hỏi: Nhìn chung, cuộc sống chuyên nghiệp của người phụ nữ bên ngoài gia đình có vi phạm trật tự của tự nhiên và ơn thánh không? Tôi tin rằng người ta phải trả lời "không" cho câu hỏi này. Đối với tôi, dường như tính sáng tạo chung trong mọi lĩnh vực đều đã được chỉ rõ trong trật tự nguyên thủy, ngay cả khi điều này được thực hiện với sự phân bổ các vai trò cách khác nhau. Sự thay đổi trong trật tự nguyên thủy diễn ra sau cuộc Sa Ngã không có nghĩa nó bị chấm dứt hoàn toàn; do đó thiên nhiên cũng không bị biến chất hoàn toàn mà vẫn duy trì được các năng lực như cũ, bây giờ chỉ là suy yếu và dễ dàng bị làm lỗi. Sự kiện tất cả các năng lực mà người chồng sở hữu cũng hiện diện trong bản chất nữ giới - mặc dù nói chung, chúng có thể xuất hiện ở các mức độ và mối liên hệ khác nhau - là một dấu chỉ cho thấy chúng nên được sử dụng vào hoạt động tương ứng. Và bất cứ nơi nào phạm vi các bổn phận nội trợ quá hẹp để người vợ có thể sở đắc được một sự đào tạo trọn vẹn cho các năng lực của họ, cả bản chất lẫn lý trí đều đồng ý để nàng vươn ra ngoài phạm vi này. Tuy nhiên, tôi thấy có một giới hạn đối với các hoạt động nghề nghiệp như vậy bất cứ khi nào nó gây nguy hiểm cho cuộc sống gia đình, tức là cộng đồng sự sống và đào tạo bao gồm cha mẹ và con cái. Thậm chí đối với tôi, có vẻ như mâu thuẫn với trật tự thần linh khi các hoạt động nghề nghiệp của người chồng leo đến mức cắt đứt hoàn toàn với cuộc sống gia đình. Điều này càng đúng hơn đối với người vợ. Bất cứ điều kiện xã hội nào cũng là một điều kiện không lành mạnh khi buộc phụ nữ đã kết hôn phải

tìm kiếm công ăn việc làm có lương và khiến họ không thể quản lý tổ ấm của họ. Và chúng ta nên chấp nhận là bình thường việc người phụ nữ đã kết hôn được giới hạn vào cuộc sống gia đình vào lúc các nhiệm vụ gia đình của họ đòi hỏi hết mọi năng lực của họ.

Sau cuộc Sa Ngã, người phụ nữ buộc phải quan tâm đến những nhu cầu ban sơ nhất của cuộc sống, vốn khiến cho các năng lực của họ bị rút ngắn nghiêm trọng; về mặt này, họ đã được hưởng lợi nhờ các điều kiện do thay đổi văn hóa mang lại. Hơn nữa, sự thay đổi trong số phận của họ ngụ ý họ phải phục tùng người đàn ông: mức độ và loại hoạt động của họ trở thành tùy thuộc vào ý chí của người đàn ông; và, vì phán đoán và ý chí của chàng không phải là không thể sai lầm, nên không hề có bảo đảm gì là sự kiểm soát của chàng đối với năng sẽ được điều chỉnh bởi lý trí đúng đắn. Hơn nữa, vì sự hòa hợp giữa hai giới bị xáo trộn bởi cuộc Sa Ngã, nên vấn đề phục tùng của người phụ nữ đã liên hệ đến một cuộc xung đột gay gắt liên quan đến các hoạt động phù hợp với bản chất hư hỏng của nam tính cũng như nữ tính.

Trật tự cứu chuộc đã khôi phục mối liên hệ nguyên thủy; càng nhiều ơn cứu chuộc được đích thân tiếp nhận, thì càng có thể tạo ra một sự hợp tác hài hòa và một thỏa thuận liên quan đến việc phân bổ các vai trò ơn gọi. Nó gây ra một sự thay đổi căn bản hơn nữa về tư thế của người phụ nữ bằng việc khẳng định lý tưởng khiết trinh. Điều này phá vỡ quy tắc của Cựu ước vốn cho rằng người phụ nữ chỉ thể hiện được ơn cứu rỗi của mình bằng cách sinh con. Và trong những trường hợp đặc thù khi các phụ nữ cá thể như Deborah và Judith được Thiên Chúa kêu gọi đạt tới những thành tựu phi thường cho dân Thiên Chúa, thì ngay cả tiêu chuẩn của Giao ước Cũ cũng đã bị thay đổi. Giờ đây, một cách thức mới cho thấy phụ nữ có thể dâng mình chuyên nhất để phụng sự Thiên Chúa, và họ có thể phát triển một hoạt động đa dạng trong việc phụng sự Người. Ngay cả Thánh Phaolô, người mà các trước tác thường xuyên mạnh mẽ nhắc lại các quan điểm của Cựu Ước cũng đã tuyên bố rõ ràng rằng, theo quan điểm của ngài, điều tốt là đàn ông cũng như đàn bà nên kết hôn nhưng không kết hôn vẫn tốt hơn. Và đây đó, ngài nhấn mạnh đến thành tích đáng khen ngợi của phụ nữ trong việc phục vụ các cộng đồng mục vụ đầu tiên (45).

Trước khi xem xét ơn gọi chung của nam giới và nữ giới trong việc phụng sự Thiên Chúa, chúng ta muốn xem xét vấn đề phân bổ các ơn gọi theo trật tự tự nhiên. Có nên chỉ dành một số chức vụ nào đó cho nam giới mà thôi, những chức vụ khác chỉ dành cho nữ giới và có lẽ một số chức vụ được dành cho cả hai không? Tôi tin rằng câu hỏi này cũng phải được trả lời một cách tiêu cực. Sự khác biệt cá thể mạnh mẽ hiện hữu ở cả hai giới tính phải được tính đến. Nhiều phụ nữ có đặc điểm nam tính cũng giống như nhiều đàn ông có đặc điểm nữ tính. Thành thử, mọi nghề nghiệp được gọi là “nam tính” có thể được thực hiện bởi nhiều phụ nữ cũng như nhiều nghề nghiệp “nữ tính” được thực hiện bởi một số đàn ông nào đó.

Do đó, hình như đúng là không nên có bất cứ rào cản pháp lý thuộc bất cứ loại nào. Thay vào đó, người ta có thể hy vọng rằng một sự lựa chọn ơn gọi tự nhiên có thể được thực hiện nhờ vào sự dưỡng dục, giáo dục và hướng dẫn phù hợp với bản chất của mỗi cá nhân; những yếu tố không phù hợp cần được loại bỏ bởi những yêu cầu khách quan khắt khe. Các khác biệt giữa bản chất nam tính và nữ tính cho thấy rõ ràng rằng mỗi người có một năng khiếu chuyên biệt đối với một số ngành nghề nào đó. Vì vậy, việc lựa chọn một nghề nghiệp thường tự giải quyết lấy.

Các ơn gọi của nam giới thường đòi hỏi sức mạnh cơ thể, khả năng suy nghĩ chủ yếu trừu tượng và khả năng sáng tạo độc lập: xin đơn cử một thí dụ, chúng ta có thể trích dẫn lao động chân tay nặng nhọc cần thiết trong ngành kỹ nghệ, thương mại và nông nghiệp; hoặc, xin



trích dẫn một thí dụ khác, sy nghĩ trừu tượng cần thiết trong các lĩnh vực kỹ thuật như toán học và vật lý lý thuyết; và cuối cùng, điều này có thể được thấy ngay ở tính chính xác cần thiết trong công việc hành chính và văn thư, vốn có bản chất không cần suy nghĩ, và trong một số ngành nghệ thuật nào đó. Những phẩm tính nữ tính thực sự đều được cần đến ở bất cứ nơi nào cảm giác, trực giác, sự tương cảm và khả năng thích ứng đóng vai trò quan trọng. Trên hết, hoạt động này liên quan đến toàn bộ con người trong việc chăm sóc, vun đắp, giúp đỡ, hiểu và khuyến khích các năng khiếu của người khác. Và vì người phụ nữ chủ yếu quan tâm đến việc phục vụ người ta và cung ứng cho họ, nàng có thể hoạt động tốt trong tất cả các ngành nghề giáo dục và y tế, trong mọi công tác xã hội, trong các khoa học nhân văn, trong nghệ thuật mô tả nhân tính, cũng như trong thế giới kinh doanh và trong nền quản lý nhà nước và giáo xứ.

Trong thời kỳ kinh tế cùng cực như thời chúng ta, sẽ không khả thi hoặc khả thể phân biệt được nghề nam giới và nghề nữ giới; mọi người phải nhận bất cứ công việc nào ngay sau khi nó được cung ứng, cho dù nó có phù hợp với tài năng cá nhân chuyên biệt của họ hay không. Ngày nay, gần như trung bình, mọi người đang ở trong những “ơn gọi” mà họ không được kêu gọi theo bản chất; người ta gần như có thể coi đó là một cú may mắn trong khi thực sự ngược lại. Sau đó, không còn gì khác ngoài việc tận dụng tối đa tình huống: các yêu cầu chuyên môn thích đáng phải được thỏa mãn nhưng không phải trả giá bằng cách phủ nhận bản chất riêng của người ta bằng cách để nó hao mòn đi; thay vào đó, nó nên đóng góp vào thiện ích của các người cùng cộng tác với mình. (Thí dụ, điều này có thể có nghĩa là người phụ nữ được tuyển làm công việc cơ khí sẽ tỏ ra có thiện cảm và bác ái với các đồng nghiệp của nàng; còn người đàn ông bị dính vào một công việc không phù hợp tuy nhiên vẫn cho thấy những phẩm tính sáng tạo trong việc tổ chức việc làm của mình). Tất nhiên, điều này đòi hỏi một mức độ trưởng thành bản thân cao và một thiện chí vô điều kiện trong việc nỗ lực hết mình trong bất cứ tình huống nhất định nào. Khó có thể đạt được quan điểm như vậy nếu không hiểu rằng các hoàn cảnh của cuộc sống là do Thiên Chúa ban, việc làm của người ta là phục vụ Thiên Chúa, và các ơn phúc do Thiên Chúa ban phải được phát triển để vinh danh Người trong việc làm này. Điều này có giá trị không những đối với các ơn gọi thánh hiến cho Thiên Chúa mà còn đối với mọi ơn gọi; và tuy nhiên, ơn gọi được chỉ định là được thánh hiến cho Thiên Chúa thực sự nổi bật như có ý nghĩa đặc biệt.

Trong cách sử dụng phổ biến, chúng ta nói rằng các linh mục và tu sĩ phải được kêu gọi đặc biệt, có nghĩa là một lời kêu gọi đặc thù phải được Chúa gửi đến cho họ. Có sự khác biệt nào giữa ơn gọi ngõ cùng người đàn ông và ơn gọi ngõ cùng người đàn bà hay không? Nữ giới cũng như nam giới luôn được kêu gọi vào bậc tu trì. Và khi chúng ta xem xét các biểu hiện đa dạng của đời sống tu trì đương thời, khi chúng ta thừa nhận rằng các công việc bác ái vô cùng đa dạng trong thời đại của chúng ta cũng được thực hành bởi các Dòng và tu đoàn nữ, chúng ta chỉ có thể thấy một sự khác biệt chủ yếu vẫn tồn tại trong thực tế: công việc linh mục thực sự được dành riêng cho nam giới. Bây giờ, điều này dẫn chúng ta vào một câu hỏi khó khăn và được tranh luận nhiều về chức linh mục cho phụ nữ.

Nếu chúng ta xem xét thái độ của chính Chúa, chúng ta hiểu rằng Người đã chấp nhận sự phục vụ đầy tự do yêu thương của phụ nữ đối với chính Người và các Tông đồ của Người và các phụ nữ là những môn đệ và những người bạn tâm giao thân thiết nhất của Người. Tuy nhiên, Người đã không ban cho họ chức linh mục, thậm chí không ban cho cả Mẹ của Người, Nữ Vương các Tông Đồ, người được tôn vinh trên toàn thể nhân loại trong sự hoàn hảo nhân bản và viên mãn ân sủng.

Trong Giáo hội sơ khai, các phụ nữ đóng một vai trò tích cực trong các tổ chức bác ái khác

n nhau của Giáo Hội, và việc tông đồ tích cực của họ với tư cách là những vị hiền tu và tử đạo đã có một ảnh hưởng sâu sắc. Sự tinh trong trình tiết được cử hành trong phụng vụ, và đối với các phụ nữ, cũng có một chức vụ thánh hiến trong Giáo hội — chức phó tế với việc phong chức vụ đặc biệt của nó (46) — nhưng Giáo hội cũng không đi xa đến mức nhận họ vào chức linh mục. Và trong những diễn biến lịch sử sau này, các phụ nữ đã bị thay thế khỏi những chức vụ này; ngoài ra, dường như dưới ảnh hưởng của các khái niệm tư pháp Do Thái và La Mã, tư thế giáo luật của họ đã bị suy giảm dần dần. Chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi được quyết định ở đây trong thời gian gần đây: các năng lực nữ giới hiện đang được yêu cầu mạnh mẽ nhằm giúp một tay trong các tổ chức bác ái của Giáo Hội và công việc mục vụ. Trong các phong trào đấu tranh gần đây, các phụ nữ đòi cho các hoạt động của họ được công nhận một lần nữa như một thừa tác vụ thụ phong trong giáo hội, và rất có thể một ngày nào đó người ta sẽ chú ý đến những yêu cầu của họ. Như thế, cuối cùng, câu hỏi là liệu đây có phải là bước đầu tiên trên con đường dẫn các phụ nữ vào chức linh mục hay không.

Đối với tôi, dường như việc thực thi như thế của Giáo hội, cho đến nay tuy chưa từng được nghe đến, nhưng không thể bị cấm đoán bởi tín điều. Tuy nhiên, tính thực tế của một khuyến nghị như vậy mang lại nhiều lập luận khác nhau cả ủng hộ lẫn phản bác. Toàn bộ truyền thống chống lại nó ngay từ đầu. Nhưng theo ý kiến của tôi, điều quan trọng hơn là sự kiện mầu nhiệm được nhấn mạnh trên đây - rằng Chúa Kitô đã đến thế gian với tư cách là *Con Trai* của Con Người (*Son of Man*). Tào vật đầu tiên trên trái đất được tạo dựng trong một ý nghĩa vô song như hình ảnh của Thiên Chúa, do đó, là một người đàn ông; điều đó dường như cho tôi thấy rằng Người chỉ muốn chọn những người đàn ông làm đại diện chính thức của Người trên trái đất. Tuy nhiên, Người ràng buộc chính Người một cách mật thiết với *một* người phụ nữ như không với ai khác trên trái đất: Người đã dựng nên bà rất gần với hình ảnh của chính Người như không có một con người nào khác trước hay sau; Người đã trao cho bà một vị trí trong Giáo hội một cách vĩnh viễn như đã không trao cho một con người nào khác. Và chính vì vậy, Người đã kêu gọi các phụ nữ trong mọi thời đại kết hợp mật thiết nhất với Người: họ phải là sứ giả của tình yêu Người, những người công bố ý muốn của Người cho các vị vua chúa và giáo hoàng, và là những tiền hô của Vương quốc của Người trong trái tim các người đàn ông. Được làm *Người phối ngẫu của Chúa Kitô* là một ơn gọi cao cả nhất đã được ban cho, và bất cứ người đàn bà nào nhìn thấy con đường này rộng mở trước mắt mình sẽ không còn khao khát con đường nào khác nữa.

Ơn gọi của mỗi Kitô hữu, chứ không phải chỉ của một số ít người được tuyển chọn, là thuộc về Thiên Chúa trong một sự phó thác tự do của tình yêu và phụng sự Người. Dù nam hay nữ, dù được thánh hiến hay không, mỗi người đều được kêu gọi noi gương Chúa Kitô. Cá nhân càng tiếp tục đi xa trên con đường này, họ sẽ càng trở nên giống như Chúa Kitô. Chúa Kitô là hiện thân của lý tưởng hoàn thiện nhân bản: nơi Người mọi thành kiến và khiếm khuyết đều bị loại bỏ, và các nhân đức nam tính và nữ tính được hợp nhất và các yếu điểm của họ được cứu chuộc; do đó, các môn đệ chân chính của Người sẽ được nâng cao dần dần vượt trên các giới hạn tự nhiên của họ. Đó là lý do tại sao chúng ta thấy nơi những người đàn ông thánh thiện một sự dịu dàng của phụ nữ và một lo lắng đầy tình mẫu tử thực sự dành cho những linh hồn được giao phó cho họ trong khi nơi những người phụ nữ thánh thiện có sự táo bạo, thành thạo và cương quyết của đàn ông.

Do đó, nhờ việc noi gương Chúa Kitô, chúng ta được dẫn dắt tới chỗ phát triển ơn gọi nhân bản nguyên thủy của chúng ta, đó là trình bày hình ảnh của Thiên Chúa trong chính chúng ta: Chúa của sự sáng tạo, như một người bảo vệ, gìn giữ và thăng tiến mọi tạo vật trong phạm vi riêng của họ; người Cha, trong tư cách sinh ra và giáo dục con cái cho vương quốc của Thiên Chúa qua tư cách làm cha và làm mẹ thiêng liêng. Vượt trên các giới hạn tự nhiên là hiệu quả

cao nhất của ân sủng; tuy nhiên, điều này không bao giờ có thể đạt được bằng một cuộc chiến vũ đoán chống lại tự nhiên và bằng cách phủ nhận các giới hạn tự nhiên mà chỉ bằng cách khiêm tốn phục tùng trật tự do Thiên Chúa ban cho.

### **Ghi Chú**

- (1) *St* 1:26
- (2) *Đd* 1:27.
- (3) *Đd* 1:28.
- (4) *St* 2:7tt.
- (5) *Đd*.2:20.
- (6) *Đd*.2:18.
- (7) *Đd*.2:23.
- (8) *Đd*.2:24.
- (9) *Đd*.2:25.
- (10) *St* 3:12.
- (11) *Đd*.3:17.
- (12) *Đd*.3:18.
- (13) *Đd*.3:19
- (14) *Đd*.3:16.
- (15) *Đd*.3:21.
- (16) *Đd*.3:15.
- (17) *Mt*.19:1-12; *Mc*.10:1-12.
- (18) *ICr* 11:3-4.
- (19) *Đd*.11:5.
- (20) *Đd*.11:7.
- (21) *Đd*.11:8.
- (22) *Đd*.11:9.

- (23) *Đd.11:11.*
- (24) *Đd.11:16.*
- (25) *ICr 7:14, 16.*
- (26) *Eph 5:22tt.*
- (27) *Đd.5:22-23.*
- (28) *Đd. 5:24.*
- (29) *Đd.5:25.*
- (30) *Đd. 5:26.*
- (31) *Đd.5:27.*
- (32) *Đd.5:28.*
- (33) *Đd.5:29.*
- (34) *Đd.5:30.*
- (35) *Đd.5:31.*
- (36) *Đd.5:32.*
- (37) *Đd.5:33.*
- (38) *ITm 2:9.*
- (39) *Đd.2:11.*
- (40) *Đd.2:12.*
- (41) *Đd.2:13.*
- (42) *Đd.2:14.*
- (43) *Đd. 2:15.*
- (44) *Gl 3:23-24,28.*
- (45) *ICr 6.*
- (46) V.Borsinger, *Rechtstellung der Frau in der Katholischen Kirche* (Leipzig,1931).

*Kỳ tới: Tiểu luận III: Linh đạo Phụ nữ Kitô giáo*

### Tiểu luận III: Linh đạo Phụ nữ Kitô giáo

*Cũng theo các nhà hiệu đính, bản thảo tiểu luận này dựa vào một loạt 4 bài diễn thuyết của Edith Stein tại Zurich trong tháng Giêng năm 1932 dành cho Tổ chức Phụ nữ Công Giáo.*

Một cô gái trẻ biết biện phân gần đây đã hỏi tôi, "Tại sao vào thời điểm này, nhiều điều được nói, kể cả bởi đàn ông, về bản chất và ơn gọi của phụ nữ đến như vậy?" Điều đáng ngạc nhiên là chủ đề này liên tục được các bên đưa ra và cách khác nhau nó được đề cập tới. Các nhà trí thức hàng đầu đang vẽ nên một lý tưởng sáng ngời về bản chất nữ giới, và họ hy vọng rằng việc thể hiện lý tưởng này sẽ là phương pháp chữa trị cho tất cả các bệnh tật và nhu cầu đương thời. Đồng thời, trong văn học của thời nay và của những thập niên vừa qua, chúng ta thấy người phụ nữ được trình bày đi trình bày lại như một con quỷ của vực thẳm. Cả hai bên đều đặt lên chúng ta một trách nhiệm lớn lao. Chúng ta buộc phải coi tầm quan trọng của người phụ nữ và sự hiện hữu của họ như một vấn đề. Chúng ta không thể trốn tránh câu hỏi chúng ta là gì và chúng ta nên là gì. Và không chỉ có trí suy tư mới làm chúng ta phải đối diện với câu hỏi này; chính cuộc sống đã làm cho sự hiện hữu của chúng ta thành vấn đề.

Một sự biến hóa được một số người cảm nhận trước, được một số ít mong muốn và cố gắng giải quyết, và được phần lớn người ta lấy làm ngạc nhiên hoàn toàn, đã kéo phụ nữ ra khỏi lãnh vực khép kín của gia đình và ra khỏi một lối sống vẫn được coi là đương nhiên, và đột nhiên đẩy họ vào những tình huống đa dạng xa lạ nhất và những vấn đề không lường trước được. Chúng ta đã bị ném xuống sông, buộc chúng ta phải bơi. Nhưng khi sức lực của chúng ta có nguy cơ cạn kiệt, chúng ta cố gắng để ít nhất tới được bên bờ an toàn. Chúng ta muốn suy nghĩ thấu suốt về câu hỏi liệu chúng ta có nên tiếp tục hay không; và nếu chúng ta nên tiếp tục, thì chúng ta nên làm gì để chúng ta không bị chết đuối. Chúng ta muốn xem xét kỹ lưỡng hướng của dòng sông bằng cách xem xét, hướng này so với hướng nọ, sức mạnh của dòng sông và các năng lực cùng khả năng chuyển động của chúng ta.

Bây giờ điều khả thi là xem xét những điều sau đây. Chúng ta cố gắng đạt được cái nhìn sâu sắc về những xó góc sâu thẳm nhất trong con người chúng ta; chúng ta thấy rằng nó không phải là một hữu thể đầy đủ mà là một hữu thể đang ở trạng thái trở thành, và chúng ta đang cố gắng để có được sự rõ ràng liên quan đến diễn trình này. Hữu thể của chúng ta, sự trở thành của chúng ta, không mãi bị giam hãm trong các giới hạn của chính nó; mà đúng hơn, khi tự mở rộng, nó tự hoàn thành chính nó. Tuy nhiên, trọn hữu thể và sự trở thành cũng như hành động của chúng ta trong thời gian đều được xếp đặt từ thuở đời đời, có một ý nghĩa đời đời, và chỉ trở nên rõ ràng đối với chúng ta nếu và bao lâu chúng ta đặt nó dưới ánh sáng vĩnh cửu.



## I. LINH HỒN PHỤ NỮ

Chúng ta có thể nói một cách khái quát về linh hồn của người phụ nữ được không? Linh hồn mỗi con người rất độc đáo, không có linh hồn nào giống linh hồn nào. Làm thế nào chúng ta có thể nói về linh hồn nói chung? Nhưng việc suy lý liên quan đến linh hồn thường xem xét linh hồn của con người nói chung, không phải linh hồn này hay linh hồn kia. Nó thiết lập các đặc điểm và quy luật phổ quát; và, ngay cả khi, như trong Tâm lý học dị biệt, nó nói tới các khác biệt, nó cũng mô tả những kiểu loại tổng quát hơn là những kiểu loại cá thể: linh hồn của trẻ em, của thanh thiếu niên, của người lớn, linh hồn của người lao động, nghệ sĩ, vãn vãn.; với linh hồn của người nam và người nữ cũng thế. Và đối với những người có suy nghĩ về tiềm năng của khoa học, sự hiểu biết về cá nhân dường như trở nên có vấn đề hơn bao giờ hết so với sự hiểu biết về các loài giống nói chung.

Nhưng ngay cả khi chúng ta có ý định coi thường các cá tính, thì liệu có một kiểu phụ nữ hay không? Có điểm chung nào cần phát hiện trong nguyên mẫu phụ nữ như được thấy trong cuốn *Glocke* [Chuông] của Schiller hay cuốn *Frauenliebe und -leben* [Tình yêu và đời sống củ người đàn bà] của Chamisso, và trong những hình ảnh mà Zola, Strindberg và Wedekind đã vẽ cho chúng ta không? Liệu sự đa dạng hoàn toàn mà chúng ta gặp trong cuộc sống có thể được giản lược thành một thể thống nhất đơn nhất, và thể thống nhất này có thể được phân biệt với linh hồn của con người hay không? Đây không phải là nơi cung cấp bằng chứng triết học để chứng minh rằng có một điều gì đó trong lãnh vực hiện hữu mà chúng ta có thể gọi là giống loài [species], linh hồn của phụ nữ và có một chức năng tri thức đặc biệt có khả năng tri nhận được nó. Do đó, có lẽ sẽ dễ hiểu hơn nếu chúng ta không bắt đầu bằng cách phác thảo hình ảnh chung về giống loài này mà phác thảo một loạt các loại hình [types] càng khác nhau càng tốt, và sau đó cố gắng khám phá xem liệu chúng ta có thể tìm thấy một giống loài chung nơi chúng hay không. Vì nhờ thi ca mà linh hồn được mô tả thỏa đáng nhất, nên bây giờ tôi sẽ phân tích các loại hình lấy từ các tác phẩm văn học mà tôi vẫn gán cho một giá trị biểu tượng đặc thù.

Thí dụ, hãy lấy nhân vật “Ingunn Steinfinnstochter” từ cuốn *Olaf Audunssohn* của Sigrid Undset. Cuốn tiểu thuyết này dẫn chúng ta vào một quá khứ xa xôi và đến một đất nước xa xôi, một nền văn minh hoàn toàn xa lạ. Ingunn lớn lên tự do và không bị trói buộc trong một trang trại Bắc Âu thời Trung cổ. Nàng đã được hứa hôn từ khi còn nhỏ với Olaf, người thực tế là anh nuôi của nàng. Nàng đi lang thang tự do với chàng và đồng bọn của chàng; Nàng

không có hoạt động nào bị quy định cả, không có kỷ luật bên ngoài hoặc bên trong cho ý chí. Những đứa trẻ trông chờ sự nâng đỡ lẫn nhau vì chúng không có sự nâng đỡ nào khác. Các thèm khát bùng dậy trong chúng khi chúng lên mười lăm, mười sáu tuổi; chúng sa con cám dỗ ngay từ cơ hội đầu tiên. Từ thời điểm đó, toàn bộ cuộc sống của Ingunn là một niềm thèm khát vô độ. Nàng và Olaf tự coi như cột chặt vào nhau một cách không thể tháo gỡ theo luật giáo hội. Nhưng gia đình phản đối cuộc hôn nhân, và hai trẻ phải ly thân trong nhiều năm. Cuộc sống của chàng trai trẻ đầy ắp những cuộc chiến đấu, những trải nghiệm và khám phá khác nhau ở những vùng đất xa xôi. Nàng tìm kiếm sự đền bù cho hạnh phúc đã mất trong những giấc mơ; đôi khi, cơn cuồng loạn buộc nàng phải tạm dừng mọi hoạt động bên ngoài. Nàng chiều theo một kẻ quyến rũ mặc dù nàng chỉ khao khát một mình Olaf. Tuy nhiên, việc nhận ra sự sa ngã của nàng đã bùng nổ thành một thực tại tâm linh mờ mờ ám ám này giống như một ánh sáng siêu nhiên; và nàng vực bản thân mình dậy với một sức mạnh đáng kinh ngạc và cắt đứt mối liên hệ tội lỗi. Olaf, lúc trở về nhà, không muốn phá vỡ mối dây thiêng liêng gắn bó họ chỉ vì tội lỗi mà nàng đã thú nhận. Chàng đưa nàng trong tư cách vợ về trang trại của mình và nuôi đứa con trai ngoài giá thú của nàng làm người thừa kế của mình. Nhưng hạnh phúc mong muốn vẫn chưa đến. Ingunn bị trầm cảm khi nhận thức được tội lỗi của mình, và nàng sinh ra hết đứa con này đến đứa con khác, tất cả đều chết. Nhưng càng coi mình là nguồn bất hạnh cho chồng, nàng càng bám lấy chàng; và nàng càng kịch liệt khao khát có thêm bằng chứng chàng yêu nàng. Và mặc dù nàng lãng phí cuộc sống này, tiêu hao cả sức lực của chàng nữa, nhưng Olaf vẫn luôn nhường nhịn nàng. Trong nhiều năm, nàng chịu đựng sức khỏe yếu của mình một cách kiên cường; nàng im lặng chấp nhận nó như một sự đền tội. Olaf ngay lập tức nhận ra rằng linh hồn của Ingunn sở hữu một điều gì đó khác với sự phụ thuộc ừ rũ như một con vật. Chàng nhận ra rằng nó sở hữu một tia lửa thần linh chỉ thiếu sự hỗ trợ và một quan niệm về một thế giới cao hơn; thế giới này chưa đạt được sự rõ ràng đầy đủ để có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của nàng. Quá theo nghĩa đen, chàng đã sống đúng lời lẽ của Thánh Tông đồ: “Người chồng phải yêu vợ như yêu chính *thân thể* mình” (Êph 5:28). Và vì điều này, hai cuộc đời đã bị hủy hoại.

Như trong các tác phẩm khác của Sigrid Undset, hai thế giới, hay đúng hơn hai thế giới tiền sử, đứng đối lập nhau: thế giới u ám, theo bản năng của hồn mang nguyên thủy và thế giới của thần trí Thiên Chúa bay lượn trên sáng thế. Linh hồn của Ingunn, đứa con của thiên nhiên, giống như mảnh đất hoang sơ chưa cày xới. Trong đó có những hạt giống mạnh mẽ đầy năng lực nảy mầm, và sự sống trong chúng được khuấy động thành những chuyển động rung rinh nhờ tia sáng từ phía bên kia các đám mây. Nhưng điều cần thiết là đất thô phải được cày cày để ánh sáng xuyên thấu tới các hạt giống.

*Nora* của Ibsen không phải là đứa con của thiên nhiên; đúng hơn, nàng đã trưởng thành hơn trong khuôn khổ văn hóa hiện đại. Tâm trí nàng tinh táo dù mới chỉ được đào tạo rất ít về phương pháp cũng như ý chí của nàng vậy. Nàng là con búp bê yêu quý của cha nàng, và bây giờ nàng là con búp bê yêu quý của chồng nàng cũng như những đứa con của nàng là búp bê của nàng. Với một phê phán sắc bén, nàng tự nói điều này ra khi đôi mắt của nàng sáng ra. Đứa con được chiều chuộng phải đối đầu với những quyết định mà nàng chưa hề được chuẩn bị. Chồng nàng bị bệnh nặng và thiếu phương tiện cho chuyến đi có thể cứu chàng. Nàng không thể nhờ cha mình giúp đỡ vì ngài cũng bị bệnh. Vì vậy, cô tự mình ký nhận một lệnh phiếu [note] có tên chàng như người cùng ký. Lương tâm nàng không bối rối vì điều này - thực ra, nàng còn tự hào về hành động mà nhờ đó, chồng nàng đã bình phục. Nàng giấu cả hành động của mình với vị luật sư hay lưu ý, vì biết rõ ông này sẽ không chế tài hành động đó. Nhưng khi chủ nợ bị rơi vào thế cùng cực bởi nhu cầu riêng của họ và đe dọa sẽ phơi bày, thì không phải vì sợ bị chồng chỉ trích mà nàng đã phải tuyệt vọng quyết định bỏ trốn. Nàng vừa lo sợ vừa hy vọng rằng giờ đây “phép lạ” sẽ diễn ra - chồng nàng sẽ lãnh lấy tội lỗi của

nàng vì tình yêu lớn lao của chàng. Nhưng câu chuyện lại xảy ra hoàn toàn khác. Robert Helmer chỉ biết lên án vợ mình; chàng cho rằng nàng không còn xứng đáng để nuôi nấng con cái chàng. Nora nhận ra nàng và chàng, vì điều họ đang vỡ mộng trong giây phút này, vì sự trống rỗng của cuộc đời họ với nhau, không còn xứng đáng với danh hiệu *hôn nhân*. Và khi nguy cơ tai tiếng xã hội đã tan đi, khi chàng nhân từ muốn tha thứ mọi điều và tái lập cuộc sống của họ một lần nữa, nàng không thể chấp nhận sự tha thứ của chàng. Nàng biết rằng trước khi có thể cố gắng trở lại làm vợ và làm mẹ, nàng phải trở thành một con người cái đã. Chắc chắn, Robert Helmer cũng sẽ phải phát triển từ nhân vật xã hội thành một con người để cuộc sống chung của họ có thể trở thành một cuộc hôn nhân.

Trong *Iphigenie* của Goethe, một sắc lệnh kỳ lạ đã bứng Iphigenie thuở còn trẻ khỏi vòng gia đình thân yêu của nàng và dẫn nàng đến với một dân tộc man rợ xa lạ. Bàn tay của các vị thần đã giải thoát cô khỏi cái chết nào đó để cô phục vụ cõi thánh thiêng trong cảnh yên tĩnh của một ngôi đền. Nữ tư tế bí ẩn được tôn vinh như một vị thánh. Nhưng nàng không hạnh phúc ở đây. Nàng luôn khao khát được trở về nhà mình. Nàng kiên quyết từ chối sự tán tỉnh của nhà vua để không tự cắt đứt khỏi cuộc trở về này. Đất nước đã có một phong tục mà sức mạnh của nó đã chính thức bị hủy bỏ bởi các nỗ lực của nàng; bây giờ, theo phong tục xưa này, nàng phải hy sinh hai người xa lạ vừa được tìm thấy trên bờ biển như một trừng phạt. Họ là người Hy Lạp, một trong số họ là anh trai của nàng. Mong muốn của nàng được nhìn thấy một trong những người thân của mình một lần nữa đã được nên trọn. Nhưng anh ta bị ô nhục vì tội giết mẹ, sâu khổ vì hối hận đến mức phát điên. Anh ta bị kết tội chết dưới tay nàng. Lời nguyện rửa xưa của nhà nàng, mà cho đến nay dường như nàng đã thoát khỏi, đang đe dọa sẽ được ứng nghiệm cả cho nàng nữa. Đứng trước sự lựa chọn nên cứu anh trai, bạn của anh ấy và bản thân mình bằng dối trá và lừa đảo hay để mặc tất cả bị hủy hoại, trước tiên nàng tin rằng mình phải chọn "điều ít ác hơn". Nhưng linh hồn trong trắng của nàng không thể chịu đựng được sự không trung thực và phá vỡ lòng tin thác; nàng tự bảo vệ mình chống lại những điều này giống như bản nhiên lạnh mạnh chống lại mầm mống của bệnh tật chết người. Tín thác vào tính chân thực của các vị thần và tính cao quý của nhà vua, nàng tiết lộ kế hoạch trốn chạy với nhà vua và nhận được phần thưởng là mạng sống của những người đang gặp nguy hiểm và việc nàng được trở về quê hương. Anh trai của nàng đã khỏi bệnh nhờ lời cầu nguyện của nàng. Giờ đây, nàng đem niềm vui và sự hòa giải với các vị thần trở lại ngôi nhà quý tộc cổ xưa.

Trước khi chúng ta tiến hành việc tìm kiếm một giống loài chung ở cả ba loại hình phụ nữ khác nhau, điều có thể hữu ích là thảo luận ngắn gọn về mối liên hệ của những loại hình này với thực tại. Ở đây, há chúng ta đang không bàn tới các nhân vật hư cấu thuần túy của trí tưởng tượng thi ca đó sao? Vậy thì với những gì đúng, chúng ta có thể sử dụng chúng để có được cái nhìn sâu sắc về sự hiện hữu tâm linh [psychic] thực sự hay không? Để có được giải đáp khó khăn này, trước hết chúng ta sẽ cố gắng làm rõ những gì mà tinh thần thi ca đã muốn chuyển tải trong mỗi loại hình này.

Ít ai quan niệm công trình của Sigrid Undset là "l'art pour l'art" [nghệ thuật vì nghệ thuật]. Tính sáng tạo của bà là sự thú nhận liều lĩnh. Thật vậy, người ta có ấn tượng rằng bà buộc phải phát biểu điều áp đặt lên bà như một thực tại tàn khốc. Và tôi tin rằng bất cứ ai nhìn vào cuộc sống một cách chân thành và tinh táo như bà sẽ không thể phủ nhận rằng những loại hình bà trình bày là có thật, dù chúng được chọn lựa với một thiên kiến nào đó. Rõ ràng là có một phương pháp trong tính một chiều này: bà muốn nhấn mạnh bản năng động vật để bộc lộ rõ hơn những điểm bất cập của chủ nghĩa duy tâm dối trá hoặc chủ nghĩa duy trí [intellectualism] cường điệu trong việc đối đầu với thực tại trần thế.



Nhân vật Nora được tạo ra bởi một người đàn ông muốn hoàn toàn tiếp nhận quan điểm của phụ nữ, một người đàn ông đã biến chính nghĩa của phụ nữ và phong trào duy nữ thành của riêng mình. Người nữ anh thư của ông được chọn theo quan điểm này - nhưng nàng được chọn và mô tả chính bằng sự phân tích sắc sảo nhất; nàng không được phát minh một cách tùy tiện cũng như không được xây dựng một cách duy lý. Sức mạnh và hậu quả của suy nghĩ và hành động nơi nàng có thể gây ngạc nhiên tương phản với những gì đã xảy ra trước đó; nàng có thể khác thường, nhưng hành động của nàng không phải là bất cái nhiên hoặc hoàn toàn bất khả.

Những nét mặt cổ điển, vẻ hùng vĩ đơn giản và sự giản dị được đề cao của nhân vật nữ cao quý nhất của Goethe thoát nhìn gần như hết sức xa rời thực tế đối với con người hiện đại. Và chủ nghĩa duy tâm chắc chắn đang được xem xét ở đây; nhưng một lần nữa, đây không phải là việc xây dựng của tưởng tượng mà đúng hơn, là một hình ảnh lý tưởng hóa được hình dung, trải nghiệm và cảm thông từ chính cuộc sống. Từ những tầng sâu nội tâm của mình và thoát khỏi mọi quan điểm thiên lệch, nhà nghệ sĩ vĩ đại đã trình bày dưới dạng gần như điêu khắc một tầm nhìn bao trùm cả “reine Menschlichkeit” [nhân tính thuần khiết] lẫn “Ewig-Weibliches” [nữ tính muôn thuở] (1). Và chúng ta bị thu hút như chỉ có sự thuần khiết hoàn toàn và chân lý trường cửu mới có thể thu hút chúng ta như vậy.



Rất nhiều điều phải nói về "thực tại" của những loại hình này. Ba người phụ nữ này có điểm chung nào không? Họ xuất thân từ các thế giới khác nhau trong chính các trước tác; ngoài ra, họ cũng là sự sáng tạo của các nhà văn rất khác nhau. Không có kỷ luật truyền thống nào đã lên khuôn linh hồn của Ingunn, một đứa con của thiên nhiên; Nora, con búp bê của Ngôi nhà búp bê, bị kim hãm bởi các quy ước xã hội giả tạo, tuy nhiên vẫn khẳng định được bản năng lạnh mạnh của nàng để vứt bỏ các gông cùm này nhằm nắm lấy mạng sống của mình trong tay và tự do định hình lại nó. Iphigenie, nữ tư tế trong ngôi đền thánh thiêng, đã vượt quá thiên nhiên qua sự kết hợp với thần tính và đi vào sự sáng tỏ siêu nhiên. Ba người phụ nữ này có chung một đặc điểm: khao khát được cho đi tình yêu và nhận được tình yêu, và về mặt này, khao khát được nâng mình lên trên sự hiện hữu hạn hẹp ngày qua ngày để đi vào lãnh vực hữu thể cao hơn.

Giấc mơ của Ingunn là được sống bên cạnh Olaf trong một trang trại và có nhiều con. Trong trạng thái lơ đãng, nàng không thể hình dung được bất cứ khuôn mẫu hiện hữu nào khác và có ý thức lựa chọn một khuôn mẫu khác. Và khi sự kết hợp bên ngoài với người phối ngẫu của nàng cuối cùng xuất hiện như một thành toàn duy nhất, thì chính khía cạnh thể lý của mối liên hệ được nàng bám lấy với tất cả năng lực sống của nàng. Khi làm như vậy, nàng không tìm thấy hạnh phúc khao khát đã lâu; nhưng nàng không biết cách nào khác để tìm thấy nó hoặc thậm chí là tìm kiếm nó, và nàng đành ở lại với những gì nàng hiện có.

Cuộc sống *thực* của Nora, được che giấu đằng sau sự hiện hữu của "búp bê" mà thoát đầu nàng hiềm khi ý thức được, hệ ở việc chờ đợi phép lạ, vốn không là gì khác ngoài việc kết thúc của sự hiện hữu đầy tính con rối của nàng, sự bùng nổ của tình yêu vĩ đại sẽ biểu lộ hữu thể của người phối ngẫu của nàng và của chính nàng. Và khi không có đáp ứng từ chồng, khi nàng nhận ra rằng không có gì hiện hữu đằng sau lớp mặt nạ quy ước xã hội của chàng, nàng quyết tâm cố gắng một mình đột phá vào tận hữu thể đích thực của mình, vào tận cốt lõi của nó.

Với Iphigenie, vấn đề không còn là vấn đề đột phá vào tận hữu thể đích thực nữa; nàng đã đạt được hữu thể đích thực, khi đạt đến mức độ hoàn thiện cao nhất của con người; nàng chỉ phải đưa nó vào thử nghiệm và cho phép nó phát huy tác dụng. Nàng mong mỏi rằng bình diện hữu thể mà nàng đã đạt được sẽ đóng vai trò như một công cụ của tình yêu cứu chuộc kia vốn là số phận thực sự của nàng.

Những điển hình này có minh họa thích đáng yếu tính của linh hồn phụ nữ không? Tất nhiên, ở đây, chúng tôi có thể cung cấp nhiều loại hình phụ nữ như các bạn mong muốn; tuy nhiên, tôi tin rằng, chỉ cần bao lâu họ là loại hình phụ nữ, thì trong căn bản chúng ta sẽ luôn thấy mình buộc phải trở thành điều linh hồn nên là, động lực cho phép nhân tính tiềm ẩn, vốn được đặt để trong nàng, trong chính dấu ấn cá nhân của nó, chín muồi đến độ phát triển hoàn hảo cao nhất có thể. Niềm khao khát sâu sắc nhất của phụ nữ là đạt được sự kết hợp yêu thương, một sự kết hợp, trong diễn trình phát triển của nó, vốn công nhận giá trị của sự trưởng thành này, đồng thời kích thích và thúc đẩy khát vọng hoàn thiện nơi người khác; sự khao khát này có thể tự phát biểu dưới những hình thức đa dạng nhất, và một số hình thức này dường như bị bóp méo, thậm chí thoái hóa. Như chúng tôi sẽ trình bày, niềm khao khát như thế là một khía cạnh thiết yếu của số phận vĩnh viễn của người phụ nữ. Nó không chỉ là niềm khao khát nhân bản mà đặc biệt là niềm khao khát nữ tính và đối lập với bản chất chuyên biệt nam tính.

Những mong muốn thiết yếu của người đàn ông tự bộc lộ trong hành động, việc làm và những thành tựu khách quan. Họ ít quan tâm đến các vấn đề hiện hữu [being], dù là của mình hay của người khác. Chắc chắn hiện hữu và hành động không thể tách biệt hoàn toàn. Linh hồn con người không phải là một hiện hữu hoàn chỉnh, tĩnh tụ, bất biến, nguyên khối. Nó đang ở trong trạng thái trở thành và đang trong diễn trình trở thành; linh hồn phải mang đến chỗ sinh hoa kết trái các thiên hướng mà nó được ban tặng khi đi vào thế gian; tuy nhiên, nó chỉ có thể phát triển được chúng qua việc được kích hoạt [activation]. Vì vậy, người phụ nữ chỉ có thể đạt được sự phát triển nhân cách hoàn toàn qua việc kích hoạt năng lực tâm linh của mình. Đàn ông cũng vậy, ngay cả khi không coi đó như mục tiêu, họ vẫn làm việc theo cách tương tự như khi họ cố gắng thực hiện bất cứ điều gì một cách khách quan. Trong cả hai trường hợp, cấu trúc của linh hồn trong căn bản y hệt như nhau. Linh hồn được chứa trong một thân xác mà sức sống và sức khỏe của nó phụ thuộc vào sức sống và sức khỏe của thân xác — dù không chuyên nhất hay tuyệt đối. Mặt khác, thân xác nhận bản chất của nó như thân xác — sự sống, chuyển động, hình thức, cấu trúc (gestalt) và ý nghĩa tinh thần — là nhờ linh hồn. Thế giới tinh thần được xây dựng trên tính cảm giới (sensuousness) vừa thiêng liêng vừa thể lý: trí hiểu [intellect], nhờ biết hoạt động của nó hợp lý, tiết lộ một thế giới; ý chí can thiệp một cách sáng tạo và đào tạo [formative] trong thế giới này; cảm xúc tiếp nhận thế giới này vào bên trong và thử nghiệm nó. Nhưng qui mô [extent] và mối liên hệ của những năng lực này khác nhau từ cá nhân này tới cá nhân nọ, và đặc biệt là từ đàn ông tới đàn bà.



Tôi cũng muốn tin rằng ngay cả mối liên hệ của linh hồn và thể xác cũng không hoàn toàn giống nhau nơi người nam và nơi người nữ; nơi phụ nữ, sự kết hợp của linh hồn với thể xác được coi là thâm hậu hơn một cách tự nhiên. (Tôi muốn nhấn mạnh chữ “một cách tự nhiên”, vì — như tôi đã tỏ bày — vẫn có khả thể linh hồn được giải phóng cao độ khỏi thể xác, điều mà bây giờ, kỳ lạ thay, dường như dễ dàng thực hiện một cách bình thường hơn trong trường hợp phụ nữ). Linh hồn phụ nữ hiện diện và sống mãnh liệt hơn trong mọi phần của thân xác, và nó bị ảnh hưởng bên trong bởi điều xảy ra với thân xác; trong khi đó, với đàn ông, thân xác có đặc tính rõ ràng hơn như một công cụ phục vụ họ trong việc làm và được đi kèm với một sự thờ ơ [detachment] nào đó. Điều này có liên quan mật thiết với ơn gọi làm mẹ. Nhiệm vụ đồng hóa trong chính mình một hữu thể sống động đang biến hóa và lớn lên, chứa đựng và nuôi dưỡng nó, có nghĩa một một cùng đích dứt khoát trong chính nó. Hơn nữa, diễn trình mâu nhiệm trong việc hình thành một tạo vật mới trong cơ thể mẹ tiêu biểu một sự hợp nhất mật thiết giữa thể chất và tinh thần đến nỗi người ta có thể hiểu rằng sự hợp nhất này tự áp đặt lên toàn bộ bản chất của người phụ nữ. Nhưng một mối nguy hiểm nào đó có can dự vào đây. Nếu có một trật tự đúng đắn và tự nhiên hiện hữu giữa linh hồn và thể xác (nghĩa là trật tự tương ứng với bản chất chưa sa ngã), thì sự nuôi dưỡng, chăm sóc và thi hành cần thiết phải được cung cấp cho việc vận hành trơn tru của cơ thể lành mạnh. Ngay khi thân xác được dành cho nhiều thoả mãn thể lý hơn, và bản chất đòi hỏi của nó có xu hướng đòi hỏi thêm, kết quả sẽ là việc suy sụp của hiện hữu tâm linh. Thay vì kiểm soát và tâm linh hóa thân xác, linh hồn bị nó điều khiển; và do đó, thân xác mất đi tính cách là một thân xác nhân bản. Mối liên hệ của linh hồn và thể xác càng mật thiết, thì nguy cơ suy sụp tâm linh càng lớn. (Mặt khác, ở đây, chắc chắn cũng có khả thể lớn hơn là linh hồn sẽ tâm linh hóa thân xác).

Bây giờ, sau khi xem xét mối liên hệ của linh hồn và thể xác, chúng ta hãy chuyển sang mối liên hệ qua lại của các khả năng tâm linh. Chúng ta thấy rằng chúng ở trong trạng thái phụ thuộc lẫn nhau — điều này không thể hiện hữu mà không có điều kia. Nhận thức thực tại của trí hiểu là điểm khởi hành cần thiết cho đáp ứng cảm xúc. Kích động cảm xúc là động lực của ý chí; mặt khác, quan tâm của ý chí là điều chỉnh hoạt động trí hiểu và đời sống xúc cảm.

Nhưng các khả năng không hề được phân bổ và phát triển bằng nhau. Đàn ông luôn cố gắng hữu hiệu trong hành động nhận thức và sáng tạo. Sức mạnh của đàn bà nằm ở đời sống xúc cảm. Điều này phù hợp với thái độ của năng hướng tới hữu thể có bản vị. Vì linh hồn họ tri nhận hữu thể của chính nó trong các chuyển động sôi nổi của cảm xúc. Qua các cảm xúc, nó tiến tới chỗ biết nó là gì và nó ra sao; cũng qua các cảm xúc, linh hồn phụ nữ nắm được mối liên hệ với một hữu thể khác vào chính nó, và nhờ đó, cả ý nghĩa của giá trị nội tại của các sự vật bên ngoài, của những con người xa lạ và những sự vật vô ngã. Các cảm xúc, cơ năng thiết yếu để thấu hiểu điều hiện hữu trong tính toàn diện và tính đặc thù của nó, chiếm giữ tâm điểm hữu thể của họ. Chúng đặt điều kiện cho cuộc đấu tranh để phát triển bản thân đạt tới toàn bộ và giúp người khác đạt được sự phát triển tương ứng, điều mà trên đây chúng ta đã

phát hiện như là đặc điểm của linh hồn người phụ nữ. Do đó, họ được thiên nhiên bảo vệ tốt hơn chống lại sự kích hoạt và phát triển một chiều các khả năng của mình hơn là đàn ông. Mặt khác, phụ nữ ít có khả năng đạt được những thành tựu xuất sắc trong một lĩnh vực khách quan, những thành tựu luôn có được bằng việc tập trung một chiều mọi năng lực tinh thần; và cuộc đấu tranh để phát triển đặc trưng này cũng khiến phụ nữ phải đối diện với nguy cơ phân mảnh một cách gay gắt hơn. Và tính một chiều, tính mà do bản chất, họ vẫn nghiêng về, hết sức nguy hiểm: sự phát triển xúc cảm đơn phương.

Chúng ta đã gán nhiều tầm quan trọng cho cảm xúc trong toàn bộ "sinh thể" [organismus] của hữu thể tâm linh. Nó có một chức năng nhận thức thiết yếu: nó là trục chính qua đó việc tiếp nhận điều hiện hữu được chuyển thành quan điểm và hành động bản thân. Nhưng nó không thể thực hiện chức năng của nó nếu không có sự hợp tác của trí hiểu và ý chí, cũng như không thể đạt được hiệu suất nhận thức nếu không có sự chuẩn bị của trí hiểu. Trí hiểu là ánh sáng soi đường cho nó, và không có ánh sáng này, cảm xúc sẽ thay đổi tới lui. Thực tế, nếu cảm xúc chiếm ưu thế hơn trí hiểu, nó có thể che khuất ánh sáng và bóp méo bức tranh toàn thể giới cũng như các sự vật và sự kiện cá thể và khiến ý chí trở nên sai lầm trong thực hành. Các sôi nổi xúc cảm cần sự điều khiển của lý trí và sự chỉ đạo của ý chí. Ý chí không đạt đến bất cứ năng lực tuyệt đối nào để kêu gọi hoặc ngăn chặn các phản ứng cảm xúc, nhưng nó tự do cho phép hoặc hạn chế sự phát triển của các cơn kích động đang dâng lên này. Khi thiếu kỷ luật của tâm trí và ý chí, đời sống xúc cảm trở thành một cường lực không có định hướng an toàn. Và vì nó luôn cần một số kích thích nào đó để hoạt động, nên nó trở thành ghiền vui thú nhục dục, thiếu sự hướng dẫn của các năng lực tâm linh cao hơn. Do đó, vì sự kết hợp mật thiết giữa thể xác và linh hồn, nó kết liễu ở chỗ đời sống tâm linh suy sụp, trở thành đời sống của một con người chỉ biết vui hưởng nhục dục kiểu thú vật.

Thành thử, chỉ khi nào các khả năng của nó được đào tạo một cách tương ứng thì linh hồn nữ giới mới có thể trưởng thành tới trạng thái phù hợp với bản chất thực sự của nó. Loại hình phụ nữ cụ thể mà chúng ta đã trích dẫn trình bày cho chúng ta không những các thiên hướng tự nhiên đa dạng mà còn các mức độ hình thành [formative] đa dạng của linh hồn phụ nữ. Chúng ta đã thấy nơi Ingunn một linh hồn phụ nữ gần giống như một chất thể chưa thành hình nhưng vẫn cho phép ta trực giác các khả năng của nó. Một linh hồn khác, Nora, nhờ ảnh hưởng của cơ may và các quy ước xã hội, đã tìm thấy một sự hình thành nhất định nhưng không phù hợp với nàng. Và cuối cùng, Iphigenie giống như một tác phẩm hoàn hảo của bàn tay lão luyện của Thiên Chúa. Điều này cho chúng ta thấy nhiệm vụ điều tra đầu là các sức mạnh hình thành qua đó linh hồn người phụ nữ có thể được dẫn dắt đến bản chất mà nó được dự tính và có thể được bảo vệ khỏi sự thoái hóa mà nó đang bị đe dọa.

## II. VIỆC ĐÀO TẠO PHỤ NỮ

Thiên hướng tâm linh đặc thù mà chúng ta đã và đang nói tới là bản thể phải được hình thành: những khả năng căn bản, vốn hiện hữu từ ban đầu, rất độc đáo về mức độ và kiểu loại đối với mỗi linh hồn con người. Nó không phải là vật liệu vô tri vô giác cần được phát triển hoặc hình thành hoàn toàn theo cách bên ngoài, như đất sét bởi bàn tay của nghệ nhân hoặc đá bởi các lực mạnh mẽ của thời tiết; đúng hơn nó là một góc rẽ sống để hình thành mang sẵn trong mình năng lực thúc đẩy (*mô thức bên trong*) (2) hướng tới việc phát triển theo một hướng đặc thù; hạt giống phải mọc lên và chín mùi thành cấu trúc [gestalt] hoàn hảo, một sáng tạo hoàn hảo. Hình dung như thế, việc đào tạo tinh thần là một diễn trình phát triển tương tự như diễn trình phát triển của thực vật. Tuy nhiên, việc mọc lên và phát triển hữu cơ của cây cối không hoàn toàn xuất phát từ bên trong: cũng có những ảnh hưởng bên ngoài phối hợp với nhau để xác định sự hình thành của nó, chẳng hạn như khí hậu, đất đai, v.v.; vì vậy, cả nhân tố bên

trong và bên ngoài đều đóng một vai trò trong việc đào tạo linh hồn. Chúng ta đã thấy linh hồn chỉ có thể được phát triển nhờ việc kích hoạt các khả năng của nó; và các khả năng này phụ thuộc vào vật chất phải được kích hoạt (và, quả thực, phụ thuộc vào vật chất thích hợp với chúng): các giác quan, qua các ấn tượng chúng tiếp nhận và xử lý, trí hiểu qua hoạt động của tâm trí, ý chí qua các thành tựu đặc trưng đối với nó, các cảm xúc qua nhiều loại cảm quan, tâm trạng và thái độ. Các động cơ rõ ràng, vốn đưa các khả năng vào hoạt động, là điều cần thiết cho tất cả những điều này.



Tiếp xúc đơn giản với những người khác và với môi trường xung quanh mình thường đủ để kích thích một số đáp ứng nào đó. Cuộc hiện hữu bình thường hàng ngày tạo điều kiện cho việc đào tạo tinh thần. Tuy nhiên, cần có việc giáo huấn và hướng dẫn cho các đáp ứng khác, đặc biệt là những đáp ứng liên quan đến các khả năng cao hơn. Nên dành chỗ cho sự tự phát cũng như *việc làm* và giáo huấn có kế hoạch. Việc đào tạo đòi phải tạo ra *các chủ đề giáo dục*, một việc sẽ tạo nhiệm vụ cho trí hiểu và ý chí, khuấy động các cảm xúc và làm linh hồn nên trọn [fulfill]. Nhưng ở đây chúng ta bước vào lĩnh vực các giá trị - điều tốt, điều đẹp, điều cao thượng, điều thánh thiêng - các giá trị chuyên biệt, vốn độc đáo cho từng linh hồn và cho phẩm tính cá thể của nó.

Công việc nhận thức và thành tựu của ý chí là những *hành động tự do*; cũng thế, việc chiều theo hoặc bác bỏ các kích thích cảm xúc ban đầu, không có ý, tự điều khiển cũng là một vấn đề của tự do. Như thế, hữu thể nhân bản, nhờ được tự do đánh thức, không đơn giản phó mình cho các ảnh hưởng đào tạo bên ngoài; nhưng ngược lại, họ có thể phó mình cho chúng hoặc bác bỏ chúng khi họ tìm kiếm hoặc xa tránh các ảnh hưởng đào tạo khả hữu. Và như vậy, hoạt động tự do của cá nhân cũng là một nhân tố đào tạo tinh thần.

Tất cả các nhân tố giáo dục bên ngoài — cuộc sống hàng ngày, có kế hoạch cũng như tự do, việc làm tự phát triển—về phương diện hữu hiệu của chúng, đều bị ràng buộc vào nhân tố đầu tiên, thiên hướng tự nhiên; chúng không thể đem lại cho người đó các phẩm tính mà do bản chất, vốn không có ở nơi họ. Nên giáo dục của con người chỉ có thể cung cấp chủ đề và làm cho nó trở nên “dễ nuốt”; nó có thể dẫn đường và “chứng minh” để kích thích hoạt động, nhưng nó không thể buộc người ta chấp nhận hoặc mô phỏng. Bản chất đặt ra các giới hạn cho công việc đào tạo bản thân. Bản chất và ý chí tự do của chủ thể đặt ra các giới hạn cho việc đào tạo tinh thần. Nhưng có một Nhà giáo dục mà đối với Người những giới hạn này không hiện hữu: Thiên Chúa, Đấng đã ban tặng bản chất, có thể biến đổi nó bằng cách làm nó

không phát triển theo diễn trình tự nhiên của nó (cũng như Người có thể can thiệp bằng phép lạ của Người trong diễn trình bình thường của các hiện tượng tự nhiên bên ngoài). Và mặc dù Người cũng đã loại trừ một quy luật tất yếu có tính máy móc khỏi ý chí con người bằng cách ban cho nó ơn phúc tự do của Người, nhưng Người có thể mang khuynh hướng *bên trong* của ý chí đến một quyết định thi hành điều đã được trình bày cho nó.

Như vậy chúng ta đã đạt được một cái nhìn sâu sắc nào đó về bản chất của giáo dục: diễn trình đào tạo thiên hướng tâm linh tự nhiên. Trong cách sử dụng thông thường, hạn từ “giáo dục” cũng biểu thị kết quả của những diễn trình này – dạng [gestalt] mà linh hồn mang lấy, có lẽ cũng là linh hồn đã được đào tạo như thế, và thậm chí cả những vấn đề tâm linh mà nó tiếp nhận.

Trong việc cố gắng khuôn định một chương trình giáo dục phù hợp cho phụ nữ, người ta thường nhấn mạnh đến các vấn đề về phương pháp. Bất cứ ai quan tâm đến việc giáo dục tinh thần của phụ nữ, trước hết, phải nhận thức được chất liệu mà họ đang xử lý, tức là thiên hướng của con người mà họ phải giáo dục. Họ phải đặc biệt hiểu phẩm tính độc đáo của linh đạo nữ giới và bản chất cá nhân của người học trò. Họ cũng phải ý thức được những ảnh hưởng trước đó, chẳng hạn như môi trường gia đình, vốn đã ảnh hưởng và vẫn còn ảnh hưởng đến học trò của họ. Họ phải biết liệu chúng có hòa hợp hay không với mục tiêu và các mục đích riêng của mình hoặc nếu chúng không hòa hợp, thì cần phải cố gắng loại bỏ chúng. Nhà giáo dục phải hoàn toàn ý thức được các mục tiêu mà họ đã đặt ra cho chính mình và cho những người khác, một điều, tất nhiên, lệ thuộc vào viễn kiến tổng thể của họ về thế giới. Và cần phải nỗ lực liên tục để phân biệt giữa các mục tiêu chung cho tất cả hữu thể nhân bản, các mục tiêu giáo dục đặc biệt nữ giới và các mục tiêu cá nhân. Không thể thiết lập những điều này một cách tùy tiện mà phải được chính Thiên Chúa ấn định. Kinh Thánh khuyên chúng ta về số phận của con người nói chung và của người phụ nữ nói riêng. Truyền thống của Giáo hội và các giáo huấn đức tin giúp chúng ta giải thích giáo huấn Kinh thánh này (3). Dù ngôn các nén bạc đề cập đến ơn phúc độc đáo được ban cho mỗi cá nhân; lời lẽ của Thánh Tông đồ mô tả vô số ơn phúc được ban cho trong Nhiệm thể của Chúa Kitô. Cá nhân phải khám phá ra ơn phúc độc đáo của riêng mình.

Thiên Chúa đã ban cho mỗi con người một số phận ba chiều: phát triển nên giống như Thiên Chúa qua việc phát triển các khả năng của mình, sinh sản ra hậu duệ và làm chủ trái đất. Ngoài ra, có lời hứa rằng một đời sống đức tin và sự kết hợp bản thân với Đấng Cứu Chuộc sẽ được ban thưởng bằng việc được chiêm ngưỡng Thiên Chúa vĩnh viễn. Những số phận này, tự nhiên và siêu nhiên, giống hệt nhau đối với cả nam lẫn nữ. Nhưng trong lĩnh vực nghĩa vụ, các dị biệt được xác định bởi giới tính. Quyền thống trị trái đất là nghề nghiệp chính của đàn ông: vì việc này, người phụ nữ được đặt bên cạnh họ như một người giúp đỡ. Ơn gọi chính của người phụ nữ là sinh sản và nuôi dạy con cái; vì điều này, người đàn ông được ban cho năng như một người bảo vệ. Vì vậy, thật là thích hợp khi những ơn phúc giống nhau diễn ra ở cả hai, nhưng với tỷ lệ và mối liên hệ khác nhau. Trong trường hợp người đàn ông, các ơn phúc đấu tranh, chinh phục và thống trị là đặc biệt cần thiết: sức mạnh thể xác để chiếm hữu điều ở bên ngoài họ, trí hiểu để dùng nhận thức hiểu thấu thế giới, sức mạnh của ý chí và hành động để làm các công việc có bản chất sáng tạo. Với người phụ nữ, có các khả năng chăm sóc, bảo vệ và thúc đẩy điều đang trở thành và lớn lên. Do đó, năng có ơn phúc sống trong một la bàn ràng buộc thân thiết về thể lý và thu thập lực lượng của mình trong im lặng; mặt khác, năng được tạo ra để chịu đựng đau đớn, để thích nghi và từ bỏ mình. Về mặt tâm hồn, năng hướng về điều cụ thể, điều cá thể và bản vị: năng có khả năng nắm bắt điều cụ thể trong tính cá thể của nó và tự thích nghi với nó, và năng khao khát được giúp tính đặc thù này phát triển. Một thiết bị tương đương với thiết bị của người đàn ông được bao gồm trong

khả năng thích ứng này, cũng như khả năng thực hiện cùng một công việc giống như chàng, chung với chàng hoặc thay thế chàng.

Trong Cựu ước, những chứng từ từ cuộc Sa ngã trở đi, tức là những chứng từ cho rằng với bản chất *sa ngã*, hôn nhân và chức phận làm mẹ được trình bày phân nào như số phận chuyên nhất của người phụ nữ. Những điều này thậm chí còn là những phương tiện để hoàn thành mục tiêu siêu nhiên của họ: Họ phải sinh con cái và nuôi dạy chúng trong đức tin vào Đấng Cứu Chuộc để một ngày kia, họ sẽ được nhìn thấy ơn cứu rỗi của mình trong chúng. (Thỉnh thoảng, cách giải thích này cũng được nói đến trong các thư của Thánh Phaolô).

Tân Ước đặt lý tưởng đồng trình bên cạnh điều trên. Thay cho sợi dây hôn phối, sự hiệp thông bản thân mật thiết nhất với Đấng Cứu Rỗi, sự phát triển mọi khả năng để phục vụ Người, và chức phận làm mẹ thiêng liêng - tức là việc chiêm các linh hồn và đào tạo họ cho Thiên Chúa - đã được đề nghị. Người ta không nên giải thích sự khác biệt về ơn gọi này như thể trong trường hợp này, đó chỉ là mục tiêu tự nhiên được xem xét, còn trong trường hợp kia, đó chỉ là mục tiêu siêu nhiên. Người phụ nữ hoàn thành số phận làm vợ và làm mẹ cũng có nhiệm vụ đối với vương quốc Thiên Chúa — khởi đầu, việc truyền sinh các hữu thể nhân bản được định cho vương quốc này, nhưng sau đó cũng hoạt động để cứu rỗi các linh hồn; chỉ có điều đối với họ, điều này trước hết nằm trong vòng gia đình. Mặt khác, ngay trong đời sống hoàn toàn hiến dâng cho Thiên Chúa, cũng cần có sự phát triển các sức mạnh tự nhiên, ngoại trừ việc lúc này chúng có thể được dành một cách chuyên nhất hơn vào các vấn đề liên quan đến vương quốc Thiên Chúa và do đó thậm chí có thể mang lại lợi ích cho nhóm người rộng lớn hơn. Những công việc cho vương quốc Thiên Chúa này không xa lạ với bản chất nữ giới mà trái lại, là sự hoàn tất cao cả nhất của nó và cũng là sự thăng tiến cao nhất có thể quan niệm được của con người. Điều này đúng bao lâu hành động của mỗi liên hệ bản thân được phát sinh từ tình yêu đối với Thiên Chúa và người lân cận, hoạt động qua tình yêu thương Thiên Chúa và người lân cận, và dẫn đến tình yêu Thiên Chúa và người lân cận.

Do đó, việc giáo dục người phụ nữ Kitô giáo có một mục tiêu kép: dẫn họ đến điều khiến họ có thể làm tròn bổn phận làm vợ và làm mẹ theo nghĩa tự nhiên và siêu nhiên hoặc hiến dâng mọi năng lực của họ cho vương quốc Thiên Chúa trong đức khiết trinh dành cho Người. (Không nên đặt hôn nhân và đời sống tu trì như những lựa chọn thay thế. Các dấu chỉ cho thấy thời đại của chúng ta cần những người biết sống cuộc sống hiến mình cho Thiên Chúa “trong thế gian”; tuy nhiên, điều này chắc chắn không có nghĩa là cuộc sống tu trì đã “lỗi thời”).

Chúng ta có thể làm gì để nhắm tới mục tiêu này? Chúng ta đã chỉ ra rằng người phụ nữ được tạo nên cho mục đích này; Tuy nhiên, trong bản chất *sa ngã*, có những động lực hoạt động cùng một lúc đối lập với nó. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cung cấp các chủ đề giáo dục cần thiết và có lợi cho sự phát triển trong sáng của linh hồn và đủ sức để ngăn chặn những động cơ không lành mạnh. Và những vấn đề này phải được trình bày một cách tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận chúng phù hợp với tính tiềm năng.

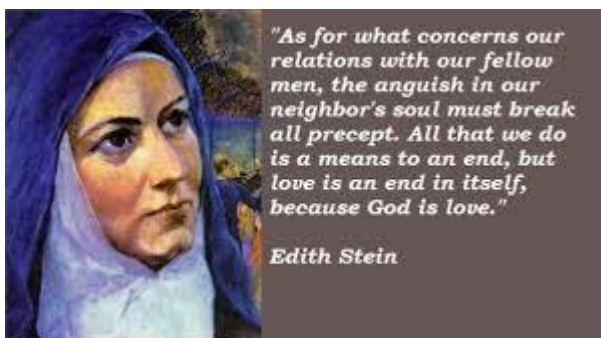
Các cảm xúc vốn được coi như trung tâm của linh hồn phụ nữ. Vì lý do này, việc đào tạo cảm xúc phải được đặt ở vị trí trung tâm trong việc đào tạo người phụ nữ. Cảm xúc hiện hữu trong các tình cảm như vui và buồn, các tâm trạng như hân hoan và u sầu, các thái độ như nhiệt tình và phẫn nộ, và các thái độ như yêu và ghét. Những phản ứng cảm xúc như vậy chứng tỏ sự xung đột của cá nhân với thế giới và cả với bản thân họ. Chỉ người nào gắn bó sâu sắc với cuộc sống mới có cảm xúc sôi nổi. Bất cứ ai muốn khơi dậy cảm xúc phải đưa nó tiếp xúc với điều gì đó có thể thúc đẩy việc tham gia này. Trên hết, đây là số phận con người và hành

động của con người như lịch sử và văn học từng trình bày chúng với giới trẻ - dĩ nhiên, đây cũng sẽ là những biến cố đương thời. Nó là vẻ đẹp trong mọi hệ quả của nó và mọi phạm trù thẩm mỹ khác. Đó là sự thật thúc đẩy tinh thần của con người theo đuổi việc tìm kiếm không ngừng. Đó là mọi điều hoạt động trong thế giới này bằng sức mạnh mầu nhiệm và sự lôi kéo của một thế giới khác. Các môn đặc biệt có tính cảm giới trong việc đào tạo cảm xúc là tôn giáo, lịch sử, tiếng Đức, và có thể các ngôn ngữ khác nếu người học thành công trong việc vượt qua các khó khăn về ngữ học nước ngoài và có khả năng đào sâu nội dung tâm linh.

Nhưng nói chung, chỉ khuấy động cảm xúc thôi là không đủ. Có một nhân tố đánh giá trong mọi phản ứng xúc cảm. Những gì xúc cảm nắm bắt được đều được coi là có ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực, một là đối với cá nhân liên hệ hai là, được xem xét theo ý nghĩa đối tượng *trong chính nó*, độc lập với họ. Do đó, các phản ứng xúc cảm có thể được đánh giá là “đúng” hoặc “sai”, “thích hợp” hoặc “không thích hợp”. Đó là vấn đề đánh thức cảm xúc tươi vui đối với vẻ đẹp và điều tốt *chân chính* và ghê tởm đối với những gì thấp hèn và thô tục. Điều quan trọng là hướng dẫn giới trẻ tri nhận điều đẹp và điều tốt, nhưng như thế vẫn không đủ. Thông thường, đứa trẻ đầu tiên được đánh thức trước giá trị của mọi sự bằng việc nó ý thức được phản ứng của người lớn — trên hết là phản ứng của thầy cô — sự nhiệt tình truyền cảm hứng cho sự nhiệt tình. Việc hướng dẫn các thái độ cùng một lúc là phương pháp rèn luyện khả năng biện phân. Người ta không thể chỉ giới thiệu cho em điều tốt và điều đẹp: cuộc sống cũng sẽ đưa em tiếp xúc với điều xấu, và lúc đó đứa trẻ đã phải học được cách phân biệt giữa tích cực và tiêu cực, cao quý và đê tiện, và học cách thích ứng bản thân theo những cách thích hợp. Phương pháp hữu hiệu nhất là trải nghiệm các thái độ đối với môi trường. Thái độ của một cá nhân đang phát triển đối với thế giới phụ thuộc rất nhiều vào những ảnh hưởng của môi trường, vốn có tính tùy hứng và theo bản năng. Và do đó, điều có ý nghĩa hết sức ngoại thường là việc giáo dục trẻ em phải được đặt trong tay những người từng nhận được sự đào tạo cảm xúc thích đáng.

Tuy nhiên, song hành với phương pháp đào tạo tình cảm chủ yếu nhất, thậm chí không thể thiếu này qua các phán đoán về giá trị luôn có một nguy cơ nào đó: các cảm quan và các thái độ xúc cảm có tính “lây lan”; chúng dễ dàng được lãnh hội bởi người này từ người khác. Những thái độ này, thực sự, chỉ là các thiên hướng thuần túy trong linh hồn bị ảnh hưởng. Đầu tiên, tâm trí không cởi mở đối với các giá trị được trình bày; và những tình cảm này, hơn nữa, không phải là nhất thời hay chung chung. Do đó, một nền giáo dục thực sự không đạt được vì ảo tưởng đã được cho là thực tại. Do đó, cần có sự giáo dục liên quan đến tính chân chính của tình cảm, sự phân biệt về ngoài với thực tại cả trong môi trường lẫn linh hồn riêng của người ta. Điều này bất khả nếu không được đào tạo đầy đủ về tri thức. Trí hiểu và cảm xúc phải hợp tác một cách đặc thù để chuyển hóa các thái độ thuần túy xúc cảm thành việc nhận thức được các giá trị. (Ở đây, chúng ta không quan tâm đến việc chứng minh phương pháp hợp tác này). Bất cứ ai biết chính xác lý do tại sao một điều gì đó tốt hay đẹp sẽ không chỉ theo các thái độ của người khác. Và sau đó, việc thi hành khả năng phê bình trí thức này sẽ phát triển khả năng phân biệt giữa sự thật và sự giả tâm linh. Các phản ứng xúc cảm dẫn đến hành động. Người yêu nghệ thuật chân chính sẽ vui lòng hy sinh sự thoải mái vì mục đích thưởng thức nghệ thuật. Những ai thực sự yêu thương người lân cận sẽ không vô cảm và thờ ơ với nhu cầu của người lân cận. Lời nói nên truyền cảm hứng cho hành động; nếu không, lời nói chỉ là những lời hoa mỹ nguy trang cho hư vô, che giấu những cảm xúc và ý kiến trống rỗng hoặc ảo tưởng.





*"As for what concerns our relations with our fellow men, the anguish in our neighbor's soul must break all precept. All that we do is a means to an end, but love is an end in itself, because God is love."*

*Edith Stein*

Trong những thập niên trước, các môn học rèn luyện cảm xúc đã trở thành mục tiêu chính của việc giáo dục các phụ nữ trẻ. Việc đào tạo như thế tương ứng với bản chất nữ giới. Nhưng đã có sự bỏ quên một bổ sung không thể thiếu, đó là việc rèn luyện thực tế và kích hoạt trí tuệ. Kiểu giáo dục này đã tạo ra một kiểu phụ nữ sống ảo tưởng, một người phụ nữ hoặc từ chối các nhiệm vụ thực tế hoặc buông xuôi bản thân một cách bất lực trước những cảm xúc và tâm trạng dao động, không ngừng tìm kiếm sự phấn khích. Một người phụ nữ như vậy chỉ là người được đào tạo yếu ớt cho cuộc sống và không tạo được việc làm hữu hiệu nào. Trường học hiện đại tìm cách khắc phục những khiếm khuyết đó. Nó đã đưa vào nhiều môn học hơn được thiết kế để rèn luyện tâm trí — toán học, khoa học tự nhiên và các môn cổ điển. Để trí tuệ nắm được nội dung có chủ đề, việc chỉ học thuộc lòng không được nhấn mạnh và người ta khuyến khích tính tự phát. Nhờ cách này, cả trí tuệ và ý chí đều được rèn luyện và chuẩn bị cho những nhiệm vụ thích hợp của họ. Giáo dục hiện đại cũng nhấn mạnh đến đời sống cộng đồng và sự tham gia thực tế vào đó qua các phương tiện như câu lạc bộ trường học, các chuyến đi bộ, các cuộc cử hành và các sinh hoạt nhóm. Những sinh hoạt như vậy chắc chắn chứa đựng những hạt giống hữu hiệu, bất chấp nhiều “căn bệnh trẻ con” luôn gây nguy hiểm cho những đời mới cấp tiến. Điều nguy hiểm lớn là việc cải cách có thể không xét đầy đủ đến bản chất độc đáo của phụ nữ và kiểu giáo dục mà họ cần, trong khi chỉ giới hạn hẹp hòi trong mô hình các định chế giáo dục dành cho nam giới. Những đòi hỏi thay đổi của cuộc sống thực tiễn làm cho mỗi ngày trở nên hiển nhiên.

Trước đây, điều được coi như tất nhiên là việc giáo dục của một cô gái sẽ giúp cô trở thành một người vợ, một người mẹ hoặc một nữ tu. Trong nhiều thế kỷ, hầu như người ta không biết đến bất cứ ơn gọi phụ nữ nào khác. Người ta mong các cô gái được khai tâm vào các sinh hoạt nội trợ và các thực hành tu trì hoặc trong cuộc sống gia đình hoặc tu viện, và do đó được chuẩn bị cho ơn gọi sau này của họ. Cuộc cách mạng kỹ nghệ thế kỷ 19 đã cách mạng hóa cuộc sống gia đình trung bình để nó không còn là một lĩnh vực đủ để thu hút mọi tiềm năng của phụ nữ. Đồng thời, đời sống đức tin ngày càng giảm sút đã loại bỏ đời sống tu viện như một sự cân nhắc nghiêm túc đối với hầu hết người ta. Nơi những người có bản tính thụ động, bầu khí này đã dẫn đến việc chìm mình vào một cuộc sống quá nhục dục hoặc những giấc mơ và những lời tán tỉnh trống rỗng. Nơi những người có bản tính hoạt động mạnh mẽ, nó đã dẫn đến việc quay lưng lại với tổ ấm để hướng về sinh hoạt nghề nghiệp. Do đó, phong trào duy nữ đã ra đời.

Trong nhiều thế kỷ, các nghề nghiệp khác với công việc nội trợ hầu như chỉ được thực hiện bởi nam giới. Do đó, lẽ tự nhiên, những nghề nghiệp này mang một dấu ấn nam tính và việc đào tạo dành cho họ đã được điều chỉnh cho phù hợp với bản chất nam giới. Phong trào duy nữ cấp tiến đòi mọi chuyên nghề và ngành giáo dục phải mở cửa cho phụ nữ. Trước sự chống đối gay gắt, phong trào chỉ có thể tiến rất từ từ cho đến khi, gần như đột ngột, nó đạt được gần như mọi đòi hỏi của họ sau một cuộc cách mạng. Lúc khởi đầu phong trào, các phụ nữ

bước vào đời sống chuyên nghiệp chủ yếu là những người có năng khiếu và thiên hướng cá nhân đi theo hướng này; và có thể nói một cách tương đối, họ dễ dàng thích nghi. Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm gần đây đã buộc nhiều phụ nữ phải bước vào đời sống chuyên nghiệp, ngược với ý muốn của họ (4). Do đó đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng cũng đã có những kinh nghiệm quý báu. Và chúng ta đã tới điểm có thể đặt ra những câu hỏi mà, theo đúng lý lẽ, lẽ ra phải được giải đáp trước khi phong trào bắt đầu. Có những ngành nghề đặc biệt của nữ giới không? Chúng là những nghề nào? Phụ nữ có yêu cầu nền giáo dục khác với nền giáo dục dành cho nam giới không? Nếu có thì việc giáo dục như vậy phải được tổ chức như thế nào?

Bây giờ chúng ta hãy tóm tắt ngắn gọn những phương thức khác nhau về giáo dục phụ nữ mà chúng ta đã thảo luận. Bản chất và số phận của người phụ nữ đòi hỏi một nền giáo dục có thể truyền cảm hứng cho những công việc thuộc tình yêu hữu hiệu. Như vậy, việc huấn luyện xúc cảm là yếu tố quan trọng nhất cần có trong việc đào tạo người phụ nữ; tuy nhiên, sự đào tạo đích thực đó có liên hệ tới sự minh mẫn của trí hiểu và năng lực cũng như khả năng thực hành. Nền giáo dục này đào tạo một thiên hướng đúng đắn cho linh hồn phù hợp với các giá trị khách quan, và nó giúp thực hiện một cách thực tế thiên hướng này. Việc đặt các giá trị siêu nhiên lên trên mọi giá trị trần thế, tuân theo một phẩm trật giá trị khách quan. Việc khai tâm thái độ này cũng cho thấy một sự tương tự so với ơn gọi tương lai của việc đào tạo con người cho vương quốc Thiên Chúa. Đó là lý do tại sao yếu tính của mọi nền giáo dục nữ giới (cũng như giáo dục nói chung) phải là giáo dục tôn giáo, một nền giáo dục có thể truyền đạt các chân lý đức tin một cách có thể kêu gọi cảm xúc và gây hứng cho hành động. Việc đào tạo như vậy được thiết kế để thực hiện cùng một lúc các hoạt động thực tiễn bằng đời sống đức tin. Cá nhân sẽ quan tâm đến những hoạt động này trong suốt cuộc đời của họ: phát triển đời sống đức tin và cầu nguyện với Giáo hội qua phụng vụ, cũng như tạo ra một mối liên hệ bản thân mới với Chúa, nhất là qua sự hiểu biết về Thánh Thể và một đời sống Thánh Thể thực sự. Tất nhiên, giáo dục tôn giáo như vậy chỉ có thể được truyền đạt bởi những nhân cách mà bản thân họ tràn đầy tinh thần đức tin và cuộc sống của họ được nó tạo hình.

Cùng với việc giáo dục tôn giáo này, cần phải ý thức và phản ứng đối với nhân tính. Các môn học có thể đóng góp vào ý thức này là lịch sử, văn học, sinh học, tâm lý học và sự phạm; tất nhiên, các môn học này nên được trình bày dưới dạng đơn giản hóa để đáp ứng tiềm năng của người học. Nhưng sự dạy dỗ này chỉ có hiệu quả khi có sự hướng dẫn thích đáng và nếu có cơ hội để áp dụng nó vào đời sống thực tiễn. Cần thiết cho sự phát triển trí hiểu là các môn học chủ yếu có tính giáo dục chính thức - toán học, khoa học tự nhiên, ngữ học và văn phạm. Nhưng không nên quá nhấn mạnh tới chúng đến gây hại cho năng lực của người học hoặc các yếu tố chủ yếu hơn của nền giáo dục nữ giới.

Phương pháp giảng dạy phải tự do và uyển chuyển để không những chỉ tính đến những người có năng khiếu đặc biệt mà còn tạo cơ hội cho mọi người học các môn lý thuyết và trau dồi năng khiếu kỹ thuật và nghệ thuật. Sự lựa chọn nghề nghiệp sau này của mỗi cá nhân phải được lưu ý. Hiển nhiên, khi làm tất cả những điều này, bản thân các nhà giáo phải được đào tạo kỹ lưỡng về lĩnh vực liên hệ của họ. Và, tất nhiên, để phụ nữ được lên khuôn phù hợp với bản chất và số phận đích thực của họ, họ phải được giáo dục bởi những người phụ nữ chân chính.

Nhưng ngay cả những giáo viên giỏi nhất và những phương pháp tốt nhất cũng không thể bảo đảm thành công vì sức người có hạn. Tuy nhiên, nền giáo dục chính thức chỉ là một phần của diễn trình giáo dục toàn diện. Giáo dục chính thức phải tính đến các năng lực của người học và đến những tác động bên ngoài mà người học phải chịu; nhưng nó không có khả năng nhận

diện được tất cả các nhân tố này cũng như đối phó hữu hiệu với chúng. Hơn nữa, giáo dục chính thức kết thúc rất lâu trước khi toàn bộ diễn trình giáo dục được hoàn tất. Người giảng dạy thậm chí có thể coi việc học là thành công nếu người học đã được chuẩn bị để tiếp tục việc giáo dục của họ một cách độc lập theo hướng đã được khai tâm. Nhưng các hoàn cảnh của đời sống hàng ngày thường can thiệp và tạo điều kiện cho những động lực hoàn toàn tự nhiên chiếm ưu thế.

Sự không chắc chắn bao trùm toàn bộ diễn trình giáo dục con người, và nhà giáo dục có xu hướng luôn khiêm tốn trong việc tính toán phần đóng góp của mình vào thành quả. Tuy nhiên, họ không nên để mình rơi vào hoài nghi hoặc tuyệt vọng. Nhà giáo dục nên xác tín rằng nỗ lực của họ là điều quan trọng, mặc dù họ không luôn đo lường được kết quả của các nỗ lực của mình, mặc dù đôi khi họ không bao giờ ý thức được chúng. Họ đừng bao giờ quên rằng, trên hết, Nhà giáo dục đệ nhất đẳng và thiết yếu nhất không phải là con người mà là chính Thiên Chúa. Người ban bản chất cũng như các hoàn cảnh sống trong đó nó phát triển; Người cũng có quyền năng biến đổi bản chất từ bên trong và bằng các công trình của Người, Người can thiệp vào các công việc trong đó sức lực của con người không thành công. Nếu việc giáo dục tôn giáo thành công trong việc phá vỡ sự phản kháng đối với giáo huấn thần linh, thì người ta có thể chắc chắn về mọi điều khác. Chúng ta cũng nên xác tín rằng, trong nhiệm vụ cứu rỗi của Thiên Chúa, không có nỗ lực chân thành nào là không có kết quả dù mất người không tri nhận được gì ngoài những thất bại.

### III. CÁC ƠN GỌI NỮ GIỚI

Linh hồn người phụ nữ khao khát việc đào tạo nào? Câu hỏi này có liên quan đến một câu hỏi khác: Bản chất phụ nữ kêu gọi họ vào ơn gọi nào? Ở đây, chúng ta không quan tâm đến việc thu thập các dữ kiện thống kê để chứng minh các ơn gọi trong đó người phụ nữ đương thời đang dần thân vào. (Họ đã tham gia vào gần như mọi ơn gọi này) Thay vào đó, ý hướng của chúng ta là khám phá khuynh hướng chân thực của phụ nữ. Khi làm như vậy, số liệu thống kê giúp ích rất ít. Việc trình bày các con số liên quan đến các ơn gọi đặc thù sẽ phân loại các khuynh hướng và tài năng có liên quan; ngay cả như vậy, nó chỉ có thể thông báo một cách vụng về sự thành công của các hoạt động khác nhau. Nó thậm chí còn ít cho thấy người phụ nữ đã thích nghi ra sao với nghề nghiệp, và mặt khác, có thể biến đổi nó ra sao. Ở đây, chúng ta phải tự giới hạn vào những điều mà bản chất và số phận đòi hỏi trong các ơn gọi nữ giới đích thực. Nhưng cần phải dẫn ra những thí dụ cụ thể. Do đó, chúng ta sẽ cố gắng cho thấy người phụ nữ có thể hoạt động như thế nào trong hôn nhân, trong đời sống tu trì và trong các ngành nghề khác nhau phù hợp với bản chất của họ.



Theo Sách Sáng Thế, phụ nữ được đặt bên cạnh người đàn ông để người đàn ông không cô

đơn nhưng có một người trợ giúp tương xứng với họ; nàng chủ yếu sẽ hoàn thành ơn gọi của mình trong tư cách người phối ngẫu bằng việc biến các quan tâm của chàng thành của riêng mình. Thông thường, chúng ta hiểu “các quan tâm của chàng” có nghĩa là nghề nghiệp của chàng. Sự tham gia của người phụ nữ vào nghề nghiệp của chồng có thể được thực hiện nhiều cách khác nhau. Trước nhất, nàng có nhiệm vụ lên khuôn cuộc sống gia đình của họ sao cho nó không cản trở, nhưng thăng tiến công việc chuyên môn của chàng. Nếu công việc của chàng ở trong nhà, nàng phải lo sao để giữ các phiền nhiễu càng xa chàng bao nhiêu càng tốt; nếu công việc của chàng ở bên ngoài tổ ấm, nàng phải bảo đảm để ngôi nhà mang lại sự thư giãn và hồi sức thích đáng khi chàng trở về nhà. Có thể có sự tham gia tức khắc vào việc thực hiện trợ giúp trực tiếp; thực vậy, điều này thường xảy ra trong các cuộc hôn nhân hiện đại giữa những người được đào tạo chuyên môn tương tự hoặc có liên quan, hoặc ít nhất là với những người có sở thích ăn ý nhau. Trước đây, trường hợp này xảy ra ở một phạm vi lớn, nói chung là trong đời sống nông thôn nhưng cũng thường xảy ra trong các doanh nghiệp kinh doanh (nhất là ở những doanh nghiệp quy mô nhỏ), trong các hộ gia đình bác sĩ, và cũng rất phổ biến ở các gia hộ của các mục sư Tin lành.

Tuy nhiên, “các quan tâm của người đàn ông” không những chỉ có ý nói đến nội dung khách quan của công việc của chàng mà còn liên quan đến việc cung cấp sinh kế của gia đình chàng nữa — “cuộc chiến giành việc sinh tồn”. Về mặt này, người vợ chủ yếu hành động như người giúp đỡ trong việc quản gia một cách khôn ngoan; hơn nữa, đây không những là nhiệm vụ kinh tế tư trong thời buổi này mà còn là một nhiệm vụ kinh tế quốc gia rất quan trọng nữa. Nhưng có lẽ thời nay nhiều hơn thời trước, cả vợ lẫn chồng đều cùng làm việc. Từ đó nảy sinh ra vấn đề khó khăn của ơn gọi kép: có nguy cơ công việc bên ngoài của nàng sẽ chiếm hết thời gian đến nỗi cuối cùng nó có thể khiến nàng không thể trở thành trái tim của gia đình và linh hồn của tổ ấm, điều luôn phải là nhiệm vụ thiết yếu của nàng.

Nhưng người phụ nữ “tương xứng” với người đàn ông trong tư cách người trợ giúp không những tham gia vào công việc của chàng; nàng còn bổ sung cho chàng, chống lại những nguy hiểm của bản chất đặc biệt nam giới của chàng. Công việc của nàng là bảo đảm bằng mọi khả năng của nàng để chàng không hoàn toàn miệt mài với công việc chuyên môn của mình, không để nhân tính của chàng trở nên còi cọc, và chàng không bỏ bê bổn phận gia đình trong tư cách người cha. Nàng sẽ có khả năng càng làm tốt hơn việc đó khi bản thân nàng càng trưởng thành hơn như một nhân cách; và điều quan yếu ở đây là nàng không đánh mất chính mình trong mối liên hệ với chồng mà trái lại, trau dồi các ơn phúc và năng lực của chính mình.

Nhiệm vụ làm mẹ của nàng liên quan mật thiết đến sứ mệnh làm người phối ngẫu của nàng, chỉ có điều ở đây nàng phải chủ yếu chăm sóc những đứa con và đưa chúng tới chỗ phát triển. Nàng phải hướng dẫn rồi dần dần rút lui để đạt được vai trò của một người bạn đồng hành, đối diện với con người trưởng thành. Một mặt, điều này đòi hỏi một năng khiếu biết thiện cảm tinh tế hơn vì cần phải thấu hiểu những thiên hướng và khả năng mà những người trẻ tuổi vẫn chưa ý thức được; nàng phải dò đường hướng tới điều mong muốn trở thành, nhưng chưa hiện hữu. Mặt khác, khả thể ảnh hưởng lại lớn hơn. Linh hồn trẻ vẫn đang trong giai đoạn đào tạo và tự phát biểu một cách dễ dàng và cởi mở hơn vì nó không đưa ra công đồng nào đối với các ảnh hưởng ở bên ngoài. Tuy nhiên, tất cả những điều này gia tăng trách nhiệm của người mẹ.

Để phát triển đến mức cao nhất nhân tính của chồng và con cái, người phụ nữ đòi phải có thái độ phục vụ quên mình. Nàng không thể coi người khác là tài sản của mình cũng như là phương tiện cho mục đích riêng của mình; ngược lại, nàng phải coi những người khác như

những hồng ân được giao phó cho nàng, và nàng chỉ có thể làm như vậy khi nàng cũng coi họ như các tạo vật của Thiên Chúa mà nàng có bổn phận thánh thiêng phải chu toàn. Chắc chắn, việc phát triển bản chất do Thiên Chúa ban cho họ là một nhiệm vụ thánh thiện. Ở mức độ cao hơn nữa là sự phát triển tâm linh của họ, và chúng ta đã thấy ơn gọi siêu nhiên của người phụ nữ là khơi dậy trong tâm hồn chồng con những tia lửa tình yêu đối với Thiên Chúa, hoặc một khi đã nhen nhóm, thổi bùng chúng thành những tia sáng rực rỡ hơn. Điều này chỉ xảy ra nếu nàng cân nhắc và chuẩn bị cho mình thành công cụ của Thiên Chúa. Làm điều này thế nào sẽ được xem xét vào một lúc sau.

Sẽ không khó khi phải nhắc đến các phụ nữ trong các ngành nghề đa dạng nhất đã đạt được thành tích xuất sắc, nhưng điều này sẽ không chứng tỏ việc nghề nghiệp của họ là những ngành nghề đặc biệt dành cho nữ giới. Không phải mọi phụ nữ đều là hiện thân thuần túy của bản chất nữ giới. Các nét cá thể không đơn giản là các biến thể của bản chất nữ giới mà thường là những sáp gần lại (approximation) bản chất nam giới và do đó, là đặc tính của một nghề nghiệp không được coi là đặc biệt nữ giới. Nếu việc chăm sóc và phát triển sự sống con người và nhân tính là nghĩa vụ chuyên biệt của phụ nữ, thì những ơn gọi đặc biệt của nữ giới sẽ là những ơn gọi trong đó, các nỗ lực như thế cũng có thể thực hiện được ở bên ngoài hôn nhân. Ở đây, tôi không muốn nói đến vấn đề nội trợ vì nó không phải là vấn đề việc làm có tính nữ giới chuyên biệt, và trong nhiều khía cạnh, nó tạo ra những nhiệm vụ khác với những nhiệm vụ mà người phụ nữ của tổ ấm phải chu toàn. Điều quan trọng hơn là phải làm rõ tầm quan trọng của những nghề ở bên ngoài gia hộ, những nghề đã bị từ chối đối với phụ nữ trong một thời gian và dần dần chỉ được dành cho phụ nữ qua các đấu tranh của phong trào duy nữ.

Nghề y học hóa ra là một lĩnh vực phong phú cho hoạt động nữ giới chân chính, đặc biệt là nghề bác sĩ y khoa, bác sĩ phụ khoa và bác sĩ nhi khoa. Đã có nhiều ý kiến phản đối gay gắt việc thu nhận phụ nữ vào nghề này: một phụ nữ trẻ có thể gặp phải nhiều điều trong diễn trình học y khoa mà bình thường sẽ không để họ vướng vào; một phản đối nghiêm trọng là việc học sẽ đòi hỏi nhiều điều phi thường về sức mạnh cơ thể và năng lực thần kinh, và thực hành nghề nghiệp thậm chí còn đòi hỏi nhiều hơn nữa. Thật vậy, thực hành nghề nghiệp đòi hỏi một thể tạng thể chất và tinh thần đặc thù, cũng như lòng nhiệt thành nghề nghiệp cần thiết cho việc đảm nhiệm những khó khăn chỉ có trong nghề nghiệp đó. Những lo âu như vậy sẽ được xóa tan khi những quy định này được tôn trọng. Tất nhiên, người ta sẽ luôn biết ơn khi bất gặp vẻ đẹp ngây thơ, không rắc rối làm lay động chúng ta, và hoàn toàn không biết đến mặt tối tệ của bản chất con người. Ngày nay điều đó khó có thể xảy ra, nhưng trong thời xưa có bao nhiêu phụ nữ, vốn được bảo vệ trong trắng cho tới khi kết hôn, đột nhiên bị cướp hết mọi lý tưởng của họ, một cách tàn nhẫn nhất! Về mặt này, há người ta lại không nói rằng phương thức thực tế và khách quan, khoa học vẫn là một trong những phương pháp được chấp nhận nhiều nhất, nếu không phải là phương pháp tuyệt đối tốt nhất, để làm quen với dữ kiện tự nhiên hay sao? Vì hầu hết phụ nữ buộc phải nắm vững những dữ kiện này, thì há các phụ nữ cá thể có ơn gọi và cơ hội lại không nên làm mọi hy sinh để chu toàn lời kêu gọi này và đứng về phía chị em của họ hay sao?

Kinh nghiệm cho thấy điều này từng xảy ra ở mức độ lớn. Thật là phần khởi khi biết chắc rằng sau bất cứ sự ngờ vực ban đầu nào, phụ nữ thường thích được điều trị bởi một bác sĩ phụ nữ hơn là một bác sĩ đàn ông. Tôi tin rằng điều này được qui định không những do sự e lệ [modesty] của bệnh nhân mà còn do cách tương cảm [empathy] chuyên biệt của nữ giới vốn có nhiều hiệu quả bổ ích. Con người, đặc biệt những người tàn tật, cần thiện cảm đối với toàn bộ trạng huống của họ. Phương pháp phổ biến chuyên môn hóa hiện đại không đáp ứng được nhu cầu này trong việc điều trị một chi [limb] hoặc cơ quan trong khi không quan tâm đến những phần còn lại của người ta, mặc dù phương pháp điều trị chuyên biệt là điều thích đáng.

(Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, việc chuyên môn hóa không phải là phương pháp tốt nhất vì hầu hết bệnh tật là bệnh tật của toàn bộ con người ngay cả khi chúng chỉ biểu hiện ở một cơ quan nào đó; bệnh nhân cần việc điều trị theo tính đặc thù cá nhân của mình như một cơ thể toàn bộ). Chống lại thủ tục trừu tượng này, thái độ chuyên biệt nữ tính hướng tới con người cụ thể và toàn bộ. Người nữ bác sĩ chỉ phải thực thi lòng can đảm bằng cách theo cảm hứng tự nhiên của mình và tự giải thoát bất cứ khi nào cần thiết khỏi các phương pháp đã học và thực hành theo quy tắc. (Tất nhiên, không nên phủ nhận rằng điều này cũng thường xảy ra với các nam bác sĩ chuyên khoa, mặc dù không phải nói chung - trong những thời kỳ trước đây, bác sĩ gia đình đã là điển hình của phương thức tổng thể này). Vấn đề không phải chỉ là phải vận động kiên nhẫn để lắng nghe nhiều điều tuyệt nhiên không liên quan đến chủ đề. Ý hướng là phải hiểu chính xác toàn bộ hoàn cảnh của con người, nhu cầu thiêng liêng thường lớn hơn nhu cầu thể xác, và can thiệp một cách hữu ích không phải chỉ bằng các phương tiện y khoa mà còn như một bà mẹ hoặc một người chị.

Quan niệm như thế, nghề y quả là một nghề bác ái thực sự và cùng thuộc về các ngành nghề xã hội khác. Những nghề này hầu hết chỉ được phát triển trong những năm gần đây, và chúng đặc biệt là những ơn gọi dành cho nữ giới cũng đúng như ơn gọi của bà nội trợ vậy. Trong tất cả những ơn gọi như vậy, điều quan trọng là những hành động thực sự có tính mẫu thân trong việc chăm sóc một "gia đình" lớn: các giáo dân, người nghèo hoặc bệnh tật của một giáo xứ nông thôn hoặc của một khu vực thị xã, các tù nhân của nhà tù, những người trẻ đang gặp nguy hiểm hoặc bị bỏ rơi. Luôn luôn có tiềm năng, và trong căn bản còn là sự cần thiết nữa, của việc hiểu biết và giúp đỡ toàn bộ con người cho dù thoát đầu ta có thể gặp những người này để chăm sóc họ trong ốm đau cơ thể hoặc để hỗ trợ họ về mặt tài chính, hoặc cho họ lời khuyên pháp lý. Ở đây, các đòi hỏi được hưởng sức mạnh của tình yêu thậm chí còn lớn hơn trong chính gia đình của họ: vì họ vốn thiếu mối liên kết tự nhiên, số lượng người cần đến nhiều hơn và đặc biệt có những người từ khước thay vì được thu hút do thiên hướng tính cách và não trạng của họ.

Trong loại công việc này hơn là những loại công việc khác, đã có chứng cứ chứng tỏ rằng sức mạnh tâm hồn bình thường không đủ để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên. Nó phải được nâng đỡ bằng quyền năng và tình yêu của Chúa Kitô. Và nơi nào được nâng đỡ như vậy, nó sẽ không bao giờ chỉ dừng lại ở việc chăm sóc nhân tính tự nhiên; nhưng ngược lại, ta sẽ luôn, cùng một lúc, hướng tới mục tiêu siêu nhiên là giành lấy những con người này cho Thiên Chúa.

Chúng ta đã đề cập đến chủ đề chức nghiệp của phụ nữ như nhà giáo và nhà giáo dục trong cuộc thảo luận của chúng ta về việc giáo dục phụ nữ. Trước hết, điều này xem ra dễ dàng và dễ chịu hơn so với các chức nghiệp xã hội vì nói chung, nó liên quan đến chất thể đào tạo con người tự nhiên, và nhiệm vụ trực tiếp của nó là đào tạo trí hiểu và tinh thần. Nhưng nay, trong thời kỳ kinh tế khó khăn hiện nay, công việc của một nhà giáo và nhà giáo dục khó có thể thành công, mà ít thành công nhất là ở trong *Volksschule* [nền giáo dục bắt buộc](5), nếu nó không cố gắng chống lại cuộc khủng hoảng tinh thần vốn đang đè nặng lên nhiều trẻ em do các điều kiện gia đình không thể chịu đựng được. Thành thử, giáo dục đang đương đầu với những khó khăn nghiêm trọng khi ảnh hưởng của nó bị cản trở bởi gia đình và các thành phần gây rối khác ở bên ngoài trường học.

Nơi nào có một cuộc sống gia đình lành mạnh và là nơi các bậc cha mẹ, đặc biệt là người mẹ, thực sự chu toàn ơn gọi của mình, thì nhiệm vụ của nhà trường sẽ dễ dàng trở thành nhiệm vụ kiểm chế khôn ngoan; nhiệm vụ của nó chỉ là củng cố việc giáo dục đứa trẻ ở nhà mà thôi. Nhưng đó không phải là tình hình điển hình ngày nay. Cuộc sống gia đình bị hủy hoại càng

đặt lên vai nhà trường một trọng trách lớn hơn. Do đó, đúng là ngày nay việc đào tạo một lần nữa được coi là nhiệm vụ thiết yếu của giáo dục và dạy học là một phương pháp để đạt được mục tiêu đó.

Sự xem xét trên đặt ra thách thức phải khai triển việc dạy học sao cho nó có thể đào tạo người học, đồng thời cho phép họ tự phát càng nhiều càng tốt và là điều đáng mong ước. Chắc chắn khuôn khổ giáo dục đích đáng không phải tìm đâu cũng thấy; tuy nhiên, theo chiều hướng này, việc tổ chức lại các trường học một cách thực tiễn và chương trình giảng dạy hiện tại phải được thiết lập. Hệ thống cũ đã không cổ vũ công việc giáo dục. Người ta có xu hướng biến tài liệu giảng dạy thành một bức tranh toàn cảnh có tính bách khoa gồm mọi kiến thức đương thời; việc này đã dẫn đến tình trạng quá tải thông tin; các cố gắng của cả các nhà giáo lẫn người học đều tập trung vào việc tiếp thu và truyền tải kiến thức về sự kiện.

Yếu tố bản thân trong việc giảng dạy mất dần tầm quan trọng. Các nhà giáo trở thành các chuyên gia và ít chú ý hơn đến việc tiếp xúc nhân bản và bản thân rộng rãi. Tính cách vô ngã như vậy ít thích ứng với mục tiêu giáo dục và bản chất nữ giới. Thành thử, các thay đổi hiện nay có nhiều khả năng đáp ứng nhu cầu của nữ học viên. Hơn nữa, việc nhận phụ nữ vào đại học giúp họ có thể tham gia vào nghề giảng dạy, điều này đã có ảnh hưởng nhất định đến việc đào tạo và giáo dục các thiếu nữ.

Trong nhiều trường hợp ngày nay, chúng ta thấy các mối liên hệ thuận lợi giữa nhà giáo và người học. Các trường nội trú luôn tạo ra những mối liên hệ kéo dài hơn thời kỳ đi học và vẫn có tính quyết định đối với đời sống. Điều này đúng cả trong các tình huống giảng dạy khác và nhiều bà mẹ sẽ rất hài lòng nếu con cái họ sẵn sàng tìm tin tưởng và hướng dẫn nơi họ như họ làm tìm tin tưởng và hướng dẫn nơi các nhà giáo. Tất nhiên, một khả năng ảnh hưởng mạnh mẽ như vậy đòi hỏi trách nhiệm cao và hàm ẩn nguy cơ nghiêm trọng nếu nó rơi vào tay những nhân cách kém khả năng.

Người phụ nữ nào trông đợi vào ơn gọi của mình để hoàn thành toàn bộ cuộc sống mình sẽ gặp nguy hiểm nếu nàng trói buộc người trẻ vào chính mình một cách sai lầm. (Điều này tương tự với việc người phối ngẫu và bà mẹ cố gắng kềm kẹp gia đình của họ một cách thâm hại y hệt như thế).

Quả là tốt đẹp khi tình âu yếm tự nhiên phát triển một cách tự nhiên giữa thầy và trò. Tuy nhiên, tác động lạnh mạnh sẽ bị đe dọa nếu một trong hai người không lưu tâm tới tự do tri thức và tinh thần hoặc mục tiêu giáo dục trong chính nó, tức là nhân tính được phát triển hoàn hảo nhất theo chiều hướng tự nhiên và siêu nhiên. Điều này cũng chỉ có thể có được khi chức nghiệp giảng dạy được hiểu là Thiên Chúa giao phó, và nhân cách của người học được xem xét dưới ánh sáng sứ mệnh giáo dục.

Chúng ta quen thuộc với các dịch vụ của phụ nữ trong công tác thanh niên và giáo dục, cũng như phúc lợi cho người nghèo, người bệnh và những người gặp nguy hiểm. Chúng ta cũng hãy đề cập đến các phụ nữ làm việc trong cơ quan hành chính cấp cộng đồng hoặc quốc gia và trong Nghị viện như là “các bà mẹ của nhân dân”. Tất cả chúng ta, lúc này hay lúc khác, đều quan sát thấy hàng ngày có nhiều người tiếp xúc những người phụ nữ như vậy với những yêu cầu đa dạng nhất, hoặc trực tiếp hoặc qua thư từ; họ đang tìm kiếm các lĩnh vực đầy hứa hẹn cho công việc chân chính của phụ nữ ngoài các nhiệm vụ chính thức có sẵn ngay lập tức. Chắc chắn, có nguy cơ là người ta tìm thỏa mãn cho một cái tôi tự phụ, ham muốn quyền lực hoặc tham vọng bản thân. Nhưng người ta có thể hưởng phúc nơi tay của người phụ nữ đúng đắn: nàng có thể sẵn sàng giúp người ta ngăn chặn nhiều khó khăn khác nhau và hướng dẫn

đạt đến những khả thể chính đáng.

Nhưng các chức năng lập pháp và hành chính cũng đòi hỏi sự hợp tác trực tiếp của phụ nữ. Phụ nữ được cần đến để bàn luận, giải quyết và khởi xướng các luật lệ trong những vấn đề mà họ quan tâm nhất (như bảo vệ pháp lý cho phụ nữ, phúc lợi thanh niên, v.v.). Ngoài ra, quan điểm lý thuyết không phải lúc nào cũng trùng hợp với nhu cầu của con người, nhưng người phụ nữ đúng đắn biết cách nhận diện tình trạng cụ thể của con người hơn là tiến hành một cách trừu tượng và hình thức. Tất nhiên, cũng không thể bỏ qua các quan điểm chung và quan điểm chính thức, và do đó, sự hợp tác của nam giới và nữ giới có thể đặc biệt hữu hiệu ở đây.



Một nhiệm vụ to lớn, không dễ gì thực hiện được, là mô tả các thành tựu có giá trị của phụ nữ trong nghệ thuật và khoa học, cũng như cho thấy cách tiếp cận đặc biệt nữ giới có thể mang lại kết quả ra sao. Điều này không khả thi trong khuôn khổ của chúng ta. Tuy nhiên, điều tương đối đơn giản là trình bày các môn khoa học và các hình thức nghệ thuật đặc biệt phù hợp với bản chất phụ nữ. Hơn nữa, cuộc nghiên cứu đáng giá nên khảo sát xem việc xử lý hoàn toàn theo kỹ thuật các môn học đã được chấp nhận như là tiêu chuẩn sâu rộng ra sao bên trong phương pháp truyền thống. Có lẽ cuộc điều tra như vậy nên đo lường tác động của sự đóng góp của nam giới đối với việc phát triển này; ngoài ra, cả việc liệu phương thức phụ nữ có thể hoạt động, và hoạt động đầy đủ ra sao, như một sự bổ sung hữu hiệu.

Tương ứng với các lĩnh vực của môn học, cần có sự phân biệt giữa việc nghiên cứu độc đáo, công trình phụ thuộc và giảng dạy học thuật. Các thành tựu tạo thời đại của phụ nữ tương đối khan hiếm và ta có thể giải thích điều này theo bản chất của phụ nữ. Tuy nhiên, các năng khiếu nữ tính như tương cảm và thích ứng cho phép họ tham gia, hiểu và kích thích; họ hành động rất xuất sắc với vai trò phụ tá, thông dịch viên và nhà giáo.

Chắc chắn, có một loạt các chức nghiệp mà phụ nữ có thể thực hành một cách hữu hiệu, nhưng đây không phải là những hoạt động đặc biệt có tính nữ giới mà bản chất đích thực của họ đòi hỏi hoặc cho phép. Trong những chức nghiệp này— trong nhà máy, văn phòng, v.v. — điều luôn tốt cho phụ nữ là họ sẵn sàng tạm thời đứng về phía người khác: qua sự chia sẻ, giúp đỡ và cổ vũ, họ có thể duy trì được bản lĩnh phụ nữ thực sự của mình. Họ luôn có cơ hội để làm như vậy quá bên kia công việc chuyên môn — tại nơi làm việc, trong gia đình hoặc cộng đồng của họ.



Điều này đòi hỏi một sức chịu đựng [stamina] tinh thần mãnh liệt so với trạng thái thụ động của công việc máy móc hàng ngày; nhưng sức chịu đựng này, về lâu về dài sẽ mất đi nếu không được nuôi dưỡng vĩnh cửu làm tươi mát lại. Như vậy, chúng ta có thể hiểu được việc sinh lực của phụ nữ cần bén rễ vào những cơ sở đời đời. Điều này không những đúng đối với việc thánh hiến cho Thiên Chúa bằng cách tuân giữ nghĩa vụ long trọng tham dự Thánh lễ, mà còn đúng đối với tất cả các lĩnh vực thuộc việc làm của những người phụ nữ chân chính.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét liệu đời sống tu trì có phải là một hoạt động đích thực nữ giới hay không và như thế nào. Ở đây, chúng ta không quan tâm đến hoạt động bên ngoài mà hầu hết các hội dòng trong thời gian gần đây đều lấy làm mục tiêu đặc biệt: chăm sóc người bệnh, giáo dục, v.v. Dù trong hay ngoài một dòng tu, đây không phải là những loại công việc mới của phụ nữ. Đúng hơn, chúng ta sẽ đặt câu hỏi hoạt động của các tu sĩ khác ra sao so với hoạt động của người đồng nghiệp thế tục trong chuyên nghiệp. Cũng cần được xem xét điều này là đời sống tu trì có chức năng chuyên biệt không gì sánh được trong hoạt động nữ giới: cầu nguyện và hy sinh.

Ở đây, chúng ta thấy như chân lý mọi điều đã được lời tác giả Thánh vịnh đúc kết: *opera Mea regi* — tất cả những gì tôi làm là làm cho Đức vua. Nữ tu đã hiến dâng bản thân và cả cuộc đời của mình cho Chúa Kitô Vua. Bằng lời thề khiết trinh của mình, trái tim và toàn bộ cuộc sống của Sơ được dâng hiến cho Người và mọi dây ràng buộc con người đều được tháo bỏ. Bởi lời thề vâng lời của mình, ý chí của Sơ bị từ bỏ: bây giờ Sơ không thể làm gì khác ngoài những gì Chúa truyền cho Sơ; Sơ phải sẵn sàng đảm nhiệm mọi công việc mà Người yêu cầu nơi Sơ, thi hành mọi điều để phụng sự Người.

Người đàn ông cũng làm tất cả những điều ấy một cách tự do với tư cách là thành viên của một dòng tu. Đây có phải là trường hợp trong đó sự khác biệt giới tính không đóng vai trò gì hay không? Hay đây là bậc sống mà người nam hoặc người nữ thích hợp hơn? Liệu ta có thể thấy sự dị biệt hóa trong việc thủ diễn thực tế? Sự phó thác hoàn toàn trọn cả con người nhất thiết phải như nhau đối với cả hai giới tính vì nó là bản chất độc nhất của đời sống tu trì. Con đường tiến tới việc hoàn thiện bản chất cá nhân là sùng kính yêu thương và phó mình cho Thiên Chúa, Đấng vốn là tình yêu. Sự phó mình này cũng thể hiện sự thành toàn cao nhất mọi khát vọng của phụ nữ liên quan đến ơn gọi của họ. Nói một cách chính xác, đó là sự thành toàn cao nhất của ơn gọi làm người của chúng ta; nhưng điều này được người phụ nữ cảm nhận một cách sống động hơn và trực tiếp hơn vì nó phù hợp với bản chất chuyên biệt của họ.

Về phương diện này, có thể nói cùng một thái độ căn bản của người đàn ông quyết định phó mình cho Thiên Chúa và mưu tìm sự hoàn thiện làm đường đi và ý nghĩa cho cuộc sống giống như thái độ của người phụ nữ. Bản chất nam giới không nhất thiết phải bộc lộ bởi điều này ngoại trừ một số kiểu nam tính nào đó giống với phụ nữ. Đúng hơn, điều này dường như cho thấy một sự mở rộng hướng tới nhân tính trọn vẹn vượt quá các giới hạn của nam tính.

Điều nhất thiết phát xuất từ tình yêu phu thê (bridal) dành cho Chúa Kitô cũng tương tự đối với cả hai giới: biến công việc của Người thành công việc của riêng mình; trước hết, điều này có nghĩa người ta bị lôi cuốn vào tình yêu thần linh. Được thúc đẩy bởi tình yêu của Người và thực hiện thiên chức mẹ thiêng liêng, người ta cố gắng thu phục con người cho Thiên Chúa, mang Người vào các linh hồn, sinh sản và bảo quản con cái của Người. Điều này đôi khi có thể xảy ra qua lời giảng dạy, cử hành các bí tích, linh hướng trực tiếp— phương cách độc đáo của linh mục — hoặc qua lời cầu nguyện và dâng hiến.



Thánh Augustinô (6) và Thánh Tôma (7) và những người theo truyền thống của các ngài tìm thấy sự giống như Chúa Ba Ngôi trong tinh thần con người. Mặc dù được tri nhận theo nhiều cách, nhưng hầu hết mọi người đều chấp nhận rằng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần được lần lượt mô tả như hữu thể, nhận thức và tình yêu. Sự khôn ngoan thần linh được nhập thể như Ngôi vị trong Chúa Con; tình yêu xuất hiện như Ngôi vị trong Chúa Thánh Thần. Trí hiểu chủ yếu ở bản chất nam tính; mặt khác, trong bản chất của phụ nữ, đó là các cảm xúc. Do đó, chúng ta có thể hiểu tại sao giữa bản chất phụ nữ và Chúa Thánh Thần, một liên tưởng đặc thù đã được tạo ra.

Bao lâu Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa, chúng ta đều thấy điều này một lần nữa trong số phận của người phụ nữ như là “Mẹ của Sự Sống”. Chúa Thánh Thần ra khỏi chính mình và đi vào tạo vật như là sự phong phú sinh thành và hoàn thiện của Thiên Chúa; người phụ nữ cũng như vậy, họ sinh ra sự sống mới từ sự sống của họ và giúp đưa trẻ tiến tới chỗ phát triển hoàn hảo nhất khi nó đạt được cuộc sống tự chủ. Cũng vậy, chúng ta cũng thấy nơi Chúa Thánh Thần, mọi công việc của tình yêu và lòng cảm thương của phụ nữ, bao lâu Chúa Thánh Thần là Cha của người nghèo, người an ủi và trợ giúp, chữa lành người bị thương, sưởi ấm người tê liệt, giải khát người khát nước, và ban phát mọi ơn phúc tốt lành. Trong sự thuần khiết và dịu dàng của người phụ nữ, chúng ta thấy có sự phản chiếu tinh thần biết tẩy rửa người ô uế và làm cho người mềm yếu không bị khuất phục; điều này có rất nhiều không những nơi những người có thể đã thuần khiết và dịu dàng mà còn cả nơi những người phụ nữ muốn truyền bá sự thuần khiết và dịu dàng về chính họ. “Tinh thần nhân từ” này không muốn điều gì khác hơn là được là ánh sáng thần linh tỏa chiếu như một tình yêu phục vụ; không có gì trái ngược với nó hơn là sự phù phiếm chỉ tìm kiếm cho chính nó, và ý muốn chỉ thích thu tích cho chính nó. Đó là lý do tại sao tội đứng đầu là kiêu ngạo, trong đó sự phù phiếm và ham muốn hội tụ với nhau, là sự sa ngã xa rời tinh thần yêu thương và sự đào thoát khỏi bản chất nữ giới.

Tuy nhiên, “*Quod Heva tristis Abstulit, tu reddis almo germine*” (điều Evà bắt hạnh đánh mất, Mẹ đã khôi phục nhờ Con thánh thiện) (8). Hình ảnh thuần khiết của bản chất nữ giới xuất hiện trước mắt chúng ta trong Đấng *Immaculata* [Vô Nhiễm], Đức Trinh Nữ. Ngài là đền thờ hoàn hảo, trong đó Chúa Thánh Thần cư ngụ và ký thác ơn thánh viên mãn như hồng ân của Người. Ngài không muốn gì khác hơn là trở thành tở gái của Chúa, cánh cổng qua đó Người có thể bước vào nhân tính; vì không phải qua ngài mà qua “hậu duệ ơn phúc” của ngài mà ngài đã khôi phục cho chúng ta ơn cứu rỗi đã mất của chúng ta.

Là Mẹ Thiên Chúa và là mẹ của mọi con cái Thiên Chúa, ngài được nâng lên tòa vinh quang trên tất cả các tạo vật; chức phận làm mẹ cũng được hiển vinh nhờ ngài. Là Trinh nữ, ngài biểu lộ một vẻ đẹp không thể so sánh được, làm hài lòng Thiên Chúa, cùng với sự phong phú của đức trong trắng khiết trinh. Là Nữ vương, ngài làm chứng cho sức mạnh chinh phục của tình yêu phục vụ và sự trong sạch tinh tuyền. Mọi phụ nữ muốn hoàn thành số phận mình đều phải tìm đến Mẹ Maria như một lý tưởng.

Trinh nữ trong trắng nhất chỉ có thể là người được bảo vệ khỏi mọi vết nhơ tội lỗi. Ngoài ngài ra, không ai hiện thân bản chất nữ giới trong sự trong trắng ban đầu của nó. Mỗi người phụ nữ khác đều có một điều gì đó trong bản thân thừa hưởng từ Evà, và họ phải tìm kiếm con đường từ Evà tới Đức Maria. Có một chút bất cần nào đó trong mỗi người phụ nữ không muốn hạ mình dưới bất cứ chủ quyền nào. Trong mỗi người đàn bà, đều có một điều gì đó thôi thúc họ ăn trái cấm. Và họ gặp trở ngại bởi cả hai khuynh hướng này trong những gì chúng ta nhận rõ là công việc của người phụ nữ.

Cô gái phải học từ tuổi trẻ, qua việc dưỡng dục căn bản hoặc các điều kiện của cuộc sống, để thích nghi, từ chối bản thân và hy sinh; nếu không, cô sẽ bước vào cuộc hôn nhân với những hoài mong được may mắn không bị xáo trộn và thực hiện được mọi ước muốn của mình. Thoạt đầu, cô sẽ không học được một cách chính xác cách tự kiểm chế nếu cô gặp người bạn đời luôn chiều theo ý muốn của cô; cô sẽ thử nghiệm xem khả năng kiểm soát của cô đi đến đâu, và khi cô đụng đến giới hạn của nó, xung đột sẽ phát sinh. Điều này dẫn đến sự rạn nứt hoặc làm cho nhau kiệt sức nếu sự nhạy cảm và cấu trúc bên trong của cô không được đảo ngược. Một người phụ nữ như vậy cũng sẽ không tìm được mối quan hệ đúng đắn với con cái của mình, nghĩa là, nếu ngay từ đầu cô không cúi mình gánh lấy các gánh nặng của thiên chức làm mẹ. Thật vậy, cô có thể tự hỏi liệu có nên bận bịu với con cái hay không, tùy thuộc tâm trạng của cô. Cô dễ nuông chiều chúng hoặc đối xử nghiêm khắc với chúng không đúng lúc và đưa ra những yêu cầu ích kỷ đối với chúng. Tóm lại, thay vì dọn đường và khuyến khích chúng, cô có khả năng khơi dậy sự phản kháng và kìm hãm sự phát triển của chúng.

Nhưng các lực lượng tự nhiên có thể làm mất tác dụng các bổn phận của người mẹ ngay cả khi họ chứng tỏ rõ ràng ý hướng thực sự muốn có một cuộc sống gia đình tốt đẹp, một tinh thần tự hy sinh bản thân và trưởng thành nội tâm: nếu tính cách và lối sống của chồng khiến cuộc sống chung hòa bình thành bất khả; nếu con cái của họ bộc lộ những khuynh hướng nguy hiểm không chịu giáo dục đến nơi đến chốn; nếu cả nhu cầu kinh tế cũng dự phần vào bức tranh. Rồi, gần như ngay lập tức, sức mạnh của cơ thể và thần kinh của họ bị tiêu hao và linh hồn họ không còn phát triển dưới gánh nặng của nó nếu sức mạnh mới từ một nguồn vô tận không được điều hướng về nó.

Nguồn sức mạnh vô tận này là ân sủng của Thiên Chúa. Chỉ cần biết đường và đi tới nguồn này hết lần này đến lần nọ. Luôn luôn có một con đường mở ra cho mỗi tín hữu: con đường cầu nguyện. Bất cứ ai chân thành tin vào lời nói "Hãy xin thì sẽ được", đều được an ủi và can đảm để kiên trì trong mọi nhu cầu. Ngay cả khi không có sự giúp đỡ tức khắc theo mức độ người ta quan niệm và mong muốn, sự giúp đỡ nhất định đến.

Đối với mỗi người Công Giáo, có sẵn một kho tàng vô lượng: sự gần gũi của Chúa trong hy tế thánh và trong bí tích cực thánh trên bàn thờ. Bất cứ ai được thấm nhiễm một đức tin sống động vào Chúa Giêsu hiện diện trong nhà tạm, bất cứ ai biết rằng một người bạn đang liên tục chờ đợi ở đây— luôn dành thời gian, kiên nhẫn và thiện cảm để lắng nghe những lời ta thán, các thỉnh cầu và vấn đề, với lời khuyên và sự giúp đỡ về mọi sự— tất không mãi buồn phiền và cảm thấy bị bỏ rơi dù trĩu nặng những khó khăn lớn lao nhất. Họ luôn có một nơi nương náu, nơi đó họ tìm lại được sự yên tĩnh và bình an.

Và bất cứ ai hiểu thấu ý nghĩa của hy tế Thánh Lễ, thì như thể họ được lớn lên trong hành động cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô. Những hiến dâng lớn nhỏ hàng ngày không còn là các gánh nặng bắt buộc, giáng họa và đè bẹp nữa. Đúng hơn, chúng trở thành của lễ thực sự, được dâng hiến một cách tự do và vui vẻ, nhờ đó họ được dự phần vào công cuộc cứu chuộc với tư cách là thành viên đồng cam cộng khổ của Nhiệm Thể Chúa Kitô. Các ý nghĩ về sức mạnh của hành động cứu chuộc, vì nó hoạt động một cách vô hình và mâu nhiệm, luôn có thể đổi mới người biết dâng lên mọi nỗi đau đớn và đau khổ, ngay cả những điểm yếu và sự bất lực của bản thân: khi sức mạnh tự nhiên của một người đối với các nhiệm vụ của họ bị suy sụp; khi sức mạnh cơ thể và thần kinh của một người không còn xứng hợp với công việc; khi bất chấp các ý định tốt nhất, người ta vẫn bị hàng xóm của họ hiểu lầm; khi lời nói và gương sáng tỏ ra bất lực trong việc đưa một linh hồn quý giá thoát khỏi con đường bất tín và tội lỗi.

Trong mọi trường hợp trong đó tội lỗi phạm phải do lỗi của chính mình và có nguy cơ bị cắt đứt khỏi dòng ân sủng, người ta vẫn có khả năng phục hồi nội tâm qua bí tích sám hối: họ luôn có thể được giải thoát khỏi gánh nặng của quá khứ, và, như một trẻ sơ sinh, đối diện với tương lai. Hơn nữa, đức tin được củng cố qua sự hiệp thông với những người vẫn duy trì được một tầm nhìn đúng đắn hướng về sao bắc cực vĩnh cửu, những người còn sống, và những người đã bước vào vinh quang, có quyền giúp đỡ; có lẽ đây là một sức mạnh đặc thù cho một nhu cầu thực sự bởi vì những người này đã trải qua thử thách trong những khó khăn tương tự.

Đó là tất cả các phương tiện mỗi người Công Giáo đều có thể sử dụng. Có thêm một nguồn ân sủng cho người vợ và người mẹ: *Bí tích Hôn phối*. Sự kết hợp mà họ đã bước vào được thánh hiến và được thánh hóa. Họ nên một với người đàn ông được đặt ở bên cạnh họ như Giáo hội là một với Chúa Kitô, là đầu mầu nhiệm của Giáo hội. Hình ảnh này của Thánh Tông đồ (9) có ý nghĩa nhiều hơn một hình ảnh. Khi cô dâu ưng thuận trong lễ cưới trước vị linh mục làm chứng, họ sẽ trở thành một bộ phận đặc biệt trong Nhiệm Thể Chúa Kitô.

Giáo hội tồn hữu nhờ sự sống ân sủng tuôn chảy từ Chúa Kitô, đầu của Giáo hội, sự sống ân sủng mà Giáo hội thông truyền cho các chi thể luôn luôn mới trong tính sinh hoa kết trái vĩnh viễn. Người phụ nữ cũng vậy - như một biểu tượng hữu hình của Giáo hội - được kêu gọi để gia tăng số lượng con cái của Thiên Chúa bằng cách truyền đạt sự sống tự nhiên và sự sống ân sủng. Do đó, họ là một bộ phận chủ yếu của việc sinh hoa trái của Giáo hội. Họ được ơn thánh củng cố cho ơn gọi của mình, miễn là họ cố gắng hết sức để mãi là một thành viên sống động của Giáo Hội và sống một cuộc sống hôn nhân theo nghĩa của Giáo Hội. Và ngay cả với một người bạn đời không xứng đáng khiến cuộc sống của họ trở thành thử thách, ngay trong một lý tưởng hôn nhân bị bóp méo khủng khiếp này, người phụ nữ vẫn có thể kiên trì trong dây hôn phối nếu họ vẫn tôn kính ẩn dụ của cuộc sống huyền nhiệm. Họ sẽ đứng vững trước linh hồn con cái họ, bảo vệ sự sống ân sủng bắt đầu trong chúng nhờ phép rửa thánh thiện.

Đối với nữ tu, thay vì bí tích hôn phối, phụng vụ *thánh hiến trinh nữ* được ban như một phương tiện ân sủng đặc thù để củng cố ơn gọi của họ; ít nhất, đó là lời khẩn long trọng mà với nó họ kết hôn với Chúa mãi mãi. Bằng cách tham gia vào nghi lễ này, họ nhận được phúc lành để sống như *người phối ngẫu của Chúa Kitô*: tự do từ bỏ mọi sự trong đó người thế gian vẫn nhìn thấy hạnh phúc của họ — của cái vật chất, chồng con và tự do tổ chức cuộc sống của họ theo ý họ. Nếu người phụ nữ đã kết hôn có nghĩa vụ phải phục tùng chồng mình như Chúa, thì người nữ tu cũng có nghĩa vụ phải tôn kính vị bề trên hợp pháp của mình với tư cách là người ủy nhiệm của Chúa Kitô và chấp nhận chỉ thị của ngài như được ban hành bởi thánh ý Thiên Chúa.

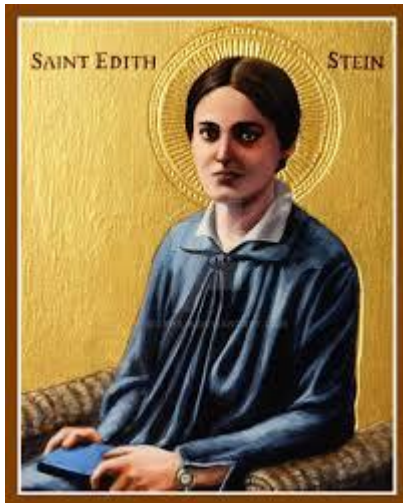
Theo những cách nào đó, Chúa cũng ban cho họ tình yêu và sự chăm sóc của Người một cách hữu hình và can thiệp bằng những phương tiện thế gian: trong tình phụ tử, tình mẫu tử và tình chị em mà họ tìm thấy trong dòng như gia đình; đến lượt họ, họ phải đáp lại bằng cách chia sẻ mọi tài sản, sự nghiệp và số phận của cộng đồng. Tuy nhiên, tất cả những trợ cụ hữu hình này phải luôn được nhìn dưới ánh sáng của những điều vô hình. Chính Chúa là Đấng mà họ thuộc về và ở bên cạnh Người, họ được tôn vinh: những ân sủng mà họ có được là kho báu vô tận của công đức mà *Người phối ngẫu* thân linh đã hào phóng ban cho họ — cho bản thân họ và những người mà họ cầu bầu cho. Những nỗ lực và số phận giờ đây trở thành của riêng họ là cơ hội dành cho vương quốc của Thiên Chúa : những ngày lễ của Giáo hội và những công việc thương người về phần hồn là niềm vui của họ, nhờ đó họ được động viên sử dụng sức mạnh của mình; sự chống đối vương quyền của Chúa Kitô và quyền lực của tội lỗi là các nỗi buồn của họ, được họ dùng vũ khí chống lại.

Nếu họ sống trong một đan viện kín cổng cao tường nghiêm ngặt, nếu nhiệm vụ của họ là ca ngợi Thiên Chúa một cách long trọng, thì họ được dứt khoát rời khỏi cuộc sống thế gian mà bước vào cộng đồng các thiên thần và các thánh để hát bài Thánh Thánh Thánh vĩnh cửu. Hoặc, được nhận diện bởi bộ áo dòng thánh thiện như là một người đầy tớ của Chúa, họ cùng thiên thần hộ mệnh ở bên cạnh, mang tình yêu Thiên Chúa đi phục vụ một cách đầy cảm thương những người thiếu thốn và đau khổ. Có lẽ, che khuất khỏi mọi ánh mắt của con người, họ cầu bầu cho những linh hồn đang bị đe dọa bằng lời cầu nguyện đền tội và những công việc đền thay để đền tạ Thiên Chúa. Tất nhiên, điều này không bao gồm mọi thành viên trong dòng, nhưng bất cứ ai đã lên đến tầm cao này đều đã được ban cho ơn nếm trước *Thánh nhân Thiên Chúa [visio beatifica]*. Nhưng chính nhờ các sức mạnh siêu nhiên của tâm trí và linh hồn mà họ mới có thể tách mình ra khỏi những vấn đề trần tục để sống một cách siêu việt; đây là một sức mạnh chỉ được ban tặng nhờ ân sủng, một sức mạnh phải được đổi mới không ngừng bởi sự khổ hạnh bất tận.

Chúng ta đã nêu lên câu hỏi liên quan đến khác biệt chính giữa nữ tu và linh mục, giữa sự dâng mình của phụ nữ như là người phôi ngẫu của Chúa Kitô và của đàn ông như là đại diện của Chúa Kitô. Tôi tin rằng tình yêu phu thê nơi người nam hay người nữ là nền tảng của việc phó mình cho Chúa ở bất cứ nơi nào nó được tuân giữ một cách tinh tuyền và tự do. Và người nào trong dòng không tham gia chức linh mục như ơn gọi của mình (tức là tu huynh), thì nếu người này càng nhìn thái độ này cách tinh ròng hơn, họ sẽ càng thăng tiến sâu hơn trong đời sống nội tâm. Nhưng nghĩa vụ này cũng thực sự hiện diện đối với linh mục: ngài phải giảng dạy, phán xử và chiến đấu cho Chúa thay cho Người; ngài phải bảo đảm đi bảo đảm lại rằng ngài đang từ bỏ chính mình để hiệp thông mật thiết với Người. Và nếu quan điểm phu thê có giảm đi, về phương diện con người, có thể quan niệm được rằng nó vẫn buộc phải được duy trì nếu sự cầu bầu với Chúa thực sự diễn ra trong tinh thần ngài.

Điều này, có lẽ, có thể dẫn chúng ta đến sự kiện mâu thuẫn này là Thiên Chúa đã không gọi phụ nữ vào chức linh mục. Một mặt, điều này có thể được hiểu như là sự trừng phạt vì chính người phụ nữ là người đầu tiên chống lại thánh ý Thiên Chúa. Tuy nhiên, mặt khác, đây có thể được coi là một đặc ân đặc biệt của ân sủng: Chúa sẽ không bao giờ để cho nàng dâu thánh hiến của Người lạc xa khỏi Người; mọi quyền lực trong vương quốc của Người là do nàng, không phải qua một thẩm quyền được ủy nhiệm mà là qua sự kết hợp yêu thương với Người. Đây là biểu tượng của cộng đồng tình yêu mật thiết nhất mà Người đã đi vào với một hữu thể nhân bản, kết hợp với Mẹ của Người.

Chúng ta đã trở nên quen thuộc với những giúp đỡ đặc biệt để được ân sủng mà với chúng Giáo hội có thể cung cấp cho người phụ nữ đã lập gia đình và nữ tu để thể hiện các ơn gọi của họ. Bây giờ chúng ta phải đối diện với câu hỏi đặc biệt quan trọng đối với thời đại của chúng ta: Làm thế nào để người phụ nữ không kết hôn có thể hoàn thành số phận của họ ngoài cuộc sống trong tu viện? Không nghi ngờ gì nữa, bậc sống của họ đặc biệt khó khăn. Một mặt, họ có thể phải từ bỏ hôn nhân và thiên chức làm mẹ, không phải do ý chí tự do của mình mà là do hoàn cảnh thúc ép, mặc dù trong họ vẫn còn hiện hữu niềm khao khát sống động tự nhiên muốn có hạnh phúc gia đình. Phải khó khăn lắm, họ mới có thể hoàn toàn để tâm tới nghề nghiệp mà họ đã chọn, ngay cả khi nó phù hợp với thiên bẩm và tài năng của họ; điều này càng đúng hơn bao giờ hết nếu công việc được đảm nhận, có lẽ cả một cách miễn cưỡng, chỉ để kiếm sống. Hoặc, mặt khác, họ đã được lôi cuốn vào cuộc sống trinh khiết từ khi còn trẻ; và, mô hình của dòng tu có vẻ phù hợp nhất với lối cuốn này, nhưng hoàn cảnh hiện tại đã ngăn cản họ thực hiện được mong muốn ấy.



Trong cả hai trường hợp, mỗi nguy hiểm là ở chỗ họ coi cuộc sống của mình như một thất bại, linh hồn họ trở nên còi cọc và cay đắng, không cung cấp sức mạnh để họ hoạt động hữu hiệu như một người phụ nữ. Hơn nữa, có vẻ như họ thiếu sự trợ giúp để đạt ân sủng vốn được các chức nghiệp nữ giới khác cung cấp. Hoạt động đơn thuần bằng sức mạnh tự nhiên dưới một lối sống xung đột với bản chất riêng của một người thì khó có thể thành đạt mà không gây tổn thương cho cả bản nhiên lẫn linh hồn. Cùng lắm, điều này chỉ có thể chịu đựng được nhờ sự cam chịu đầy mệt mỏi; nhưng thông thường, nó được xử lý một cách cay đắng và nổi loạn chống lại “số phận” của mình hoặc bằng cách trốn chạy vào thế giới ảo tưởng. Những điều mình không đích thân chọn lựa và biến thành của riêng mình, một cách tự do và vui vẻ, chỉ có thể hoàn thành bởi người phụ nữ nào biết nhìn ra thánh ý Thiên Chúa hoạt động trong lực đẩy của các hoàn cảnh bắt buộc và không nhằm mục đích gì khác hơn là hòa hợp ý muốn của mình với thánh ý thần linh. Nhưng bất cứ ai làm cho ý chí mình lệ thuộc Thiên Chúa cách này, đều biết chắc mình được một sự hướng dẫn đặc biệt trong ân sủng.

Có thể coi là dấu hiệu trực tiếp của một lời kêu gọi đặc biệt khi một ai đó được kéo ra khỏi con đường dường như do sinh hạ và dưỡng dục dành cho, hoặc một con đường họ đích thân hy vọng và phấn đấu cho, và sau đó bị ném vào một con đường hoàn toàn khác hẳn. Lời kêu gọi này nhằm một sứ mệnh bản thân không được vạch ra trước một cách chắc chắn, với dấu vết của nó được vạch sẵn và rõ ràng; đúng hơn, nó được tiết lộ từng bước. Và ở đây, có thể là sự củng cố duy nhất cần thiết cho các bồn phận của một đời sống như vậy được tìm thấy bởi người phụ nữ biết đi theo con đường riêng của mình hơn là trong đời sống cộng đồng của phụng vụ thánh hiến. Điều đặc biệt quan trọng trong vấn đề này là phải quan sát cẩn thận các dấu chỉ đường đi của mình. Hơn hết, điều này đòi hỏi phải thực hiện mọi điều trong khả năng của mình để luôn ở lại trong nhan Thiên Chúa, nghĩa là phải sử dụng mọi phương tiện ân sủng có sẵn cho mọi Kitô hữu.

Điều quan trọng hơn cả là Thánh Thể phải trở thành tâm điểm của đời sống: Chúa Cứu Thế Thánh Thể phải là trung tâm của cuộc hiện sinh; mọi ngày phải được tiếp nhận từ bàn tay Người và đặt trở lại trong bàn tay Người; các diễn biến trong ngày phải được bàn bạc với Người. Nhờ cách này, ta dành cho Thiên Chúa cơ hội tốt nhất để được lắng nghe trong trái tim ta, để Người đào tạo linh hồn ta, và làm cho các khả năng của nó biết nhìn rõ ràng và cảnh giác đối với những điều siêu nhiên. Sau đó, dĩ nhiên người ta sẽ nhìn các vấn đề trong cuộc sống của mình bằng đôi mắt của Thiên Chúa và học cách giải quyết chúng trong Thánh thần của Người. Muốn vậy, cần phải xem xét một cách bình thản và rõ ràng các sự kiện và

biến cố bên ngoài. Bất cứ ai sống trong niềm tin mạnh mẽ rằng không có điều gì xảy ra nếu không có sự hiểu biết và ý muốn của Thiên Chúa sẽ không dễ bị bối rối bởi những biến cố đáng kinh ngạc hoặc khó chịu bởi những tai họa nặng nề nhất. Họ sẽ giữ im lặng và đối đầu với các sự kiện một cách rõ ràng; họ sẽ khám phá ra những hướng dẫn đúng đắn cho tác phong thực tế của mình trong tình huống tổng thể.

Hơn nữa, cuộc sống với Đấng Cứu Rỗi Thánh Thể khiến linh hồn được nâng ra khỏi sự chật hẹp của quỹ đạo cá nhân, riêng tư của nó. Mỗi quan tâm của Chúa và vương quốc của Người trở thành mối quan tâm của linh hồn, chính là đối với những người được thánh hiến cho Người trong một dòng tu; và, đến mức độ tương tự, các nhu cầu nhỏ và lớn của cuộc hiện sinh cá nhân mất đi tầm quan trọng của nó. Những ai biết cách tạo ra cuộc sống luôn luôn đổi mới từ cội nguồn vĩnh cửu đều trải nghiệm được tự do và niềm vui: những biến cố trọng đại của bi kịch vũ trụ liên quan đến sự sa ngã của con người và sự cứu chuộc được đổi mới lập đi lập lại trong đời sống của Giáo hội và trong linh hồn mỗi con người. Và điều này sẽ được phép xảy ra lập đi lập lại trong cuộc đấu tranh của ánh sáng chống mọi bóng tối.

Những người đạt được tự do ở những tầm cao và tầm nhìn mở rộng này đã phát triển quá những gì thường được gọi là “hạnh phúc” và “bất hạnh”. Họ có thể phải chiến đấu vất vả cho sự hiện hữu trên thế gian, có thể thiếu sự hỗ trợ của một cuộc sống gia đình êm ấm hoặc tương ứng như thế, của một cộng đồng con người luôn nâng đỡ và hỗ trợ — nhưng nhất định họ không còn cô đơn và thiếu niềm vui nữa. Những ai sống với Giáo Hội và phụng vụ của Giáo Hội, tức là những người Công Giáo đích thực, không bao giờ có thể bị cô đơn: họ thấy mình được hòa nhập vào cộng đồng nhân loại vĩ đại; ở khắp nơi, tất cả đều hợp nhất như anh chị em trong tận trái tim. Và bởi vì những suối nước sống động luôn tuôn chảy từ tất cả những ai sống trong bàn tay Thiên Chúa, họ như phát ra một sức hút nam châm màu nhiệm đối với những linh hồn khao khát. Dù không hoài bão điều đó, họ hẳn trở thành người hướng dẫn cho những người khác đang phấn đấu vươn tới ánh sáng; họ hẳn thực hành chức làm mẹ thiêng liêng, sinh hạ và lôi kéo con trai con gái đến gần vương quốc của Thiên Chúa.

Lịch sử của Giáo Hội cho thấy rằng nhiều người, đàn ông và đàn bà, đã đi theo con đường này “trong thế giới”. Và, rõ ràng, họ đặc biệt cần đến trong kỷ nguyên hiện đại của chúng ta. Người ngoại giáo hiện đại thường thấy bộ áo tu trì đáng nghi ngại và không muốn nghe bất cứ giáo huấn đức tin nào. Người này hiếm khi tiếp cận cuộc sống siêu nhiên ngoại trừ qua những người họ coi là bình đẳng về phương diện thế gian với họ: những người có lẽ thực hành cùng một ngành nghề, có cùng những sở thích chung mạnh mẽ với mọi người thuộc thế giới này, nhưng lại sở hữu một sức mạnh màu nhiệm phát xuất từ một nơi khác.

Một yếu tố chưa được đề cập là trong cuộc sống của những người đã đi theo con đường phi thường như vậy, chúng ta vẫn tìm thấy một phương pháp tổng quát: đó là phương pháp nắm chắc thánh ý Thiên Chúa. Điều này xuất phát từ sự vâng phục thể hiện đối với người ủy nhiệm hữu hình của Thiên Chúa — một vị linh mục linh hướng. Theo tất cả những gì chúng ta học được từ kinh nghiệm bản thân và lịch sử cứu rỗi, phương pháp của Chúa là đào tạo con người qua những con người khác. Đứa trẻ được giao phó cho sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người lớn để phát triển tự nhiên thế nào, thì sự sống ân sủng cũng được truyền qua trung gian của con người như vậy. Con người được sử dụng như công cụ để đánh thức và nuôi dưỡng tia lửa thần linh. Do đó, các nhân tố tự nhiên và siêu nhiên cho thấy rằng cả trong cuộc sống ân sủng, “con người ở một mình là điều không tốt”.

Tuy nhiên, cùng một lúc, có nguy cơ tự lừa dối bản thân: tầm nhìn rõ ràng của tinh thần bị lu mờ bởi ước muốn của trái tim; thành thử, người ta thường nhầm lẫn khi coi những gì hợp với



xu hướng của mình là ý muốn của Thiên Chúa. Để bảo vệ bản thân khỏi mỗi nguy hiểm này, điều tốt là nên đưa ra quyết định bằng cách quy phục sự phán đoán bình thường, không thiên vị hơn là chỉ nghe theo thúc giục bên trong của chính mình. Một sự kiện khác cần được suy xét là phán đoán của ta về các sự việc của chính mình có xu hướng kém chắc chắn và kém tin cậy hơn so với các phán đoán ta dành cho những người khác.

Cùng với những hoàn cảnh tự nhiên này, có những mối liên hệ với một trật tự khác chắc chắn có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn. Mỗi cá nhân quen thuộc với đời sống nội tâm đều biết rằng chính những người được Thiên Chúa kêu gọi để đạt được điều phi thường cũng phải trải qua những thử thách phi thường. Đây không chỉ là những khó khăn và nhu cầu trần tục mà còn là những đau khổ và cám dỗ thiêng liêng thậm chí khó chịu hơn - mà thần học huyền nhiệm gọi là “đêm tối của linh hồn”. Dù sự trong sáng của ý chí không bị hoen ố, nhưng linh hồn rơi vào cơn lo âu và bối rối tột cùng: mất hết hương vị đối với các thực hành đạo đức; bị cám dỗ bởi lòng hoài nghi và thù nghịch đối với các chỉ thị của Giáo hội; có nguy cơ coi con đường của nó là sai lầm; lo sợ nó có thể bị sa ngã không thể nào phục hồi.

Kinh nghiệm trước đây dạy rằng, để không bị lạc đường ngay giữa những nguy hiểm thiêng liêng như vậy, không có cách bảo vệ nào tốt hơn là vâng lời một vị linh hướng sáng suốt. Một sự kiện *mâu nhiệm* là việc vâng lời rất hữu hiệu trong việc chống lại quyền lực của bóng tối — cũng như lòng thương xót độc đáo của Thiên Chúa khi đặt một người hướng dẫn như vậy ở bên cạnh một linh hồn đau khổ — nhưng đó là một *sự kiện*. Thiên Chúa không bị ràng buộc đối với cách thức trung gian này, nhưng, vì những lý do không thể dò thấu, Người đã cam kết như vậy đối với chúng ta; tương tự như vậy, Người cũng đã cung cấp những cách thức đặc biệt của ân sủng cầu bầu, mặc dù các khả thể của Người trong việc thực hiện ơn cứu rỗi cho chúng ta là vô tận. Hướng dẫn bên trong và bên ngoài phải luôn song hành với nhau trong cuộc hành trình của người ta; vì lý do này, bất cứ ai tìm được vị linh hướng thích hợp sẽ để mình, vì lợi ích của mình, được dẫn dắt bởi sự hướng dẫn của Thiên Chúa thay vì sự võ đoán của mình. Điều này có thể mang lại những chức năng nào cho những con người cá thể, thì chỉ có cuộc sống mới có thể chứng minh được.

Một vài khả thể điển hình đã được phác họa trong các phát biểu của tôi liên quan đến việc làm của phụ nữ. Cuộc tìm hiểu được hướng dẫn xuyên suốt có thể được tóm tắt như sau: chỉ bằng cách rút tía từ nguồn sức mạnh vĩnh cửu, người phụ nữ mới có thể thực hiện được những chức năng mà do bản chất và định mệnh, họ được kêu gọi thực hiện. Mặt khác, mỗi người phụ nữ sống dưới ánh sáng vĩnh cửu đều có thể chu toàn ơn gọi của mình, bất kể đó là trong hôn nhân, trong một dòng tu, hay trong một nghề nghiệp trần tục.

## Ghi chú

(1) Có hai trích dẫn của Goethe: “reine Menschlichkeit,” tức là “nhân tính thuần túy” và “Ewig-Weibliches,” tức là “nữ giới vĩnh cửu” (*Ghi chú của dịch giả tiếng Anh*)

(2) Ý niệm của trường phái Tôma này (mô thức bên trong [inner form]) chỉ yếu tính của hữu thể (*Ghi chú của dịch giả tiếng Anh*).

(3) Ở đây, bản chép tay có nhắc tới tiểu luận “Các Chức nghiệp Riêng biệt của Đàn ông và của Đàn bà Theo Bản chất và Ôn thanh” các trang 59-85. Thêm vào việc nhắc tới đó bằng thủ bút của chính Edith Stein, chúng tôi cũng nhắc đến các trình bày khác có liên quan trong các tiểu luận “Các Nguyên tắc về Các Chuyên nghề của Phụ nữ” (các trang 43-47) và “Linh đạo Phụ nữ Kitô giáo” Tiết III (*Ghi chú của các hiệu đính viên*).

(4) Câu này ám chỉ cuộc khủng hoảng kinh tế và các qui định khẩn trương thập niên 1930, vốn có tầm quan trọng có tính quyết định đối với toàn bộ hệ thống giáo dục Đức. Xin xem “Notzeit und Bildung,” tiểu luận viết về khẩn trương và giáo dục ở trang 73-80 trong cuốn XII của bộ Edith Steins Werke (*Ghi chú của các hiệu đính viên*).

(5) Trường tiểu học (*Chú thích của người dịch tiếng Anh*).

(6) Thánh Augustinô thành Hippo (A.D. 354-430) (*Chú thích của người dịch tiếng Anh*).

(7) Thánh Tôma Aquinô, triết gia và thần học gia (1225-1274).— (*Chú thích của người dịch tiếng Anh*).

(8) “Điều Bà Evà đáng buồn lấy đi, Mẹ đã phục hồi với người con đáng yêu”, đây là một giòng của bài thánh ca “O Gloriosa Virginum,” một thánh ca kính Trinh nữ Diễm phúc Maria. Xin cảm ơn Cha Pierre Conway, O.P., về ghi chú này (*Ghi chú của người dịch tiếng Anh*).

(9) Êph 5:23. Muốn có trọn hình ảnh, xem trọn đoạn văn Êph 5:22-33. (*Ghi chú của người dịch tiếng Anh*).

#### **Tiểu luận IV: Các Nguyên tắc Căn bản về Giáo dục Phụ nữ (1)**

*Đây là một bài nói chuyện của Edith Stein trước Ủy ban Giáo dục của Liên đoàn Phụ nữ Công Giáo Đức ngày 8 tháng 11 năm 1930 ở Bendorf trên bờ Sông Rhine*

Toàn bộ hệ thống giáo dục của chúng ta vốn đang trong một tình trạng khủng hoảng đã nhiều thập niên qua. Những lời kêu gọi cải cách liên tục được đưa ra ở khắp nơi. Mặc dù một số hướng dẫn quan trọng đã xuất hiện do sự nhầm lẫn của một số nỗ lực, người ta cảm thấy vẫn như đang ở giữa các thử nghiệm có tính chuẩn bị hơn là một diễn trình diễn biến êm đềm, hữu hiệu.

Giáo dục phụ nữ là một phần của cuộc khủng hoảng tổng quát này và nó cũng có những vấn đề riêng. Một giải pháp cuối cùng sẽ chỉ khả hữu song song với cuộc cải cách toàn bộ hệ thống giáo dục của Đức. Ngày nay, cả khi chúng ta cố gắng xem xét việc giáo dục phụ nữ một cách riêng biệt, chúng ta vẫn phải làm như vậy bằng cách xem xét nó trong mối tương quan của nó với vấn đề nói chung. Giáo dục phụ nữ, mặc dù là một trường hợp đặc biệt, trên thực tế, liên quan đến toàn bộ phạm vi cải cách giáo dục.



## I. KHÁI NIỆM GIÁO DỤC (2)

Nếu chúng ta muốn tìm kiếm nguyên nhân của cuộc khủng hoảng đã làm lung lay hệ thống cũ, chúng ta nên tìm kiếm nó trong *khái niệm giáo dục* có tính căn bản đối với hệ thống đó, một khái niệm mà ngày nay chúng ta coi là đã thất bại. “Hệ thống cũ” về căn bản là đứa con của Phong trào Ánh sáng. (Ở đây, tôi nghĩ tới các trường tiểu học và trung học và các trường cao đẳng sư phạm. Các trường trung học nhân văn, các đại học, chủng viện dành cho linh mục và các trường hướng nghiệp khác đã phát triển từ một nền tảng khác, nhưng, do sự đan xen thực tế, chúng cho thấy những dấu vết khác biệt chịu ảnh hưởng của phần còn lại trong hệ thống trường học).

Lý tưởng giáo dục trước đây là *kiến thức bách khoa*: khái niệm giả định về tâm trí là khái niệm *tabula rasa* (chiếc bảng chưa viết) mà trên đó càng nhiều ấn tượng càng tốt được ghi nhận qua các tri nhận tri thức và học thuộc lòng. Hệ thống phát sinh từ khái niệm này đã tạo dịp cho nhiều chỉ trích ngày càng gia tăng do các khiếm khuyết rõ ràng của nó và cuối cùng, là một cuộc tấn công toàn diện vào nó. Ngày nay, nó giống như một ngôi nhà đang bị phá bỏ - đây đó, người ta vẫn thấy một phần của bức tường gạch, cửa sổ hình cánh cung, rác rưởi chất thành đống ở giữa; ở giữa những thứ này, đây đó, một phân khúc mới được dựng lên. Tôi tự hỏi liệu có nên loại bỏ tất cả những thứ này và dựng một tòa kiến trúc mới trên nền đất kiên cố theo một kế hoạch thống nhất hay không? Xu hướng nghiêng về điều này là thế này: trong nhiều năm, chúng ta đã chứng kiến cuộc đấu tranh để có một khái niệm mới về giáo dục. Tuy nhiên, khái niệm này về căn bản là một khái niệm rất cũ.

Tôi sẽ cố gắng phác thảo ngắn gọn mục tiêu của tất cả những nỗ lực này. *Giáo dục* không phải là một sở hữu bên ngoài của việc học mà đúng hơn là *toàn bộ cấu trúc [gestalt] (3) mà nhân cách con người lãnh hội dưới tác động của các ngoại lực đa dạng*, nghĩa là diễn trình đào tạo này. Chất liệu cần được đào tạo, một mặt, là thiên hướng tâm sinh lý được thừa hưởng; mặt khác, nó là các chất liệu đào tạo liên tục được tích hợp. Cơ thể rút tĩa từ thế giới vật chất; tâm hồn từ môi trường tri thức của nó — từ thế giới của con người và từ các giá trị nuôi dưỡng nó.

Việc đào tạo căn bản đầu tiên xảy ra bên trong linh hồn. Giống như một *mô thức bên trong nằm* trong hạt giống của thực vật, một sức mạnh vô hình làm cho cây thông mọc lên ở chỗ này và cây sồi mọc lên ở chỗ kia, cũng theo cách này, một cái khuôn bên trong con người thúc đẩy sự biến hóa theo một hướng nhất định và hoạt động hướng tới một *cấu trúc toàn bộ [gestalt]* nào đó với một tính đơn nhất về mục đích không ai thấy, một nhân cách trưởng thành, phát triển đầy đủ và có tính cá thể độc đáo.

Các sức mạnh khác đi cùng với sức mạnh đầu tiên này, một số từ bên ngoài và một số từ bên trong. Đứa trẻ với thiên hướng tâm sinh lý và tính đơn nhất bẩm sinh về mục đích đã được giao vào tay các nhà điêu khắc nhân bản. Việc hoàn thành mục tiêu của em phụ thuộc vào việc các nhà điêu khắc này có cung cấp các chất liệu đào tạo cần thiết cho cơ thể và linh hồn của em hay không. Đặc điểm của các *cơ năng* tâm thần là chúng chỉ sinh hoa trái khi được kích hoạt trên các chất liệu thỏa đáng: tức là các giác quan qua quan sát, biện phân, so sánh màu sắc và hình dạng, âm sắc và tiếng động; lý trí qua suy nghĩ và hiểu biết; ý chí qua những thành tựu của ý chí (quyết định, giải quyết, từ bỏ, v.v.); cảm xúc qua các phản ứng cảm xúc, vv. Các nhiệm vụ thỏa đáng bên ngoài góp phần tương ứng vào việc vun sỏi các khả năng này.

Có nhiều thiên hướng có thể ngăn cản sự phát triển được quy định bởi quyết tâm bên trong

nếu để cho chúng phát triển tự do. Bàn tay đào tạo chịu uốn nắn những mầm mống hoang dại đang chớm nở như vậy sẽ có lợi cho việc đào tạo bên trong.

Cùng với các can thiệp trên, còn có các nhân tố môi trường tích cực. Chất liệu đào tạo hiện thực không những được tiếp nhận bởi các giác quan và trí hiểu mà còn được tích hợp bởi “trái tim và linh hồn” nữa. Nhưng nếu nó thực sự được biến đổi trở thành linh hồn, thì nó không còn chỉ là chất liệu nữa: nó tự hoạt động, đào tạo và phát triển; nó giúp linh hồn đạt được cấu trúc toàn diện [gestalt] dự kiến của nó.

Các năng lực đào tạo bên ngoài còn được một năng lực đào tạo bên trong khác tạo điều kiện. Đứa trẻ được đặt vào tay của những nhà giáo dục nhân bản, nhưng con người đang trưởng thành, nhờ ý thức được tự do tinh thần, cũng được trao vào tay của chính em. Chính em tự làm việc cho sự phát triển của mình qua cơ năng *ý chí tự do*: em có thể khám phá và phát triển các khả năng của mình; em có thể mở lòng đón nhận các ảnh hưởng đào tạo hoặc tách mình ra khỏi chúng. Em cũng bị ràng buộc bởi chất liệu nhận được và nguyên tắc đào tạo đệ nhất đẳng hoạt động từ bên trong: không ai có thể làm cho mình thành điều gì đó mà họ không là từ bản chất.

Tương phản với mọi năng lực đã nêu, chỉ có một năng lực đào tạo không bị ràng buộc vào giới hạn của bản chất, mà trái lại, có thể biến đổi mô thức bên trong xa hơn và từ bên trong: đó là năng lực của ân sủng.

Chúng ta nhận ra rằng giáo dục phức tạp và mâu thuẫn hơn và ít bị tùy thuộc ý chí võ đoán hơn so với quan niệm của phong trào Ánh sáng; và vì phong trào Ánh sáng đã không xử lý các nhân tố thiết yếu của việc đào tạo, nên hệ thống giáo dục của họ phải chịu thất bại hoàn toàn.

## II. BẢN CHẤT VÀ ƠN GỌI CỦA PHỤ NỮ

Mọi công trình giáo dục chính thức phải nhìn nhận bản chất đã có. Do đó khẩu hiệu của những nhà cải cách trường học là: "Mọi sự đều tùy thuộc vào đứa trẻ!" Bởi vì bản chất đã có này là một bản chất cá thể, nên họ nhấn mạnh rằng nó cần "nền giáo dục cá nhân!" Bởi vì các khả năng chỉ phát triển nhờ sự chuyên cần, nên họ kêu gọi "Quyền tự chủ của học viên!" - "Tính tự phát!" Do đó, nếu chúng ta muốn đặt nền tảng cho một hệ thống giáo dục lành mạnh và lâu dài cho phụ nữ, chúng ta phải tự hỏi mình:

1. Bản chất của phụ nữ là gì và đâu là mục tiêu giáo dục được quy định cho bản chất này: chúng ta phải dựa vào những năng lực đào tạo bên trong nào?

2. Giáo dục chính thức có thể giúp ích gì cho diễn trình nội tâm?

Khi xem xét câu hỏi đầu tiên, tôi muốn tự giới hạn vào bản chất của phụ nữ (4). Ta không phủ nhận các khác biệt cá nhân sâu rộng; trong nhiều trường hợp, các phụ nữ cho thấy các đặc điểm chủ yếu có tính nam giới. Mỗi người phụ nữ đều mong có một chức nghiệp đặc thù theo thiên hướng và năng khiếu cá nhân; chức nghiệp này không phụ thuộc vào chức nghiệp nữ giới của họ. Đối với giáo dục tổng quát, ta phải xem xét cá tính của người ta; điều quan trọng hơn hết trong bối cảnh của chúng ta là đặt cơ sở *chuyên biệt* cho việc giáo dục phụ nữ.

Bản chất của người phụ nữ được xác định bởi ơn gọi nguyên thủy của họ như *người phối ngẫu và người mẹ*. Tư cách này phụ thuộc tư cách kia. Cơ thể của người phụ nữ được tạo

hình để “trở thành một thân xác” với một người khác và nuôi dưỡng sự sống nhân bản mới trong chính nó. Một cơ thể có kỷ luật tốt là một công cụ thích nghi cho tâm trí vốn làm nó sinh động; đồng thời, nó là nguồn sức mạnh và là nơi cư trú của tâm trí. Chính vì vậy, linh hồn của người phụ nữ được thiết kế để phục tùng người đàn ông trong việc vâng lời và nâng đỡ; nó cũng được tạo hình để làm nơi trú ẩn trong đó các linh hồn khác có thể triển khai. Cả tình đồng hành thiêng liêng và tình mẫu tử thiêng liêng không bị giới hạn ở mối tương quan phối ngẫu và làm mẹ thể xác, nhưng chúng mở rộng tới tất cả những ai được người phụ nữ tiếp xúc.

Vì vậy, linh hồn người phụ nữ phải *rộng mở*, cởi mở với tất cả mọi người; nó phải *yên tĩnh* để không có ngọn lửa nhỏ yếu ớt nào bị gió bão dập tắt; *ám áp* để không làm những mầm nụ mong manh tê liệt; *rõ ràng*, để không con sâu nào trú ngụ được trong các góc tối và hốc tường tối tăm; *độc lập*, để không có cuộc xâm lăng nào từ bên ngoài có thể làm cho cuộc sống bên trong lâm nguy; *làm rộng chính mình*, để sự sống bên ngoài có thể có chỗ trong đó; cuối cùng, *làm chủ chính mình* và cả thân xác mình, để toàn bộ con người sẵn sàng đáp ứng mọi lời kêu gọi.

Đó là một hình ảnh lý tưởng của toàn bộ cấu trúc [gestalt] của linh hồn nữ giới. Linh hồn của người phụ nữ đầu tiên được đào tạo vì mục đích này, và linh hồn của Mẹ Thiên Chúa cũng được đào tạo như vậy. Nơi tất cả những phụ nữ khác kể từ cuộc Sa ngã, có một mầm mống phát triển như vậy, nhưng nó cần được chăm bón đặc biệt nếu không nó sẽ bị chết ngạt giữa đám cỏ dại mọc um tùm xung quanh nó.

Linh hồn người phụ nữ nên rộng mở; không có gì nhân bản nên xa lạ với nó. Rõ ràng, nó có thiên hướng tự nhiên muốn đạt được mục đích như vậy: xét trung bình, quan tâm chính của nó hướng đến con người và các mối tương quan giữa con người với nhau. Nhưng, nếu người ta để mặc bản năng tự nhiên cho chính nó, thì quan tâm này được phát biểu một cách độc lập đối với mục tiêu của nó. Thường thì mối quan tâm chủ yếu chỉ là sự tò mò, muốn được biết người ta và các hoàn cảnh của họ; đôi khi nó là sự tham lam thực sự muốn xâm nhập các phạm vi xa lạ. Nếu ta dung túng cho bản năng này, thì ta sẽ không giành được điều gì cho chính linh hồn đó hoặc cho các linh hồn khác. Có thể nói, nó ra khỏi chính nó, và mãi đứng ở bên ngoài nó. Nó tự đánh mất mình, mà không đem lại được điều gì cho người khác. Điều này quả không sinh ích chi, thậm chí còn gây hại nữa. Linh hồn người phụ nữ sẽ chỉ sinh ích nếu nó ra ngoài để *tìm kiếm* và mang về nhà *kho báu* ẩn giấu vốn nằm sâu trong linh hồn mỗi con người, và có thể làm phong phú thêm không những linh hồn họ mà còn cả các linh hồn khác nữa; và nó sẽ chỉ sinh ích nếu nó tìm kiếm và mang về *gánh nặng* ai cũng biết hoặc giấu ẩn vốn đang đè lên linh hồn mỗi con người. Chỉ những ai biết chiêm ngưỡng kính phục trước linh hồn con người mới tìm kiếm cách đó, cách biết rằng linh hồn con người là vương quốc của Thiên Chúa, biết rằng ta chỉ có thể đến gần họ khi được sai đến với họ. Nhưng bất cứ ai được sai đến đều sẽ tìm thấy điều mình đang tìm kiếm, và bất cứ ai được tìm kiếm như thế sẽ được tìm thấy và được cứu rỗi. Rồi linh hồn sẽ không đứng lại ở bên ngoài mà trái lại, sẽ mang chiến lợi phẩm về nhà; và không gian của nó hẳn sẽ mở rộng để có thể tiếp nhận những gì nó mang về.

Linh hồn phải *tĩnh lặng*, vì sự sống mà nó phải bảo vệ, rất e lệ và ăn nói nhỏ nhẹ; nếu chính linh hồn lại xao động, nó sẽ không nghe thấy sự sống này, một sự sống chẳng bao lâu sau sẽ hoàn toàn bật tiếng và biến mất khỏi linh hồn. Tôi tự hỏi liệu ta có thể nói rằng linh hồn phụ nữ được bản chất lên khuôn như vậy hay không? Thoạt nhìn, điều ngược lại có vẻ đúng. Linh hồn phụ nữ xao xáo náo động rất nhiều và rất mạnh mẽ; sự náo động này tự nó tạo ra nhiều ồn ào; và, thêm vào đó, linh hồn còn được thúc giục để bày tỏ sự náo động ấy ra. Tuy nhiên,

khả năng cho sự yên tĩnh này phải có đó; nếu không, nó không thể được thực hành một cách sâu sắc như hiện nay, xét cho ngay, bởi nhiều phụ nữ: những người phụ nữ này mà nơi họ người ta nương náu để tìm kiếm sự bình yên, và là những người có đôi tai dành cho những tiếng nói nhỏ nhẹ và khó nghe nhất.

Người phụ nữ sẽ thành công nếu các yêu cầu khác được đáp ứng: nếu linh hồn họ tự *làm trống rỗng mình và sống độc lập*. Thật vậy, khi cái tôi đầy kích động hoàn toàn không còn nữa, thì sẽ có chỗ và sự yên tĩnh để làm mình được người khác tri nhận. Nhưng không ai, cả đàn ông lẫn đàn bà, có thể tự làm cho mình được như vậy bởi một mình bản chất mà thôi. Lời kinh cô xưa của Đức đọc rằng, “Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, xin lấy con ra khỏi chính con và trao con hoàn toàn cho một mình Chúa”. Bản thân chúng ta không thể làm gì được; Thiên Chúa phải làm điều đó. Như vậy, nói chuyện với Người tự bản chất, vốn dễ dàng đối với người phụ nữ hơn là đối với đàn ông vì một ước muốn tự nhiên sống trong họ là trao mình hoàn toàn cho một ai đó. Khi họ đã một lần nhận ra rằng không ai khác ngoài Thiên Chúa có khả năng *tiếp nhận họ hoàn toàn* cho chính Người và quả là hành vi trộm cắp đầy tội lỗi đối với Thiên Chúa khi hiến mình hoàn toàn cho người khác ngoài Người ra, thì việc hiến mình như thế không còn khó khăn nữa và họ được giải thoát khỏi chính họ. Sau đó, điều cũng hiển nhiên đối với họ là được ở trong lâu đài của mình trong khi trước đây, họ phải hứng chịu những cơn bão vùi dập họ từ bên ngoài hết lần này đến lần khác; và trước đây, họ cũng đã đi vào thế giới để tìm kiếm thứ gì đó xa lạ có thể giải quyết cơn đói của mình. Bây giờ họ có tất cả những gì họ cần; họ vươn ra xa khi được sai đi và chỉ cời mở đối với điều họ cho phép. Họ là *nữ chủ nhân* của lâu đài này trong tư cách nữ tỳ của Chúa mình, và họ sẵn sàng làm nữ tỳ cho tất cả những ai mà Chúa mong muốn họ phục vụ. Nhưng, trên hết, điều này có nghĩa họ sẵn sàng đối với người được ban cho họ như một người có chủ quyền *hữu hình* trên họ—bất luận là người phối ngẫu của họ hoặc những người có thẩm quyền đối với họ cách này hay cách khác.

Linh hồn phụ nữ chắc chắn là *ám áp* tự bản chất, nhưng sự ám áp tự nhiên của nó rất hiếm khi liên tục. Nó tự làm nó hao mòn và hết hoạt động khi cần thiết nhất; hoặc nó được tăng cường bởi một tia lửa thành ngọn lửa phá hủy khi nó chỉ nên ám áp dịu dàng. Nhưng ở đây một lần nữa, điều đó chỉ có thể được trợ giúp khi, thay vì ngọn lửa trần gian, họ phải biết ngọn lửa trên trời. Khi ngọn lửa trên trời, tức tình yêu thần linh, đã thiêu rụi mọi chuyện ô uế, thì nó bùng cháy trong linh hồn như một ngọn lửa lạnh lẽo không những sưởi ấm mà còn chiếu sáng; lúc đó, tất cả đều sáng láng, tinh khiết và *rõ ràng*. Thật vậy, sự rõ ràng cũng không tự biểu hiện như do bản chất ban cho. Ngược lại, linh hồn phụ nữ xuất hiện mờ mịt và tăm tối, mờ đục đối với chính họ và đối với người khác. Chỉ có ánh sáng thần linh mới làm cho nó rõ ràng và sáng sủa.

Do đó, mọi điều đều dẫn đến kết luận này: người phụ nữ chỉ có thể trở thành điều mà họ nên là phù hợp với ơn gọi chính yếu của họ khi việc đào tạo nhờ ân sủng đồng hành với việc đào tạo tự nhiên ở bên trong. Do đó, giáo dục tôn giáo phải là cốt lõi của việc giáo dục mọi phụ nữ.

### III. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH THỨC

Chúng ta thấy có thể có việc các chức năng đào tạo bên trong cần sự trợ giúp của các chức năng bên ngoài; thực vậy, đó là giả thuyết của mọi nền giáo dục. Nền giáo dục chính thức làm tăng tiên sự phát triển các *cơ năng* thể chất và trí thức nhất định, và nó tạo ra chất liệu giáo dục thích hợp. Cả hai làm việc rộng dài với nhau. Các chức năng được huấn luyện cần có để tiếp nhận các chất liệu; mặt khác, những chức năng này chỉ có thể được huấn luyện

bằng các chất liệu. Việc bàn tới cơ thể đương nhiên thuộc về một lý thuyết tổng thể trong ngành giáo dục phụ nữ. Tôi xin để nó cho các chuyên gia diễn dịch các công trình giáo dục tự nhiên do giải phẫu học và sinh lý học cung cấp; Tôi chỉ muốn bàn đến khía cạnh giáo dục liên quan đến linh hồn. Linh hồn cần những chất liệu nào cho việc phát triển của nó? Nó phải nhận được một điều gì đó vào chính nó để phát triển. Và, như chúng ta đã thấy, chỉ những gì linh hồn nhận được từ bên trong mới có thể trở thành một phần cấu thành nó để chúng ta có thể nói đến việc phát triển và đào tạo; những gì được giác quan và trí hiểu tiếp nhận vẫn là một sở hữu ở bên ngoài (5). Chúng ta gọi các phẩm tính [qualities] là những đối tượng có một điều gì đó bên trong chính chúng làm chúng thích đáng để được tiếp nhận vào bên trong linh hồn; chúng ta gọi điều gì này là giá trị.



Một khao khát tự nhiên đặc biệt mạnh mẽ muốn có những giá trị nuôi dưỡng tinh thần như vậy sống trong linh hồn người phụ nữ. Họ có thiên hướng yêu thích cái đẹp, được gọi hứng bởi những điều được đề cao về mặt luân lý; nhưng, trên hết, họ luôn cởi mở với những giá trị trần thế cao nhất, những giá trị không thể diễn tả vẫn nằm trong bản chất của chính linh hồn. Do đó, chắc chắn là hợp pháp khi các môn học đào tạo về cảm xúc - văn chương, nghệ thuật, lịch sử - chiếm một vị trí quan trọng trong nền giáo dục các thiếu nữ cho đến vài năm gần đây. Tôi khá tin rằng, trong thời kỳ trước đây, ít nhất những cô gái có năng khiếu hơn của kiểu trường hay bị chế giễu là “Höheren Töchterschule” (Trường Cao đẳng Nữ) (6) đã được hưởng một phần khá lớn của nền giáo dục hữu hiệu.

Tuy nhiên, sự kiện chất liệu đào tạo về cảm xúc được tiếp nhận một cách chung chung là điều ít quan trọng; chất liệu như thế phải được thẩm hóa một cách thích đáng mới có thể góp phần vào việc đào tạo. Có một quy luật qui định việc đào tạo này - luật lý trí. Vị trí liên hệ trong linh hồn cần nhường chỗ một cách hợp lý cho các giá trị và phẩm tính tương ứng với cấu trúc của thế giới bên ngoài và sự phát triển từ từ các giá trị và phẩm tính này. Để linh hồn được đào tạo đúng đắn và không bị đào tạo sai, nó phải có khả năng so sánh và phân biệt, cân đo đong đếm. Nó không nên thấm nhiễm một sự nhiệt tình khả nghi; không nên bị cuồng tín tràn ngập; và nó phải đạt được nhận thức tinh tế và khả năng phán đoán nhạy bén.

Một trí hiểu phát triển đầy đủ cần thiết đối với mục đích trên. Ngay cả khi hoạt động tri thức trừu tượng xét chung ít phù hợp với phụ nữ hơn, trí hiểu vẫn có tính chủ chốt cho lĩnh vực tâm trí; nó là con mắt của tâm trí, và qua nó, ánh sáng xuyên vào bóng tối của linh hồn. Trong diễn văn tại Graz của mình về Sứ mệnh Phụ nữ, Oda Schneider nói rằng phụ nữ chỉ cần sống là đủ và không cần dài dòng hỏi “điều gì” và “mục đích gì”. Nhưng nói như thế tiềm ẩn một nguy cơ sai lầm, mất mục đích và mục tiêu. Tầm quan trọng của quyền kiểm soát nam tính đã được làm sáng tỏ trong bài diễn văn đó. Nhưng điều đó không nên có nghĩa là từ bỏ phán đoán của mình để ngã về sự phụ thuộc. Trí hiểu có thể và phải được thúc đẩy để hành động vì tất cả những gì chắc chắn đều có ở đó. Nó không thể, bất cứ cách nào, trở nên minh mẫn và nhạy bén đủ. Nhưng, tất nhiên, không nên gia tăng việc phát triển trí hiểu mà gây hại cho việc

tinh tế hóa xúc cảm. Điều đó có nghĩa là biến phương tiện thành cùng đích. Điểm chính là không nhận vào chương trình giảng dạy *mọi điều* đáng khuyến nghị như là việc huấn luyện trí hiểu thuần túy. Ngược lại, nó đáng khuyến khích nếu chịu khó đạt được kết quả tối đa với chi phí tối thiểu để vẫn còn cơ hội lớn nhất có thể cho các cải tiến chất liệu.

Hơn nữa, người ta phải nhớ rằng không chỉ có hiểu biết lý thuyết mà còn có hiểu biết thực hành mới đối đầu với những nhiệm vụ đa dạng nhất của cuộc sống hàng ngày. Trước hết, việc đào tạo khả năng này có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống sau này; và nó được đào tạo qua việc thực hành các nhiệm vụ cụ thể, không phải chỉ các vấn đề lý thuyết mà thôi. Nó phù hợp với bản chất của người phụ nữ hơn vì họ thực sự có xu hướng ngã về điều cụ thể hơn là điều trừu tượng. Và cùng với việc đào tạo này, nên đào tạo ý chí mà từ đó những thành tựu liên tục được yêu cầu: lựa chọn, phán đoán, từ bỏ, hy sinh, v.v. Và việc huấn luyện trí hiểu thực tiễn cũng là điều cần thiết để nuôi dưỡng các cảm xúc đúng đắn. Chỉ nơi nào xác tín và ý định được chuyên thành hành động một cách thành công, nó mới có thể chứng tỏ liệu sự nhiệt tình có chính đáng hay không, liệu những điều cao hơn có thực sự được ưa thích hơn những điều thấp hơn hay không. Cuối cùng, bản chất con người không chỉ được điều hướng tới việc tiếp nhận mà còn hướng tới việc hành động bằng cách lên khuôn thể giới bên ngoài.

Vì lý do đó, một phần thiết yếu của diễn trình giáo dục là kích hoạt các khả năng thực tế và sáng tạo của người ta. Và các khả năng thực tế trong cuộc sống được yêu cầu nơi đa số phụ nữ. Chỉ khi nào chúng ta cho phép họ hành động ngay trong thời gian đi học thì chúng ta mới nuôi dưỡng được những người phụ nữ thực tế, có khả năng, nghị lực, quyết tâm và hy sinh.

Một số điểm tham chiếu căn bản cho một *kế hoạch giáo dục hiện nay* xuất hiện như được đòi hỏi bởi bản chất và ơn gọi của người phụ nữ. Người ta sẽ phải hoàn toàn thoát khỏi quan niệm cho rằng việc học ở trường phải cung cấp một bản tóm lược mọi lĩnh vực kiến thức của thời đại chúng ta. Ngược lại, người ta nên cố gắng đào tạo những người đủ thông minh và đủ khả năng để làm quen với bất cứ lĩnh vực kiến thức nào sẽ trở nên quan trọng đối với họ. Đó là lý do tại sao chủ đề trong điều gọi là *các khoa học chính xác* nên được giới hạn rất nhiều, cũng như thời gian dành cho việc học ngoại ngữ của các trẻ em có ít tài năng ngôn ngữ. Tâm trí phải được tạo cơ hội thỏa đáng để nó tự vận hành. Muốn vậy, hoạt động trừu tượng không thể nào thiếu được. Vì mục đích này, tùy thuộc vào tài năng, người ta nên tham khảo các tác phẩm cổ điển hoặc toán học nhiều hơn. Trong mọi trường hợp, các thao tác thực hành của tâm trí nên được đặt bên cạnh các thao tác trừu tượng, tri thức.

Dạy cho các thiếu nữ biết và hiểu thể giới và con người cũng như học cách liên kết với những thực tại này, nên được coi là nhiệm vụ thiết yếu của nhà trường. Chúng ta đã hiểu rõ một cách đầy ấn tượng rằng mối tương quan đúng đắn với các tạo vật đồng loại của chúng ta chỉ khả hữu bên trong khuôn khổ mối tương quan đúng đắn với Đấng Sáng tạo.

Vì vậy, chúng ta trở lại khái niệm cho rằng giáo dục tôn giáo là thành tố quan trọng nhất của giáo dục. Nhiệm vụ cấp bách nhất là mở con đường dẫn đưa trẻ tới Thiên Chúa. Vì vậy, chúng ta cũng có thể nói rằng để được đào tạo về mặt tôn giáo, người ta phải có đức *tin sống động*. Có đức tin sống động có nghĩa là nhận biết Thiên Chúa, yêu mến Người và phụng sự Người.

Ai nhận biết Thiên Chúa (theo mức trong đó sự hiểu biết về Thiên Chúa có thể có được nhờ ánh sáng tự nhiên và siêu nhiên) không thể làm gì khác hơn là yêu mến Người; ai yêu mến Người không thể làm gì khác hơn là phụng sự Người. Vì vậy, các vấn đề về trí óc và trái tim, thành tựu và hành động của ý chí đều là đức tin sống động. Người biết cách đánh thức đức tin



sẽ huấn luyện mọi khả năng. Nhưng người ta chỉ đánh thức được đức tin nếu đồng thời vận dụng được mọi khả năng. Điều này không thể thực hiện được qua sự dạy dỗ tri thức tẻ nhạt, mà nó cũng không thể thực hiện được qua sự dạy dỗ cuồng tín “lôi cuốn các cảm xúc”; trái lại, điều này chỉ có thể thực hiện được qua việc dạy dỗ tôn giáo dẫn từ sự sung mãn của đời sống tôn giáo của họ đến những chiều sâu của Thiên tính, một sự dạy dỗ biết trình bày Thiên Chúa trong lòng nhân từ của Người; một sự dạy dỗ như vậy khơi dậy tình yêu và đòi hỏi phải chứng tỏ bằng hành động, và nó có thể thách thức vì người ta đạt được điều này bởi chính họ. Bất cứ nơi nào linh hồn được kích thích, nó đều khao khát được hành động; và nó hăng hái nắm bắt những hình thức sống thực tế mà Thiên Chúa và Giáo Hội Thánh đã cung cấp: tham dự vào Hy Tế Thánh Lễ, một sự tham dự hoàn tất hy lễ thánh như một của lễ kết hợp với Chúa Thánh Thần, lời ngợi khen hân hoan dâng lên Thiên Chúa, và mọi công việc của tình yêu trong đó Chúa Kitô được phục vụ trong các chi thể của Nhiệm Thể Người. Do đó, trọn sự phong phú của thế giới siêu nhiên của tinh thần được mở ra cho linh hồn, và một sự phong phú bất tận chất liệu đào tạo đi vào trong đó có khả năng xây dựng và biến đổi nó.

#### IV. THÁCH THỨC CỦA HIỆN TẠI — CON ĐƯỜNG ĐỂ THỂ HIỆN THỰC TIỄN

Làm thế nào chúng ta có thể tổ chức một cơ sở giáo dục, trong đó mọi người sống với Chúa và nhân loại, trong đó họ làm việc cho Chúa và nhân loại? Một tổ chức như vậy phải dựa trên tất cả sự hiểu biết về bản chất và ơn gọi của người phụ nữ như tôi đã trình bày.

Nhưng tôi tin rằng điều này phải được xem xét từ một góc độ hoàn toàn khác. *Thời của chúng ta đòi hỏi gì ở phụ nữ?* Trước hết, nó đòi hỏi phần lớn trong số họ phải tự kiếm sống lấy. Điều hợp lý là mong những người quản lý một hộ gia đình thực hiện nó một cách hợp lý và hỗ trợ điều kiện chung của nền kinh tế, điều này mời gọi họ đóng góp (với tư cách là những người vợ và người mẹ) vào việc phục hồi đạo đức của người dân. Người ta mong rằng họ dọn đường vào thiên đàng. Điều đó có nghĩa đòi người phụ nữ phải có kiến thức sống, sự khôn ngoan và khả năng thực tiễn; những người phụ nữ kiên định về mặt đạo đức, những người phụ nữ có đời sống bám rễ chắc chắn vào Thiên Chúa. Làm thế nào tất cả những điều này có thể có được nếu nền tảng cho mục đích này không được đặt ngay lúc còn trẻ?

Không thiếu những sáng kiến theo hướng này. Các viên chức đã phần lớn áp dụng các phương pháp nền tảng của sự phạm cải cách: họ yêu cầu *sự giảng dạy có tính giáo dục* và *"Selbsttätigkeit" [cố gắng bản thân]* (7). Người ta đã bắt đầu sắp xếp một lối dạy mới tại các trường tiểu học ở Bavaria nhằm cải thiện kế hoạch giảng dạy hiện nay: tại Phổ [Prussia] trong những năm gần đây, người ta đã quan tâm để các trường trung học dành cho giáo viên và học sinh nhiều tự do hơn. Nhưng tựu chung, phải nói rằng có những trở ngại khó khăn như chương trình học quá nặng nề và hệ thống thi cử cũng như phát bằng cấp quá kéo dài. Tôi tin rằng một cuộc cải tổ tổng quát hệ thống giáo dục chỉ có thể được thực hiện song song với một việc ra quy luật có hệ thống cho hệ thống hướng nghiệp. Và đối với tôi, một việc kiểm soát như vậy dường như là một nhu cầu khẩn thiết cho thời điểm hiện tại, một nhu cầu còn cấp bách hơn cả việc cải tổ giáo dục: ngày nay, một số lớn người dân do dự trước việc chọn nghề của họ và không biết phải đến nơi nào để hỏi han liên quan đến việc lựa chọn này, và hầu như không ai có thể đưa ra lời tư vấn. Chúng ta được cảnh báo rằng nhiều nghề đang quá đông người chọn. Ngoài ra, có nhiều đòi hỏi lý thuyết liên quan đến việc đào tạo các nghề chủ yếu có tính thực tiễn đến nỗi nhiều người có kỹ năng thực tiễn cũng bị loại trừ.

Như bước đầu tiên trong việc tìm ra giải pháp cho tình trạng này, cần có số liệu thống kê tổng quát về hướng nghiệp: điều này đồng thời sẽ cho biết đích xác nhu cầu lớn như thế nào đối với từng nghề nghiệp và do đó sẽ kiểm soát được tin đồn không thể biện minh được về tình

trạng quá đông. Như thế, việc huấn luyện hướng nghiệp cần được phát triển phù hợp với các đòi hỏi thực tế của các nghề; nó không nên chịu ảnh hưởng của những quan điểm hoàn toàn không liên quan — thí dụ, mong muốn của các viên chức hạn chế số lượng ứng viên bằng các điều khoản tuyển sinh khó khăn nhất, hoặc tính phù phiếm của một số lớp dạy nghề muốn duy trì sự bình đẳng trong diễn trình đào tạo ngay cả khi các yêu cầu thực sự không đòi hỏi như thế.

Do đó, sẽ thích hợp hơn nếu chuẩn bị một cách có hệ thống cho hệ thống trường hướng nghiệp trong các định chế dành cho người trẻ bao lâu các định chế này có thể quan sát và phân biệt học sinh theo năng khiếu cá nhân của họ; năng khiếu nghề nghiệp sẽ được bộc lộ sớm và từ đó tạo cơ sở cho việc lựa chọn và hướng nghiệp phù hợp. Một vấn đề giáo dục nữa có thể cần bàn liên quan đến các trường hướng nghiệp dành cho những người có những dấu chỉ sớm.

Tại các trung tâm giáo dục này, sự tự do và linh hoạt trong công việc tự nhiên sẽ được cần đến. Điều tôi nghĩ đến là một loại hệ thống Montessori sẽ được tiến hành từ giai đoạn tuổi thơ sớm nhất cho đến tuổi ở ngưỡng cửa trường dạy nghề.

Chương trình giảng dạy cốt lõi trong các trường nữ phải là loại giáo dục tổng quát được quy định bởi bản chất và thiên hướng của phụ nữ: một nền giáo dục tôn giáo căn bản phù hợp với từng cấp độ tuổi; đồng thời huấn luyện kỹ năng nội trợ, lập ngân sách, chăm sóc trẻ em và thiếu niên, các vấn đề chính trị - xã hội. Tất cả những điều này không nên thuần túy lý thuyết, mà đồng thời phải vừa lý thuyết vừa thực hành, và tất nhiên, không phải qua các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm mà qua việc giải quyết thực sự các nhiệm vụ có thực, dù nhỏ hơn và khiêm tốn hơn. Liên hệ đến điều này sẽ là các lĩnh vực tri thức thuần túy; ở đây sự phân chia sẽ tùy thuộc năng khiếu và thiên hướng của từng cá nhân, và việc chuyên tiếp vào trường dạy nghề sẽ được chuẩn bị.

Việc chuyển từ một định chế giáo dục tổng quát qua một trường dạy nghề đối với tôi là bình thường và đáng mong muốn. Trước hết, việc chuẩn bị học nghề sẽ là một nhu cầu kinh tế cần thiết trong một thời gian dài. Thứ hai, đối với tôi, có vẻ như nó cũng có lợi cho việc đào tạo nhân cách. Năng lực và nghị lực cá nhân của người trưởng thành luôn phấn đấu hướng tới hiệu quả thiết thực và việc thủ diễn có khả năng. Chỉ trong một số rất ít trường hợp, đời sống gia đình mới có chỗ cho việc đào tạo căn bản này. Ngoài ra, nó còn là một yêu cầu có tính xã hội nữa. Nghề nghiệp là nơi mà cá nhân được sáp nhập vào cộng đồng hoặc vào chức năng mà họ phải hoàn thành trong cơ cấu cộng đồng. Nhiệm vụ độc đáo của người phụ nữ lao động là kết hợp ơn gọi nữ giới của họ với ơn gọi hướng nghiệp của họ và, nhờ sự kết hợp này, họ đem một phẩm chất nữ giới cho ơn gọi hướng nghiệp của họ.

Đương nhiên, không thể tiến hành dễ dàng một sự biến đổi học đường như vậy. Trước hết, vì có thể thiếu một lực lượng giảng dạy thích hợp. Thứ hai, bất cứ rắc rối chớm nở nào trong một hệ thống mới cũng có thể xuất hiện nhanh như bệnh dịch trên phạm vi khắp nước, và điều đó có thể gây hại đến mức người ta phải tiếc nuối “những ngày xưa tốt đẹp” và từ bỏ các nguyên tắc lành mạnh.

Tất cả các biện pháp cải cách trước hết phải được thử nghiệm ở quy mô nhỏ; thực vậy, một số đã được thử nghiệm bởi các nhà cải cách được cảm hứng trong các trường thực nghiệm tư nhân hoặc công lập trước khi chúng chính thức được giới thiệu hoặc đặt hàng để hiện thực hóa tổng quát.

Vì vậy, xem ra sẽ là một khởi đầu đáng mong ước cho một cuộc cải cách giáo dục phụ nữ nếu người ta có thể tìm được một số phụ nữ Công Giáo kiên quyết để xây dựng một ngôi trường như vậy, những phụ nữ bám rễ vững chắc trong đức tin, được trau dồi về sự phạm căn bản; nhưng, trên hết, phải là các phụ nữ đã quen thuộc với tất cả các phương pháp làm việc hiện đại. Tất nhiên, cũng liên quan đến vấn đề này sẽ là một nhóm các bậc cha mẹ đủ can đảm và tin tưởng trong việc giao phó con cái của họ cho ngôi trường này, và một nhóm các nhà bảo trợ để tài trợ cho nó. Tạm thời, tôi chỉ mong muốn các viên chức tạo phạm vi cho khái niệm giáo dục mới qua việc giảm bớt chủ đề giảng dạy và quyền tự do hành động của các nhà giáo. Hơn nữa, tôi mong muốn hệ thống thi cử và phát bằng cấp được sửa đổi từ nền tảng và có một sự sắp xếp mới cho toàn bộ hệ thống hướng nghiệp.

Trong phần trình bày này, tôi đã, một cách ý thức và cố ý, đặt việc giáo dục phụ nữ vào vị trí trung tâm. Người ta cũng đã nhấn mạnh rằng phụ nữ cũng như nam giới là *những cá nhân* mà cá tính của họ phải được xem xét trong công việc giáo dục. Tuy nhiên, để tránh hiểu lầm, điều có lẽ không thừa là nhấn mạnh rằng phụ nữ và nam giới đều có một mục tiêu giáo dục chung là *những con người nhân bản*: “Các con phải hoàn thiện như Cha các con ở trên trời là Đấng hoàn thiện”. Mục tiêu giáo dục này thể hiện một cách tổng thể hữu hình trước mắt chúng ta trong con người của Chúa Giêsu Kitô. Mục tiêu của mọi người là trở nên giống như Người. Được đào tạo như thế qua chính Chúa Giêsu Kitô là con đường dành cho tất cả chúng ta, với tư cách là những chi thể nối kết với Người như là đầu. Nhưng chất liệu căn bản thì đa dạng. Thiên Chúa đã tạo ra loài người như là nam và nữ, và Người đã giao cho mỗi người những nhiệm vụ đặc thù trong nhân loại. Bản chất nam giới và nữ giới bị thoái hóa vì cuộc Sa Ngã. Họ có thể được giải thoát khỏi đồng xỉ rét [slag] này trong lò lửa của vị lên khuôn thần linh. Và bất cứ ai phó mình một cách vô điều kiện cho sự đào tạo này, không những bản chất trong sáng được phục hồi nơi họ mà người này còn sẽ phát triển vượt quá bản chất họ và trở thành một *Chúa Kitô khác*, trong đó, các rào cản đã được loại bỏ và các giá trị tích cực của bản chất nam giới và nữ giới được hợp nhất. Nhưng tất cả các công việc tự nhiên phải tiến hành từ nền tảng tự nhiên.



*St. Lioba, ngày 12 tháng 1 năm 1932 (8)*

Trong bài nói chuyện mà tôi đã thuyết trình vào tháng 11 năm 1930 tại Berndorf liên quan đến các nền tảng của việc giáo dục phụ nữ, tôi đã cố gắng vẽ nên bức tranh của linh hồn phụ nữ vì nó sẽ tương ứng với ơn gọi vĩnh cửu của người phụ nữ, và tôi đã gọi các thuộc tính của nó là *cởi mở chan hòa*(expansive), *yên tĩnh, tự làm trống rỗng mình, ấm áp và rõ ràng*. Bây giờ tôi được yêu cầu nói vài điều về việc làm thế nào để ta có thể sở hữu những phẩm tính này.

Tôi tin rằng đây không phải là vấn đề chúng ta có thể xử lý và sở đắc một cách cá thể tính đa

dạng của các thuộc tính khác nhau; đúng hơn ở đây chúng ta muốn hình dung ra toàn bộ trạng thái đơn nhất của linh hồn trong các thuộc tính này từ nhiều khía cạnh khác nhau. Chúng ta không thể đạt được trạng thái này bằng cách ước muốn nó, mà phải nhờ ân sủng để thực hiện nó. Những gì chúng ta có thể và phải làm là mở lòng đón nhận ân sủng; điều đó có nghĩa là từ bỏ hoàn toàn ý chí của chúng ta và giao phó nó cho thánh ý Thiên Chúa, đặt trọn linh hồn của chúng ta trong tay Thiên Chúa, sẵn sàng để được tiếp nhận và đào tạo.

Trở nên trống rỗng nhưng vẫn được kết nối chặt chẽ. Linh hồn được bản nhiên bổ sung nhiều cách đến nỗi điều này luôn thay thế điều kia, và linh hồn luôn bị kích động, đôi khi bị xáo trộn và náo động.

Các nhiệm vụ và lo lắng trong ngày đổ xô đến khi chúng ta vừa thức dậy vào buổi sáng (nếu chúng chưa xua tan giấc ngủ ban đêm của chúng ta). Câu hỏi khó chịu lúc này là: Làm thế nào giải quyết được tất cả những điều này trong một ngày? Khi nào tôi phải làm điều này, khi nào phải làm điều kia? Tôi sẽ bắt đầu làm điều này và điều kia ra sao? Bị giao động như vậy, chúng ta chỉ biết chạy loanh quanh và lao tới lao lui. Lúc đó, dĩ nhiên chúng ta phải hãm đà dừng lại mà nói, “Từ từ thôi bạn! Không để bất cứ điều nào trong số này đụng vào tôi lúc này. Giờ đầu tiên vào buổi sáng của tôi phải thuộc về Chúa. Tôi sẽ giải quyết công việc trong ngày mà Người đã giao cho tôi, và Người sẽ ban cho tôi sức mạnh để hoàn thành nó”.

Như thế, tôi sẽ đến bàn thờ Chúa. Ở đây, vấn đề không phải là về những việc nhỏ nhặt, phút giây của tôi, mà là về lời đề nghị hòa giải vĩ đại. Tôi có thể tham gia vào việc này, thanh tẩy bản thân và được hạnh phúc, và đặt mình với tất cả những việc làm và những rắc rối của tôi cùng với của lễ trên bàn thờ. Và khi Chúa đến với tôi trong lúc Rước lễ, lúc đó tôi có thể hỏi Người, "Lạy Chúa, Chúa muốn gì nơi con?" (Thánh Teresa). Và sau cuộc đối thoại trong im lặng này, tôi sẽ đi đến điều được tôi coi là nhiệm vụ tiếp theo của mình.

Tôi vẫn sẽ vui vẻ khi bước vào công việc trong ngày sau việc cử hành sáng nay: linh hồn tôi sẽ trống rỗng những điều vốn tấn công và đè nặng lên nó, nhưng nó sẽ tràn ngập niềm vui thánh thiện, lòng dũng cảm và nghị lực.

Bởi vì linh hồn tôi đã rời khỏi chính nó và đi vào sự sống thần linh, nó đã trở nên vĩ đại và mở thật rộng. Tình yêu bùng cháy trong nó như một ngọn lửa diêm tĩnh mà Chúa đã nhen nhóm, và thúc giục linh hồn tôi thể hiện tình yêu và thối bùng tình yêu nơi người khác: *Tình yêu bùng sáng cõi lòng cho tới khi vuron tới người lân cận* (“*flammescat igne caritas, accendat ardor proximos*”) (9) Và nó nhìn thấy rõ ràng phần tiếp theo của con đường trước mặt; nó không nhìn thấy xa lắm, nhưng nó biết rằng khi nó đến chỗ đường chân trời giao nhau, một viễn cảnh mới sẽ được mở ra.

Bây giờ bắt đầu việc làm trong ngày, có lẽ là nghề dạy học— bốn hoặc năm giờ, hết giờ này đến giờ khác. Điều đó có nghĩa ta phải tập trung vào đó. Chúng ta không thể đạt được điều mình muốn trong mỗi giờ, có lẽ không điều nào. Chúng ta phải đối mặt với sự mệt mỏi của chính mình, những gián đoạn không lường trước được, những thiếu sót của bọn trẻ, những sự bực tức, phần nộ, lo lắng đủ kiểu. Hoặc có lẽ đó là công việc văn phòng: cho và nhận với những vị giám sát và đồng nghiệp bất đồng, những đòi hỏi không hoàn thành, những lời trách móc vô cớ, sự nhỏ mọn của con người, có lẽ cả nỗi buồn khổ thuộc loại khác biệt nhất.

Bây giờ là giữa trưa. Chúng ta trở về nhà kiệt sức, tả tơi. Những bực tức mới có thể đang chờ đợi ở đó. Bây giờ sự tươi mát buổi sáng của linh hồn ở đâu rồi? Linh hồn lại muốn sôi sục và bão bùng: phần nộ, phiền muộn, hối hận. Và vẫn còn rất nhiều việc phải làm cho đến tối. Há

chúng ta không nên đi với nó ngay lập tức hay sao? Không, không nên trước khi bình tĩnh trở lại ít nhất là trong chốc lát. Mỗi người phải biết, hoặc cần phải biết mình có thể tìm được bình yên ở đâu và bằng cách nào. Cách tốt nhất, nếu có thể, là trút bỏ mọi lo lắng một lần nữa trong một thời gian ngắn trước Nhà tạm. Bất cứ ai không thể làm điều đó, nhưng cần để cơ thể được nghỉ ngơi, nên có một không gian để hít thở trong phòng riêng của mình. Và khi bắt cứ sự nghỉ ngơi bên ngoài nào cũng không thể có được, khi không có nơi nào để rút lui vào đó, nếu nhiệm vụ cấp bách không cho phép một giờ yên tĩnh, thì ít nhất họ cũng phải rút vào tận nội tâm mình chống lại tất cả những điều khác để nương náu trong Chúa. Người thực sự ở đó và có thể cung cấp cho chúng ta những gì chúng ta cần trong giây lát.

Phần còn lại trong ngày sẽ tiếp tục như thế, có lẽ trong sự mệt mỏi và vất vả cao độ, nhưng trong yên bình. Và khi màn đêm buông xuống, và việc nhìn lại cho thấy mọi điều đều là những chấp vá và phần lớn những gì người ta đã lên kế hoạch đều chưa hoàn thành, khi có quá nhiều điều khơi dậy sự xấu hổ và hối tiếc, thì chúng có thể nào hãy coi chúng như thế, đặt chúng trong tay Thiên Chúa và dâng nó lên cho Người. Nhờ cách này, chúng ta sẽ có thể nghỉ ngơi trong Người, thực sự là nghỉ ngơi, và bắt đầu một ngày mới như một cuộc sống mới.

Đó chỉ là một dấu hiệu nhỏ cho thấy ngày sống có thể thành hình ra sao để dành chỗ cho ân sủng của Thiên Chúa. Mỗi cá nhân sẽ biết cách tốt nhất để sử dụng việc này trong các hoàn cảnh đặc thù của mình. Nó cũng có thể cho biết thêm rằng Chúa Nhật phải là một cánh cửa tuyệt vời ra sao để qua đó đời sống thiên đàng có thể bước vào cuộc sống hàng ngày, và là sức mạnh ra sao cho việc làm của cả tuần, và các ngày đại lễ, ngày nghỉ và Mùa Chay, sống tinh thần của Giáo Hội, cho phép linh hồn trưởng thành hơn ra sao từ năm này qua năm nọ để được nghỉ ngơi trong ngày Sabát vĩnh viễn.

Bốn phận thiết yếu của mỗi cá nhân là xem xét cách mình phải định hình kế hoạch cho cuộc sống hàng ngày và hàng năm, theo xu hướng của mình và theo hoàn cảnh sống liên hệ của mình, để dọn đường cho Chúa. Việc phân công bên ngoài hẳn khác nhau đối với mỗi người, và nó cũng phải điều chỉnh một cách mềm dẻo với việc thay đổi của hoàn cảnh theo thời gian. Nhưng hoàn cảnh tâm hồn thay đổi với các cá nhân và từng cá nhân thuộc những thời đại khác nhau. Còn về những phương tiện thích hợp để mang lại sự kết hợp với Đấng vĩnh cửu, giữ cho nó sống động hoặc làm cho nó sống động trở lại — chẳng hạn như chiêm niệm, đọc sách thiêng liêng, tham gia phụng vụ, các buổi lễ bình dân, v.v. — những điều này không sinh hoa kết trái đối với mỗi người và mọi thời. Thí dụ, sự chiêm niệm không thể được thực hành bởi tất cả và luôn luôn theo cùng một cách.

Điều quan trọng đối với mỗi trường hợp là tìm ra cách hiệu quả nhất và làm cho nó có ích cho bản thân. Điều rất tốt là quý bạn lắng nghe lời khuyên của chuyên gia để biết mình thiếu điều gì, và điều này càng đặc biệt trước khi người ta thực hiện các biến thể của một sắp xếp đã được thử nghiệm.

## GHI CHÚ

(1) Đề tài này đầu tiên được trình bày trong một diễn văn trước Ủy Ban Giáo Dục Thường Trực của Liên Đoàn Phụ Nữ Công Giáo Đức, tại Berndorf am Rhein ngày 8 tháng 11 năm 1930. (Chú thích của các hiệu đính viên)

(2) Các ý niệm tiếp theo được đề cập một cách phần nào toàn diện hơn trong một giảng thuyết về ý niệm giáo dục. Bản văn của loạt giảng thuyết này được lồng trong Ganzheitliches

Leben, cuốn số XII của *Edith Steins Werke*. (Chú thích của các hiệu đính viên)

(3) Hạn từ “Gestalt” khi được dùng như một hạn từ tâm lý học có nhiều nghĩa; ở đây, có thể dịch là “hình thức” (form) hay “đặc tính” (character) (Chú thích của dịch giả bản tiếng Anh).

(4) Bài diễn văn ở Salzburg của tôi “Các Nguyên tắc của Các Chuyên nghề của Phụ nữ” có chứa các suy nghĩ bổ xung. Xin xem cuốn này các trang 43-57.

(5) Một lý thuyết về giá trị từng được minh xác và một giải thích liên hệ về việc tri nhận các giá trị là điều kiện tiên quyết chủ yếu đối với một lý thuyết giáo dục được biện minh và có tính triết học; điều này giải thích lý trí và linh hồn có vai trò gì trong việc tri nhận các giá trị và giải thích sự hợp tác của chúng.

(6) “Höheren Töchterschule” là các trung học dành cho các thiếu nữ (Chú thích của dịch giả bản tiếng Anh)

(7) Nghĩa đen, “Selbsttätigkeit” là việc tự sinh hoạt (self-activity) của người học, nhưng nó thuộc việc tự do chọn chương trình học hỏi và việc tự cai quản của sinh viên (Chú thích của dịch giả bản tiếng Anh).

(8) Nhờ khảo sát các di cảo văn chương, các tờ viết tay đã được khám phá, có chứa các suy nghĩ bổ xung cho bài thuyết giảng trên đây (Chú thích của các hiệu đính viên)

(9) Đây là câu trích từ bài thánh ca bằng tiếng Latinh kính Chúa Thánh Thần “Nunc Sancte Nobis Spiritus” được gán cho Thánh Ambrôsiô và dùng cho giờ kinh Terce (9:00 giờ sáng) quanh năm trong Sách nguyện Rôma. Dịch từng chữ: Hãy để đức ái bùng cháy thành lửa và lòng sốt mến nồng cháy người lân cận của chúng con (Chú thích của dịch giả bản tiếng Anh).